BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

PHAN THỊ CẨM VÂN

QUAN HỆ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ LIÊN BANG NGA - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2015

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

NGHỆ AN - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

PHAN THỊ CẨM VÂN

QUAN HỆ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ LIÊN BANG NGA - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2015

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Mã số: 9.22.90.11

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS. TS. VÕ KIM CƯƠNG

2. PGS. TS. BÙI VĂN HÀO

NGHỆ AN - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các kết quả nêu trong Luận án là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Nếu sai sót tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Nghiên cứu sinh

Phan Thị Cẩm Vân

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu 4
4. Nguồn tài liệu sử dụng trong luận án 5
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 5
6. Đóng góp của luận án 6
7. Bố cục của luận án 6
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU 7
1.1. Tình hình nghiên cứu của các học giả Việt Nam 7
1.1.1. Những công trình liên quan đến quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam 7
1.1.2. Những công trình nghiên cứu về quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam 10
1.2. Tình hình nghiên cứu của các học giả nước ngoài 18
1.2.1. Các học giả Nga 18
1.2.2. Các học giả một số nước khác 24
1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết 27
1.3.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu 27
1.3.2. Những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết 28
Chương 2. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ NGA - VIỆT NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2015 29
2.1. Nhân tố bên ngoài 29
2.1.1. Tình hình thế giới 29
2.1.2. Bối cảnh khu vực châu Á - Thái Bình Dương 34
2.2. Nhân tố bên trong 44
2.2.1. Tình hình kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại của Nga 44
2.2.2. Tình hình kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại của Việt Nam 51
2.3. Nhân tố lịch sử 56
2.3.1. Quan hệ Liên Xô - Việt Nam trước năm 1991 56
2.3.2. Quan hệ Nga - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2001 57
Tiểu kết chương 2 59

Chương 3. QUAN HỆ NGA - VIỆT NAM TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2015 61
3.1. Chính trị 61
3.1.1. Chính trị - ngoại giao 61
3.1.2. Chính trị - an ninh quốc phòng 76
3.2. Kinh tế 80
3.2.1. Thương mại 80
3.2.2. Đầu tư 90
3.2.3. Du lịch 99
Tiểu kết chương 3 102
Chương 4. NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ NGA - VIỆT NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2015 104
4.1. Thành tựu và hạn chế 104
4.1.1. Thành tựu và nguyên nhân 104
4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân 112
4.2. Những điểm nổi bật trong quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 121
4.3. Tác động của quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam 130
4.3.1. Đối với Nga 130
4.3.2. Đối với Việt Nam 134
4.3.3. Đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á 139
KẾT LUẬN 142
TÀI LIỆU THAM KHẢO 145
CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 160
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ SỬ DỤNG TRONG LUẬN ÁN

Trang

Bảng:

Bảng 3.1. Kim ngạch thương mại giữa Nga và Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 83

Bảng 3.2. Đầu tư của Nga vào Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 91

Biểu đồ:

Biểu đồ 3.1. Biểu đồ Kim ngạch thương mại giữa Nga và Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 87

Biểu đồ 3.2. Diễn biến khối lượng đầu tư của Nga tại Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 94

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

A. TIẾNG VIỆT

CA - TBD	Châu Á - Thái Bình Dương
CHDCND	Cộng hòa Dân chủ nhân dân
CHXHCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
CNTB	Chủ nghĩa tư bản
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
ĐCS	Đảng Cộng sản
ĐNA	Đông Nam Á
DCCH	Dân chủ cộng hòa
KNTM	Kim ngạch thương mại
MW	Megawat
Nxb	Nhà xuất bản
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTXVN	Thông tấn xã Việt Nam

B. TIẾNG ANH

APEC	Asia- Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn khu vực Đông Nam Á
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEM	Asia Europe Meeting	Diễn đàn hợp tác Á - Âu
EU	European Union	Liên minh châu Âu
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm nội địa
IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ quốc tế
ITAR- TASS		Hãng thông tin lớn nhất của Liên bang Nga
NATO	North Atlantic Treaty Organization	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương

ODA	Official Development Assistance	Hỗ trợ phát triển chính thức (hình thức đầu tư nước ngoài)
SNG	Sodrujestvo Nezavisimykh Gosudarstv	Cộng đồng Các quốc gia độc lập
USD	United States Dollar	Đô la Mỹ
WB	World Bank	Ngân hàng Thế giới
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại thế giới

C. TIẾNG NGA

АТР	Азиатско-Тихоокеанский Регион	Khu vực châu Á - Thái Bình Dương
ДРВ	Демократическая республика Вьетнам	Việt Nam Dân chủ cộng hòa
ГЭС	Гидроэлектростанция	Trạm thủy điện, nhà máy thủy điện
ЕС	Европейский Союз	Liên minh châu ÂU
ИДВ	Институт Дальнего Востока	Viện nghiên cứu Viễn Đông
КПВ	Комунистическая партия Вьетнама	Đảng Cộng sản Việt Nam
КПИК	Комунистическая партия Индокитая	Đảng Cộng sản Đông Dương
КПСС	Комунистическая партия Советского Саюза	Đảng Cộng sản Liên Xô
МГУ	Московский Государственный Университет	Đại học Tổng hợp quốc gia Moskva
МИД	Министерство Иностранных дел	Bộ Ngoại giao
ООН	Организация Объединённых наций	Tổ chức Liên Hợp Quốc
РАН	Российская Академия наук	Viện Hàn lâm khoa học Nga
РФ	Российская федерация	Liên bang Nga

РФССР	Российская Федеративная Советская Социалистическая Республика	Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viêt Liên bang Nga (thời kỳ thuộc Liên Xô)
РУДН	Российский Университет дружбы народов	Trường Đại học hữu nghị các dân tộc Nga
СНГ	Содружество независимых государств	Cộng đồng các quốc gia độc lập
СРВ	Социалистическая республика Вьетнам	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
СССР	Союз Советских Социалистических Республик	Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết (Liên Xô)
США	Соединённые Штаты Америки	Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (USA)
ЮВА	Юго-Восточная Азия	Đông Nam Á

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày 30/01/1950, Liên bang CHXHCN Xô Viết (gọi tắt là Liên Xô) đã công nhận và chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam DCCH. Sự kiện này đã đi vào lịch sử quan hệ song phương Nga - Việt Nam như một dấu mốc quan trọng, đặt nền móng cho tình hữu nghị bền chặt giữa hai dân tộc và quan hệ hợp tác sâu rộng, toàn diện giữa hai quốc gia. Trong 68 năm qua, quan hệ Liên Xô/Nga - Việt Nam tuy đã trải qua không ít thăng trầm, thay đổi trong lịch sử thế giới, lịch sử mỗi nước và trong mối quan hệ song phương, song mối quan hệ này đã ngày càng gắn bó, không ngừng phát triển.

Bước sang những năm đầu của thế kỷ XXI, cùng với sự biến động phức tạp của thế giới và khu vực, tình hình Nga và Việt Nam có sự thay đổi toàn diện. Đối với Nga, từ khi Tổng thống V. Putin lên cầm quyền (năm 2000), Nga đã có điều chỉnh lớn trong chính sách đối ngoại. Nga chủ trương mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới và thực hiện chính sách "Hướng Đông", ưu tiên hợp tác với các nước trong khu vực CA - TBD, trong đó chú ý đến các nước ở ĐNA, đặc biệt là Việt Nam. Trong kỳ họp thứ bảy của Ủy ban Liên Chính phủ Nga - Việt Nam (12/2000), Nga khẳng đinh *"Việt Nam là đối tác chiến lược của Nga, có vị trí quan trọng ở ĐNA và CA - TBD"*[137, tr.5]. Còn đối với Việt Nam, công cuộc *"Đổi mới"* do ĐCS Việt Nam khởi xướng tại Đại hội VI (12/1986) đang được đẩy mạnh và phát triển. Việt Nam tiếp tục tăng cường hội nhập khu vực và quốc tế trên tinh thần Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Cùng với việc bình thường hóa quan hệ với Mỹ, tăng cường quan hệ với nhiều nước, Việt Nam không ngừng củng cố và phát triển mối quan hệ truyền thống với các nước đã từng giúp đỡ Việt Nam trong quá khứ. Trong số đó, phải kể đến quan hệ hữu nghị Nga - Việt Nam. Việc củng cố và tăng cường mối quan hệ với Nga góp phần tạo dựng uy tín và vị thế đối ngoại của Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn, thuận lợi cho công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sự chuyển biến nội tại của mỗi nước, cùng với sự biến động phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, cả hai nước đều thực hiện đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa, và đều có nhu cầu phát triển mối quan hệ hợp tác lên tầm đối tác chiến lược. Trong chuyến thăm chính thức nước Nga vào 10/9/2000, Thủ tướng Phan Văn Khải cũng đã khẳng định *"Việt Nam luôn coi mối quan hệ với Liên bang Nga là một trong những định hướng ưu tiên chiến lược lâu dài trong đường lối đối ngoại của Việt Nam*" [12, tr.1].

Trên tinh thần đó, năm 2001, hai nước đã ký *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược*. Đây là mốc quan trọng, đánh dấu bước phát triển và tạo dựng khuôn khổ pháp lý mới cho quan hệ hợp tác song phương giữa Nga và Việt Nam trên cơ sở tin cậy, bình đẳng, lâu dài, vì lợi ích của hai nước, vì hoà bình ổn định ở khu vực và trên thế giới. Đến năm 2012, nhằm đưa quan hệ giữa hai nước phát triển hơn nữa, quan hệ Nga - Việt Nam đã được nâng cấp lên *đối tác chiến lược toàn diện*, đáp ứng nhu cầu hợp tác song phương trong thời kỳ mới.

Khi xây dựng và triển khai quan hệ đối tác chiến lược, Nga và Việt Nam, cũng như các đối tác khác, thường coi trọng hợp tác về chính trị, an ninh và kinh tế. Hơn nữa, trước diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực ĐNA, CA - TBD, sự cạnh tranh quyền lực của một số nước lớn tại khu vực, cùng với yêu cầu phát triển đất nước, cũng như phát triển quan hệ hợp tác song phương, việc thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác trên lĩnh vực chính trị, an ninh quốc phòng và kinh tế là tất yếu, đáp ứng những lợi ích thiết thực của mỗi nước. Trong các cuộc tiếp xúc, đối thoại thường niên, lãnh đạo cấp cao hai nước đã xác định việc phát triển hợp tác chính trị, an ninh quốc phòng và kinh tế trở thành nhiệm vụ then chốt, được ưu tiên hàng đầu trong quan hệ Nga - Việt Nam, vì hòa bình, ổn định, và phát triển. Khi lên cầm quyền, Tổng thống V. Putin đã nhấn mạnh: *"Chúng ta nhìn thấy châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển nhanh chóng như thế nào trong vài thập kỷ gần đây. Là một cường quốc Thái Bình Dương, Nga sẽ tận dụng đầy đủ tiềm năng to lớn này... Trong chuỗi lợi ích đó, kinh tế và an ninh được đẩy lên hàng đầu*" [174, tr.10].

Bên cạnh đó, sau một thời gian "gián đoạn", từ giữa những năm 90 của thế kỷ XX, hai nước nối lại quan hệ với nhau, thì mối quan hệ chính trị và kinh tế vẫn luôn chiếm vị trí ưu tiên đặc biệt. Hai nước đã có nhiều chuyến thăm cấp cao lẫn nhau, và ký kết nhiều văn bản thỏa thuận, thúc đẩy quan hệ hai nước tiếp tục phát triển, làm cho mối quan hệ Nga - Việt Nam ngày càng nồng ấm sau một vài năm trầm lắng. Đầu tư của Nga cũng đã có mặt trong những ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam như dầu khí, năng lượng, cơ khí, công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản… Theo đà phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của Nga và Việt Nam, việc tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế đáp ứng lợi ích thiết thực mang ý nghĩa chiến lược của mỗi nước. Tổng thống V. Putin đã khẳng định "*…một trong những nhiệm vụ then chốt là bằng mọi biện pháp cần tăng cường mối quan hệ hợp tác đầu tư và thương mại giữa hai nước…*"[15, tr.5]. Với Việt Nam, từng bước hội nhập vào kinh tế thế giới, xác định vai trò hoạt động của

kinh tế đối ngoại, coi đó là động lực để phát triển kinh tế quốc dân, *"Tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta"* [57, tr.198] và *"duy trì và mở rộng thị phần trên các thị trường quen thuộc, tranh thủ mọi cơ hội mở rộng thị trường mới"* [57, tr.200].

Thực tế cho thấy, bước sang thế kỷ XXI, quan hệ trên lĩnh vực chính trị và kinh tế giữa Nga - Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Hai bên thường xuyên có các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc đoàn các cấp để thông báo và bàn bạc về các vấn đề đa phương và song phương. Quan hệ chính trị phát triển đã thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa hai nước có nhiều chuyển biến tích cực. Nga và Việt Nam đã có hàng trăm dự án lớn, nhỏ đầu tư trực tiếp vào thị trường của nhau. Việt Nam là đối tác thương mại chủ yếu tại châu Á và là đối tác thứ hai trong ASEAN của Nga. Nhìn chung, kim ngạch thương mại song phương có bước phát triển nhanh hơn giai đoạn trước.

Xét trên nhiều phương diện, quan hệ chính trị Nga - Việt Nam chuyển biến theo chiều hướng tích cực không chỉ thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ kinh tế phát triển mà còn mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho sự phát triển toàn diện của hai nước, đồng thời tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi trong việc thực thi chính sách đối ngoại của cả hai bên. Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy rằng, quan hệ chính trị tốt đẹp và tin cậy như vậy, song kinh tế vẫn chưa phát huy tích cực tính hiệu quả để tương xứng với quan hệ chính trị, với tiềm năng và nguyện vọng của nhân dân hai nước. Chính vì thế, quan hệ chính trị, kinh tế giữa Nga và Việt Nam đòi hỏi cần được đẩy mạnh hơn nữa, nhằm đưa mối quan hệ này phát triển lên tầm cao mới.

Trước yêu cầu của thực tiễn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, cũng như nhu cầu củng cố và tăng cường quan hệ chính trị nói riêng và quan hệ toàn diện Nga - Việt Nam nói chung trong bối cảnh và điều kiện mới, việc nghiên cứu nội dung và thực trạng phát triển quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam là thực sự cần thiết, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, làm sáng tỏ thực chất sự vận động, phát triển, thấy được những mặt thuận lợi cũng như khó khăn, điểm nổi bật và tác động của mối quan hệ song phương trên lĩnh vực chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam. Từ đó khai thác lợi thế trong quan hệ quốc tế hiện nay, đóng góp phần nào vào việc điều chỉnh chính sách đối ngoại của hai nhà nước, khẳng định thêm sự cần thiết của việc tiếp tục củng cố và tăng cường, nâng cao hiệu quả quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia ở hiện tại và các giai đoạn tiếp theo.

Xuất phát từ những ý nghĩa khoa học và thực tiễn nêu trên, chúng tôi lựa chọn vấn đề: ***"Quan hệ chính trị, kinh tế Liên bang Nga - Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015"*** làm đề tài nghiên cứu luận án Tiến sĩ Lịch sử.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quan hệ chính trị và kinh tế giữa Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về thời gian:* Luận án nghiên cứu quan hệ chính trị và kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015. Sở dĩ chúng tôi chọn mốc năm 2001 làm mốc mở đầu nghiên cứu quan hệ Nga - Việt Nam trên lĩnh vực chính trị và kinh tế, vì đây là thời điểm hai nước ký kết *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược* nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Nga V. Putin ngày 28/02/2001. Với sự kiện này, quan hệ Nga - Việt Nam đã được nâng lên tầm cao mới, từ quan hệ hữu nghị truyền thống lên *quan hệ đối tác chiến lược*. Vì thế, đây là mốc quan trọng đánh dấu bước phát triển về chất trong quan hệ giữa Nga và Việt Nam. Còn năm 2015 được chọn làm mốc kết thúc vì đây là thời điểm tròn 65 năm, kể từ khi hai nước Liên Xô và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao.

Tuy nhiên, để có cái nhìn tổng thể và toàn diện, chúng tôi có đề cập một cách khái quát về quan hệ Nga - Việt Nam trước năm 2001.

- *Về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu quan hệ song phương giữa Nga và Việt Nam trên lĩnh vực chính trị (bao gồm chính trị - ngoại giao, chính trị - an ninh quốc phòng) và kinh tế (thương mại, đầu tư, du lịch).

- *Về tên gọi*: Quan hệ chính trị và kinh tế Nga - Việt Nam được hiểu một cách trọn vẹn là quan hệ giữa Liên bang Nga và CHXHCN Việt Nam trên lĩnh vực chính trị và kinh tế, tuy nhiên trong luận án, chúng tôi gọi tắt Liên bang Nga là Nga và CHXHCN Việt Nam là Việt Nam.

Ngoài phạm vi về thời gian và nội dung nêu trên, những vấn đề khác không thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án tập trung làm rõ thực trạng của quan hệ chính trị và kinh tế giữa Nga - Việt Nam trong mười lăm năm kể từ khi hai nước thiết lập *quan hệ đối tác chiến lược* năm 2001 đến năm 2015. Trên cơ sở đó, luận án đánh giá thực chất về thành tựu cũng như hạn chế, chỉ ra nguyên nhân dẫn đến những thành tựu và hạn chế đó, đồng thời rút ra những điểm nổi bật và tác động của quan hệ chính trị và kinh tế giữa Nga - Việt Nam đối với mỗi nước cũng như đối với khu vực ĐNA và CA - TBD.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản sau:

- Phân tích các nhân tố tác động đến quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015, bao gồm nhân tố bên ngoài, nhân tố bên trong và nhân tố lịch sử.

- Làm rõ thực trạng và nội dung của quan hệ hợp tác giữa Nga và Việt Nam trên lĩnh vực chính trị và kinh tế từ năm 2001 đến năm 2015.

- Trên cơ sở phân tích thực trạng quan hệ chính trị và kinh tế giữa Nga và Việt Nam, rút ra nhận xét khái quát về thành tựu, hạn chế, đồng thời chỉ rõ nguyên nhân của thành tựu, hạn chế, từ đó rút ra những điểm nổi bật của quan hệ chính trị, kinh tế giữa Nga và Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015, và phân tích tác động của mối quan hệ này đối với Nga, Việt Nam và khu vực CA - TBD, ĐNA.

4. Nguồn tài liệu sử dụng trong luận án

Nguồn tài liệu được sử dụng trong luận án bao gồm:

- Tài liệu gốc: Đây là nguồn tư liệu chính thống, cung cấp những thông tin có cơ sở, số liệu thống kê chính xác, đáng tin cậy, là căn cứ chân thực để chúng tôi tiếp cận nghiên cứu vấn đề này, bao gồm:

+ Văn kiện Đại hội ĐCS Việt Nam.

+ Các văn bản chính thức của hai Nhà nước về chính sách đối ngoại và liên quan đến quan hệ chính trị và kinh tế của Nga và Việt Nam như: các bản Tuyên bố chung, Hiệp định hợp tác, văn kiện ký kết, bài phát biểu nhân các chuyến thăm lẫn nhau giữa lãnh đạo cấp cao hai nước.

+ Nguồn tài liệu thống kê, lưu trữ chính thức của hai Nhà nước Nga và Việt Nam liên quan đến mối quan hệ song phương.

- Các công trình nghiên cứu dưới dạng sách, bài viết, luận văn, luận án... liên quan đến quan hệ chính trị và kinh tế Nga - Việt Nam của các học giả nước ngoài và trong nước đã được công bố, có giá trị tham khảo về thông tin, về quan điểm, phương pháp nghiên cứu và nhiều cách tiếp cận khác nhau.

- Các trang website chính thống trong và ngoài nước liên quan đến quan hệ chính trị và kinh tế Nga - Việt Nam có độ tin cậy cao.

Các nguồn tài liệu chủ yếu bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Nga.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Về mặt phương pháp luận, luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đối ngoại của ĐCS Việt Nam. Đặc biệt, luận án được nghiên

cứu dựa trên quan điểm nhất quán của ĐCS Việt Nam về mối quan hệ Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015, đó là mối quan hệ dựa trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, vì hòa bình, an ninh ở khu vực cũng như trên toàn thế giới.

- Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của luận án là phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic. Với các phương pháp này, quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam sẽ được tái hiện thông qua việc phân tích các sự kiện cụ thể, qua từng thời kỳ một cách logic và có tính liên kết. Ngoài ra, đây là một đề tài vừa mang tính lịch sử vừa là nghiên cứu về quan hệ quốc tế, cho nên trong quá trình thực hiện, tác giả luận án còn vận dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học liên ngành như: phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê, đối chiếu, so sánh và suy luận… đặc biệt là các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế để giải quyết những vấn đề khoa học đặt ra.

6. Đóng góp của luận án

Giải quyết được các nhiệm vụ đặt ra, luận án có những đóng góp sau:

- Luận án tái hiện một cách khách quan, khoa học, tương đối có hệ thống về quan hệ chính trị và kinh tế giữa Nga và Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015

- Trên cơ sở nghiên cứu mối quan hệ song phương Nga - Việt Nam trên lĩnh vực chính trị và kinh tế trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2015, bước đầu rút ra một số nhận xét về thành tựu, hạn chế, cũng như nguyên nhân dẫn tới thành tựu và hạn chế, từ đó nêu lên những điểm nổi bật và tác động của mối quan hệ này đối với mỗi nước và khu vực CA - TBD, ĐNA.

- Luận án góp phần bổ sung vào hệ thống tư liệu phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy lịch sử quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ chính trị và kinh tế Nga - Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI nói riêng.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án được trình bày trong 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Các nhân tố tác động đến quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015

Chương 3. Quan hệ Nga - Việt Nam trên lĩnh vực chính trị và kinh tế từ năm 2001 đến năm 2015

Chương 4. Nhận xét về quan hệ chính trị và kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu của các học giả Việt Nam

1.1.1. Những công trình liên quan đến quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam

1.1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về quan hệ Liên Xô - Việt Nam

Tuy quan hệ Liên Xô - Việt Nam không phải là vấn đề nghiên cứu chính của đề tài, song mối quan hệ truyền thống là một trong những nhân tố thúc đẩy quá trình củng cố và tăng cường quan hệ Nga - Việt Nam khi bước sang thế kỷ XXI. Trong quá trình xử lý tư liệu phục vụ cho việc thực hiện đề tài, chúng tôi đã tiếp cận một số công trình nghiên cứu về quan hệ Liên Xô - Việt Nam, trong đó phải kể đến các cuốn như: *"Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc chiến lược và tình cảm của chúng ta"* (1982) của tác giả Lê Duẩn [54]; cuốn *"Tượng đài hùng vĩ của tình hữu nghị Việt - Xô*" (1983) của tác giả Trường Chinh [48]; cuốn "*Tình hữu nghị Việt - Xô mãi mãi xanh tươi đời đời bền vững"* (1983) của tác giả Phạm Văn Đồng [60]… Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, cũng như tài liệu của Bộ Ngoại giao hai nước, các nhà nghiên cứu đã phân tích, luận giải những nội dung về quan hệ giữa Liên Xô và Việt Nam; về mối quan hệ giữa cách mạng Liên Xô với cách mạng Việt Nam... Đặc biệt, trong nhóm công trình này, có rất nhiều tác giả là những nhà lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam - những người vừa tham gia hoạch định, vừa là người chỉ đạo thực hiện đường lối đối ngoại của Việt Nam nói chung, và đường lối đối ngoại của Việt Nam đối với Liên Xô nói riêng, đồng thời cũng là những người đã từng tham gia trực tiếp, hay chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử quan trọng trong mối quan hệ Việt Nam - Liên Xô, như Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn, Trường Chinh… Các tác giả đã phân tích ảnh hưởng của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga đối với cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng, từ đó trình bày về chính sách đối ngoại của hai nước Liên Xô và Việt Nam đối với nhau trong thời kỳ này. Mặt khác, thông qua xác định chính sách đối ngoại của hai bên, các tác giả phân tích vai trò to lớn của Liên Xô đối với Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Tiếp đó, cuốn "*Về mối quan hệ giữa Việt Nam - Liên bang Nga trong giai đoạn hiện nay"* (1997) do Nguyễn Hữu Cát (chủ biên) [44] cũng là công trình đề cập đến sự phát triển quan hệ Nga - Việt Nam trước khi hai nước thiết lập *"quan hệ đối tác chiến*

lược". Trong đó, cuốn sách đã đề cập khá nhiều vấn đề như vị trí quốc tế và tình hình kinh tế, xã hội của Nga và Việt Nam sau khi Liên Xô tan rã, cũng như sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của hai nước nhằm ổn định và phát triển đất nước, đồng thời đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác Việt Nam - Nga lên tầm cao mới. Từ đó, các tác giả trình bày các thành tựu của quan hệ Việt Nam - Nga trong thập niên cuối thế kỷ XX, trong đó nổi bật là lĩnh vực chính trị và kinh tế. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng nêu ra những mặt thuận lợi, khó khăn và một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh, tăng cường quan hệ Việt Nam - Nga trong giai đoạn tiếp theo.

1.1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại

Thuộc nhóm công trình này có một số bài viết như: *"Nhìn lại 10 năm chính sách đối ngoại của Liên bang Nga và quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga những năm đầu thế kỷ XXI"* (2010) của tác giả Nguyễn An Hà đăng trong Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 3. Bài viết trình bày một số nét lớn trong chính sách đối ngoại của Nga, và phân tích thực trạng, triển vọng của quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga trong 10 năm đầu thế kỷ XXI. Theo tác giả, chính sách đối ngoại của Nga vào đầu thế kỷ XXI là nhằm đảm bảo an ninh quốc gia, tạo môi trường bên ngoài có lợi cho sự phát triển trong nước, xây dựng mối quan hệ hữu nghị với các nước khác [63, tr.14].

Tác giả Nguyễn Cảnh Toàn với bài *"Sự điều chỉnh chiến lược của Nga ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương"* (2012), công bố trên Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 11 [136]; Nguyễn Thị Mai Hoa với bài *"Sự trở lại Đông Nam Á của Liên bang Nga và tác động đối với Việt Nam"* (2013), đăng trong Tạp chí Lý luận Chính trị, số 4 [70]. Các bài viết đã trình bày một số nét lớn về chính sách đối ngoại của Liên bang Nga trong thập niên đầu thế kỷ XXI, trong đó có sự điều chỉnh chính sách ở khu vực CA - TBD và ĐNA. Theo nghiên cứu của các tác giả, CA - TBD và ĐNA là hai khu vực có vị trí quan trọng đối với sự phát triển thế và lực của Nga trong bối cảnh mới. Theo tác giả Nguyễn Cảnh Toàn *"Hướng sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương chính là một quá trình tự hoàn thiện chiến lược đối ngoại, nhằm đáp ứng nhu cầu tự thân của Nga, trong một khoảng thời gian lịch sử nhất định và luôn vận động, phát triển không ngừng để phù hợp với tình hình mới"* [136, tr.51]. Sự điều chỉnh chiến lược của Nga trở thành nhân tố tác động mạnh mẽ đến quan hệ Nga - Việt Nam khi bước sang thế kỷ mới.

Đặc biệt cuốn "*Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Mỹ và Nga đối với Việt Nam thời kỳ sau Chiến tranh lạnh"* (2016) của tác giả Bùi Thị Thảo, đã cung cấp một bức tranh khách quan, sinh động và tương đối toàn diện về tiến trình phát triển chính sách đối

ngoại của Nga đối với Việt Nam trong và sau Chiến tranh lạnh. Trên cơ sở phân tích chính sách của Liên Xô đối với Việt Nam thời kỳ 1945 - 1991 và chính sách của Nga đối với Việt Nam từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, tác giả đi sâu phân tích nguyên nhân, nội dung và hình thức sự điều chỉnh chính sách của Nga đối với Việt Nam: *từ chính sách "liên minh" của Liên Xô trong Chiến tranh lạnh đến chính sách "hợp tác" và "hợp tác toàn diện" của Nga sau Chiến tranh lạnh* [116, tr.240]. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra một số dự báo bước đầu về chính sách đối ngoại và quan hệ song phương Nga - Việt Nam trong tương lai. Bên cạnh đó, ở một góc độ nhất định, tác giả cũng nêu lên ý tưởng mong muốn lãnh đạo Việt Nam có những chính sách đối ngoại phù hợp với Nga trong bối cảnh bước vào thế kỷ XXI với những cơ hội và thách thức mới.

Về chính sách đối ngoại của Việt Nam, có thể điểm qua các công trình cơ bản như: cuốn *"Đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới"* (2005) do Phạm Văn Linh chủ biên [90]; cuốn *"Quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Việt Nam hiện nay"* (2007) của Trình Mưu, Nguyễn Hoàng Giáp [99]; Cuốn "*Đường lối, chính sách Đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới* (2011) của Phạm Bình Minh (chủ biên) [97]; cuốn "*Chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam (1986 - 2010)"* (2012) của Phạm Quang Minh [98]. Các công trình này đã phác họa những nét chính về chủ trương, đường lối, chính sách ngoại giao của Đảng Cộng sản Việt Nam và những thành tựu đạt được trong hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ. Đặc biệt, các tác giả đã cho thấy, trong chính sách đối ngoại, Đảng và nhà nước Việt Nam luôn thể hiện sự nhất quán, đó là luôn coi trọng và ưu tiên cao cho việc củng cố và phát triển quan hệ đối tác chiến lược với Nga. Đồng thời các tác giả đã rút ra những bài học kinh nghiệm trong hoạt động ngoại giao của nhà nước Việt Nam, nêu lên những thành công và một số mặt hạn chế trong quan hệ đối ngoại. Những bài học đó vừa có ý nghĩa về lý luận lại vừa có giá trị thực tiễn sâu sắc. Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động đối ngoại trên một số lĩnh vực, các tác giả cũng mạnh dạn đề xuất một số ý kiến về phương hướng, nhiệm vụ, nhằm nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại của Đảng và nhà nước Việt Nam.

Như vậy, tuy không trực tiếp nghiên cứu quan hệ Nga - Việt Nam trên lĩnh vực chính trị và kinh tế, nhưng thông qua việc tìm hiểu nhóm công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Nga và Việt Nam nói chung, cũng như chính sách của lãnh đạo hai nhà nước đối với nhau, chúng ta có thể nhận thức được mục tiêu cơ bản và định hướng đối ngoại của mỗi nước, đồng thời xác định được tầm quan trọng của mối quan hệ hữu

nghị hợp tác cùng có lợi của Nga và Việt Nam trong bối cảnh đầy phức tạp trên thế giới vào các thập niên đầu thế kỷ XXI. Từ đó, các cuộc viếng thăm, tiếp xúc, trao đổi giữa Nga và Việt Nam chính là những những bước đi nhằm cụ thể hóa đường lối chiến lược đã đề ra trong chính sách đối ngoại của hai nước. Mặt khác, những thành tựu đạt được trong quan hệ chính trị và kinh tế giữa Nga - Việt Nam chính là thành công của đường lối đối ngoại hai nước. Vì thế, nhóm công trình này cũng là nguồn tài liệu tham khảo bổ ích giúp chúng tôi trong quá trình thực hiện đề tài luận án.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam

1.1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu chung về quan hệ Nga - Việt Nam

Nhóm công trình này nghiên cứu một cách tổng thể mối quan hệ giữa Nga và Việt Nam, trong đó, các tác giả đã đề cập đến quan hệ trên lĩnh vực chính trị và kinh tế giữa hai nước. Trong số đó, phải kể đến cuốn "*Quan hệ Việt - Nga trong bối cảnh quốc tế mới*" (2005) của hai tác giả Võ Đại Lược, Lê Bộ Lĩnh [94]. Các tác giả mô tả quan hệ Nga - Việt Nam trên cơ sở phân tích ảnh hưởng của xu hướng gia tăng hợp tác kinh tế ở khu vực CA - TBD trong bối cảnh quốc tế mới và những thay đổi, chuyển biến về kinh tế, chính trị của Nga và Việt Nam thời kỳ hậu Xô Viết. Sau khi Liên Xô ran rã, quan hệ giữa hai nước Nga, Việt Nam đã trải qua giai đoạn trầm lắng. Thế nhưng, xuất phát từ lợi ích của cả hai bên, quan hệ Nga - Việt Nam đã nhanh chóng vượt ra khỏi giai đoạn trầm lắng ấy, và từng bước phục hồi rõ rệt vào những năm đầu của thế kỷ XXI. Điều đó được tác giả nhấn mạnh trên lĩnh vực kinh tế, nhất là kết quả bước đầu của việc thực hiện đường lối đổi mới ở Việt Nam. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra một số nhận xét và khuyến nghị nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác Nga - Việt Nam phát triển, vì lợi ích chung và của mỗi nước, góp phần vào sự phát triển, tiến bộ của khu vực và thế giới.

Cuốn "*Hợp tác chiến lược Việt - Nga: Những quan điểm, thực trạng và triển vọng*" (2008) của hai tác giả Vũ Đình Hòe và Nguyễn Hoàng Giáp (đồng chủ biên) [74]. Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cùng tên của tác giả, trong đó các tác giả phân tích các quan điểm, quan niệm về *đối tác chiến lược*, nội dung, yêu cầu và thực trạng quan hệ Nga - Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI. Đồng thời các tác giả cũng phân tích bối cảnh thế giới và khu vực chi phối, tác động mạnh mẽ đến sự phát triển quan hệ hai nước lên tầm chiến lược. Trong công trình này, các tác giả đã đi sâu phân tích hợp tác chiến lược Nga - Việt Nam ngày càng phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu với những thành tựu trên tất cả các lĩnh vực như chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh, văn hóa, khoa học - công nghệ, giáo dục…

đáp ứng lợi ích thiết thực của mỗi nước. Trong đó, lĩnh vực chính trị và kinh tế được tác giả đề cập đến với mức độ sâu hơn và dung lượng nhiều hơn. Tuy nhiên, các tác giả cũng đã nhận định, đánh giá quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt Nam phát triển chưa đồng đều, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển thực tế của mỗi nước. Ngoài ra, công trình này cũng bước đầu đề xuất một số kiến nghị nhằm thúc đẩy phát triển hợp tác chiến lược Nga - Việt Nam trong một số lĩnh vực như chính trị, kinh tế - thương mại, đầu tư... Nhìn chung, cuốn sách đã trình bày khá đầy đủ các vấn đề liên quan đến *quan hệ đối tác chiến lược* Nga - Việt Nam, trong đó có lĩnh vực chính trị và kinh tế, nhưng chỉ mới tập trung vào 6 năm đầu của thế kỷ XXI.

Quan hệ Nga - Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI còn được đề cập đến trong các bài viết của nhiều tác giả đăng trên các tạp chí chuyên ngành ở Việt Nam như: bài "*Về mối quan hệ Việt Nam - Liên Xô và Việt Nam - Nga hiện nay"* (2004) của tác giả Võ Kim Cương đăng trên trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1. Trong công trình này, tác giả trình bày quan hệ Việt Nam - Liên Xô và quan hệ Việt Nam - Nga dưới góc độ phân tích một cách tổng quan sự khác biệt về nội dung, tính chất, cơ sở pháp lý cũng như phạm vi hoạt động giữa Việt Nam với Liên Xô trước đây và với Nga hiện nay. Theo tác giả, quan hệ Việt Nam - Nga trong những năm đầu thế kỷ XXI, đã vượt qua những khó khăn, thử thách ban đầu, đạt được một số kết quả nhất định. Bên cạnh đó, tác giả cũng nhận xét về nhịp độ phát triển của quan hệ Nga - Việt Nam trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội chưa tương xứng với tiềm năng, nguyện vọng của nhân dân và sự phát triển của quan hệ chính trị - ngoại giao của cả hai phía. *"Song xét trên góc độ tổng thể, những thuận lợi vẫn là cơ bản, vẫn là sự bảo đảm cho việc củng cố và phát triển bền vững mối quan hệ Việt Nam - Nga trong thời gian tới"* [53, tr.26].

Tác giả Đinh Công Tuấn với bài "*Quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt Nam (từ tháng 3/2001 đến nay)"* (2010) công bố trên Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 3 [160]. Theo trình bày của tác giả, sau những năm trầm lắng, đổi thay của thời kỳ hậu Xô Viết, từ tháng 3/2001, quan hệ Nga - Việt Nam có bước phát triển mới về chất với việc thiết lập *quan hệ đối tác chiến lược,* và đã thu được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt, tác giả nhấn mạnh sự thay đổi về quan hệ hợp tác kinh tế. Kim ngạch thương mại hai chiều và đầu tư giữa hai nước có sự chuyển biến rõ rệt.

Ngoài ra, một số bài viết trình bày quan hệ Nga - Việt Nam dưới góc độ tổng kết quá trình kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao (1950) cho đến thời điểm

mối quan hệ này tròn 65 năm (năm 2015), có thể kể đến bài "*Quan hệ Việt - Nga: chặng đường dài 65 năm*" (2014) của tác giả Lê Thanh Vạn, công bố trên Tạp chí Nghiên cứu châu Âu số 12 [164]; và bài "*Nhìn lại 65 năm quan hệ Việt Nam - Nga*" (2015) của tác giả Hà Mỹ Hương đăng trên Tạp chí Cộng sản, số 867. Thông qua nội dung các bài viết, có thể thấy rằng, mặc dù tình hình thế giới và tình hình nội tại mỗi nước có sự thay đổi, nhưng quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước vẫn được duy trì tốt đẹp, mang tính ổn định và kế thừa. Như Hà Mỹ Hương đã viết *"Quan hệ Việt Nam - Nga đã lưu giữ được những giá trị tốt đẹp từ quá khứ, trong đó giá trị lớn nhất, đáng trân trọng nhất, đó là sự tôn trọng lẫn nhau, là quan hệ truyền thống tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau, biết trân trọng sự giúp đỡ vô tư không hề vụ lợi của các đối tác thủy chung"* [82, tr.71]. Lĩnh vực chính trị và kinh tế cũng được đề cập đến trong các bài viết này, tuy nhiên các tác giả chỉ đề cập ở mức độ khái quát.

Nghiên cứu về quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga còn có Luận án Phó tiến sỹ của tác giả Нгуен Лe Тхy (Nguyễn Lệ Thu), bằng tiếng Nga, tại Moskva năm 2009, với nhan đề *"Отношения между Вьетнамом и Российской Федерацией с 1991 по 2009 год"* (*Quan hệ giữa Việt Nam - Liên bang Nga từ 1991 đến 2009*) [213]. Đây là một công trình nghiên cứu tổng thể và tương đối toàn diện về sự phát triển quan hệ song phương giữa Việt Nam và Nga gần 20 năm, kể từ khi Liên Xô tan rã năm 1991 đến năm 2009, trên các lĩnh vực, mà trước tiên phải kể đến là hai lĩnh vực chính trị và kinh tế. Trong công trình này, tác giả không chỉ phân tích bối cảnh thế giới và khu vực CA - TBD, mà còn trình bày quan hệ Việt Nam - Nga từ năm 1975 (khi Việt Nam thống nhất đất nước) đến năm 1991, làm nhân tố tác động đến quan hệ Nga - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2009. Bên cạnh đó tác giả cũng nêu lên những triển vọng về hợp tác giữa hai nước.

Như vậy, nhóm công trình nghiên cứu về quan hệ song phương Nga - Việt Nam đã đề cập đến tất cả các lĩnh vực hợp tác giữa hai nước, trong đó có chính trị và kinh tế. Đây là nguồn tài liệu mà chúng tôi tiếp cận, tham khảo trong quá trình thực hiện đề tài luận án.

1.1.2.2. Nhóm công trình nghiên cứu quan hệ Nga - Việt Nam về lĩnh vực chính trị

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu về quan hệ Nga - Việt Nam trên lĩnh vực chính trị không nhiều, tuy nhiên trong quá trình xử lý tài liệu thực hiện đề tài luận án, chúng tôi đã tiếp cận, tham khảo các tác phẩm nghiên cứu về lĩnh vực này dưới góc độ trình bày tổng thể quan hệ của Nga - Việt Nam, trong đó đề cập đến quan hệ trên lĩnh vực chính trị như đã nêu trên. Trong số đó, có một số công trình đề cập nhiều đến các chuyến thăm của lãnh đạo các cấp hai nước Nga, Việt Nam. Có thể

kể đến các công trình sau: bài *"Vài nét về quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Nga qua tài liệu lưu trữ"* (2007) của tác giả Nguyễn Lệ Nhung, trong chuyên đề quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Nga qua tài liệu lưu trữ [105]; bài "*Những tiến triển mới trong quan hệ Việt Nam - Nga"* (2011) của tác giả Hà Mỹ Hương, đăng trên Tạp chí Cộng sản, số 819 [81]. Về cơ bản, hai bài viết này đã trình bày các chuyến thăm của nhiều đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ các cấp của Việt Nam và Nga. Bước đầu khẳng định những cuộc tiếp xúc thường xuyên giữa lãnh đạo cấp cao Việt Nam và Nga đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố, phát triển tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa hai nước.

Bài *"Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga trong bối cảnh tăng cường sự hiện diện của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương"* (2012) của Nguyễn Quang Thuấn, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 9. Ngoài việc trình bày quan hệ trên lĩnh vực chính trị trong tổng thể quan hệ toàn diện giữa Nga và Việt Nam như các bài viết nêu trên, công trình này còn đề cập nhiều đến sự hiện diện của Mỹ và chiến lược của các nước lớn tại khu vực CA - TBD đã tác động đa chiều đến quan hệ Nga - Việt Nam. Từ đó, "*lãnh đạo hai nước đã đưa ra các nhiệm vụ ưu tiên hàng năm để thực hiện có hiệu quả quan hệ đối tác chiến lược đã được ký kết, nhằm thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ này"*[131; tr.72]. Đây cũng là những nội dung mà lãnh đạo hai nước thường đề cập đến trong các cuộc trao đổi, tiếp xúc lẫn nhau, nhằm tìm ra những giải pháp thích hợp để tăng cường quan hệ hai bên vì lợi ích của hai quốc gia. Vì thế, khi tiếp cận công trình này, chúng tôi thấy trong đó có nhiều tư liệu nghiên cứu về quan hệ chính trị giữa Nga và Việt Nam.

Bên cạnh các bài viết kể trên, cuốn luận văn thạc sĩ Quốc tế học của tác giả Trần Thị Thủy với nhan đề *"Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga trong lĩnh vực chính trị và an ninh - quốc phòng giai đoạn 2001 - 2015"* (2016) [134] cũng phân tích các nhân tố, thực trạng quan hệ hợp tác về chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng của Nga và Việt Nam. Đồng thời, đưa ra những nhận xét về thuận lợi, khó khăn và triển vọng của quan hệ chính trị, an ninh - quốc phòng giữa Nga và Việt Nam.

Ngoài ra, các bài viết về quan hệ an ninh - quốc phòng như "*Quan hệ hợp tác quốc phòng Việt - Nga hiện nay và triển vọng"* (2006) của tác giả Nguyễn Kim Lân, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 6 [87]; bài *"Hợp tác quân sự giữa Nga với một số nước ASEAN sau Chiến tranh lạnh"* (2008) của hai tác giả Đinh Thanh Tú và Trần Hiệp, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 [158], cũng là những công

trình nghiên cứu liên quan đến quan hệ giữa Nga và Việt Nam trên lĩnh vực chính trị - an ninh. Mặc dù các bài viết này không trực tiếp nghiên cứu về lĩnh vực chính trị, nhưng dưới góc độ phân tích các cuộc trao đổi, tiếp xúc, thăm viếng lẫn nhau giữa lãnh đạo Bộ Quốc phòng hai nước, và những thành tựu trên lĩnh vực quốc phòng, có thể thấy đó chính là cơ sở để chứng minh tính hiệu quả của quan hệ chính trị, đối ngoại giữa Nga và Việt Nam. Ngược lại, hoạt động giao lưu hợp tác quốc phòng giữa hai nước ngày càng phát triển thông qua các cuộc tiếp xúc, trao đổi các cấp về quan điểm, tình hình an ninh thế giới, khu vực và các vấn đề hai bên cùng quan tâm. Vì thế, những bài viết này cũng là nguồn tài liệu tham khảo cần thiết đối với chúng tôi trong quá trình nghiên cứu về quan hệ Nga - Việt Nam trên lĩnh vực chính trị - an ninh quốc phòng.

Bên cạnh các công trình nêu trên, còn có một số công trình nghiên cứu về lĩnh vực chính trị của các học giả Việt Nam được xuất bản bằng tiếng Nga như: bài *"Военно-политическое сотрудничество и меры по его укреплению в среднесрочной перспективе до 2020 г" (Hợp tác chính trị - quốc phòng và các định hướng củng cố, phát triển trung hạn đến năm 2020)* của hai tác giả Нгуен Кань Тоан (Nguyễn Cảnh Toàn), Нгуен Тхань Хыонг (Nguyễn Thanh Hương) [211]; và bài *"Визит президента СРВ Чыонг Тан Шанга в Россию - важная веха в укреплении отношений стратегического партнерства" (Chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trương Tấn Sang - là mốc quan trọng trong việc tăng cường mối quan hệ đối tác chiến lược)* của tác giả Ле Тхань Ван (Lê Thành Văn) và Ле Куинь Нга (Lê Quỳnh Nga) [193] được đăng trong cuốn *"Отношения между Россией и Вьетнамом: текущие и исторические - Взгляды с обеих сторон" (Quan hệ Nga - Việt Nam: đương đại và lịch sử, quan điểm của hai bên)* (2014), Nxb ИДВ РАН. Các tác giả đều đề cập đến mối quan hệ chính trị giữa Nga và Việt Nam ngày càng được tăng cường thông qua cơ chế trao đổi và tiếp xúc song phương thường xuyên ở các cấp, đặc biệt là cấp cao và cơ chế tham vấn, đối thoại chiến lược. Quan hệ chính trị giữa hai nước được triển khai trên tất cả các kênh, trong mọi lĩnh vực từ đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đến hợp tác địa phương, giao lưu nhân dân và điều đặc biệt là tình cảm của nhân dân hai nước đối với nhau ngày càng được củng cố và phát triển.

Tác giả Чан Кханъ (Trần Khánh) với công trình nghiên cứu về vấn đề an ninh trên Biển Đông bằng tiếng Nga, có nhan đề *"Исторические и правовые основы определения и реализации вьетнамского суверенитета в Восточном море"*(2015) *(Cơ sở pháp lý và lịch sử của việc xác định và thực hiện chủ quyền của Việt Nam ở Biển*

Đông: các giai đoạn lịch sử) công bố trong cuốn "Вьетнамские иследования" [202]. Trong công trình này, tác giả đã đưa ra nhiều bằng chứng làm cơ sở căn cứ về lịch sử và pháp lý trong việc xác định và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông (biển Nam Trung Hoa) nói chung và các quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa nói riêng. Những bằng chứng đó bao gồm: các tài liệu chính thống của Nhà nước Việt Nam trong thời phong kiến và thời thuộc Pháp; các văn bản của các triều đại nhà Nguyễn; các bản đồ ở thế kỷ XVII, trong đó đã ghi nhận chủ quyền của Việt Nam đối với vùng biển và các quần đảo nêu trên; ghi chép của các nhà thám hiểm, các thương gia, các nhà du lịch, các nhà truyền đạo… của phương Tây về khu vực này. Đồng thời, tác giả còn phân tích hàng loạt các bài tham luận trình bày tại các hội thảo khoa học về vấn đề Biển Đông trên cơ sở các chuẩn mực của Công ước quốc tế về luật biển được Liên Hợp quốc phê chuẩn vào năm 1982. Từ những bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý có giá trị thuyết phục cao, tác giả đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông và yêu cầu các bên liên quan nghiêm túc thực hiện Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) và cách ứng xử của các bên (DOC) đã được thỏa thuận trong khuôn khổ cuộc gặp cấp cao AMM 44 ASEAN và Trung Quốc ngày 21/7/2011, nhằm tránh căng thẳng, xung đột ở Biển Đông. Công trình này tuy không trực tiếp đề cập đến quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam, nhưng đây là nguồn tài liệu tham khảo giúp chúng tôi trong quá trình nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng, tác động đến quan hệ chính trị Nga - Việt Nam.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu kể trên, mặc dù chưa tập trung phân tích cụ thể về quan hệ Nga - Việt Nam trên lĩnh vực chính trị, nhưng đã cung cấp cho chúng tôi nhiều thông tin quý báu trên nhiều khía cạnh, nhiều góc độ, mức độ khác nhau có liên quan đến lĩnh vực chính trị.

1.1.2.3. Nhóm công trình nghiên cứu quan hệ Nga - Việt Nam về lĩnh vực kinh tế

Quan hệ kinh tế luôn chiếm ưu thế về số lượng trong các công trình nghiên cứu về quan hệ Nga - Việt Nam, có thể kể đến cuốn *"Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga hiện trạng và triển vọng*" (1995) do Bùi Huy Khoát (chủ biên), Nxb Khoa học xã hội [84]. Công trình này tuy không nghiên cứu quan hệ kinh tế của Việt Nam - Nga trong giai đoạn 2001 - 2015, nhưng thông qua khái quát những thành tựu chủ yếu của quan hệ kinh tế truyền thống giữa Việt Nam - Liên Xô, và Việt Nam - Nga sau khi Liên Xô tan rã, từ đó, có thể thấy sự thay đổi trong chính sách phát triển kinh tế, cũng như thấy rõ sự chuyển biến mạnh mẽ về quan hệ giữa Việt Nam và Nga trên lĩnh vực kinh tế khi bước sang thế kỷ XXI.

Bài *"Quan hệ kinh tế Việt - Nga trong bối cảnh quốc tế hiện nay"* (2007) của Đinh Công Tuấn, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á số 10 [159]; Nguyễn Sinh Cúc với bài *"Quan hệ kinh tế Việt Nam - Nga (2001 - 2010)"* (2010) đăng trên Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 11 [52]. Nhìn chung, các bài viết đã trình bày sự phát triển về hợp tác thương mại và đầu tư của Việt Nam và Nga trong thập niên đầu thế kỷ XXI. Các tác giả bước đầu nhận xét, đánh giá về tỷ trọng, về cơ cấu hàng hóa trao đổi, về thị trường thương mại, đầu tư giữa hai nước. Các cơ hội và thách thức trong quan hệ kinh tế song phương cũng được các tác giả đưa ra xem xét và bàn bạc. Qua đó, các tác giả cũng khẳng định tầm quan trọng của mối *quan hệ đối tác chiến lược* giữa hai nước đối với việc phát triển kinh tế, chiến lược đối ngoại, đầu tư của mỗi nước trong bối cảnh mới. Từ đó đưa ra một số khuyến nghị để tiếp tục phát triển quan hệ kinh tế giữa hai nước Nga - Việt Nam. Bên cạnh đó, bài viết cũng nêu lên những triển vọng của hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Nga trong thời gian tiếp theo.

Nghiên cứu về quan hệ đầu tư, có thể kể đến bài "*Hợp tác kinh tế và đầu tư trực tiếp Việt Nam - Nga"* (2003) của Hoàng Xuân Nghĩa, Nguyễn Thành Công, trong Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới, số 292 [101]. Qua các bảng biểu và số liệu thống kê cập nhật, tác giả đã phân tích cơ cấu, địa bàn đầu tư, từ đó đưa ra những nhận xét về thành tựu và hạn chế, triển vọng của quan hệ đầu tư giữa Nga và Việt Nam trong tương lai.

Bên cạnh đó, còn có luận án Phó tiến sỹ kinh tế của Фам Тхи Бинь (Phạm Thị Bình), bằng tiếng Nga, với đề tài *"Прямые инвестиции с социально- экономическим статусом и перспективами Вьетнама"* (*Đầu tư trực tiếp với nền kinh tế - xã hội của Việt Nam, thực trạng và triển vọng) (2009)* tại Saint - Petersburg [192]. Tác giả đã phân tích tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với nền kinh tế - xã hội Việt Nam, trong đó có đề cập tới cơ chế, quy mô, địa bàn đầu tư, cơ cấu ngành nghề trong đầu tư… của Nga ở Việt Nam. Mặt khác, tác giả cũng nêu lên những vấn đề còn tồn tại của hệ thống chính sách gây ảnh hưởng bất lợi đến việc tổ chức thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nước ngoài nói chung và mối quan hệ đầu tư của Nga với Việt Nam nói riêng và ngược lại.

Về quan hệ thương mại Nga - Việt Nam cũng được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu, có thể kể đến bài "*Phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Nga"* (2005) của tác giả Trịnh Thị Thanh Thủy, đăng trên Tạp chí Cộng sản, số 2 [132]. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn của quan hệ thương mại quốc tế nói chung và quan hệ

thương mại giữa Việt Nam và Nga nói riêng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng, thành tựu, hạn chế về quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Nga giai đoạn từ năm 1992 đến năm 2005. Bên cạnh đó, tác giả cũng đưa ra một số kiến nghị, đề xuất một số giải pháp và định hướng nhằm phát triển quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Nga đến năm 2020.

Luận án Phó tiến sỹ kinh tế của tác giả Нгуен Куанг Хай (Nguyễn Quang Hải) (2006), tại Moskva, bằng tiếng Nga, với đề tài *"Взаимоотношения с торговлей Вьетнамом с Российской Федерацией"* (*Quan hệ thương mại Việt Nam với Liên bang Nga*) [214]. Công trình đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước Việt Nam và Nga trong xu hướng khu vực hóa và toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế thông qua trình bày thực trạng của quan hệ thương mại Việt Nam - Nga. Tác giả còn trình bày khả năng cạnh tranh hàng hoá của Việt Nam và của Nga trong quan hệ thương mại hai nước. Trên cơ sở đó, tác giả nhận xét về tiềm năng và lợi ích của sự phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Nga trong bối cảnh mới. Từ đó, đưa ra dự đoán kim ngạch thương mại và các phương án, giải pháp nhằm phát triển quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam - Nga.

Luận án tiến sĩ kinh tế của Đặng Hùng Sơn *"Chính sách thương mại quốc tế của Liên bang Nga và khả năng phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Liên bang Nga"* (2012) [112] cũng là một công trình đề cập đến quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Nga. Thông qua nghiên cứu lý luận chung về chính sách thương mại quốc tế, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng chính sách thương mại quốc tế của Nga giai đoạn từ năm 2000 đến 2012. Đồng thời tác giả cũng phân tích khả năng mở rộng quan hệ thương mại Việt Nam - Nga, đặc biệt khi Nga gia nhập WTO (8/2012). Từ đó tác giả rút ra các luận cứ khoa học cho việc đánh giá triển vọng, nêu ra các giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Nga phát triển.

Bài "*Nhìn lại quan hệ thương mại Việt Nam - Nga (1991- 2010)"* (2013) của Lê Văn Thịnh, đăng trong Tạp chí Lịch sử Đảng, số 5 [122]. Bài viết mô tả một bức tranh về sự phát triển của quan hệ thương mại giữa Nga và Việt Nam sau những khó khăn của thời kỳ hậu Xô Viết. Tác giả phân tích bối cảnh quốc tế và tình hình cụ thể của từng nước sau khi Liên Xô tan rã, đã gây tác động bất lợi đến sự phát triển quan hệ thương mại Nga - Việt Nam. Kim ngạch thương mại giữa hai nước giảm sút đáng kể. Bước sang thế kỷ XXI, với sự nỗ lực của hai bên, kế thừa các quan hệ kinh tế - thương mại truyền thống, quan hệ thương mại Nga - Việt Nam biến chuyển mạnh mẽ. Tác giả đã phân tích về tỷ

trọng, cơ cấu hàng hóa trao đổi, thị trường thương mại giữa hai nước, để từ đó đưa ra những nhận xét về thành tựu cũng như khó khăn trên lĩnh vực thương mại song phương. Đồng thời nêu lên những triển vọng của quan hệ thương mại giữa Nga và Việt Nam.

1.2. Tình hình nghiên cứu của các học giả nước ngoài

1.2.1. Các học giả Nga

1.2.1.1. Những công trình liên quan đến quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam

* *Nhóm công trình nghiên cứu về quan hệ Liên Xô - Việt Nam:* có cuốn "*Советско-вьетнамские отношения"* (*Quan hệ Liên Xô - Việt Nam*) (1975) của tác giả M.P. Исаев, A.C. Чернышев, Издательство Мысль, Москва (Nxb Tư tưởng) [196]. Công trình đã phác họa mối quan hệ Liên Xô - Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của nhân dân Việt Nam. Theo tác giả, để đạt được thắng lợi to lớn của hai cuộc kháng chiến ấy, ngoài sự nỗ lực, chiến đấu, hy sinh của nhân dân Việt Nam, còn có sự giúp đỡ của các nước XHCN, trong đó Liên Xô là quốc gia giữ vai trò hết sức quan trọng. Sự ủng hộ về chính trị cũng như sự viện trợ về vật chất của nhà nước và nhân dân Liên Xô đã góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

* *Nhóm công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại*: nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Nga đối với các khu vực, các đối tác lớn, có một số công trình tiêu biểu như: cuốn*"Russia Between East and West - Russian Foreign Policy on the Threshold of the Twenty First Century"* (*Nga giữa Đông và Tây - chính sách đối ngoại của Nga trước ngưỡng cửa thế kỷ 21*) (2003) của học giả người Nga Gabriel Gorodetsky (chủ biên) [176]. Công trình tập hợp nhiều bài viết của các học giả người Nga, được xuất bản bằng tiếng Anh, nghiên cứu về chính sách đối ngoại của nước Nga đối với một số nước phương Đông và phương Tây. Mặc dù không nghiên cứu về chính sách của Nga đối với Việt Nam, nhưng để hiểu được việc xây dựng và hoàn chỉnh chính sách đối ngoại tầm vĩ mô của Nga, tác giả không thể không nghiên cứu chiến lược đối ngoại của Nga đối với những khu vực, những đối tác quan trọng cụ thể. Trên cơ sở tham khảo công trình nghiên cứu này, chúng tôi có được những phác thảo về đường hướng đối ngoại của Nga đối với Việt Nam - một quốc gia nằm trong khu vực của định hướng đối ngoại "Hướng Đông" của Nga.

Một số công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Nga ở khu vực CA - TBD như: bài *"Восхождение России: Влияние Азиатско-Тихоокеанского региона" (Sự trỗi dậy của Nga: ảnh hưởng tới khu vực châu Á - Thái Bình Dương)* (2008) của tác giả Наумкин Виталий Вячеславович, đăng trên Журнал Международных

Исследований, №2 (Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 2) [206]; bài *"Тихоокеанская альтернатива для России"* (Итоги президентства Дмитрия Медведева на восточном направлении российской политики) *(Giải pháp tình thế Thái Bình Dương đối với nước Nga), (Chính sách ướng Đông của nước Nga,* được nêu trong tổng kết nhiệm kỳ Tổng thống của Dmitry Medvedev*)* (2012), đăng trên báo Независимая Россия (Nước Nga Độc lập), số ra ngày 13/6/2012 [207]; bài "*Tình hình ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và chính sách của Nga trong khu vực này"* (2014) của tác giả Aleksey Fenenko, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 4, được xuất bản bằng tiếng Việt [106]. Các công trình này đã phân tích sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nga ở khu vực CA - TBD trong sự cạnh tranh gay gắt với các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc. Theo các tác giả này, Nga luôn chú trọng cải thiện và phát triển quan hệ song phương và đa phương với các nước CA - TBD, coi trọng xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam và tập trung vào các lĩnh vực kinh tế, thương mại, kỹ thuật quân sự trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi. Trong khi phân tích nỗ lực của Nga muốn tăng cường ảnh hưởng của mình với tư cách là một cường quốc vào khu vực ĐNA, các tác giả ít nhiều đề cập đến vai trò, vị thế và uy tín của Việt Nam đang ngày được nâng lên trong khu vực này. Qua đó, thấy được Việt Nam có vị trí quan trọng trong chính sách CA - TBD của Nga.

Mặc dù nhóm công trình này không trực tiếp nghiên cứu chính sách đối ngoại của Nga đối với Việt Nam và ngược lại, nhưng thông qua chiến lược đối ngoại của Nga với các khu vực, phần nào nắm được trọng tâm đối ngoại, mục tiêu, định hướng đối ngoại, và quan trọng hơn, xác định được vị trí của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Nga.

1.2.1.2. Những công trình nghiên cứu về quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam

** Nhóm công trình nghiên cứu chung về quan hệ Nga - Việt Nam*

Quan hệ Nga - Việt Nam đã được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu. Có thể kể đến các công trình: bài *"Новый шаг в развитии вьетнамо - российских отношений"* (*Bước phát triển mới trong quan hệ Việt - Nga)* (2002) của tác giả Ротислав Шиматовский, đăng trên Журнал Исследования международных проблем, номер 36 (Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, số 36) [218]. Tác giả phân tích bối cảnh thế giới và tình hình khó khăn của từng nước thuộc Liên Xô trước đây, sau khi Liên Xô tan rã đã tách ra thành các quốc gia độc lập. Sau một thời gian "gián đoạn", với sự nỗ lực từ hai phía, Nga và Việt Nam đã có những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của mình, nhằm củng cố và

phát huy mối quan hệ truyền thống đã được xây dựng từ trước. Kể từ đó, quan hệ Nga - Việt Nam đã dần ấm lại và có được những kết quả bước đầu, trong đó tác giả có đề cập đến thành tựu trên lĩnh vực chính trị và kinh tế, đặc biệt tác giả nhấn mạnh rằng, năm 2001, hai nước thiết lập *quan hệ đối tác chiến lược* là một mốc đánh dấu sự phát triển về chất trong quan hệ giữa Nga và Việt Nam.

Bài *"Россиско - Вьетнамское отношение в Азиатско - Тихоокеанской политике"* (*Quan hệ Việt - Nga trong chính sách châu Á - Thái Bình Dương*) của tác giả Федоровский A.H, báo cáo trong Hội thảo khoa học quốc tế "Quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga: các vấn đề và triển vọng", Moskva, ngày 16/12/2005 [216]. Trên cơ sở khái quát về chính sách CA - TBD của Nga, tác giả phân tích mối quan hệ Việt Nam - Nga dưới sự tác động và ảnh hưởng của sự điều chỉnh chính sách này. Từ đó tác giả nêu lên những kết quả đạt được, trong đó có lĩnh vực chính trị và kinh tế, đồng thời tác giả cũng nêu ra một số hạn chế cơ bản của quan hệ Việt Nam - Nga từ quá trình triển khai chiến lược của Nga ở khu vực CA - TBD.

Bài *"Основные характеристики российско - вьетнамских отношений в начале XXI века"* (*Những đặc điểm cơ bản của quan hệ Nga - Việt đầu thế kỷ XXI)* của tác giả A. Аулъ, đăng trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế "Quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga: các vấn đề và triển vọng", Viện Viễn Đông, Viện Hàn lâm khoa học Nga, tổ chức tại Moskva ngày 16/12/2005 [191]. Trên cơ sở đề cập đến tình hình thế giới và khu vực đầu thế kỷ XXI đã ảnh hưởng đến quan hệ Nga - Việt Nam, tác giả trình bày quan hệ của Nga - Việt Nam trên các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hóa, giáo dục… từ đó phân tích những đặc điểm cơ bản của quan hệ Nga - Việt Nam đầu thế kỷ XXI. Trong đó tác giả đưa ra đặc điểm đầu tiên đó là quan hệ đối tác chiến lược giữa Nga và Việt Nam được tiếp nối mối quan hệ truyền thống lịch sử từ thời kỳ Xô Viết.

Đặc biệt, cuốn *"Отношения между Россией и Вьетнамом: текущие и исторические - Взгляды с обеих сторон"* (*Quan hệ Nga - Việt Nam: đương đại và lịch sử - quan điểm của hai bên)* (2014) do Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và ASEAN, Viện Viễn Đông thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Nga ấn hành tại Moskva [217]. Đây là tác phẩm tập hợp các bài báo khoa học của nhiều tác giả (kể cả các bài báo đã được xuất bản từ trước), trong đó có đóng góp của một số tác giả Việt Nam, đã tái hiện được bức tranh toàn diện về mối quan hệ Liên Xô - Việt Nam và Nga - Việt Nam từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1950 đến năm 2013. Bố cục của cuốn sách có hai phần: thứ nhất là phần

hiện đại, tập hợp những bài viết trình bày về quan hệ Nga - Việt Nam ở giai đoạn mới. Các tác giả đã phân tích mọi khía cạnh của quan hệ Nga - Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... và triển vọng về mối quan hệ song phương này; phần thứ hai, cuốn sách tập hợp các bài viết đề cập đến quan hệ Liên Xô - Việt Nam. Từ đó đưa ra kết luận, nhận xét về mối quan hệ này. Cuốn sách đưa ra nhận xét về sự phát triển có tính liên tục và ngày càng sâu rộng của mối quan hệ giữa hai nước Nga và Việt Nam. Tuy nhiên, cuốn sách tập hợp nhiều bài viết của nhiều tác giả, nên nội dung của mỗi bài viết thể hiện một cách tiếp cận trên mỗi khía cạnh khác nhau, vì vậy tính hệ thống theo logic liền mạch của quá trình hợp tác cũng như các lĩnh vực hợp tác giữa hai nước vẫn còn bộc lộ một số khoảng trống.

Bài *"Russian - Vietnamese Relations: Position and Prospects" (Quan hệ Nga - Việt: Vị trí và Triển vọng)* (2014) của tác giả Mosyakov Dmitry, đăng trên Tạp chí ASIA Times online [183]. Công trình này đã phân tích vai trò và vị trí của Việt Nam trong quan hệ Nga - ASEAN, cũng như trong sáng kiến kết nối ASEAN với Liên minh Kinh tế Á - Âu. Tác giả cho rằng, trong bối cảnh hiện nay, việc Nga thúc đẩy chính sách CA - TBD là yêu cầu cấp bách, là yếu tố quan trọng để phát triển đất nước và duy trì vị thế cường quốc của thế kỷ XXI. Do đó, tăng cường hợp tác với Việt Nam và ASEAN cũng nhằm thực hiện chiến lược "Hướng Đông" và là một giải pháp thực tế trong những kế hoạch dài hạn với các đối tác ở CA - TBD. Tác giả còn nhấn mạnh ý nghĩa của hợp tác song phương Nga - Việt Nam không chỉ giúp Nga thiết lập những hình thức hợp tác mới, mở rộng các tiềm năng kinh tế của nước Nga, mà còn thúc đẩy phát triển hợp tác kinh tế giữa Nga với Việt Nam và với các nước ASEAN, cải thiện tình hình kinh tế khu vực ĐNA.

Cũng đề cập đến quan hệ Nga - Việt Nam, tác giả Кобелев Е. В đã công bố bài viết với nhan đề "*Российско - вьетнамские отношения: реальность и перспективы"* (*Quan hệ Nga - Việt Nam: thực trạng và triển vọng)* (2015), trong cuốn Вьетнамские иследования, Nxb ИДВ РАН, Москва [199]. Trong bài viết này, tác giả đã phân tích quá trình phát triển quan hệ Nga - Việt Nam từ sau khi Liên Xô tan rã đến năm 2015. Qua đó tác giả trình bày các hình thức, khuôn khổ, cơ chế hợp tác của mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Nga và Việt Nam. Đồng thời, tác giả cũng trình bày quan hệ Nga - Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, giáo dục - đào tạo, văn hóa… Trên cơ sở phân tích các vấn đề nêu trên, tác giả đã đưa ra kết luận, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Liên bang Nga và CHXHCN Việt Nam

đã đáp ứng cơ bản lợi ích của hai nước và đảm bảo cho sự phát triển lâu dài trên cơ sở tôn trọng, tin cậy và hiểu biết lẫn nhau. Điều đó trở thành khuynh hướng cơ bản trong chính sách đối ngoại của Nga đối với Việt Nam, nhằm hướng tới đảm bảo hòa bình, an ninh và củng cố vị thế của nước Nga ở khu vực ĐNA và CA - TBD.

Như vậy, nhóm các công trình nghiên cứu về quan hệ Nga - Việt Nam ít nhiều đã đề cập đến quan hệ giữa hai nước trên lĩnh vực chính trị và kinh tế, đã cung cấp cho chúng tôi những thông tin quan trọng liên quan đến đề tài luận án. Tuy nhiên, dưới góc độ trình bày thành tựu về quan hệ chính trị và kinh tế trong tổng thể mối quan hệ hợp tác toàn diện của Nga và Việt Nam, các công trình chưa tập trung nghiên cứu hai lĩnh vực này một cách chuyên biệt, cụ thể mà chỉ mới dừng lại ở mức độ khái quát.

** Nhóm công trình nghiên cứu quan hệ Nga - Việt Nam về lĩnh vực chính trị*:

Với nguồn tài liệu trong và ngoài nước mà chúng tôi đã tiếp cận được, thì những công trình nghiên cứu cụ thể về quan hệ Nga - Việt Nam trên lĩnh vực chính trị chưa nhiều. Phần lớn các tác phẩm thuộc mảng này chủ yếu trình bày về quan hệ chính trị thông qua các công trình nghiên cứu tổng thể về quan hệ Nga - Việt Nam nói chung. Trong đó, có thể kể đến hai bài viết của tác giả Кобелев Е. В., viết về vấn đề an ninh của Việt Nam và an ninh của khu vực ĐNA trong tổng thể mối quan hệ giữa Nga - Việt Nam. Bài viết có nhan đề "*Проблемы безопасности Вьетнама в свете современных российско-вьетнамских отношений"* (*Vấn đề an ninh của Việt Nam trong tổng thể quan hệ Nga - Việt Nam hiện nay)* (2014), đăng trong cuốn Пути укрепления безопасности и сотрудничества Восточной Азии, Материалы совместного российско-вьетнамского иследования, Nxb ИДВ РАН, Москва [198]; và bài "*Российско-вьетнамские отношения и проблемы региональной бзопасности в Юго-Восточной Азии*" *(Quan hệ Nga - Việt Nam và những vấn đề an ninh trong khu vực Đông Nam Á)* (2016), công bố trong cuốn Новые вывозы и механизмы безопасности в Восточной Азии, Nxb ИД "ФОРУМ", Москва [200]. Hai công trình này đã cung cấp cho chúng tôi những thông tin liên quan đến quan hệ giữa Nga và Việt Nam trên lĩnh vực chính trị. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ Nga - Việt Nam, tác giả Кобелев Е. В khẳng định "trong giai đoạn hiện nay, quan hệ Nga - Việt Nam là một nhân tố quan trọng đảm bảo hòa bình và an ninh trong khu vực ĐNA cũng như trong khu vực CA - TBD. Đặc biệt, ý nghĩa quốc tế của mối quan hệ này càng được nâng lên kể từ khi Nga và Việt Nam ký *Tuyên bố quan hệ đối tác chiến lược* vào năm 2001". Thực chất đó là chương trình phát triển mối quan hệ sâu

rộng và hợp tác toàn diện giữa hai quốc gia trong thế kỷ XXI. Việt Nam trở thành "cầu nối" cho mối quan hệ giữa Nga với các nước thành viên ASEAN, nơi mà Nga đang mong muốn tạo ảnh hưởng và xây dựng quan hệ hợp tác cùng có lợi. Nhận thức vai trò "cầu nối" của Việt Nam trong quan hệ Nga - ASEAN, tác giả đã đưa ra một mô hình khái quát sinh động, đó là Nga - Việt Nam - ASEAN. Đồng thời, tác giả cũng trình bày về tình trạng tranh chấp, xung đột ở khu vực Biển Đông (biển Nam Trung Hoa) đang là vấn đề gây ảnh hưởng lớn tác động đến mối quan hệ Nga - Việt Nam. Tác giả cũng nêu lên những cố gắng của lãnh đạo hai nước Nga, Việt Nam trong việc tổ chức nhiều cuộc gặp, những cuộc trao đổi, thảo luận, bàn bạc về nội dung này nhằm cùng tìm kiếm các giải pháp thích hợp cho cả hai bên về các vấn đề trên Biển Đông.

** Nhóm công trình nghiên cứu quan hệ Nga - Việt Nam về lĩnh vực kinh tế*

Trong các lĩnh vực hợp tác giữa hai nước, thì lĩnh vực kinh tế được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu hơn cả, có thể kể đến một số công trình cơ bản như: bài *"Реальность и методы реализации для подвижения развития россиической непосредственной инвестиции во Вьетнам"* (*Thực trạng và giải pháp nhằm thúc đẩy đầu tư trực tiếp của Nga vào Việt Nam)* của tác giả Росислав Шиматовский, đăng trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế "Quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga: các vấn đề và triển vọng", do Viện Viễn Đông, Viện Hàn lâm khoa học Nga (ИДВ РАН), tổ chức tại Moskva ngày 16/12/2005 [219]. Tác giả đã trình bày những thành tựu cũng như khó khăn, thách thức trong chiến lược đầu tư của Nga vào Việt Nam. Đầu tư của Nga vào Việt Nam còn rất thấp, chính sách đầu tư của phía Nga vào Việt Nam còn nhiều hạn chế. Theo tác giả, sự hạn chế về đầu tư của Nga vào Việt Nam xuất phát từ nhiều nguyên nhân như: Nga đang gặp khó khăn về kinh tế; khủng hoảng chính trị, xã hội diễn ra thường xuyên; các nhà đầu tư Nga chưa hiểu hết thị trường Việt Nam, họ vẫn cho rằng thị trường Việt Nam hiệu quả kinh tế thấp; trong khi Nga chỉ chú trọng vào các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Ấn Độ… Điều này ảnh hưởng đến đầu tư giữa Nga với Việt Nam. Từ đó, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm phát triển quan hệ đầu tư giữa hai nước đạt hiệu quả cao hơn trong tương lai.

Bài *"Российско- Вьетнамское экономическое сотрудничество в настоящий период: уровень, проблемы, масштабируемость и эффективность"* (*Hợp tác kinh tế Nga - Việt trong giai đoạn hiện nay: mức độ, vấn đề, khả năng mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả)* của tác giả Тригубенз М.Е, đăng trong Kỷ yếu Hội thảo khoa

học quốc tế "Quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga: các vấn đề và triển vọng", do Viện Viễn Đông, Viện Hàn lâm khoa học Nga (ИДВ РАН), tổ chức tại Moskva ngày 16/12/2005 [212]. Bài viết đề cập thực trạng của quan hệ kinh tế giữa Nga và Việt Nam, từ đó tác giả đánh giá mức độ hợp tác chưa tương xứng với tiềm năng và nguyện vọng của hai nước, đồng thời tác giả cũng phân tích triển vọng, tiềm năng và bước đầu đưa ra những biện pháp nhằm đưa hợp tác kinh tế Nga - Việt Nam đạt hiệu quả cao.

Bài "*Новые формы экономической интеграции между РФ и СРВ"* (*Các hình thức mới trong liên kết kinh tế giữa Liên bang Nga và Việt Nam)* (2014) của tác giả Мазырин В. М. đăng trong cuốn "Пути укрепления безопасности исотрудничества Восточной Азии", Материалы совместного российско-вьетнамского иследования, Nxb ИДВ РАН, Москва [203]. Trong bài báo này, tác giả đã phân tích bối cảnh lịch sử mới, nhất là từ sau khi hai nước Nga và Việt Nam nâng tầm đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2012, qua đó nêu lên những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức khi xây dựng một số hình thức hợp tác, liên kết kinh tế mới giữa các nước với nhau, như giữa Nga và Việt Nam, giữa Việt Nam với các nước SNG hay giữa Việt Nam với EU hoặc với các nước riêng lẻ trong EU… Các hình thức hợp tác, liên kết kinh tế mới đó bao gồm Liên minh hải quan, Liên minh kinh tế Á - Âu, hoặc xây dựng các khu vực mậu dịch tự do, các khu kinh tế đặc biệt… nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế của các nước một cách hiệu quả. Nga và Việt Nam có thể cùng các nước khác xây dựng các hình thức liên kết kinh tế mới này, dưới hình thức song phương hoặc đa phương, trong đó Nga luôn sẵn sàng làm cầu nối, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam và ngược lại. Điều đó sẽ làm cho Nga và Việt Nam đạt được nhiều lợi ích trong quá trình liên minh, liên kết kinh tế bằng các hình thức mới thích hợp.

1.2.2. Các học giả một số nước khác

* *Về quan hệ Liên xô - Việt Nam* có cuốn "*Vietnam and the Soviet Union: Anatomy of an Alliance*" (*Việt Nam và Liên bang Xô Viết: dấu ấn của một liên minh)* (1987) của tác giả Pike Douglas, Nxb Boulder: Westview Press [184]. Cuốn sách đã mô tả lại một bức tranh về quan hệ Liên Xô - Việt Nam; Cuốn *"Soviet Relations with India and Vietnam"(Liên Xô với Ấn Độ và Việt Nam)* (1992) của hai học giả chính trị học nổi tiếng nghiên cứu về ĐNA nói chung và về Việt Nam nói riêng là Thakur Ramesh và Carlyle A. Thayer, Nxb The Macmillan Press và New York: St. Martin's Press [188]. Tác phẩm này là cơ sở góp phần đưa đến một nhận thức rằng: chính sách đối ngoại của Liên Xô đối với Việt Nam không hoàn toàn dựa trên sự tương đồng ý

thức hệ cộng sản chủ nghĩa. Quan trọng hơn, qua sự trình bày của tác giả về quan hệ Liên Xô - Việt Nam từ trước Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991, giúp chúng tôi khái quát được tương đối đầy đủ về chính sách đối ngoại chủ đạo của Liên Xô đối với Việt Nam thời kỳ trước năm 1991.

* Về chính sách đối ngoại: Cuốn *"The Foreign Policy of Russia, Changing Systems, Enduring Interests" (Chính sách đối ngoại của Nga, thay đổi hệ thống và lợi ích lâu dài)* của các tác giả Donaldson Robert H. và Nogee Joseph L. được Nxb M. E. Sharpe ấn hành năm 2009 [174], và cuốn *"Russian Foreign Policy: The Return of Great Power Politics" (Chính sách đối ngoại của Nga: sự quay lại của quyền lực chính trị)* (2009) của tác giả Mankoff Jeffrey [181]. Đây là những công trình nghiên cứu một cách hệ thống về sự phát triển chính sách đối ngoại của Nga qua hai giai đoạn: trong và sau Chiến tranh lạnh. Đáng lưu ý, tác phẩm này đã nghiên cứu, khảo sát và đưa ra một số kết luận về các yếu tố tác động đến chính sách đối ngoại nước Nga sau Chiến tranh lạnh. Những nội dung này đã gợi mở cho chúng tôi nhiều ý tưởng về tác động của bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình nội tại của nước Nga dẫn đến chính sách đối ngoại của Nga nói chung và đối với Việt Nam nói riêng.

Cuốn "*The Multilater Dimension in Russian Foreign Policy" (Đa phương hóa sâu rộng trong chính sách đối ngoại của Nga)* (2009) của tác giả Wilson Elana Rowe, Routledge, Taylor & Francis Group, London and NewYork [190]; và cuốn "*Russian Foreign Policy in the 21st Century" (Chính sách đối ngoại của Nga ở thế kỷ XXI)*, (2010) của tác giả Kanet Roger E, Nxb Palgrave Macmillan, New York [179], đều tập trung nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Nga vào những năm đầu thế kỷ XXI, trong đó có sự điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng cân bằng Đông - Tây.

Về chính sách đối ngoại của Việt nam có cuốn *"Change the world: Vietnam's transition from the Cold War to Globalization" (Thay đổi thế giới: Sự thay đổi của Việt Nam từ Chiến tranh lạnh sang toàn cầu hóa)* (2012) của tác giả David WP Elliott, Nxb Đại học Oxford, đề cập đến chính sách đối ngoại của Việt Nam sau Chiến tranh lạnh [173]. Với tư cách là một học giả cao cấp và là một nhà quan sát thông thạo tại Việt Nam, là người đã tham gia cuộc đối thoại giữa Hoa Kỳ - Việt Nam do Viện Aspen tổ chức. Tác giả đã trải qua hơn 40 năm làm việc, nghiên cứu ở Việt Nam, nên hiểu nhiều về đất nước Việt Nam, gần gũi với Chính phủ và với nhân dân Việt Nam. Điều đó đã giúp cho việc nghiên cứu của ông về Việt Nam có được nhiều thông tin xác đáng. Ông đã ghi chép lại sự thay đổi nhanh chóng của Việt Nam từ sau Chiến tranh lạnh đến nay. Hơn nữa, Elliott

nhấn mạnh rằng muốn thay đổi kinh tế và chính trị, cần thiết phải có sự thay đổi về chính sách đối ngoại và sự thay đổi đó phải bắt nguồn từ tư duy mới của các nhà lãnh đạo Việt Nam. Sự thay đổi về chính sách đối ngoại sẽ là phương tiện hiệu quả nhất để theo đuổi lợi ích quốc gia của Việt Nam và duy trì hòa bình trong kế hoạch chiến lược lâu dài. Trong tác phẩm này, tác giả cũng đã đề cập đến chính sách của Việt Nam đối với Nga, tuy nhiên chỉ trình bày trong mối quan hệ tổng thể chung của quan hệ Việt Nam với một số nước và khu vực trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, ASEAN, CA - TBD.

* *Về quan hệ Nga - Việt Nam:* có bài *"Russia - Vietnam: Building a strategic partnership"* (*Nga - Việt Nam: Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược)* (2012) của tác giả Mazyrin Vladimir, trong cuốn sách ASEAN - RUSSIA Foundations and Future Prospects, ISEAS [182]. Trên cơ sở trình bày quá trình dẫn đến hai nước Việt Nam và Nga thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, tác giả đã đề cập đến các thành tựu đạt được trên các lĩnh vực kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, và từ đó đưa ra một số triển vọng trong tương lai về mối quan hệ này.

Cuốn "*Russia rebuilds ties with Vietnam" (Nga liên kết lại với Việt Nam)* của tác giả Roberto Tofani, đăng trên ASIA Times Online, ngày 20/11/2013 đã phân tích thực trạng quan hệ Nga - Việt Nam [189]. Tác giả khẳng định, mối quan hệ giữa hai nước đã được cải thiện và không ngừng phát triển, đặc biệt từ khi hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2012. Tác giả nhấn mạnh đến lĩnh vực hợp tác có hiệu quả và tiềm năng lớn giữa hai nước đó là: dầu khí, năng lượng và mua bán vũ khí. Đồng thời tác giả cũng nêu lên những triển vọng và các giải pháp thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam ngày càng phát triển.

Ngoài ra, quan hệ Nga - Việt Nam được trình bày dưới góc độ nghiên cứu chính sách đối ngoại của Nga và tác động đến quan hệ Nga - Việt Nam, như cuốn: *"What Russia's Turn to the East Means for Southeast Asia" (Sự quay lại hướng Đông của Nga có ảnh hưởng gì đối với Đông Nam Á)* (2015) của tác giả Storey Ian [187]. Trong công trình này, tác giả phân tích mối quan hệ của Nga đối với một số nước châu Á, đồng thời nêu lên tác động của chính sách hướng Đông của Nga đối với ĐNA trong đó có Việt Nam.

Thông qua thực tế tiếp cận và quá trình xử lý nguồn tư liệu, chúng tôi thấy rằng, các công trình đề cập về quan hệ Nga - Việt Nam ở nước ngoài rất phong phú về số lượng. Các tác giả đã tái hiện một cách sinh động mối quan hệ song phương Nga và Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, các nhà khoa học đã phân tích, kiến giải những nét đặc thù của mối quan hệ này, nêu lên những tiềm năng và lợi ích,

đồng thời cũng trình bày những hạn chế, giải pháp khắc phục và triển vọng về quan hệ giữa Nga và Việt Nam. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu một cách cụ thể về lĩnh vực chính trị chưa nhiều.

1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết

Thông qua việc tiếp cận các công trình nghiên cứu có liên quan đến quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

1.3.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu

Một là: Bằng nhiều cách tiếp cận, dưới nhiều góc độ khác nhau, chủ yếu thông qua nghiên cứu về mối quan hệ toàn diện Nga - Việt Nam, các công trình đã đề cập đến quan hệ giữa hai nước trên lĩnh vực chính trị và kinh tế với các cấp độ và mức độ khác nhau. Trong quá trình tiếp cận và xử lý tài liệu phục vụ đề tài luận án, chúng tôi chưa tiếp cận được công trình nào mang tính chuyên khảo tập trung nghiên cứu về quan hệ chính trị và kinh tế giữa Nga và Việt Nam một cách chi tiết và hệ thống từ khi hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược vào năm 2001 đến năm 2015.

Hai là: Với nguồn tài liệu ở Việt Nam và nước ngoài mà chúng tôi đã tiếp cận, chưa thấy công trình nào tập trung nghiên cứu chuyên biệt về quan hệ Nga - Việt Nam trên lĩnh vực chính trị. Quan hệ chính trị phần lớn chỉ mới trình bày một cách khái quát trong các công trình nghiên cứu tổng thể về quan hệ Nga - Việt Nam nhân các cuộc thăm viếng, trao đổi các phái đoàn lãnh đạo cấp cao giữa hai nước, chưa dành một dung lượng lớn bàn sâu về các cuộc gặp gỡ, trao đổi, thảo luận của các vị lãnh đạo cấp cao hai nước.

Ba là: Nếu như các công trình nghiên cứu về quan hệ Nga - Việt Nam trên lĩnh vực chính trị chưa nhiều, thì lĩnh vực kinh tế lại thu hút được rất nhiều học giả quan tâm nghiên cứu và có số lượng công trình nhiều hơn cả. Các công trình đã phân tích, đánh giá thực trạng quan hệ kinh tế giữa Nga và Việt Nam trên hai lĩnh vực thương mại và đầu tư, thông qua phân tích các bảng thống kê và biểu đồ. Từ đó các tác giả đưa ra những nhận xét về thành tựu, hạn chế và triển vọng của mối quan hệ này. Lĩnh vực du lịch chưa thấy nhiều trong các công trình nghiên cứu về quan hệ kinh tế Nga - Việt Nam.

Bốn là: Ngoài vấn đề trọng tâm nghiên cứu về quan hệ Nga - Việt Nam trên hai lĩnh vực chính trị, kinh tế mà chúng tôi đã tiếp cận được, thì quan hệ Liên Xô -

Việt Nam, và chính sách đối ngoại của Nga và Việt Nam đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Những công trình này tuy không phải là vấn đề chính mà luận án đề cập tới, song đó là nguồn tư liệu đã giúp chúng tôi có những thông tin cần thiết để tham khảo về các giai đoạn trước trong quá trình tiến hành luận án.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết

Tiếp thu, kế thừa những thành quả nghiên cứu của các học giả đi trước trong và ngoài nước như đã trình bày ở trên, trong luận án này, chúng tôi tập trung để giải quyết các vấn đề sau:

- Phân tích những nhân tố tác động đến quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015, trong đó trình bày theo hệ thống: nhân tố bên ngoài (tình hình thế giới và bối cảnh khu vực CA - TBD), nhân tố bên trong (đề cập đến tình hình kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại của Nga và Việt Nam, cũng như chính sách đối ngoại của mỗi nước đối với nhau), và nhân tố lịch sử (trình bày quan hệ Liên Xô - Việt Nam trước năm 1991, và quan hệ Nga - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2001).

- Trình bày mối quan hệ giữa hai nước Nga và Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 trên lĩnh vực chính trị và kinh tế

- Trên cơ sở thực tiễn quan hệ hai nước trên lĩnh vực chính trị và kinh tế, bước đầu luận án sẽ rút ra nhận xét về kết quả đã đạt được cả về thành tựu, hạn chế, và nguyên nhân. Từ đó rút ra những đặc điểm của quan hệ Nga - Việt Nam trên hai lĩnh vực chính trị và kinh tế từ năm 2001 đến năm 2015, nêu lên những tác động của mối quan hệ này đối với mỗi nước, với khu vực CA - TBD và ĐNA.

Chương 2
CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ NGA - VIỆT NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2015

2.1. Nhân tố bên ngoài

2.1.1. Tình hình thế giới

Thứ nhất, tình hình quốc tế những năm đầu thế kỷ XXI bị chi phối bởi tính phức tạp của quá trình vận động hình thành trật tự thế giới mới.

Sự sụp đổ của hệ thống XHCN ở Liên Xô và Đông Âu (1989 - 1991) đã tác động to lớn đến cục diện thế giới và quan hệ quốc tế trên toàn cầu. Trật tự hai cực Yalta sau hơn bốn thập kỷ tồn tại đã kết thúc. Mỹ nghiễm nhiên trở thành siêu cường duy nhất còn lại. Cơ cấu địa - chính trị và sự phân bố quyền lực toàn cầu bị đảo lộn, quan hệ thế giới nổi lên hai khuynh hướng đối nghịch: Mỹ chủ trương một thế giới đơn cực, muốn vươn lên lãnh đạo thế giới; một số nước lớn khác như Nga, Trung Quốc, EU, Nhật Bản đấu tranh cho một thế giới đa cực, mà ở đó tham vọng bá quyền của Mỹ được kiềm chế. Vấn đề này tác động mạnh đến đường lối, chính sách đối nội, đối ngoại của các quốc gia dân tộc trên thế giới, trong đó có Nga và Việt Nam.

Thứ hai, đối đầu về ý thức hệ không còn là ưu tiên số một, thay vào đó là xu thế hợp tác và cạnh tranh về kinh tế, bình thường hóa, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, phù hợp với xu thế hòa dịu trên quy mô toàn cầu.

Kinh tế được xem là sức mạnh hàng đầu ngày càng trở thành xu hướng chính của mỗi quốc gia, bởi muốn đánh giá thực lực quốc gia, tiêu chí đầu tiên là kinh tế. Xu hướng này cho thấy sự cần thiết phải điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng chú trọng kinh tế, đẩy nhanh cuộc cách mạng khoa học và công nghệ làm khâu đột phá cho việc xây dựng thực lực quốc gia. Điều đó buộc các nước không chỉ thay đổi về cơ cấu kinh tế mà phải điều chỉnh quan hệ quốc tế theo hướng có lợi cho mình. Đáp ứng xu thế trên, cả Nga và Việt Nam đều phải thi hành chính sách mở cửa, hợp tác, giao lưu kinh tế và tất yếu phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh gay gắt không cân sức.

Song song với xu thế toàn cầu hóa kinh tế là xu thế liên kết khu vực phát triển mạnh mẽ. Sự xuất hiện các tổ chức liên kết kinh tế khu vực như: Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA), EU, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR), Hiệp hội tự do thương mại Mỹ Latinh (FTA)... Nhiều diễn đàn hợp tác liên châu lục được hình thành như APEC, ASEM, EAEU (Liên minh

kinh tế Á - Âu)... Sự phát triển của các khu vực liên kết kinh tế, các Hiệp định thương mại, các thỏa thuận thương mại tự do song phương có ý nghĩa quan trọng đối với tất cả các quốc gia, tạo cơ hội thuận lợi trong việc phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, vai trò ngày càng tăng của các tổ chức kinh tế có quy mô toàn cầu như IMF, WTO, WB... các công ty xuyên quốc gia, công ty đa quốc gia cũng ngày càng chiếm vai trò điều chỉnh to lớn nền kinh tế của từng nước, từng khu vực và trên toàn thế giới. Vì thế phương thức tập hợp lực lượng trên thế giới cũng bị chi phối trước hết và chủ yếu từ lợi ích kinh tế - chính trị của các quốc gia, trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh cùng tồn tại hòa bình. Xu thế này đã thúc đẩy các quan hệ song phương và đa phương, tăng cường sự liên kết giữa các quốc gia, các khu vực trên thế giới, mà Nga và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Mặt khác, đây cũng là nhân tố có tác động lớn, chi phối chính sách đối ngoại của từng quốc gia trên thế giới, trong đó, có sự thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam phát triển.

Cuộc khủng hoảng tài chính bùng phát tại Mỹ vào năm 2008, sau đó nhanh chóng tác động tới các nước công nghiệp phát triển rồi lan rộng ra toàn cầu khiến tăng trưởng kinh tế thế giới giảm mạnh, nhiều nước phát triển trải qua mức tăng trưởng âm hoặc không tăng trưởng. Nếu như vào đầu thập niên thứ nhất của thế kỷ XXI, Mỹ ở đỉnh cao của sự phát triển kinh tế và thịnh vượng, thì đến cuối thập niên, kinh tế Mỹ đã có sự thay đổi. Theo số liệu của Quỹ Tiền tệ quốc tế, khi bước sang thế kỷ XXI, nước Mỹ chiếm 32% GDP của thế giới thì đến cuối thập niên đầu của thế kỷ này, con số đó chỉ còn 24%; thu nhập trung bình của mỗi hộ dân Mỹ năm 2000 là 52.500,0 USD, đến năm 2008 giảm xuống mức 50.303,0 USD; Đầu thế kỷ XXI, ngân sách của Mỹ không bị thâm hụt, nhưng sau 10 năm, thâm hụt ngân sách chiếm 10% GDP [107]. Nhiều nước trên thế giới, trong đó có Nga và Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008. Vì thế, giải pháp hữu hiệu nhất không chỉ riêng Mỹ mà tất cả các quốc gia trên thế giới đều có xu hướng tăng cường quan hệ hợp tác, xích lại gần nhau để thu hút các nhà đầu tư tiềm năng, các nguồn lực mạnh mẽ bên ngoài, và tận dụng những lợi thế từ các nước khác nhau trên thế giới để nhanh chóng khắc phục khó khăn về kinh tế, phát triển đất nước. Trong khi Nga đang thực hiện chính sách phục hồi vị trí cường quốc của mình, thì việc mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam là một nhu cầu tất yếu. Về phía Việt Nam, luôn đặt ra mục tiêu tăng cường quan hệ với Nga, bởi từ lâu, Nga và Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong lĩnh vực đầu tư, đặc biệt là dầu khí. Vì thế, để nhanh chóng vượt qua ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính nói riêng và phát triển đất nước nói chung, Nga và Việt Nam đều có xu hướng hợp tác với nhau.

Bên cạnh đó, bước sang thế kỷ XXI, đa số các nước trước đây theo mô hình kinh tế bao cấp, từng bước đã chuyển sang việc thừa nhận và xây dựng nền kinh tế thị trường theo lộ trình và tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi nước. Ở một mức độ nhất định, có thể nói kinh tế thị trường đã trở thành mẫu số chung trong lộ trình phát triển kinh tế của đa số các quốc gia trên thế giới. Đó cũng được coi là chất xúc tác tạo xung lực mới thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế phát triển mạnh mẽ cả về tốc độ, quy mô, bề rộng và chiều sâu, trở thành xu thế khách quan, tất yếu đối với các quốc gia trên thế giới, mà Nga và Việt Nam cũng không nằm ngoài vòng quay này. Xu thế hợp tác bên cạnh sự cạnh tranh giữa các nước, các quốc gia có chế độ chính trị khác nhau được đẩy mạnh.

Thứ ba, sự phát triển đầy "ngoạn mục" của các cường quốc với vị thế toàn cầu trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI và vấn đề quan hệ giữa các nước lớn trở thành nhân tố quan trọng tác động đến sự phát triển của các nước trên thế giới.

Mặc dù chưa thể lấy lại được vị thế và thực lực siêu cường của Liên Xô trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, nhưng sự lớn mạnh với tính tự cường vào cuối thập niên đầu của thế kỷ XXI đã làm thay đổi diện mạo của Nga trên trường quốc tế. Hệ thống chính trị được củng cố, nền kinh tế Nga được vực dậy, uy thế quân sự phục hồi, nước Nga trở thành một trong mười nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới. Điều đó biến Nga trở thành đối thủ lớn trong chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Cũng trong thập kỷ này, Trung Quốc đã có sự trỗi dậy một cách mạnh mẽ, trở thành nước có nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, sau Mỹ (Xem thêm: Phụ lục bảng biểu - bảng 5). Sự vươn lên của Trung Quốc trong thập kỷ qua đã trở thành đối trọng, nguy cơ "phá tan" giấc mộng bá chủ toàn cầu của Mỹ, sẵn sàng cạnh tranh với Mỹ trên phạm vi khu vực và toàn thế giới.

Bên cạnh Nga, Trung Quốc, thế giới còn chứng kiến sự nổi lên nhanh chóng của Ấn Độ. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, Chính phủ Ấn Độ đặc biệt chú trọng đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao làm chỗ dựa vững chắc cho nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực chinh phục và khai thác khoảng không vũ trụ, đưa nền kinh tế Ấn Độ phát triển với tốc độ nhanh. Trong mười năm qua (2005 - 2015), GDP của Ấn Độ liên tục tăng trưởng trung bình 6%/năm. Năm 2015, GDP của Ấn Độ đạt 2.248,0 tỷ USD, đứng vị trí thứ 8 của nền kinh tế thế giới (Xem thêm: Phụ lục bảng biểu - bảng 5). Dự báo nếu tiếp tục duy trì với nhịp độ đó, đến năm 2025, Ấn Độ sẽ trở thành nền kinh tế đứng thứ 3 thế giới, sau Trung Quốc và Mỹ.

Nhật Bản cùng với EU cũng đang tìm cách thoát khỏi "cái ô an ninh" của Mỹ, tích cực xây dựng hình ảnh nước lớn về chính trị để có thể cạnh tranh với Mỹ [95]. Rõ ràng, sự phát triển mạnh mẽ của các quốc gia nêu trên trở thành đối thủ cạnh tranh với Mỹ trong cuộc chạy đua giành vị trí bá chủ thế giới, góp phần chi phối sức mạnh của Mỹ đang chiếm ưu thế và tác động trực tiếp đến quan hệ quốc tế, cũng như tác động đến chính sách đối ngoại của các nước trong đó có Nga và Việt Nam. Không chỉ Nga và Việt Nam, mà tất cả các nước trên thế giới cần tạo ra sự hợp tác đan xen, ràng buộc lợi ích lẫn nhau để bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc, nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro, tăng cường tốt nhất các lợi ích cho mình. Vì thế, đây cũng là nhân tố thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam ngày càng gắn bó. Đối với Việt Nam, thực hiện cân bằng về lợi ích trong quan hệ với các nước lớn là nguyên tắc, là một trong những tư tưởng chỉ đạo chiến lược, nhưng cũng cần đánh giá đúng vị trí, vai trò của từng cường quốc trong những giai đoạn khác nhau để tìm ra giải pháp tối ưu [107].

Bên cạnh sự trỗi dậy của các cường quốc, quan hệ giữa các nước lớn đã tác động không nhỏ đến cục diện quốc tế trong thế kỷ XXI. Các nước lớn không phải là một khối thống nhất, mà là một tập hợp đầy mâu thuẫn. Sau sự kiện 11/9/2001[1], các nước này đều điều chỉnh chính sách để duy trì, mở rộng ảnh hưởng, giành giật lợi ích về nhiều mặt. Quan hệ giữa các nước lớn rất đa dạng về cấp độ: đồng minh, đối tác chiến lược, đối thủ… Đồng thời, cấp độ và mức độ quan hệ luôn thay đổi, chuyển hóa hết sức phức tạp. Đặc biệt, bước sang thế kỷ XXI, quan hệ giữa các nước lớn diễn ra theo chiều hướng vừa đấu tranh vừa hợp tác vì lợi ích riêng của mỗi nước, nhìn chung các nước lớn đều tránh đối đầu với Mỹ. Quan hệ của Nga cũng như của Việt Nam với các nước lớn có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển quan hệ Nga - Việt Nam.

Thứ tư, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hóa tác động sâu sắc tới mọi mặt trong tiến trình phát triển của mọi quốc gia trên thế giới.

Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và xu thế toàn cầu hóa không chỉ thúc đẩy lực lượng sản xuất của thế giới và các lĩnh vực đời sống xã hội phát triển mạnh, chuyển giao công nghệ, phân công lao động quốc tế, mà còn thúc đẩy các quan hệ song phương và đa phương, tăng cường sự hợp tác, dựa vào nhau, thâm nhập lẫn nhau giữa các quốc gia, các khu vực trên thế giới [61, tr.67]. Với tư cách là một xu thế khách quan, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa lôi cuốn hầu

[1] Ngày 11/9/2001, những chiếc máy bay khủng bố lao vào tòa tháp đôi của Trung tâm Thương mại thế giới và Lầu Năm góc của nước Mỹ.

hết mọi quốc gia tham gia, bất luận ở trình độ phát triển nào, trong đó cả Nga và Việt Nam đều phải chủ động, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm tranh thủ cơ hội, tìm kiếm vị trí có lợi nhất cho mình, đồng thời hạn chế thấp nhất những nguy cơ, thách thức. Mặt khác, xác lập quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt Nam giúp hai nước có thể bổ sung, hỗ trợ cho nhau trong quá trình hội nhập quốc tế để phát triển. Đặc biệt Nga là một nước có khoa học - công nghệ tiên tiến, việc tăng cường quan hệ với Nga tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam tham gia vào cuộc chạy đua về công nghệ.

Thứ năm, sự tồn tại và bùng nổ các vấn đề an ninh phi truyền thống như: chủ nghĩa khủng bố quốc tế, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chủ nghĩa ly khai,... cũng tác động lớn đến môi trường an ninh thế giới, đặt ra nhiều thách thức cho nhiều nước, trong đó có Nga và Việt Nam.

Vào tháng 6/2014, Nhà nước Hồi giáo tự xưng (IS) ra đời, trở thành một dạng khủng bố kiểu mới chưa từng có trước đây. Tổ chức này cực đoan hơn, tinh vi hơn, có tổ chức hơn, và nguy hiểm hơn so với các lực lượng khủng bố trước đó. Nhiều lực lượng khủng bố nhỏ hơn, nhưng không kém phần tàn bạo đã liên kết với Al-Qaeda và IS kết thành mạng lưới khủng bố lớn nhất thế giới. Với sự xuất hiện của IS, "khủng bố hiện nay mang diện mạo một quốc gia (dù không được ai công nhận), có lãnh thổ, có dân cư, có tổ chức chính quyền" và có các nguồn thu lớn từ bán dầu mỏ, quyên góp, bắt cóc tống tiền, bán đồ cổ... Các vụ khủng bố đánh bom liều chết đã vượt ra khỏi Trung Đông, lan rộng khắp các châu lục. Mỹ và nhiều nước châu Á, châu Âu (đặc biệt là Pháp) liên tiếp hứng chịu các cuộc khủng bố khiến nhiều dân thường bị thiệt mạng. Theo số liệu thống kê của Liên Hợp Quốc, tính từ năm 2001 đến 2015, trên thế giới đã xảy ra trên 5.770 vụ khủng bố ở các quy mô khác nhau [95]. Điều đáng nói là IS lại sinh sôi tại chính quốc gia Trung Đông, nơi Mỹ lựa chọn là tuyến đầu để tấn công, tiêu diệt khủng bố. Điều này đã ảnh hưởng bất lợi đến Nga, Việt Nam và quan hệ của hai nước này. Các lực lượng Hồi giáo cực đoan cũng đã lan sang nước Nga, làm cho tình hình kinh tế, xã hội của Nga gặp không ít khó khăn, ít nhiều ảnh hưởng đến việc tập trung mọi nguồn lực cho việc tăng cường công tác đối ngoại của nước này. Vì thế yêu cầu cấp bách đặt ra cho tất cả các nước, trong đó có Nga và Việt Nam phải điều chỉnh chính sách đối ngoại thích hợp, phải có tính cơ động, linh hoạt trong quan hệ hợp tác để kịp thời ứng phó, nhằm bảo vệ an ninh và lợi ích quốc gia dân tộc, cùng với hội nhập quốc tế một cách hiệu quả.

Như vậy, đứng trước bối cảnh thế giới đầy phức tạp như đã nêu trên, quan hệ Nga - Việt Nam đứng trước những cơ hội và thách thức mới đan xen. Tính chủ đạo của

xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa, cuộc đấu tranh thiết lập trật tự thế giới mới, cuộc cạnh tranh mở rộng ảnh hưởng của các nước lớn, cùng với nhu cầu hợp tác giải quyết nhiều vấn đề mang tính chất toàn cầu... đang tạo ra nhiều xung lực mới cho việc củng cố, tăng cường hợp tác chiến lược Nga - Việt Nam trong tình hình mới. Điều đó đòi hỏi mỗi quốc gia phải biết tận dụng tối đa những cơ hội, đồng thời phải linh hoạt trong quan hệ hợp tác giữa các nước để hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng bất lợi nhằm đạt được lợi ích riêng của mỗi nước và bảo vệ hòa bình, an ninh của khu vực và thế giới.

2.1.2. Bối cảnh khu vực châu Á - Thái Bình Dương

2.1.2.1. Tình hình kinh tế, chính trị - an ninh của khu vực châu Á - Thái Bình Dương

Bước sang thế kỷ XXI, CA - TBD trở thành khu vực phát triển năng động của thế giới. CA - TBD không chỉ là khu vực có dân số lớn nhất thế giới (chiếm khoảng 1/2 dân số thế giới), mà còn là một khu vực có nền kinh tế phát triển sôi động và đóng vai trò đầu tàu trong vấn đề liên kết kinh tế thế giới. Tổng lượng kinh tế của các thành viên APEC chiếm 54% kinh tế thế giới, 44% kim ngạch thương mại toàn cầu [89]. CA - TBD còn là khu vực có trữ lượng dầu mỏ, khí đốt lớn và là nơi tập trung những nền kinh tế trỗi dậy mạnh mẽ như Trung Quốc, Ấn Độ… Trong những thập kỷ vừa qua, ở khu vực CA - TBD, thế giới đã chứng kiện sự phát triển "thần kỳ" của Đông Á với tư cách là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới, khu vực này chiếm gần 2/5 tăng trưởng toàn cầu trong năm 2015, (gấp hơn hai lần so với tốc độ tăng trưởng của các nước đang phát triển tại tất cả các khu vực khác cộng lại) [23]. Sự tăng trưởng này bắt đầu từ Nhật Bản trong những năm 1960; tiếp đó là các nền kinh tế đang công nghiệp hóa mới ở châu A' (NICs) như Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và Singapore; và một số nước ASEAN như Malaysia, Thái Lan, Indonesia và gần đây là các nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi mạnh như Việt Nam… CA - TBD còn là khu vực phục hồi nhanh nhất và đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất sau những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu. Sự tăng trưởng chung của khu vực này dự báo vượt tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới nhờ nhu cầu nội địa và thương mại nội khối tăng, giúp bù đắp sự suy giảm xuất khẩu sang các nền kinh tế phát triển. Từ năm 1989 - 2012, GDP thực tế của khu vực CA - TBD đã tăng từ 15.700,0 tỷ USD lên 30.300.0 tỷ USD, GDP bình quân đầu người tăng 36%. Thương mại hàng hóa nội khối tăng 7 lần, từ 1.700,0 tỷ USD năm 1989 lên 11.500,0 tỷ USD năm 2014; Năm 2014, xuất khẩu của khu vực CA - TBD chiếm 30% tổng lượng xuất

khẩu của thế giới, kim ngạch thương mại mỗi năm giữa khu vực CA - TBD và Mỹ vượt 1000,0 tỉ USD, dự trữ ngoại hối chiếm 2/3 tổng lượng của thế giớ [31]. Điều này làm cho vị thế của CA - TBD ngày càng trở nên quan trọng trên thế thới.

Sự phát triển năng động của khu vực CA - TBD không chỉ mang lại cơ hội cho tất cả các quốc gia thành viên của khu vực, thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam ngày càng được tăng cường, mà còn không ngừng thu hút mối quan tâm của các đối tác ngoài khu vực, trong đó có Nga. Nga nhận thấy CA - TBD không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế mà còn nâng vị thế chính trị khi Nga mở rộng quan hệ hợp tác song phương và đa phương với khu vực này. Trong đó, Việt Nam chính là "cầu nối" giúp Nga tiến sâu vào ĐNA. Việt Nam được xem là nhân tố quan trọng trong chính sách trở lại ĐNA của Nga. Cũng vì vị trí địa chính trị - kinh tế quan trọng của ĐNA nên khi bước sang thế kỷ XXI, CA - TBD trở thành mục tiêu của sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của các nước lớn, làm gia tăng cạnh tranh của các nước này tại khu vực. Sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn đặt các nước trong khu vực, nhất là các nước vừa và nhỏ đứng trước thách thức về đối nội và đối ngoại; phần nào ảnh hưởng tới những kết quả hợp tác, đối thoại, sự đoàn kết trong ASEAN, một số nước thành viên ASEAN gặp những phức tạp trong nội bộ, như mâu thuẫn, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai. Vì thế, các nước này buộc phải điều chỉnh chính sách đối ngoại phù hợp với tình hình mới.

Môi trường an ninh ở khu vực CA - TBD ngày càng gia tăng bất ổn. Các vụ tranh chấp về biển, đảo giữa các nước như tranh chấp quần đảo Nam Kuril giữa Nga và Nhật Bản, tranh chấp lãnh hải giữa Trung Quốc và Nhật Bản, giữa Nhật Bản và Hàn Quốc, giữa Trung Quốc với Việt Nam, Trung Quốc với Philippines, với Brunei, và với Malaysia trên Biển Đông… Quan hệ Đài Loan - Trung Quốc; khủng hoảng chính trị và sự thay đổi chính quyền ở một số nước trong những năm đầu thế kỷ XXI (Thái Lan, Indonesia, Campuchia…), cũng như vấn đề chế độ quân sự ở Myanmar… chủ nghĩa khủng bố quốc tế, xung đột sắc tộc, tôn giáo, nghèo đói, thảm họa thiên tai… vẫn tiềm ẩn nguy cơ căng thẳng trong các mối quan hệ song phương hoặc đa phương ở CA - TBD. Có thể nói, sự gia tăng tính bất ổn ở khu vực CA - TBD đã khiến khu vực này trở thành một trong những tâm điểm về an ninh toàn cầu, đặc biệt là trong bối cảnh Trung Quốc đẩy mạnh chiến lược "trỗi dậy hòa bình"[1] và ngày càng quyết đoán trong giải quyết các vấn đề khu vực. Vì

[1] "Trỗi dậy hòa bình" là luận thuyết được sử dụng rộng rãi trong các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước Trung Quốc, nhằm trấn an thế giới về sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc không gây phương hại đến lợi

thế, việc đảm bảo an ninh và lợi ích quốc gia ở khu vực này trở thành nhiệm vụ trọng tâm của một số nước lớn, trong đó có Nga. Các nước này đã có sự thay đổi trong chính sách đối ngoại, quay trở lại CA - TBD. Điều này đã tác động trực tiếp tới quá trình củng cố và phát triển quan hệ Nga - Việt Nam.

CA - TBD trở thành khu vực chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có sự hợp tác, vừa có cạnh tranh. Hợp tác trong khu vực CA - TBD có nhiều tầng nấc và cấp độ khác nhau: từ hợp tác song phương, đa phương, đến hợp tác theo khối nước như ASEAN "10+1", ASEAN "10+3", Hội nghị thượng đỉnh Đông Á, Hợp tác kinh tế tiểu vùng sông Mê Kông... hoặc hợp tác liên khu vực như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), khu vực thương mại tự do Đông Bắc Á... cùng với những thỏa thuận thương mại tự do song phương và đa phương như AFTA, NAFTA... nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tự do hóa, thuận lợi hóa thương mại và đầu tư cho tất cả các quốc gia trong khu vực.

Hợp tác trong khu vực CA - TBD được thông qua Diễn đàn hợp tác kinh tế CA - TBD (APEC), thành lập vào tháng 11/1998, Nga và Việt Nam đều là thành viên chính thức[1]. APEC có 21 nền kinh tế thành viên từ 4 châu lục. Mục tiêu cơ bản của APEC nhằm xây dựng cộng đồng CA - TBD năng động, gắn kết thông qua thúc đẩy tự do hóa thương mại và đầu tư, liên kết kinh tế khu vực, hợp tác kinh tế - kỹ thuật, bảo đảm an ninh con người, và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và bền vững [42]. Sự phát triển hợp tác ở khu vực CA - TBD và châu Á hiện nay còn có sự đóng góp của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO)[2] và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Tất cả các tổ chức này đều song trùng tồn tại, ph át triển và cạnh tranh, bổ sung, thúc đẩy nhau trong cấu trúc an ninh khu vực.

ích của Mỹ, phương Tây và Nhật Bản, mà là nhân tố thúc đẩy sự phát triển của khu vực và thế giới. Từ sau Diễn đàn châu Á tại Bác Ngao (11/2003), luận thuyết này được điều chỉnh thành "phát triển hòa bình".

[1] Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được 12 thành viên thuộc khu vực CA - TBD sáng lập tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao và Kinh tế tổ chức ở Canberra tháng 11/1989, theo sáng kiến của Australia. Các thành viên sáng lập là Mỹ, Nhật, Australia, New Zealand, Canada, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines, Singapore, Bruney, Indonesia và Malaysia. Tháng 11/1991 kết nạp thêm Trung Quốc, lãnh thổ Hồng Kông và Đài Loan; tháng 11/1993 thêm Papua New Guinea, Mexico; tháng 11/1994 thêm Chile và tạm ngừng thời hạn xét kết nạp thành viên trong 3 năm; đến tháng 11/1998 kết nạp thêm Việt Nam, Liên bang Nga và Peru, đồng thời APEC quyết định tạm ngừng thời hạn xem xét kết nạp thành viên mới thêm 10 năm nữa để củng cố tổ chức. Đến nay có thêm 9 nền kinh tế đã xin gia nhập APEC là: Ấn Độ, Pakystan, Ma Cao, Mông Cổ, Panama, Colombia, Sri Lanka, Ecuador, Costa Rica. Trong số ba thành viên ASEAN chưa phải là thành viên của APEC, Cambodia và Lào đã thông qua Việt Nam bày tỏ mong muốn gia nhập APEC. Năm 2007 khi thời hạn ngừng kết nạp thành viên mới hết hiệu lực, APEC sẽ thảo luận vấn đề kết nạp thành viên mới.

[2] Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) được thành lập năm 2001, với 6 thành viên chính thức gồm Trung Quốc, Nga, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan và Uzbekistan, 4 nước quan sát viên là Mông Cổ, Pakystan, Iran và Ấn Độ.

Song song với các tổ chức hợp tác ở CA - TBD là sự cạnh tranh giữa các nhóm nước có chung lợi ích và mức độ ảnh hưởng về kinh tế cũng như chính trị. Với sự phát triển năng động của khu vực CA - TBD, các nước lớn đều có sự điều chỉnh chính sách riêng để đối phó và thích ứng với một thế giới chuyển động không ngừng, trong đó tâm điểm của sự dịch chuyển đang "nghiêng" về CA - TBD. Tại khu vực này, xu hướng liên kết đa tầng nấc, đa lĩnh vực tiếp tục được thúc đẩy mạnh, trong đó Trung Quốc và Mỹ đều thể hiện vai trò tiên phong ngày càng rõ nét. Ngoài ra, các nước lớn khác cũng nhận thấy tiềm năng hợp tác phát triển kinh tế ở khu vực CA - TBD là rất lớn, điều đó đã thúc đẩy các nước này, trong đó có Nga đã có sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của mình, một trong những ưu tiên đối ngoại được đặt lên hàng đầu đó là hội nhập với CA - TBD. Nga cần tăng cường quan hệ với các nước trong khu vực CA - TBD, đặc biệt là ASEAN, trước hết là với Việt Nam, để nâng tầm ảnh hưởng của mình ở khu vực, đồng thời phát triển bền vững về thế và lực trong bối cảnh toàn cầu mới. Để thực hiện mục tiêu đó, không ai khác ngoài người bạn truyền thống - Việt Nam có thể làm "cầu nối" để Nga xích lại gần hơn với CA - TBD. Đó chính là một trong những tác động làm cho quan hệ Nga - Việt Nam ngày càng chuyển biến tích cực.

2.1.2.2. Cạnh tranh ảnh hưởng giữa Mỹ, Nga và Trung Quốc ở châu Á - Thái Bình Dương

Với vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế quan trọng hàng đầu thế giới, CA - TBD trở thành tâm điểm của sự gia tăng lực lượng giữa các nước lớn, nhất là Trung Quốc và Mỹ, khiến hình thái cạnh tranh và hợp tác giữa các nước này ngày càng quyết liệt hơn.

Đối với Mỹ, CA - TBD được coi là khu vực liên quan trực tiếp đến an ninh quốc gia và vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ. Tổng thống Mỹ G. Busơ đã nhiều lần tuyên bố, đối với nước Mỹ hiện nay, không có khu vực nào quan trọng hơn là khu vực CA - TBD [118]. Từ khi lên cầm quyền, Chính quyền B. Obama đã không ngừng vạch ra kế hoạch và điều chỉnh chiến lược an ninh CA - TBD. Đáng chú ý nhất là đầu năm 2011, Tổng thống Mỹ B. Obama tuyên bố chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu sang CA - TBD. Mục đích chiến lược CA - TBD của Mỹ nhằm thực hiện bá quyền khu vực bằng các biện pháp khôn khéo về kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao nhằm gây sức ép buộc các nước khác phải khuất phục trước tham vọng thiết lập một trật tự thế giới "đơn cực" do Mỹ lãnh đạo. Thực hiện chủ trương đó, Mỹ không ngừng củng cố hợp tác với Nhật Bản; Mỹ cũng muốn củng cố và thắt chặt quan hệ đồng minh với Australia, New Zealand; Đặc biệt, Mỹ rất chú ý đến Trung

Quốc, bởi theo cách đánh giá của Mỹ thì Trung Quốc là một trong những đối thủ chủ yếu, cho nên Mỹ tập trung làm suy yếu về chính trị và cạnh tranh ảnh hưởng về kinh tế của Trung Quốc. Một mặt, Mỹ thực hiện mở rộng mức độ kiềm chế và bao vây, mặt khác, Mỹ cũng coi trọng lợi ích kinh tế ở thị trường mới mẻ của Trung Quốc với số dân hơn 1 tỉ người. Sự lớn mạnh của Trung Quốc vừa tạo cơ hội để Mỹ đầu tư và xuất khẩu hàng hóa vào Trung Quốc, nhưng đồng thời cũng tạo ra mối đe dọa đối với sự cạnh tranh ảnh hưởng kinh tế của Mỹ ở khu vực CA - TBD. Bên cạnh đó, Mỹ cũng tỏ ra lo lắng trước sự "lớn mạnh không ngừng" của quân đội Trung Quốc và sự "tăng lên nhanh chóng" của chi phí quân sự, cũng như những "hoạt động liên tiếp" của hải quân Trung Quốc ở Biển Đông. Vì thế, Mỹ đặt trọng tâm phòng ngừa đối thủ chiến lược trước hết là Trung Quốc, bởi theo Mỹ, đây là một nước lớn đang chứa đựng những tiềm năng phát triển mạnh về nhiều mặt ở khu vực CA - TBD nói riêng và trên thế giới nói chung trong thế kỷ XXI.

Về phía Trung Quốc, CA - TBD cũng được xem là khu vực có tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, chính trị và an ninh của Trung Quốc. Mục tiêu và cũng là chính sách của Trung Quốc đối với CA - TBD là tăng cường hợp tác với các nước, xây dựng CA - TBD thành một khu vực hoà bình, hợp tác và phát triển. Kể từ Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc (năm 2012), dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình, Trung Quốc chủ trương thực hiện "giấc mộng Trung Hoa" [29], trở thành cường quốc hàng đầu thế giới vào năm 2049 - thời điểm tròn 100 năm thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Thực hiện chủ trương đó, Trung Quốc ngày càng tỏ ra quyết đoán hơn trong việc bảo vệ các lợi ích quốc gia của mình, đẩy mạnh triển khai chính sách đối ngoại dựa trên hai trụ cột là "ngoại giao nước lớn" và "ngoại giao láng giềng". Trung Quốc tập trung vào quan hệ với Mỹ, đồng thời thúc đẩy quan hệ với Nga, EU; và chủ động đề ra nhiều sáng kiến mới. Năm 2014, Trung Quốc công bố sáng kiến "Vành đai, Con đường"[1], bắt nguồn từ ý tưởng xây dựng "Vành đai kinh tế con đường tơ lụa trên bộ"(SREB). Sáng kiến này do Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình đề xướng, được coi là một kế hoạch dài hơi để ứng phó với chiến lược "xoay trục" và chính sách "Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương" của Mỹ. Sáng kiến "Vành đai,

[1] Tháng 11/2014, tại Hội nghị thượng đỉnh Diễn đàn Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 22 được tổ chức tại Bắc Kinh, Trung Quốc chính thức đưa ra sáng kiến "Vành đai kinh tế Con đường tơ lụa" và "Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI", được gọi tắt là sáng kiến "Vành đai, con đường". Sáng kiến này được đánh giá là một sản phẩm tư duy chiến lược toàn cầu mới trong mục tiêu hướng tới "Giấc mộng Trung Hoa", đưa Trung Quốc trở thành một cường quốc toàn cầu.

Con đường" ra đời đã đẩy cạnh tranh Trung Quốc - Mỹ lên một nấc thang mới và nếu viễn cảnh này trở thành hiện thực thì sẽ là một bước chuyển tiếp mềm cho quá trình chuyển giao quyền lực để sắp xếp lại bàn cờ chính trị thế giới. Để triển khai sáng kiến này, thời gian qua Trung Quốc đã đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt, đường biển ở các nước Trung Á, Nam Á và châu Phi để mở rộng ảnh hưởng của mình. Điều này cho thấy sự lớn mạnh của Trung Quốc ngày một gia tăng sẽ nảy sinh những ảnh hưởng lớn đối với môi trường an ninh châu Á, đồng thời cũng tạo ra những ảnh hưởng đối với lợi ích của Mỹ ở châu Á. Trên thực tế, Trung Quốc đang tìm cách thay thế vị thế bá chủ của Mỹ ở Thái Bình Dương, và trên thế giới. Điều đó đã đã khiến phía Mỹ không khỏi "lo ngại". Như vậy, sáng kiến "Vành đai, Con đường" do Trung Quốc thúc đẩy và chiến lược "Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương" của Mỹ sẽ là hình thái mới của sự cạnh tranh chiến lược giữa hai nước.

Nếu như Mỹ đang lo lắng trước sự lớn mạnh về mọi mặt của Trung Quốc, thì Nga cũng không khỏi băn khoăn về việc Mỹ thực hiện chiến lược "xoay trục" sang CA - TBD và sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc đối với khu vực CA - TBD. Đặc biệt sau khi chính sách "Định hướng Đại Tây Dương" không mang lại hiệu quả thì sự gia tăng hiện diện của Mỹ tại CA - TBD càng thúc đẩy Nga có nhu cầu tiến xa hơn vào khu vực này. Thực chất chính sách đối ngoại của Mỹ về CA - TBD đã trở thành mối đe dọa đến lợi ích chính trị và kinh tế của Nga. Mặc dù quan hệ Nga - Mỹ thể hiện rõ đặc điểm hợp tác kinh tế năng động nhưng thực chất song hành với mối quan hệ này là sự cạnh tranh quyết liệt về mọi mặt ở khu vực CA - TBD. Bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, Mỹ nhanh chóng tiến bước trở lại Châu Á với việc củng cố quan hệ đồng minh truyền thống, tăng cường can dự vào những quốc gia có tầm quan trọng chiến lược, xây dựng quan hệ với Ấn Độ, Inđônêxia, Việt Nam, Mông Cổ, đồng thời ra sức lôi kéo Mianma. Mỹ không muốn Nga mở rộng ảnh hưởng ở khu vực CA - TBD, Mỹ đã sử dụng liên minh Mỹ - Nhật làm trung tâm và các biện pháp khác để ngăn chặn Nga mở rộng ảnh hưởng. Điều này dẫn đến hạn chế Nga thực hiện một số mục tiêu chiến lược ở CA - TBD. Quan hệ giữa Nga với Nhật Bản tồn tại vấn đề tranh chấp lãnh thổ vốn dĩ đã khó cải thiện, thì nay, với sự kìm hãm của Mỹ, quan hệ Nga - Nhật Bản càng trở nên khó khăn, đặc biệt trong việc thu hút tài chính và kỹ thuật từ Nhật Bản của Nga. Thêm vào đó, Nga và Mỹ ngày càng thể hiện xu thế cạnh tranh trong việc mua bán vũ khí, tranh giành ảnh hưởng tại Ấn Độ và Việt Nam.

Để có thể trở thành đối trọng với Mỹ và Trung Quốc trong cán cân quyền lực thế giới, chi phối được nhiều nước, đặc biệt là sử dụng sức mạnh quân sự như là một công cụ sắc bén răn đe lợi hại trong quan hệ quốc tế, Nga buộc phải quay trở về phương Đông chứ không hoàn toàn hướng Tây như trước kia, đặc biệt là khu vực CA - TBD. Đây cũng là một tất yếu khách quan buộc Nga trở lại khu vực này, cân bằng quyền lực với Mỹ và Trung Quốc nhằm hoàn thiện và phát triển bền vững về thế và lực của Nga trong bối cảnh toàn cầu mới. Đơn giản hơn, Nga là quốc gia Á - Âu, trải dài với 9 múi giờ, hơn một nửa lãnh thổ nằm ở châu Á, tiềm năng của Nga phần lớn ở châu Á và chưa được khai thác. Vì thế, đó cũng là một nguyên nhân thúc đẩy Nga hướng tới CA - TBD. Có thể nói, "*chính sách CÁ - TBD chính là một quá trình tự hoàn thiện chiến lược đối ngoại, nhằm đáp ứng nhu cầu tự thân của Nga, trong một khoảng thời gian lịch sử nhất định và luôn vận động, phát triển không ngừng để phù hợp với tình hình mới*" [136].

Tại khu vực CA - TBD, Nga tăng cường những biện pháp an ninh dựa trên nguyên tắc xây dựng quốc phòng, nhằm bảo đảm an ninh biên giới phía Đông và củng cố đối tác chiến lược với Trung Quốc, tiếp tục phát triển hợp tác với Ấn Độ, thúc đẩy quan hệ với Nhật Bản, các nước ASEAN [179, tr.71], trong đó có Việt Nam. Nga chủ trương khai thác tiềm năng các nền kinh tế đang phát triển nhanh ở châu Á để thu hút đầu tư cho phát triển khu vực Siberia và Viễn Đông của Nga. Vì Nga nhận thấy Viễn Đông là khu vực tiềm ẩn nguồn tài nguyên khoáng sản vô cùng phong phú, da dạng, có tầm quan trọng chiến lược đặc biệt trong việc đưa Nga trở thành một siêu cường về nhiều lĩnh vực trên thế giới. Hơn nữa, CA - TBD là thị trường lớn về xuất khẩu năng lượng cũng như thị trường vũ khí trang thiết bị quân sự của Nga. Nga cũng chú trọng phát huy thế mạnh trong cải thiện, nâng tầm quan hệ, hợp tác trong các tổ chức khu vực mà Nga tham gia, như SNG, SCO, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, bảo vệ an ninh, lợi ích quốc gia và phát huy vai trò, vị trí quan trọng của mình ở khu vực.

Cùng với việc phát huy ảnh hưởng tại CA - TBD, Nga có ý đồ sử dụng ưu thế địa chính trị để kết nối chiến lược Âu - Á. Nga sẽ tìm kiếm hợp tác thông qua các nước như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản ở khu vực CA - TBD, thúc đẩy hợp tác với EU ở khu vực châu Âu, tiến tới liên kết trên toàn thị trường lớn Âu - Á từ Lixbon đến Vladivostok. Trong lĩnh vực quan hệ giữa các nước lớn, Nga lo ngại bị các nước lớn như Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản gạt ra ngoài lề trong công việc CA - TBD, trở thành "kẻ ngoài cuộc", hình thành quan hệ đối tác ba bên Mỹ - Nhật - Trung không có sự tham gia của Nga. Trước sự lo lắng đó, trong khi quan hệ Mỹ - Trung Quốc đang ngày càng nổi trội yếu tố cạnh

tranh, còn Mỹ và Nhật đã hình thành liên minh, việc "xích lại gần" với Trung Quốc là phương án tối ưu nhất của Nga lúc này. Để đối phó với Mỹ, giữa Nga và Trung Quốc dường như đã hình thành "mối liên kết tự nhiên", hai bên thiết lập mối quan hệ chiến lược trên mọi lĩnh vực từ chính trị, quân sự đến kinh tế thương mại. Hai bên đã ký và tuyên bố tuân thủ *Hiệp ước Hợp tác láng giềng Trung - Nga* (7/2001); tháng 7/2005, hai bên ký *Tuyên bố chung Trung - Nga về trật tự thế giới thế kỷ XXI*, thể hiện quyết tâm của hai nước muốn nâng cao mức độ hợp tác chiến lược. Nga và Trung Quốc phối hợp hành động ngày càng chặt chẽ trên trường quốc tế, cam kết thúc đẩy tiến trình xây dựng thế giới đa cực, duy trì sự ổn định chiến lược và trong nhiều vấn đề khu vực. Tuy nhiên, với Nga, việc tăng cường quan hệ ngoại giao với Trung Quốc cũng chỉ nhằm khôi phục và phát triển vị thế nước lớn của Nga ở châu Á và trên thế giới. Vì thế, tuy có quan hệ hợp tác với Trung Quốc nhưng lợi ích giữa hai bên không hoàn toàn giống nhau, nên va chạm giữa các nước này xảy ra là điều khó tránh khỏi.

Trong bối cảnh các cường quốc tập trung "quan tâm" đến khu vực CA - TBD, sự vận động phát triển quan hệ giữa Nga và Việt Nam đương nhiên chịu ảnh hưởng và chi phối của tình hình thế giới cũng như các toan tính chiến lược và quan hệ giữa các nước lớn. Đối với Việt Nam có điều kiện phát triển quan hệ hợp tác với tất cả các nước lớn, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư. Việt Nam với chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, có quan hệ sâu rộng với tất cả các cường quốc, đã và đang thu hút sự quan tâm của các nước lớn muốn thúc đẩy quan hệ nhiều mặt với Việt Nam, trong đó có Nga. Còn đối với Nga, trong chính sách phát triển quan hệ với khu vực CA - TBD, vị trí ưu tiên hàng đầu tuy không phải là Việt Nam, nhưng nếu xét tới các yếu tố địa - chính trị, kinh tế và trong tính toán chiến lược của Nga đối với khu vực ASEAN, Việt Nam vẫn luôn giữ vị trí là "cầu nối" giúp Nga xích lại gần hơn với khu vực này. Bên cạnh đó, trong xu thế cạnh tranh giữa các nước lớn, theo phân tích ở trên thì Nga đang muốn lôi kéo đồng minh về phía mình để làm đối trọng với các nước lớn ở khu vực. Điều dễ nhận thấy nhất, ở ĐNA, so với các đối tác khác của Nga thì Việt Nam là một đối tác có nhiều lợi thế hơn hẳn, trước hết đó là sự gắn kết từ mối quan hệ truyền thống. Vì thế, Nga đã củng cố và tăng cường quan hệ với Việt Nam, trên cơ sở mối quan hệ truyền thống được vun đắp xây dựng từ lâu.

Mặt khác, sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn cũng khiến nhiều nước trong đó có Nga và Việt Nam phải có đường lối và chính sách ứng xử khéo léo, mềm dẻo để duy trì, củng cố quan hệ tốt đẹp với tất cả các nước, cả trên bình diện đa phương và song

phương. Hơn nữa trong bối cảnh đầy biến động, chứa đựng nhiều yếu tố đan xen vừa hợp tác vừa cạnh tranh trong khu vực CA - TBD, phải thấy rằng vai trò và vị thế của Nga so với các nước lớn ở khu vực còn hạn chế, đặc biệt về kinh tế. Điều này cũng tác động không nhỏ đến quan hệ Nga - Việt Nam. Không những thế, Nga còn bị cạnh tranh trên nhiều mặt tại thị trường Việt Nam từ phía các nước lớn và các nước có trình độ phát triển hơn. Ngược lại, Việt Nam cũng gặp phải các đối thủ cạnh tranh từ phía các nước CA - TBD và ĐNA trên thị trường Nga. Điều đó đặt ra một yêu cầu bức thiết, buộc Nga và Việt Nam cần phải có những điều chỉnh chính sách đối ngoại phù hợp với tình hình mỗi nước, đẩy mạnh quan hệ hợp tác giữa hai nước, nhằm đạt được những lợi ích thỏa đáng và cố gắng hạn chế những rủi ro có thể xảy ra trong bối cảnh mới.

2.1.2.3. Vấn đề Biển Đông và vấn đề Krym

* *Vấn đề Biển Đông:* Tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông diễn ra từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Ban đầu các quốc gia tranh chấp vì vị trí chiến lược của Biển Đông. Đối với Trung Quốc, Biển Đông nói chung cũng như quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có vị trí quan trọng do nằm giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương là một vùng chiến lược quan trọng, là cổng của lục địa Trung Quốc đi ra thế giới bên ngoài. Đối với Nhật Bản thì Biển Đông là con đường giao thông huyết mạch, không chỉ với ĐNA mà cả với Trung Đông và châu Âu. Nền kinh tế Nhật Bản gắn liền với sự giao thông này. Vì lợi ích chiến lược, trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhật đã cho xây căn cứ tàu ngầm tại đảo Ba Bình trong quần đảo Trường Sa [200, tr.366]. Sau khi Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển năm 1982 quy định về Vùng đặc quyền kinh tế thì tầm quan trọng của việc khai thác tài nguyên, đặc biệt là đánh cá và khai thác dầu khí là nguyên nhân bổ sung cho mục đích tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông [200, tr.367].

Ngày nay, khu vực CA - TBD nói chung, Biển Đông nói riêng có vị trí địa lý và ý nghĩa chiến lược quan trọng đối với nhiều nước trên thế giới. Nhưng nơi đây cũng chứa đựng nhiều mâu thuẫn lợi ích liên quan đến các tranh chấp chủ quyền biển, đảo, vùng đảo phức tạp và kéo dài trong lịch sử.

Việt Nam là quốc gia nằm ven bờ Tây của Biển Đông, có bờ biển dài 3.260 km, vùng biển rộng khoảng trên 1 triệu km^2, với hơn 3.000 hòn đảo lớn nhỏ, cùng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở vị trí tiền tiêu và liền kề với vùng biển của các nước trong khu vực. Chính vì thế, xung quanh hai quần đảo này, nhất là đối với quần đảo Trường Sa, từ lâu đã tồn tại các tranh chấp về chủ quyền giữa các bên hết sức phức

tạp. Trong đó quần đảo Hoàng Sa đang là nơi tranh chấp chủ quyền giữa Việt Nam, Trung Quốc và Đài Loan. Quần đảo Trường Sa là nơi tranh chấp chủ quyền của 6 quốc gia và lãnh thổ: Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Philippines, Malaysia và Brunei; các quốc gia này tuyên bố chủ quyền toàn bộ hay một phần quần đảo Trường Sa. Bãi Macclesfield là đối tượng tranh chấp giữa Trung Quốc và Philippines. Quần đảo Đông Sa do Đài Loan quản lý là đối tượng tranh chấp giữa Trung Quốc và Đài Loan. Quần đảo Natuna do Indonesia tuyên bố chủ quyền cũng đang bị Trung Quốc đe dọa. Ngoài ra, vùng biển trong khu vực Biển Đông cũng là đối tượng tranh chấp, với lợi ích mà các quốc gia quan tâm gồm: ngư trường, khai thác tài nguyên (đặc biệt là dầu khí) và kiểm soát của một vị trí chiến lược. Các quốc gia gián tiếp can dự đáng kể đến Biển Đông là: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc và Ấn Độ.

Dựa vào thực lực về kinh tế, sức mạnh về quân sự, Trung Quốc đơn phương có những hành động làm thay đổi nguyên trạng ở Biển Đông, làm phương hại đến lợi ích của nhiều nước, đặc biệt là đe dọa đến chủ quyền, an ninh, lợi ích trước mắt và lâu dài của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, phía Việt Nam luôn mong muốn ngày càng có nhiều nước trên thế giới, nhất là các nước lớn, trong đó có Nga, lên tiếng ủng hộ lập trường chính nghĩa của Việt Nam trong vấn đề giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông, nhằm bảo vệ chủ quyền, an ninh biển đảo. Là một cường quốc có nhiều thế mạnh, và là thành viên Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, Việt Nam luôn mong muốn Nga có tiếng nói tại các diễn đàn khu vực và quốc tế về "vấn đề Biển Đông" trên cơ sở mối quan hệ mật thiết có từ trong quá khứ lịch sử và hiện tại với Việt Nam. Từ đó phía Việt Nam có nguyện vọng tăng cường quan hệ hợp tác chặt chẽ, lâu dài với Nga vì nhiều lợi ích, trong đó có vấn đề tăng thêm sức mạnh cho việc giải quyết tranh chấp trên Biển Đông.

* *Vấn đề Krym;* Vấn đề Krym sáp nhập vào Nga cũng là một nhân tố tác động đến quan hệ Nga - Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2001 - 2015. Vấn đề Krym không đơn thuần chỉ là cuộc xung đột, đấu tranh đòi độc lập, đòi sát nhập vào Nga của nhân dân Krym trước chính quyền Ukraina, mà thực chất, đằng sau đó là những toan tính của Nga, Mỹ và các nước phương Tây nhằm phục vụ lợi ích của mỗi nước. Với vị trí chiến lược quan trọng của bán đảo Krym ở biển Đen, việc nước Cộng hòa tự trị Krym thuộc Ukraina sáp nhập vào Nga (năm 2014) trở thành mối lo ngại của Mỹ và các nước phương Tây. Từ đó, vấn đề Krym trở thành điểm nóng địa - chính trị ở châu Âu trong những năm vừa qua, thu hút sự quan tâm của dư luận thế giới. Mỹ và các nước phương

Tây cho rằng việc sáp nhập Krym vào Nga là vi phạm luật pháp quốc tế, đã lên án mạnh mẽ và tiến hành nhiều biện pháp trừng phạt, gây tổn thất lớn cho Nga. Ngược lại phía Nga cho rằng đó là việc làm chính nghĩa có tính nhân văn, phù hợp nguyên vọng chính đáng của người dân Krym và nhân dân Nga, hoàn toàn không vi phạm luật pháp quốc tế. Trong bối cảnh đó, Nga muốn các nước trên thế giới bất kể nước lớn hay nhỏ có tiếng nói ủng hộ Nga, phản đối hành động trừng phạt nhằm vào Nga của Mỹ và các nước phương Tây. Riêng ở châu Á, Nga cũng cần có tiếng nói ủng hộ tại các diễn đàn khu vực và quốc tế về vấn đề khủng hoảng Ukraina và vấn đề Krym từ các nước, nhất là những nước là đối tác của Nga. Việt Nam, là nước duy nhất có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Nga ở khu vực ĐNA và là thành viên có uy tín với vị thế đang ngày càng được nâng lên trong ASEAN. Do đó, Nga muốn có tiếng nói của Việt Nam tại các diễn đàn, các tổ chức khu vực và quốc tế ủng hộ Nga trong các vấn đề nêu trên.

Tóm lại, vấn đề Biển Đông và vấn đề Krym, với các mức độ khác nhau, Nga và Việt Nam đều cần có tiếng nói chung ủng hộ nhau, tạo thuận lợi và thêm sức mạnh cho nhau, cùng bênh vực lập trường chính nghĩa, lợi ích chính đáng của nhau. Điều đó đòi hỏi hai nước cần thắt chặt hơn nữa, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau sâu sắc hơn nữa trên nền tảng của mối quan hệ tốt đẹp vốn có trong quá khứ và hiện tại.

2.2. Nhân tố bên trong

2.2.1. Tình hình kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại của Nga

2.2.1.1. Tình hình kinh tế, chính trị - xã hội

* *Về kinh tế*: Từ nửa cuối thập niên 90, bằng các biện pháp tiến hành cải cách trên mọi lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội cho đến quân sự, ngoại giao, nước Nga từng bước khắc phục được những khó khăn, dần đi vào thế ổn định, tạo điều kiện cho những nỗ lực của Nga tìm lại vị trí cường quốc thế giới. Đặc biệt, sau khi Tổng thống V. Putin lên cầm quyền, Nga đã có những điều chỉnh trong chính sách phát triển đất nước, phù hợp với tiềm lực vốn có của Nga. Những điều chỉnh này, có sự tác động to lớn tới sự phát triển của Nga, đưa nước Nga thoát khỏi khủng hoảng kéo dài, từng bước vươn lên mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cải thiện vị thế của Nga trên trường quốc tế nói chung, và tác động tích cực tới quan hệ Nga - Việt Nam nói riêng. Những năm đầu thế kỷ XXI, GDP của Nga liên tục vượt mức trên 5%, năm 2000; năm 2001 là 5,1%; năm 2002 là 5,3%; năm 2003 là 6,0%; năm 2005 là 6,8%. Từ năm 2000 đến năm 2005, GDP của Nga tăng 30%, trung bình tăng 6%/năm. Trong giai đoạn 2000 - 2008, GDP của Nga tăng trung bình khoảng 7%/năm [129, tr.50].

Bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, nền kinh tế Nga tiếp tục tăng trưởng ổn định, tổng GDP năm 2012 đạt gần 2.732,0 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người 16.137,0 USD. Năm 2012, nước Nga đứng thứ 8 trong số 10 nền kinh tế lớn của thế giới. Trước ảnh hưởng của khủng hoảng toàn cầu và đà suy giảm từ cuối năm 2012, tốc độ tăng trưởng có chiều hướng chậm lại, nhưng đến năm 2013, kinh tế của Nga vẫn đạt tăng trưởng dương 1,3%, Năm 2014, việc Nga bị Mỹ, EU và các nước phương Tây cấm vận về kinh tế - tài chính cùng với giá dầu giảm kỷ lục đã ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Nga, nhưng GDP năm 2014 vẫn tăng 0,6%. Phần chi ngân sách liên bang đã tăng. Nợ công của Nga được thu hẹp xuống 10 lần, từ mức hơn 100% xuống còn hơn 10%, trong đó nợ nước ngoài chỉ còn 2,5%. Tỷ lệ lạm phát cũng giảm xuống còn 6,1% so với 12,75% của thập kỷ 2000 - 2010; tỷ lệ thất nghiệp còn 5,4% [153, tr.14]. Đó là những thành quả không thể phủ nhận của Nga, đặc biệt trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn.

Cũng từ động cơ phát triển kinh tế, làm tăng sức mạnh tổng hợp của đất nước trên trường quốc tế, thời gian này, Nga thúc đẩy tiến trình hội nhập với các nước và các tổ chức trong khu vực. Tuy là thành viên mới, nhưng Nga là nước lớn có nhiều triển vọng của APEC. Tháng 8/2012, Nga là nước thành viên thứ 156 của WTO.

Nước Nga đã vực dậy được sau một thời kỳ đầy khó khăn, trước hết đó là do Tổng thống V. Putin đã thực thi một loạt chính sách nhằm mục đích tái thiết đất nước, xác định chiến lược phát triển dân giàu, nước mạnh. Tổng thống V. Putin đã xây dựng đường lối phát triển kinh tế ở tầm chiến lược, lựa chọn biện pháp phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của đất nước. Trên nền tảng đó, chiến lược phát triển kinh tế Nga giai đoạn 2000 - 2010 đã ra đời, dành ưu tiên cho các ngành công nghiệp mũi nhọn. Tổng thống V. Putin tập trung tăng cường điều tiết vĩ mô của nhà nước như: cải cách thuế, ngân sách, tài chính ngân hàng, ổn định tiền tệ... [69]. Bên cạnh đó, Nga đã biết tận dụng ưu thế về năng lượng, năm 2007, khai thác dầu đạt trên 500,0 triệu tấn, năng suất 9,3 triệu thùng/ngày, đưa Nga trở thành nước có sản lượng dầu và năng suất khai thác đứng đầu thế giới, vượt qua Arab Saudi [103]. Kinh tế Nga tăng trưởng một cách bền vững.

Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế của Nga còn phải đối mặt với những thách thức lớn như: tăng trưởng kinh tế cũng như thu ngân sách còn phụ thuộc vào xuất khẩu nguyên, nhiên liệu; tỉ lệ thất thoát vốn còn lớn, thu hút đầu tư còn chậm, khả năng cạnh tranh của các ngành sản xuất trong nước chưa cao, tình trạng tham nhũng và sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ nét.

Thực trạng kinh tế nêu trên đã tác động đến chính sách đối nội, đối ngoại của Nga nói chung và chính sách đối với Việt Nam nói riêng khi bước sang thế kỷ XXI. Việc chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và sự hội nhập của Nga vào kinh tế toàn cầu đã góp phần thúc đẩy tính thực dụng trong chính sách đối ngoại của Nga. Do đó, chính sách của Nga đối với Việt Nam cũng được chú trọng hơn trên lĩnh vực kinh tế.

* *Về chính trị - xã hội:* Cùng với những thành tựu phát triển về kinh tế, nền chính trị nước Nga dần đi vào ổn định. Ngay sau khi lên cầm quyền, Tổng thống V. Putin thông qua một loạt biện pháp hành chính và luật pháp nhằm chấn chỉnh lại trật tự xã hội, tấn công các thế lực ly khai ở địa phương, tuyên chiến không khoan nhượng với nạn khủng bố, khôi phục không gian pháp luật cho sự thống nhất của đất nước. Tiếp đó là thực hiện một loạt cải cách, tăng cường sự quản lý theo chiều dọc từ Trung ương đến địa phương. Với đường lối đối ngoại linh hoạt, vai trò và vị thế của Nga trên trường quốc tế và trong khu vực vào những năm đầu thế kỷ XXI được cải thiện rõ rệt. Từ chỗ phụ thuộc vào phương Tây, Nga đã tiến tới quan hệ hợp tác bình đẳng trong mọi lĩnh vực kinh tế và chính trị. Tiếng nói của Nga trong việc giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế ngày càng có sức mạnh. Quan hệ của Nga với các tổ chức quốc tế và khu vực được cải thiện, mở rộng trong khuôn khổ hợp tác song phương và đa phương. Nước Nga đã trở thành thành viên quan trọng của nhiều tổ chức kinh tế hoặc có quan hệ thương mại với nhiều liên minh khu vực như G8, EU, SNG. Quan hệ của Nga với khu vực châu Á cũng được cải thiện rõ nét trong khuôn khổ hợp tác đa phương cũng như song phương trong mọi lĩnh vực, như tham gia Diễn đàn Hợp tác kinh tế CA - TBD (APEC), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), Hiệp hội các quốc gia ĐNA (ASEAN)… Theo đánh giá của Bộ Ngoại giao Nga, thành tựu lớn nhất mà Nga đạt được dưới thời của Tổng thống V. Putin là đã khôi phục được *tính độc lập, tự chủ* trong đường lối đối ngoại của mình [204].

Song song với việc thực hiện các chính sách kinh tế, chính trị, các chương trình xã hội cũng được triển khai như xây dựng cơ sở pháp lý cho cải cách chế độ bảo đảm lương hưu, bảo đảm y tế, cải cách chế độ giáo dục, cải cách nhà ở, thực thi chính sách dân sinh. Những cải cách của Tổng thống V. Putin đã mang lại bầu không khí chính trị ổn định, bước đầu cải thiện được đời sống của nhân dân, mức độ tín nhiệm đối với chính phủ ngày càng tăng.

Mặc dù ảnh hưởng của Nga trên trường quốc tế ngày càng được cải thiện đáng kể, nhưng vẫn chưa trở thành một cường quốc thực sự. Nga chưa tìm được một đồng

minh thực lòng ủng hộ mình. Đồng thời, ở trong nước, sự chênh lệch giàu nghèo, chủ nghĩa dân tộc cực đoan tiếp tục gia tăng.

Như vậy, những tiến triển tích cực trong quá trình cải cách trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, đối ngoại, an ninh - quốc phòng... trong thập niên đầu của thế kỷ XXI đã làm thay đổi diện mạo của nước Nga. Nga dần lấy lại vị trí nước lớn của mình. Tổng thống V. Putin đã khai thông được cánh cửa vào châu Âu, mở rộng con đường hợp tác - hội nhập với châu Âu kể từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc. Hơn nữa, V. Putin còn đưa nước Nga hướng về phía Đông, về CA - TBD, ĐNA, trong đó có Việt Nam. Tất cả những thay đổi đó tạo điều kiện cho việc củng cố, tăng cường quan hệ giữa Nga và Việt Nam trong thế kỷ XXI.

2.2.1.2. Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nga

Lợi ích quốc gia dân tộc vẫn luôn là nội dung được ưu tiên hàng đầu trong quan hệ giữa các quốc gia dân tộc và trong quá trình hoạch định, triển khai đường lối đối ngoại của một nhà nước. Với xu thế chung, các nước lớn trên thế giới đều ưu tiên cho mục tiêu phát triển kinh tế trong chính sách đối ngoại của mình. Nga và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế tất yếu đó của chính sách đối ngoại.

Mặt khác, tình hình thế giới lúc này cũng đang đặt nước Nga trước những khó khăn, thách thức. Thách thức lớn nhất từ bên ngoài tác động đến chiến lược đối ngoại của Nga là sức ép từ Mỹ và phương Tây. Về chính trị, Mỹ và các nước phương Tây đang cố gắng sử dụng tối đa lực lượng đối lập chống Chính phủ trong lòng nước Nga, gây mất ổn định trong nội bộ nước Nga, buộc Nga phải tập trung vào giải quyết các vấn đề nội bộ hơn là xây dựng vị trí cường quốc của nước này [176, tr.54]. Thứ hai, về kinh tế, Mỹ và các nước phương Tây đang mở rộng hợp tác kinh tế với các nước thành viên SNG thông qua viện trợ tài chính, công nghệ, đào tạo nhân lực… mục đích nhằm lôi kéo các nước này ra khỏi ảnh hưởng của Nga. Thứ ba, về phương diện chiến lược, Mỹ và NATO đã và đang tiến hành bao vây và cô lập Nga về quân sự. Các căn cứ quân sự của phương Tây (chủ yếu là của Mỹ) được thiết lập trong vùng vụ cận của Nga (Kyrgydstan, Uzobekistan, Tajikistan) và ở Đông Âu. Mục đích của Mỹ là muốn thiết lập một vùng kiểm soát đối với các nước cộng hòa thuộc Liên Xô trước đây có vai trò trụ cột chiến lược của Mỹ ở vùng Âu - Á [179, tr.57]. Hơn thế, Mỹ và NATO còn có ý đồ làm suy yếu Nhà nước Nga cả ở chính nước Nga cũng như trong không gian hậu Xô Viết xung quanh Nga. Ở bên trong nước Nga, Mỹ và phương Tây thông qua việc hỗ trợ không chính thức cho cả các phong trào ly khai và sắc tộc - tôn giáo lẫn các đảng phái đối lập để chia nhỏ không gian Nga, ở

vùng phụ cận nước Nga, phương Tây tìm cách tách các nước SNG khỏi sự thống trị của Nga bằng chiến lược hỗ trợ các nước thù địch với Nga như Gruzia, Ukraina, Azerbaijan, hay các nước không có lập trường rõ ràng như Kyrgydstan, Uzobekistan [179, tr.65]. Để giải quyết những khó khăn của mối quan hệ quốc tế này, ít nhiều ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại chiến lược của Nga.

Trước tình hình đó, mục tiêu cơ bản, xuyên suốt trong chiến lược đối ngoại của Nga là tạo dựng điều kiện quốc tế thuận lợi để xây dựng nước Nga thành một nước dân chủ hiện đại, có nền kinh tế phát triển theo nguyên tắc kinh tế thị trường, đảm bảo cho nước Nga giữ được vị trí nhất định trên trường quốc tế, tương xứng với tiềm năng, tiềm lực của mình [205].

Với mục tiêu đó, trong những năm đầu thế kỷ XXI, Tổng thống V. Putin đã công bố nhiều văn bản quan trọng đề cập đến các vấn đề đối ngoại như Chiến lược an ninh quốc gia Nga (10/1/2000), Chiến lược đối ngoại của Liên bang Nga (28/6/2000), Học thuyết quân sự của Liên bang Nga (21/4/2001). Các văn bản này là cơ sở về lý luận, có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chiến lược đối ngoại của Nga trong thế kỷ XXI. Trong Chiến lược đối ngoại của Liên bang Nga" có ghi rõ *"Một đường lối đối ngoại thành công của Nga phải được xây dựng trên cơ sở tuân thủ cân bằng giữa các mục tiêu và khả năng đạt được các mục tiêu đó*" và *"ưu tiên tối cao trong đường lối đối ngoại của Nga là bảo vệ lợi ích con người (cá nhân), xã hội và nhà nước Nga"* [80, tr.294]. Một trong những nội dung căn bản trong chính sách đối ngoại của Nga là "đặt lợi ích quốc gia lên trên hết", "Nga ưu tiên hàng đầu cho việc phát triển quan hệ để củng cố vị thế của Nga" [3, tr.34]. Trên cơ sở đó, Nga tiếp tục đường lối đối ngoại theo hướng nỗ lực đảm bảo lợi ích quốc gia bằng các giải pháp hòa bình, tránh đối đầu và tập trung vào việc tìm kiếm đối tác [145, tr.19].

Tổng thống V. Putin đã thi hành chính sách ngoại giao cân bằng Đông - Tây, tái lập và mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên thế giới, mở rộng tăng cường quan hệ song phương với các nước thuộc EU, điều chỉnh chính sách ngoại giao, tăng cường quan hệ hợp tác với các nước trong SNG, tích cực xây dựng quan hệ với các nước trong khu vực khác; tăng cường ngoại giao đa phương trong các tổ chức quốc tế… Trong quan hệ với Mỹ và phương Tây, nước Nga đã thể hiện quan điểm độc lập của mình trước những vấn đề quốc tế, giữ vững nguyên tắc, kiên quyết đấu tranh trong những vấn đề liên quan thiết thực tới lợi ích quốc gia trọng tâm của Nga, như việc NATO mở rộng về phía Đông, việc Mỹ đặt hệ thống phòng thủ tên lửa ở Đông Âu [179, tr.67]. Đặc biệt, Nga thể

hiện mạnh mẽ tiếng nói của mình trong các vấn đề quốc tế quan trọng khác, như vấn đề khủng bố quốc tế, an ninh năng lượng, các chương trình hạt nhân của CHDCND Triều Tiên, Iran, vấn đề Xyri, hoà bình ở Trung Đông… Bên cạnh đó, một trong những nhiệm vụ trọng yếu của chính sách ngoại giao Nga là xây dựng quan hệ với Trung Quốc thành quan hệ đồng minh chứ không phải quan hệ đối kháng; đẩy mạnh quan hệ với Nhật Bản, với khu vực CA - TBD [179, tr.71].

Có thể nói, mặc dù áp dụng chính sách đối ngoại linh hoạt, phù hợp với sự đổi thay của tình hình trong nước và cục diện thế giới, nhưng bảo vệ lợi ích quốc gia vẫn luôn là hạt nhân trong sự điều chỉnh chính sách của Nga [147, tr.14]. Nga đã và đang cố gắng khôi phục sức mạnh tổng hợp quốc gia để tạo ra tư thế mới giúp Nga lấy lại sự cân bằng, khẳng định vị thế, vai trò, ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế.

2.2.1.3. Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Nga

Trong chính sách đối ngoại của mình, Nga luôn coi trọng và thúc đẩy phát triển mối quan hệ hợp tác toàn diện với Việt Nam. Trong chuyến thăm chính thức Việt Nam vào ngày 26/11/1997, Thủ tướng Nga V. Chernomyrdin đã tuyên bố: "*Chủ trương của Tổng thống và Chính phủ Nga coi Việt Nam là đối tác chiến lược và quan hệ Nga - Việt là một trong những hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Nga"* [127]. Sau đó, trong chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Trần Đức Lương (năm 1998), Tổng thống Nga B. Yeltsin cũng đã khẳng định: *"Liên bang Nga luôn luôn coi trọng các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với Việt Nam, nước bạn truyền thống gần gũi, đối tác chiến lược của Nga ở ĐNA*" [163, tr.147]. Đặc biệt, bước sang những năm đầu thế kỷ XXI, thông qua đường lối đối ngoại của Tổng thống V. Putin, Nga thực hiện chính sách phát triển quan hệ *đối tác chiến lược* với Việt Nam. Trong kỳ họp thứ bảy Ủy ban Liên Chính phủ Nga - Việt Nam (tháng 12/2000), Nga khẳng định "*Việt Nam là đối tác chiến lược của Nga, có vị trí quan trọng ở ĐNA và CA - TBD"* [137, tr.5]. Thực hiện định hướng này, trước khi ký tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt, Tổng thống V. Putin khẳng định: *"Việc phát triển mối quan hệ trên tất cả các mặt với Việt Nam được chúng tôi coi là một trong những hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Liên bang Nga ở châu Á"* [15, tr.5]. Chính sách hợp tác chiến lược thể hiện rõ trong nội dung của *Tuyên bố chung Việt Nam - Nga* giữa Chủ tịch nước Trần Đức Lương và Tổng thống V. Putin ngày 2/3/2001. Tuyên bố nêu rõ *"Việt Nam và Liên bang Nga khẳng định quyết tâm tiếp tục củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và sự hợp tác nhiều mặt trong thế kỷ XXI trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược*" [13, tr.7].

Thâm nhập vào ĐNA là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong nhiệm vụ hội nhập châu Á và chính sách đối ngoại cân bằng Đông - Tây của Nga. Bởi vì Nga nhận thấy vai trò của khu vực này trên các lĩnh vực an ninh - quân sự, kinh tế, chính trị đối với mình là rất lớn. Để giảm thiểu ảnh hưởng ngày càng tăng của Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc, đồng thời gia tăng lợi ích của Nga tại khu vực CA - TBD, từ đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, Tổng thống V. Putin đã đẩy nhanh tiến độ hội nhập châu Á và ĐNA. Do đó, việc tiến sâu vào ĐNA có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong quá trình thực thi chính sách CA - TBD của Nga. Tuy nhiên, để thực hiện nhiệm vụ này, Nga cần phải có một nhân tố "dẫn đường". Thực tế cho thấy, Việt Nam có đầy đủ những điều kiện để giúp Nga trở lại ĐNA, mà điều đó khó có thể tìm thấy ở một số đối tác khác của Nga tại chính khu vực này như Malaysia, Indonesia. Đó chính là mối quan hệ truyền thống mà hai nước đã có trước đây. Trong các mối quan hệ đối ngoại của Nga hiện nay, Việt Nam là người bạn truyền thống được xây dựng và vun đắp từ thế kỷ trước, sự hiểu biết và tin cậy giữa nhân dân hai nước đã được kiểm chứng và khẳng định trong quá khứ. Một học giả người Mỹ có viết, *"Ở Việt Nam, người Nga có lợi thế vì người Việt Nam ghi nhớ sự giúp đỡ nhiều năm liền của nước Liên Xô kiểu mẫu… Dấu cộng rõ rệt đối với người Nga là hầu như các chức vụ chủ chốt ở Việt Nam đều do những người từng học ở Liên Xô nắm giữ và họ đều biết tiếng Nga…*" [177, tr. 134]. Tất cả các yếu tố trên đã trở thành những di sản từ mối quan hệ truyền thống sâu sắc của Nga và Việt Nam mà khó có quốc gia nào có được. Đây là lợi thế lớn nhất và duy nhất của Việt Nam so với các đối tác khác của Nga ở ĐNA. Chính lợi thế này đã khẳng định vai trò quan trọng của Việt Nam trong việc "dẫn đường" cho Nga thâm nhập vào khu vực ĐNA. Vì thế, trong chính sách đối ngoại, Nga luôn coi Việt Nam là "mắt xích" quan trọng giúp Nga thâm nhập sâu rộng vào khu vực CA - TBD, trước hết là ĐNA.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, bên cạnh vai trò quan trọng của các nước lớn, thì vai trò của các nước vừa và nhỏ, cũng như các tổ chức liên kết các nước vừa và nhỏ đang ngày càng gia tăng, do vậy không một nước lớn nào muốn bỏ qua cơ hội thiết lập quan hệ hợp tác với các tổ chức khu vực này [94, tr. 31]. Trong số các tổ chức đó, ASEAN nổi lên là một tổ chức hợp tác, liên kết khu vực thành công nhất, mà trong đó, Việt Nam có những đóng góp tích cực và có vai trò ngày càng cao được các nước trong khu vực thừa nhận. Việt Nam là thành viên tích cực của hầu hết các tổ chức hợp tác đa phương của khu vực như: ASEAN + 1, ASEAN + 3, ASEAN + 4, ASEAN + 6, APEC, ASEM, EAS, Việt Nam tích cực ủng hộ sự gia nhập ASEM của Nga, đặc biệt

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của WTO (1/2007)… Qua đó, cho thấy Việt Nam đã hội nhập một cách sâu rộng vào các tổ chức ở khu vực và thế giới, từ đó, uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi, sẵn sàng làm "cầu nối" để Nga mở rộng hợp tác với khu vực.

Bên cạnh đó, thành công của công cuộc đổi mới, với chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, vị trí trong khu vực và quốc tế của Việt Nam ngày càng được cải thiện. Mặt khác, ở khía cạnh cân bằng lợi ích với các cường quốc, Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng do những đặc thù lịch sử riêng, vì thế Nga nhận thấy, phát triển hợp tác nhiều mặt với Việt Nam sẽ thúc đẩy và gia tăng lợi ích, tầm ảnh hưởng của Nga trên tất cả các lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi trong việc hỗ trợ Nga hội nhập vào khu vực CA - TBD.

Như vậy, hợp tác vẫn là xu hướng chủ đạo trong chính sách của Nga đối với Việt Nam. Hoạt động đối ngoại giữa hai nước ngày càng được thúc đẩy một cách mạnh mẽ cả về bề rộng lẫn chiều sâu trên tất cả các lĩnh vực, quan hệ Nga - Việt Nam đã mang lại những kết quả thiết thực trong quan hệ song phương cũng như trong các tổ chức quốc tế mà hai nước là thành viên.

2.2.2. Tình hình kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại của Việt Nam

2.2.2.1. Tình hình kinh tế, chính trị - xã hội

* *Về kinh tế:* Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước ở Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn, từng bước chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN để năng động hóa và đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, hình thành ngày càng đồng bộ các yếu tố thị trường [57, tr. 119]. Nhờ có sự nỗ lực vượt bậc với những đổi mới mang tính đột phá, nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua thời kỳ khủng hoảng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phá vỡ thế bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, mở rộng quan hệ quốc tế và nâng cao vị thế ở khu vực cũng như trên thế giới.

Công cuộc đổi mới của Việt Nam ngày càng đi vào chiều sâu, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới. Kinh tế Việt Nam luôn đạt tốc độ tăng trưởng GDP khá cao, bình quân trong 5 năm (từ 2001 - 2005) là 7,5%, từ 2011 - 2015 bình quân đạt khoảng 6%, cao nhất đạt khoảng 6,69% (năm 2015), thu nhập bình quân đầu người khoảng 2.109,0 USD/người. Môi trường đầu tư liên tục được cải thiện, nhờ đó thu hút vốn đầu tư ngày càng nhiều. Năm 2003, Việt Nam đã có quan hệ với hơn 200 nước và vùng lãnh thổ; Năm 2007, thu hút 8.000 dự án đầu tư trực tiếp (FDI) từ

76 nước và vùng lãnh thổ với tổng số vốn hơn 70,0 tỷ USD. Đến năm 2011 có quan hệ kinh tế thương mại với 224 quốc gia và vùng lãnh thổ [97, tr. 32]. Cơ cấu kinh tế của Việt Nam bước đầu chuyển dịch theo hướng hiện đại, giảm khu vực nông nghiệp, tăng khu vực dịch vụ và công nghiệp. Việt Nam trở thành một trong năm nền kinh tế hiệu quả của ASEAN và là một trong những trung tâm tăng trưởng kinh tế hàng đầu của khu vực CA - TBD [135]. Việt Nam đã ký kết 10 Hiệp định thương mại tự do khu vực và song phương (gồm sáu FTA ký kết với tư cách là thành viên ASEAN; bốn FTA đàm phán với tư cách là một bên độc lập); đã hoàn tất đàm phán hai FTA (Liên minh châu Âu và TPP); đang tích cực đàm phán ba FTA khác (ASEAN-Hong Kong; EFTA; RCEP). Ông Jonathan Pinncus, phụ trách kinh tế của Liên Hợp Quốc tại Hà Nội nhận xét *"Trong mấy năm qua Việt Nam đã làm rất tốt trong việc duy trì sự ổn định nền kinh tế vĩ mô và giữ một tỷ lệ phát triển kinh tế cao"* [173, tr.85].

* *Về chính trị - xã hội:* Trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn khẳng định lấy đổi mới kinh tế là trung tâm, đồng thời coi trọng đổi mới chính trị - xã hội, văn hóa với những bước đi và hình thức phù hợp [57, tr. 121]. Thực hiện đường lối đó, chính trị Việt Nam dần đi vào ổn định, quốc phòng - an ninh được tăng cường, quan hệ đối ngoại có bước phát triển. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân được phát huy... Đặc biệt, trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao, phát huy đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam đã hội nhập vào khu vực và quốc tế một cách hiệu quả, góp phần vào việc củng cố xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển ở ĐNA và CA - TBD. Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của các tổ chức quốc tế như WB, IMF, WTO, APEC... Năm 2008, Việt Nam giữ vị trí ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc; năm 2015, Việt Nam đã ký kết Hiệp định thương mại tự do với Liên minh kinh tế Á - Âu.

Văn hóa và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt, việc gắn các vấn đề kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, nhất là trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo, đời sống nhân dân được cải thiện. Tỷ lệ đói nghèo ở Việt Nam, theo chuẩn quốc gia, đã giảm từ 30% năm 1992 xuống còn gần 9,5% năm 2010 [100, tr.18]. Đáng chú ý là nhận thức của xã hội về việc làm và giải quyết việc làm đã có sự chuyển biến đáng kể. Từ năm 1991 - 2000, trung bình mỗi năm Việt Nam đã giải quyết cho khoảng 1 - 1,2 triệu người có công ăn việc làm; từ năm 2001 - 2005, con số đó tăng lên 1,4 - 1,5 triệu người; từ năm 2006 - 2010, tăng lên 1,6 triệu người. Công tác dạy nghề

từng bước phát triển, góp phần đưa tỷ lệ lao động có đào tạo từ dưới 10% năm 1990 lên khoảng 40% năm 2010. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đã giảm từ 8 - 9% vào đầu những năm 1990 xuống còn trên 5% năm 2007 [49, tr.1].

Mặc dù vậy, trình độ phát triển của Việt Nam vẫn còn thấp, mức độ hội nhập quốc tế chưa sâu, nền kinh tế vẫn chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Mức sống của nhân dân Việt Nam còn thấp. Ở nông thôn nạn thiếu việc làm vẫn diễn ra khá nghiêm trọng. Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân, mạng lưới y tế tuy được mở rộng, nhưng trang thiết bị còn thiếu thốn, phân bố chưa hợp lý. Cơ chế chính sách bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh cho người nghèo còn nhiều bất cập. Nhiều vấn đề xã hội do mặt trái của nền kinh tế thị trường mang lại như nạn tham nhũng, buôn lậu, kể cả buôn bán phụ nữ và trẻ em, bạo lực gia đình, ma túy, mại dâm còn diễn ra khá phổ biến.

Với đặc điểm địa lý - chiến lược, cùng với những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, Việt Nam đã khẳng định vị thế cũng như vai trò quan trọng của mình ở khu vực ĐNA và đang từng bước được nâng lên trên thế giới. Thành công của Việt Nam trong công cuộc đổi mới ngày càng thu hút mối quan tâm của Nga, đồng thời sự phát triển của Nga trong cải cách cũng được Việt Nam đánh giá cao. Đây là yếu tố khiến cho hai nước ngày càng có nhu cầu liên kết mạnh mẽ với nhau, tìm kiếm các biện pháp hữu hiệu để đưa quan hệ Nga - Việt Nam phát triển lên tầm cao mới.

2.2.2.2. Chính sách đối ngoại của Việt Nam

Bước sang thế kỷ XXI, tình hình chính trị - an ninh trên thế giới đang có nhiều biến động. Sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn, chủ nghĩa dân túy, thực dụng tăng cao khiến cục diện an ninh trong khu vực ĐNA và CA - TBD ngày càng trở nên phức tạp. Tại CA - TBD, bán đảo Triều Tiên sau rất nhiều căng thẳng, nay đã tạm hòa dịu nhưng còn tiềm ẩn nhiều bất trắc [198, tr.195]. Thêm vào đó, những diễn biến phức tạp trên Biển Đông, sự gia tăng hiện diện quân sự ở Biển Đông của một số nước lớn, đặc biệt là việc tôn tạo quy mô lớn và quân sự hóa trên các cấu trúc đang đe dọa hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực cũng như quyền và lợi ích chính đáng của nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Về đa phương, vai trò trung tâm của ASEAN bị thách thức cũng ảnh hưởng đến chỗ dựa của Việt Nam trong việc bảo vệ các lợi ích quan trọng trên Biển Đông. Điều đó đã tác động không nhỏ đến chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Với Việt Nam, đổi mới chính sách đối ngoại là một bộ phận cơ bản trong đường lối đổi mới, đã góp phần quan trọng vào việc ổn định và phát triển đất nước. Trước tình

hình biến đổi trên thế giới và những đòi hỏi cấp thiết về kinh tế, chính trị, an ninh, văn hóa - xã hội trong nước, Việt Nam phải đổi mới chính sách đối ngoại của mình.

ĐCS Việt Nam luôn khẳng định quan điểm chủ đạo, xuyên suốt trong chính sách đổi mới đối ngoại là: thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, mở rộng đa dạng hóa, đa phương hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, với phương châm: "*Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*" [58, tr.235]. Trước hết, đây chính là cơ sở để bảo vệ lợi ích của dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế, là độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia và định hướng XHCN. Mặt khác, thực hiện nhất quán chính sách đối ngoại rộng mở, Việt Nam có thể mở rộng quan hệ với nhiều nước trên thế giới, tranh thủ được điều kiện quốc tế và nguồn ngoại lực phục vụ cho xây dựng, phát triển kinh tế, bảo vệ Tổ quốc, góp phần củng cố hơn nữa lòng tin cho các đối tác nước ngoài khi thiết lập quan hệ hợp tác với Việt Nam trên mọi lĩnh vực.

Việt Nam nhấn mạnh chủ trương mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị - kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Mặt khác, Việt Nam coi trọng việc chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc [59, tr.235]. Đồng thời phải sáng tạo, năng động, linh hoạt trong xử lý các tình huống phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, với diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với đặc điểm của từng đối tác cụ thể. Xét dưới góc độ những quan điểm trên, Việt Nam hoàn toàn có thể củng cố và phát triển hợp tác toàn diện trên tầm chiến lược với Nga. Mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, trong đó có Nga, là một trong những hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam đầu thế kỷ XXI.

Tóm lại, quan điểm, phương hướng cơ bản của chính sách đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ đổi mới là tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ quốc tế, củng cố môi trường hòa bình, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2.2.3. Nga trong chính sách đối ngoại của Việt Nam

Hơn nửa thế kỷ qua, tình hữu nghị Liên Xô - Việt Nam trước đây và Nga - Việt Nam ngày nay đã không ngừng được củng cố và đẩy mạnh. Trước đây, tăng cường tình đoàn kết và hợp tác với Liên Xô luôn là đường lối đối ngoại chiến lược của Việt

Nam. Mối quan hệ này đã đóng góp to lớn vào thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp và trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước cũng như trong xây dựng CNXH. Trong công cuộc đổi mới, Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế. Việt Nam coi trọng việc củng cố và phát triển mối quan hệ truyền thống, hợp tác nhiều mặt với Nga, cho đây là một định hướng chiến lược lâu dài của mình. Trong cuộc hội đàm giữa lãnh đạo hai nước nhân chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Nga V. Chernomyrdin vào ngày 26/11/1997, Thủ tướng Phan Văn Khải khẳng định: *"Việt Nam luôn coi trọng hợp tác với Liên bang Nga, đó là định hướng có tính chiến lược của Nhà nước Việt Nam"* [127, tr.7]. Trong chuyến thăm Nga vào tháng 8/1998, Chủ tịch nước Trần Đức Lương cũng đã khẳng định *"Việc củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt trên cơ sở lâu dài, ổn định và cùng có lợi với Liên bang Nga là hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Đây là chủ trương nhất quán và lâu dài của Nhà nước chúng tôi"* [167, tr.7]. Qua đó thấy rằng, vị trí quan trọng của Nga đã được khẳng định trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Điều đó lại tiếp tục được Thủ tướng Phan Văn Khải nhắc đến trong chuyến thăm chính thức nước Nga vào 10/9/2000: *"Việt Nam luôn coi mối quan hệ với Liên bang Nga là một trong những định hướng ưu tiên chiến lược lâu dài trong đường lối đối ngoại của Việt Nam"* [12, tr.5]

Ngoài ra, trong bối cảnh phấn đấu hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Việt Nam cần tranh thủ yếu tố bên ngoài thuận lợi để phục vụ cho mục tiêu này, trong đó không thể không tính đến vai trò của Nga. Cân bằng quan hệ với các nước lớn cũng là một trong những chính sách đối ngoại trọng tâm của Việt Nam. Đối với Việt Nam, củng cố và tăng cường quan hệ với Nga mang lại lợi ích về nhiều mặt. Dù kinh tế Nga chưa phát triển cao, nhưng Nga là một trong những nước có tiếng nói quyết định trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Nga có tiềm lực về quân sự, khoa học - công nghệ phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ. Nga là nước có nguồn tài nguyên khoáng sản và năng lượng dồi dào. Hơn nữa, trong lịch sử cũng như hiện tại, quan hệ Nga - Việt Nam không có xung đột, và mâu thuẫn lớn, ngược lại hai nước đã có mối quan hệ truyền thống gắn bó bền chặt từ lâu. Phát triển quan hệ tốt đẹp với Nga, nhằm góp phần thúc đẩy phát triển nhiều mặt như kinh tế, chính trị, an ninh - quốc phòng, văn hóa - giáo dục... của Việt Nam, đồng thời sẽ tạo cơ hội thuận lợi cho Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn trong khu vực và thế giới.

Những lợi ích cơ bản nêu trên chính là cơ sở, là động lực quan trọng thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam phát triển tương xứng với tiềm năng cũng như truyền thống tốt đẹp vốn có của mối quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

2.3. Nhân tố lịch sử

2.3.1. Quan hệ Liên Xô - Việt Nam trước năm 1991

Quan hệ Nga - Việt Nam ngày nay được kế thừa từ mối quan hệ hữu nghị truyền thống Liên Xô - Việt Nam trước đây. Đảng Cộng sản và nhân dân Liên Xô đã tích cực ủng hộ, giúp đỡ Đảng Cộng sản Đông Dương (từ 1951 là Đảng Lao động Việt Nam, nay là ĐCSVN) và nhân dân Việt Nam một cách chân thành, tích cực trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược và xây dựng đất nước, xem cách mạng Việt Nam là bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ trên thế giới.

Song song với những hoạt động ngoại giao, Liên Xô đã giúp đỡ Việt Nam tăng cường khả năng quốc phòng, viện trợ vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật quân sự, đào tạo cán bộ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quân sự…Liên Xô cũng giúp nhân dân miền Bắc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Đánh giá về mối quan hệ giữa hai nước, Tổng Bí thư ĐCS Liên Xô, L.I Brezhnev đã phát biểu: "*Trong những ngày hòa bình, cũng như trong thời gian chiến tranh, chúng tôi luôn luôn cùng các bạn trong một chiến hào. Sự ủng hộ Việt Nam là nghĩa vụ quốc tế của chúng tôi. Đó là sự nghiệp chung của tất cả các nước XHCN*" [171, tr.59]. Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam - Lê Duẩn đã đánh giá về sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô: "*Từ những ngày đầu tiên, khi cách mạng Việt Nam còn trong trứng nước cho đến khi giành được thắng lợi vẻ vang… Đảng Cộng sản, Chính phủ và nhân dân Xô Viết, nêu cao tinh thần của chủ nghĩa quốc tế cao cả, đã thường xuyên đứng bên cạnh và dành cho nhân dân Việt Nam sự ủng hộ chí tình, sự giúp đỡ hào phóng với những tình cảm anh em*" [33, tr.117].

Các hoạt động hợp tác trao đổi kinh tế thương mại giữa hai nước cũng được tăng cường mạnh mẽ. Bên cạnh đó, Liên Xô còn đào tạo một số lượng lớn cán bộ và sinh viên cho Việt Nam. Tính đến năm 1975, Liên Xô đã giúp đào tạo 15.000 cán bộ đại học, 3.000 phó tiến sĩ và 160 tiến sĩ khoa học [33, tr.124]. Liên Xô không chỉ giúp đỡ Việt Nam về tiền của, thuốc men, vũ khí, đạn dược... mà còn cử các chuyên gia sang tận nơi giúp nhân dân Việt Nam xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhiều công trình do Liên Xô giúp xây dựng đã gắn bó với bao thế hệ người dân Việt Nam đến nay vẫn phát huy hiệu quả tích cực như Trường Đại học Bách khoa, Bệnh viện Hữu nghị Việt -

Xô, Nhà máy Cơ khí Hà Nội - cơ sở đầu tiên của ngành cơ khí Việt Nam... Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam, Liên Xô luôn giương cao khẩu hiệu *"đối với những người cộng sản và toàn thể nhân dân Liên Xô, tình đoàn kết với Việt Nam luôn là mệnh lệnh của cả trái tim và trí tuệ"* [33, tr.584]. Với sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước XHCN, cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam phát triển thuận lợi và tiến nhanh hơn đến thành công.

Khi đất nước Việt Nam thống nhất, quan hệ Liên Xô - Việt Nam được thắt chặt hơn, phát triển lên tầm cao mới với việc hai nước ký kết *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô* (3/11/1978). Việc ký *Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác Việt - Xô* đã hình thành cơ chế đảm bảo an ninh tương hỗ giữa hai nước, theo đó Liên Xô sử dụng Cảng Cam Ranh, căn cứ không quân và hải quân Đà Nẵng. Trên lĩnh vực quân sự, Liên Xô đã ủng hộ Việt Nam đánh bại hai cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc do Trung Quốc và tập đoàn Ponl Pot ở Campuchia gây nên (1979). Nhờ đó, Việt Nam và Liên Xô tăng cường được sức mạnh và tầm hoạt động của lực lượng hải quân ở Thái Bình Dương, tạo thế cân bằng lực lượng với Mỹ và các nước lớn khác ở khu vực này. Ngoài ra, Liên Xô còn cung cấp cho Việt Nam nguồn vốn lớn để thực hiện công nghiệp hóa, phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao phúc lợi nhân dân. Việt Nam trở thành đồng minh chiến lược của Liên Xô ở ĐNA và CA - TBD. Sự đồng thuận về ý thức hệ tư tưởng khiến cho quan hệ hợp tác giữa hai nước mang ý nghĩa hữu nghị đặc biệt.

Thời kỳ Liên Xô tiến hành cải tổ (1985 - 1991), do những diễn biến phức tạp về chính trị và những khó khăn của nền kinh tế Liên Xô, nên quan hệ Liên Xô - Việt Nam cũng có nhiều thay đổi so với thời kỳ trước, nhất là trên lĩnh vực kinh tế - thương mại. Sự trao đổi ý kiến về các vấn đề quốc tế và sự phối hợp trong hoạt động đối ngoại giữa hai nước không được thường xuyên như trước. Tuy vậy, quan hệ Liên Xô - Việt Nam vẫn duy trì trên tinh thần quan hệ bạn bè, đồng minh chiến lược của nhau. Thời gian này, do Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn nên mối quan hệ về mặt kinh tế giữa hai nước vẫn chủ yếu mang tính một chiều, Việt Nam nhập hàng hóa từ phía Liên Xô là chủ yếu.

2.3.2. Quan hệ Nga - Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2001

Cuối năm 1991, Liên bang CHXHCN Xô Viết tan rã, quan hệ giữa hai nước Nga - Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới. Tính chất quan hệ Nga - Việt Nam đã có sự thay đổi lớn, ý thức hệ cộng sản và quan hệ đồng minh chiến lược không còn là nền tảng của quan hệ Nga - Việt Nam, thay vào đó, cơ sở quan hệ xuất phát từ lợi ích quốc gia dân tộc. Nguyên tắc hàng đầu trong quan hệ Liên Xô - Việt Nam là

chủ nghĩa quốc tế XHCN đã được thay bằng nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi trong quan hệ Nga - Việt Nam. Nga giảm sự có mặt tại Việt Nam thông qua việc rút gần như toàn bộ lực lượng quân sự ở Cam Ranh và rút dần số lượng các chuyên gia, kỹ thuật viên đang làm việc trên nhiều lĩnh vực ở Việt Nam. Các mối quan hệ khác giữa hai nước Nga và Việt Nam cũng chỉ được xúc tiến ở mức thấp và nhiều khi còn mang tính hình thức. Trên diễn đàn quốc tế, sự phối hợp các nỗ lực ngoại giao và việc tham khảo quan điểm lẫn nhau về các vấn đề quốc tế và khu vực cũng bị gián đoạn và ngưng trệ.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự đình trệ của quan hệ Nga - Việt Nam trong giai đoạn này, nhưng nguyên nhân cơ bản nhất là xác định lại hệ thống lợi ích chiến lược quốc gia của mỗi bên trong bối cảnh mới. Lúc này, Nga theo đuổi chính sách đối ngoại "Định hướng Đại Tây Dương", phát triển quan hệ với Mỹ và các nước phương Tây để thu hút viện trợ và đầu tư nhằm "chấn hưng" nước Nga. Về phía Việt Nam, để phù hợp với tình hình mới cũng đã có những điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng "đa phương hóa, đa dạng hóa" các mối quan hệ quốc tế, trong đó coi trọng vấn đề cải thiện quan hệ với các nước láng giềng, nhất là Trung Quốc, bình thường hóa quan hệ với Mỹ và các nước phương Tây, duy trì quan hệ với bạn bè truyền thống ở Đông Âu và SNG [90, tr.67].

Sau một thời gian trầm lắng (1991 - 1993), quan hệ Nga - Việt Nam bắt đầu dần ấm lại để tiếp tục phát triển trên cơ sở kế thừa quan hệ truyền thống Xô - Việt trước đây. Sự kiện mang ý nghĩa đánh dấu một giai đoạn mới trong quan hệ hai nước là chuyến thăm chính thức Nga của Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt với việc ký kết *Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ hữu nghị giữa CHXHCN Việt Nam và Nga* (6/1994). Hiệp ước khẳng định hai nước tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ hữu nghị trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi [34, tr.14]. Hiệp ước mới năm 1994 đã dỡ bỏ được cản trở pháp lý vốn kìm hãm quan hệ hai nước, mở đường cho hợp tác phát triển, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Từ đó quan hệ Nga - Việt Nam trên các lĩnh vực quân sự, văn hóa - giáo dục... cũng được củng cố.

Trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao, trong các năm từ 1997 - 2000, Việt Nam và Nga đẩy mạnh sự tham khảo ý kiến và phối hợp hành động trên nhiều diễn đàn quốc tế. Tại Liên Hợp Quốc và các tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc, hai nước thường xuyên trao đổi ý kiến, ủng hộ các ứng cử viên của nhau tham gia vào cơ cấu điều hành.

Nga đã ủng hộ Việt Nam tham gia vào Hội đồng kinh tế - xã hội Liên Hợp Quốc trên cương vị Phó Chủ tịch. Với vai trò điều phối viên của Việt Nam, Nga thuận lợi hơn trong các cuộc đối thoại với ASEAN. Hai nước có nhiều cuộc tiếp xúc hữu ích trong việc tham khảo kinh nghiệm và phối hợp hành động để cùng trở thành thành viên chính thức của APEC vào tháng 11/1998.

Nhân chuyến thăm Nga của Thủ tướng Phan Văn Khải vào tháng 9/2000, Chính phủ hai nước đã ký nhiều Hiệp định, như Hiệp định các khoản tín dụng đã cung cấp trước đây, Hiệp định về giáo dục - đào tạo, Hiệp định về hợp tác văn hóa. Những Hiệp định này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện quan hệ giữa Nga và Việt Nam.

Như vậy, cùng với những thay đổi về tình hình chính trị, xã hội, giảm sút về kinh tế ở Nga, cũng như sự suy giảm về mức độ ưu tiên và mối quan tâm lẫn nhau của hai nước, đã tạo ra tình trạng "gián đoạn" trong quan hệ Nga - Việt Nam vào những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX. Tình trạng đó gây ảnh hưởng bất lợi nhất định đến lợi ích của mỗi nước, đặt cả hai bên trước yêu cầu cấp thiết phải củng cố, đẩy mạnh quan hệ hợp tác với nhau. Với những nỗ lực chung, quan hệ Nga - Việt Nam ngày càng được củng cố rõ nét. Mặc dù còn nhiều trở ngại như đã nêu, song quan hệ Nga - Việt Nam từ nửa sau thập năm 90 của thế kỷ XX đã tạo tiền đề quan trọng cho việc xác lập quan hệ *đối tác chiến lược vào đầu thế kỷ XXI.*

Tiểu kết chương 2

Như vậy, bối cảnh phức tạp của quốc tế và khu vực đầu thế kỷ XXI đã tác động và chi phối mạnh mẽ đến quan hệ Nga - Việt Nam. Cuộc chạy đua nhằm thiết lập "trật tự thế giới" mới, và cuộc cạnh tranh mở rộng phạm vi ảnh hưởng của các nước lớn, cùng với xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhu cầu hợp tác giải quyết những vấn đề toàn cầu bức thiết... đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức mới đan xen cho quan hệ Nga - Việt Nam. Những nhân tố trên một mặt đòi hỏi phải thúc đẩy quan hệ song phương giữa Nga và Việt Nam ngày càng chặt chẽ hơn. Mặt khác, cũng cần nhận thấy rằng, trong cục diện cạnh tranh khốc liệt giữa các nước trong bối cảnh quốc tế mới, vai trò và vị thế của Nga so với các nước lớn còn có những hạn chế nhất định. Điều này ít nhiều cũng đã tác động không thuận chiều đến quan hệ Nga - Việt Nam trong bối cảnh mới. Bên cạnh đó, tại thị trường Việt Nam, Nga bị một số nước lớn và các nước có trình độ phát triển hơn cạnh tranh

trên nhiều mặt. Ngược lại, tại thị trường Nga, Việt Nam cũng không tránh khỏi sự cạnh tranh quyết liệt từ phía các nước trong khu vực CA - TBD và ĐNA. Bởi vậy, cả Nga và Việt Nam cần thiết phải có những điều chỉnh chính sách đối ngoại thích hợp với bối cảnh mới của thế giới và khu vực và xác định đúng những lĩnh vực ưu tiên trong quan hệ giữa hai nước, nhằm phát triển hợp tác xứng đáng với tiềm năng và mong muốn của nhân dân hai nước.

Trong hơn hai thập kỷ qua, quan hệ Nga - Việt Nam đã trải một thời gian trầm lắng do sự biến động của lịch sử. Cụ thể là trong những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX (1991 - 1993), quan hệ hai nước rơi vào trạng thái ngưng trệ, suy giảm mạnh trên tất cả các lĩnh vực. Nguyên nhân trước hết từ việc cả hai bên đều xác định lại lợi ích quốc gia và các hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại. Tình trạng đó đã gây trở ngại cho sự phát triển quan hệ hai nước, phương hại nhất định đến lợi ích của mỗi bên và đặt cả hai nước trước yêu cầu cấp thiết phải củng cố và đổi mới mối quan hệ phù hợp với tình hình mới. Từ giữa những năm 90 thế kỷ XX, quan hệ Nga - Việt Nam bắt đầu ấm lên và dần dần khởi sắc, ngày càng được nâng lên tầm cao mới về chất, nhờ những nỗ lực chung của lãnh đạo hai nước trong việc tạo dựng khuôn khổ pháp lý mới cho quan hệ song phương, trên cơ sở tôn trọng và kế thừa những giá trị quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống tốt đẹp vốn có.

Mặc dù còn những trở ngại, song mối quan hệ truyền thống Nga - Việt Nam được xây dựng từ thế kỷ trước, đặc biệt là từ nửa sau thập niên 90 của thế kỷ XX, đã tạo ra những tiền đề quan trọng cho quá trình củng cố và tăng cường phát triển quan hệ giữa hai nước trong bối cảnh mới. Sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa lãnh đạo và của nhân dân hai nước chính là động lực thúc đẩy phát triển quan hệ Nga - Việt Nam lên tầm cao mới. Cùng với việc đề cao lợi ích quốc gia, tính thực dụng trong quan hệ giữa hai nước cũng tăng lên. Cả Nga và Việt Nam đều có chung mục tiêu tăng cường ổn định trong khu vực và quốc tế để ưu tiên phát triển kinh tế trong nước. Vì thế cả Nga và Việt Nam đều đã có những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của mình cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới, cũng như tình hình cụ thể của từng nước, nhằm tìm kiếm cho mình đối tác có lợi, đáp ứng lợi ích chiến lược để xây dựng và phát triển đất nước. Chính động thái này đã thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam bước sang một giai đoạn mới, đánh dấu sự biến đổi về chất khi hai nước thiết lập *quan hệ đối tác chiến lược* và đã được nâng tầm lên thành *đối tác chiến lược toàn diện*. Mối quan hệ đó ngày càng phát triển một cách toàn diện và thực chất, đi vào chiều sâu, đáp ứng nhu cầu của hai nước, phù hợp với xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển của thời đại.

Chương 3
QUAN HỆ NGA - VIỆT NAM TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2015

3.1. Chính trị

3.1.1. Chính trị - ngoại giao

3.1.1.1. Cơ chế hợp tác

Quan hệ chính trị - ngoại giao là cơ sở nền tảng của quan hệ hợp tác giữa Nga và Việt Nam. Hai nước thực sự coi trọng và có nhu cầu hợp tác với nhau trên cơ sở tôn trọng, tin cậy lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Quan hệ chính trị giữa hai nước ngày càng được tăng cường thông qua cơ chế trao đổi đoàn, tiếp xúc song phương diễn ra thường xuyên ở các cấp (đặc biệt là cấp cao). Hai bên duy trì cơ chế tham vấn, đối thoại chiến lược dựa trên sự bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, quyết tâm không ngừng củng cố quan hệ hợp tác toàn diện, tin tưởng vào triển vọng chiến lược dài hạn, sẵn sàng tìm kiếm những thoả thuận được hai bên chấp nhận và tháo gỡ những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn. Trước khi ký *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược* với Việt Nam, Tổng thống V. Putin xác định: *"cơ sở phối hợp hành động chặt chẽ của chúng ta là những cuộc tiếp xúc chính trị thường xuyên... để trao đổi ý kiến về những vấn đề quan trọng nhất của tình hình quốc tế và quan hệ giữa các quốc gia. Ở đây cần phải củng cố những mối quan hệ ngay giữa các cơ quan lập pháp của chúng ta, cũng như giữa các cơ cấu của chính quyền hành pháp... Tôi cho rằng, việc tiếp tục phối hợp những nỗ lực của chúng ta trong lĩnh vực chính sách đối ngoại là rất quan trọng. Trước hết, sự phối hợp này liên quan những hoạt động trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế khác"* [15. tr.5].

Việc trao đổi ý kiến diễn ra trong các cuộc tiếp xúc song phương khẳng định quyết tâm của cả hai bên tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác hai nước Nga - Việt Nam. Hoạt động ngoại giao giữa hai nước được triển khai với nhiều hình thức, từ ngoại giao nhà nước, các bộ, ngành, đến hợp tác giữa các địa phương và ngoại giao nhân dân. Hai nước đã từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý thông qua việc ký kết nhiều Hiệp định và hàng loạt các thỏa thuận trong hầu hết các lĩnh vực. Cơ sở pháp lý được hai bên thỏa thuận, quan hệ hợp tác song phương đã được tạo dựng khá đầy đủ trên cơ sở *Hiệp định về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga*, ký ngày 16/6/1994 và *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác*

chiến lược giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga, ký ngày 1/3/2001. Ngoài ra, hai bên tiến hành tham vấn chính trị thường kỳ cấp Thứ trưởng Ngoại giao và cấp Cục, Vụ trong khuôn khổ hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao

3.1.1.2. Các chuyến thăm cấp Nhà nước, bộ, ngành, và địa phương Nga - Việt Nam

**** Cấp Nhà nước:***

Các chuyến thăm, tiếp xúc lẫn nhau ở cấp Nhà nước của Nga và Việt Nam được tiến hành thường xuyên. Vào tháng 3/2001, Tổng thống Nga V. Putin đã có chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam. Đây là chuyến thăm Việt Nam đầu tiên của một nguyên thủ quốc gia Liên bang Nga, là sự kiện đánh dấu mốc quan trọng trong quan hệ giữa Nga và Việt Nam. Trong khuôn khổ chuyến thăm này, hai nước đã ký *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược* cùng nhiều văn kiện hợp tác quan trọng khác, xác định khuôn khổ pháp lý mới cho hợp tác Nga - Việt Nam trên cơ sở tin cậy, chặt chẽ và lâu dài. Nga trở thành đối tác mang tầm chiến lược đầu tiên của Việt Nam. Sự kiện này *"có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần đưa quan hệ Việt Nam - Nga vào một giai đoạn phát triển mới trong thế kỷ XXI, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân hai nước vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và thế giới"* [13, tr.7].

Về nội hàm của khái niệm *quan hệ đối tác chiến lược* nhìn chung không được xác định một cách chi tiết, cụ thể, rõ ràng và thường được tiếp cận không giống nhau đối với từng mối quan hệ nhất định. Có thể đưa ra một số quan niệm khác nhau về *đối tác chiến lược* như sau: Theo quan niệm của Valery Loxkin (Nga), *"đối tác chiến lược"* phải bao gồm những nội dung sau: *"không tấn công lẫn nhau, không liên minh chống lại các nước khác, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, phải có lòng tin lẫn nhau"* [92, tr.1]; Nguyễn Cảnh Huệ, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh lại cho rằng "*Quan hệ chiến lược hay đối tác chiến lược là mối quan hệ quan trọng, có sự gắn kết cao, có tính chất lâu dài đối với hai bên*" [75, tr.2]; và theo tác giả Trần Viết Thái, *"đối tác chiến lược thể hiện sự cam kết cao hơn mức độ quan hệ song phương thông thường nhưng chưa hình thành các liên minh quân sự. Nói cách khác, đối tác chiến lược còn là một thước đo sự gắn kết, đan xen về lợi ích giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế, vượt lên trên mức hữu nghị và hợp tác, nhưng chưa đến mức ràng buộc về trách nhiệm pháp lý"* [115].

Từ thực tế diễn biến trong quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ giữa các nước lớn nói riêng trong những năm đầu thế kỷ XXI, *quan hệ đối tác chiến lược* được hiểu một cách chung nhất là mối quan hệ ổn định lâu dài giữa hai nước, có sự tương đồng

trong quan điểm nhận thức về lợi ích chiến lược tương hỗ, cũng như trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực quan trọng mà hai bên cùng quan tâm. Mối quan hệ này dựa trên sự tin cậy, cam kết hướng tới các mục tiêu chung và sự hiểu biết của mỗi bên về kỳ vọng và giá trị của bên còn lại.

Nhìn chung, các cặp quan hệ đối tác chiến lược trên thế giới có 4 đặc trưng cơ bản: Thứ nhất, phải có một khuôn khổ quan hệ với những nội hàm hợp tác rộng lớn tùy thuộc vào ý chí chính trị và nguyện vọng hợp tác của các bên, được chính thức hóa thông qua các tuyên bố cấp cao, thông cáo chính thức…. Thứ hai, phải có các cơ chế vận hành thông qua các cuộc gặp gỡ, giao lưu… nhất là ở cấp cao, kể cả định kỳ và đột xuất, để xây dựng lòng tin chiến lược, tăng cường hữu nghị, sự hợp tác toàn diện. Thứ ba, khi xây dựng và triển khai quan hệ đối tác chiến lược, các chủ thể thường coi trọng hợp tác về chính trị, an ninh và quốc phòng, nhưng hiện nay xu thế chỉ chọn một hoặc một vài lĩnh vực hẹp hoặc đa dạng hóa nội hàm để xây dựng đối tác chiến lược đang trở nên ngày càng phổ biến, miễn là có lợi cho cả hai phía và không đi tới liên minh về quân sự. Cuối cùng, có sự hợp tác kinh tế sâu rộng, mật thiết hơn mức thông thường, tạo ra sự khác biệt rõ ràng giữa hợp tác và đối tác, tạo ra sự đan xen và gắn kết lợi ích tương đối bền vững trong một thời gian nhất định [115].

Sự hình thành *quan hệ đối tác chiến lược* giữa Nga và Việt Nam là một quá trình tiếp nối, kế thừa quan hệ hữu nghị truyền thống Liên Xô - Việt Nam trước đây. Chủ trương về quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt Nam đã được lãnh đạo cấp cao hai nước đề cập từ cuối những năm 90 của thế kỷ XX. Việc xác lập *quan hệ đối tác chiến chiến lược* giữa Nga và Việt Nam cũng là kết quả của những nỗ lực tích cực của cả hai bên nhằm thiết lập một khuôn khổ quan hệ mới sau khi Liên Xô tan rã.

Nội dung cơ bản của *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược* đề cập đến hợp tác song phương trên tất cả các lĩnh vực; tiếp tục duy trì các cuộc thăm viếng thường xuyên ở các cấp, mở rộng sự hợp tác, giao lưu giữa các tổ chức chính trị - xã hội; coi trọng hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư; tiếp tục hoàn thiện hoạt động của Ủy ban Liên Chính phủ; hai bên chia sẻ quan điểm gần gũi về các vấn đề quốc tế; nhất trí cao trong các vấn đề an ninh và hợp tác ở khu vực CA - TBD và ĐNA [13, tr.7]. Như vậy, *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược* giữa Nga và Việt Nam không chỉ tạo dựng khuôn khổ pháp lý mới cho quan hệ hai nước, mà còn phản ánh sự phát triển trong tư duy chiến lược của mỗi bên về việc điều chỉnh và lựa chọn các hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mỗi nước. Không những thế, việc ký kết Tuyên bố

chung còn cho thấy hai nước đã nhận thức rõ vị trí, vai trò của nhau đối với lợi ích của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh mới, đây còn là một thành tựu to lớn của chính sách đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa của Việt Nam, cũng như thành công trong sự điều chỉnh chính sách CA - TBD của Nga. Từ khi ký Tuyên bố chung năm 2001, nhờ quyết tâm chính trị cao của lãnh đạo hai nước, hợp tác chiến lược Nga - Việt Nam ngày càng đi vào chiều sâu, mang lại những thành công lớn trên tất cả các lĩnh vực. Tổng thống V. Putin khẳng định: "*Nga coi Việt Nam là đối tác chiến lược không chỉ ở ĐNA, mà cả ở CA - TBD và cho rằng Việt Nam có vị thế thuận lợi làm cầu nối giúp Nga cải thiện vị trí và vai trò của mình ở khu vực này* [137, tr.5].

Để hiện thực hóa *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược*, lãnh đạo cấp cao hai nước đã thường xuyên có các chuyến thăm chính thức lẫn nhau. Hai bên trao đổi ý kiến về những vấn đề quan trọng trong quan hệ song phương, và những vấn đề quốc tế, khu vực mà hai bên cùng quan tâm. Sau chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Nga V. Putin (3/2001), ngày 26/3/2002, Thủ tướng Nga Mikhail Kasyanov đã thăm chính thức Việt Nam. Đây là dịp để lãnh đạo hai nước trao đổi, đánh giá, đề ra các biện pháp thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược phát triển hơn nữa. Hai bên đã triển khai những thỏa thuận đạt được trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng 3/2001 của Tổng thống Nga V. Putin trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đồng thời trao đổi về các vấn đề quốc tế và khu vực cùng quan tâm. Từ đó, hai bên đã ký nhiều Hiệp định Liên Chính phủ, Liên ngành. Cũng năm 2002, Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương ĐCS Việt Nam Nông Đức Mạnh đã có chuyến thăm Liên bang Nga (10/2002). Đây là chuyến thăm Nga đầu tiên của Tổng Bí thư ĐCS Việt Nam kể từ khi Liên Xô tan rã. Là sự kiện có tầm quan trọng đặc biệt, tạo động lực nâng cao quan hệ song phương lên tầm cao mới, phù hợp với khuôn khổ *quan hệ đối tác chiến lược* đã được xác lập [199, tr.25]. Trong chuyến thăm này, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã có các cuộc hội đàm với Tổng thống V. Putin, Thủ tướng Mikhail Kasiyanov, Chủ tịch Thượng viện và Đuma Quốc gia Nga... Tổng bí thư Nông Đức Mạnh đã khẳng định *"Từ lâu nhân dân hai nước đã gắn bó chặt chẽ với nhau bởi mối tình hữu nghị bền chặt và quan hệ tốt đẹp về nhiều mặt. Mối quan hệ đó đã được thử thách qua nhiều thập kỷ trở thành tài sản quý báu và là nhân tố vô cùng quan trọng để tiếp tục đưa quan hệ Việt Nam - Nga lên tầm cao mới, coi đó là hướng ưu tiên trong đường lối đối ngoại của Việt Nam*" [36]. Đặc biệt, trong chuyến thăm lần này, hai bên đã ra *Thông cáo chung Nga - Việt Nam* (10/2002), trong đó đã khẳng định lại ý nghĩa lịch sử của *Hiệp ước về các cơ sở quan hệ hữu nghị giữa CH*

XHCN Việt Nam và Liên bang Nga ngày 16/6/1994, *Tuyên bố chung Việt - Nga* ngày 25/8/1998, *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược* giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga ngày 1/3/2001. Trong Thông cáo chung năm 2002 cũng đã thỏa thuận hai bên tiếp tục mở rộng, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi trên cơ sở các văn kiện đã ký [16, tr.1]. Như vậy, với những văn kiện này, cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác giữa Nga - Việt Nam ngày càng được xác định rõ và được cụ thể hóa trong các cuộc gặp gỡ, trao đổi đoàn cấp cao hai nước.

Tiếp theo đó, giữa hai nước thường xuyên diễn ra các cuộc thăm hỏi lẫn nhau như: Tháng 1/2003, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam thăm Nga; Tháng 5/2004, Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Nga; Tháng 11/2004, đoàn đại biểu Đuma quốc gia Nga do Phó Chủ tịch V.A. Kupstov dẫn đầu sang thăm Việt Nam; Tháng 1/2005, Chủ tịch Hội đồng Liên bang Nga Sergey Mikhailovich Mironov đã sang thăm Việt Nam. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, vấn đề cơ bản thường được đề cập đến trong các chuyến thăm giữa lãnh đạo hai nước là khẳng định mong muốn và quyết tâm đưa quan hệ song phương lên tầm cao mới phù hợp với khuôn khổ đối tác chiến lược đã được thiết lập. Điều đó được thể hiện rõ hơn trong các chuyến thăm cấp cao của Nga sang Việt Nam vào năm 2006. Trong cùng một năm, Thủ tướng và Tổng thống Nga hai lần sang thăm Việt Nam. Qua đó, thấy rằng mối quan hệ giữa hai nước ngày càng được thắt chặt, tạo thêm động lực mới, thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ đối tác chiến lược phát triển, đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả. Ngày 16/2/2006, Thủ tướng Chính phủ Nga Mikhail Yefimovich Fradkov đã có chuyến thăm chính thức Việt Nam. Mục đích chuyến thăm này nhằm cụ thể hóa các nội dung của *quan hệ đối tác chiến lược.* Triển khai các dự án hợp tác quan trọng và tìm kiếm phương hướng mới thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại giữa Nga và Việt Nam phát triển, đồng thời hai bên cũng đã ký nhiều văn bản hợp tác quan trọng. Tiếp đó, vào tháng 11/2006, Tổng thống Nga V. Putin cũng đã có chuyến thăm Việt Nam. Chuyến thăm Việt Nam lần này được xem là nền tảng quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa Nga và Việt Nam ở thế kỷ XXI, hai bên đã đạt được nhiều thỏa thuận và tiến tới ký kết nhiều văn kiện hợp tác, đặc biệt là các văn kiện hợp tác về kinh tế, đánh dấu bước phát triển của *quan hệ đối tác chiến lược* giữa Nga và Việt Nam. Tổng thống V. Putin đã phát biểu: *"Hai bên nhất trí đẩy mạnh hợp tác toàn diện Nga - Việt trên cơ sở phát huy thế mạnh và khả năng của mỗi nước… không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác…tìm phương thức giải quyết hiệu quả nhất cho những vấn đề còn tồn*

tại" [199, tr.26]. Thông qua hội đàm giữa hai phái đoàn Nga và Việt Nam, Tổng thống V. Putin đánh giá cao bước phát triển tốt đẹp của quan hệ nhiều mặt giữa hai nước trong thời gian qua, đồng thời nhấn mạnh hai bên còn nhiều tiềm năng để mở rộng và làm cho sự hợp tác đạt được những kết quả to lớn và thiết thực hơn nữa, góp phần vào sự thịnh vượng của mỗi nước cũng như góp phần bảo vệ hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới. Hai bên cũng nhất trí các phương hướng lớn nhằm tăng cường cơ chế đối thoại chính trị thường xuyên ở cấp cao, mở rộng và hoàn thiện các lĩnh vực hợp tác mà hai nước đang triển khai.

Các cuộc tiếp xúc, thăm hỏi, trao đổi lẫn nhau giữa đoàn cấp cao hai nước diễn ra với mức độ thường xuyên, những vấn đề về quan hệ song phương đã được đưa ra bàn bạc, nhiều văn bản quan trọng đã được ký kết, là minh chứng thực tế cho thấy quan hệ Nga - Việt Nam trong thập niên đầu của thế kỷ XXI đã có bước phát triển tích cực, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao. Điều đó một lần nữa được Thủ tướng Nga V. Putin khẳng định trong chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết vào tháng 10/2008*: "Nga coi trọng tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam, nhất là việc nâng cao hiệu quả hợp tác trong các lĩnh vực, hai bên có tiềm năng đưa quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư lên ngang tầm với quan hệ chính trị rất tốt đẹp giữa hai nước"* [2].

Năm 2010 là năm kỷ niệm 60 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Liên Xô và Việt Nam DCCH (nay là Liên bang Nga và CHXHCN Việt Nam), quan hệ chính trị - ngoại giao được đẩy lên tầm cao mới, mở ra triển vọng phát triển hơn nữa trong những năm tiếp theo, và đây cũng là năm diễn ra nhiều chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao hai nước. Tháng 7/2010, Tổng bí thư ĐCS Việt Nam Nông Đức Mạnh có chuyến thăm Liên bang Nga; Tháng 10/2010, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Nguyễn Minh Triết tham dự Lễ kỷ niệm 65 năm ngày Chiến thắng phát xít tại Nga; Tháng 10/2010, Tổng thống Nga D. Medvedev có chuyến thăm Việt Nam… Những cuộc thăm viếng và tiếp xúc cấp cao hai nước đã khẳng định ý chí và quyết tâm của lãnh đạo hai nước trong việc đưa mối *quan hệ đối tác chiến lược* Nga - Việt Nam phát triển lên tầm cao mới, mở rộng và hoàn thiện các lĩnh vực hợp tác đang có hiệu quả giữa hai nước, mở ra xu hướng mới cho tổng thể quan hệ hợp tác Nga - Việt Nam trên tất cả các phương diện.

Quan hệ chính trị Nga - Việt Nam không ngừng được củng cố và ngày càng phát triển mạnh mẽ cả bề rộng lẫn chiều sâu. Nhằm đưa quan hệ Nga - Việt Nam phát triển thực chất hơn, hai nước đã xác lập khuôn khổ hợp tác mới, từ *quan hệ đối tác chiến lược*, nâng lên thành *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện*. Đây là bước tiến quan trọng,

đánh dấu sự phát triển mới về chất trong quan hệ giữa Nga và Việt Nam. Hai nước đã ký *Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* vào tháng 7/2012, nhân chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang. Khuôn khổ hợp tác chiến lược toàn diện mang đến một luồng sinh khí mới cho sự phát triển của quan hệ hai nước. Chủ tịch nước Trương Tấn Sang và Tổng thống V. Putin khẳng định *"Kể từ khi hai nước ký Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược năm 2001, quan hệ hợp tác giữa hai nước không ngừng được củng cố và tăng cường trên tất cả các lĩnh vực, kế thừa xứng đáng truyền thống hữu nghị và tương trợ giữa hai dân tộc. Hai bên nhất trí tiếp tục phát triển hơn nữa quan hệ Việt Nam - Nga trên tinh thần đối tác chiến lược toàn diện"* [169].

Cũng như khái niệm *đối tác chiến lược*, thì nội hàm của khái niệm *đối tác chiến lược toàn diện* vẫn chưa được xác định cụ thể, có nhiều cách hiểu khác nhau. Đơn cử một số cách hiểu về khái niệm này của nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam như tác giả Trần Viết Thái "*Cấp độ cao nhất là đối tác chiến lược toàn diện, hay còn gọi là đối tác hợp tác chiến lược toàn diện; trong đó, hai hay nhiều bên xác định gắn bó lợi ích lâu dài, hỗ trợ lẫn nhau và thúc đẩy sự hợp tác sâu rộng và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, cùng có lợi. Cấp độ thấp hơn là đối tác chiến lược trong một lĩnh vực hẹp hoặc vì một mục tiêu cụ thể nào đó. Mức độ thấp hơn nữa là đối tác toàn diện"* [115]. Hoặc theo một số nhà nghiên cứu Việt Nam thì quan hệ *đối tác chiến lược toàn diện* là dạng biến thể của "đối tác chiến lược" cùng với "đối tác toàn diện" được Việt Nam dùng để đánh dấu những mối quan hệ Việt Nam cho là quan trọng [161, tr.4]. Trần Viết Thái giải thích thêm *"Ở cấp độ đối tác toàn diện, thông thường quan hệ giữa các chủ thể đã có một hoặc một vài mặt nào đó đạt đến mức chiến lược, nhưng chưa có sự đồng đều giữa các mặt hợp tác. Do sự tin cậy lẫn nhau chưa đủ hoặc thời điểm chưa chín muồi, nên các chủ thể chọn cách xây dựng một khuôn khổ đối tác toàn diện với hàm ý nhấn mạnh mặt hợp tác, tiếp tục củng cố lòng tin và cùng hướng tới tương lai*" [115]. Qua đó chứng tỏ, quan hệ giữa Nga - Việt Nam đã đạt đến cấp độ cao nhất là *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện*.

Nội dung của Tuyên bố chung năm 2012 đề cập đến việc chú trọng thúc đẩy hợp tác trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế - thương mại, đầu tư, an ninh - quốc phòng đến khoa học - công nghệ, nhân văn và trao đổi ý kiến về các vấn đề quốc tế cùng quan tâm. Bên cạnh đó, Nguyên thủ hai nước còn ủng hộ đẩy nhanh việc tìm kiếm và cụ thể hóa các khả năng mới về chất nhằm thúc đẩy các lĩnh vực phát triển, đặc biệt là kinh tế thương mại và đầu tư [168]. So với *Tuyên bố chung về quan hệ đối*

tác chiến lược năm 2001, thì *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* năm 2012 không chỉ đề cập đến tất cả các lĩnh vực hợp tác một cách toàn diện mà còn nêu rõ thực trạng và phương hướng phát triển hợp tác trên mỗi lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là về kinh tế. Văn kiện này là cơ sở pháp lý quan trọng tạo động lực mới thúc đẩy hợp tác toàn diện giữa Nga và Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực cùng phát triển. Như vậy, việc ký kết *Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* thể hiện nhận thức sâu sắc hơn của hai nước về thực trạng quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt Nam, về lợi ích quốc gia. *Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* đã đưa quan hệ Nga - Việt Nam phát triển lên tầm cao mới.

Sau khi *Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* được ký kết, tần suất của các cuộc viếng thăm giữa hai nước ngày càng gia tăng, và hầu hết trong những cuộc tiếp xúc, trao đổi đều thông qua các định hướng hợp tác, triển khai cụ thể hơn về nội dung theo tinh thần quan hệ đối tác chiến lược toàn diện mà hai nước đã nhất trí thông qua. Thủ tướng Nga D. Medvedev sang thăm Việt Nam (11/2012); Chủ tịch Hội đồng Liên bang Nga V. I. Matvienco thăm Việt Nam (11/2012); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng sang thăm Nga (3/2013); Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm Nga (5/2013); Phó Thủ tướng thứ nhất của Nga I. I. Shuvalov sang thăm Việt Nam (10/2013)… Đặc biệt chuyến thăm Việt Nam lần thứ ba của Tổng thống V. Putin và đoàn đại biểu cấp cao Nga vào tháng 11/2013 được coi là sự kiện quan trọng trong việc củng cố, phát triển *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* giữa Nga và Việt Nam, nhằm nhìn lại kết quả phát triển mối quan hệ hợp tác của hai nước kể từ khi thiết lập mối *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện*. Nguyên thủ hai nước đánh giá cao việc nâng cấp quan hệ song phương lên *đối tác chiến lược toàn diện*, mở ra những cơ hội mới về chất nhằm thúc đẩy hợp tác cùng có lợi trên nhiều lĩnh vực, từ đó cùng thỏa thuận các biện pháp mang tính đột phá để thúc đẩy mối quan hệ song phương. Hai nước đã ký kết 17 văn kiện quan trọng thuộc các lĩnh vực khác nhau như: năng lượng và khai thác dầu mỏ, Nga cung cấp cho Việt Nam máy bay dân sự do Nga chế tạo, về năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình và lĩnh vực giáo dục - đào tạo... Trong khuôn khổ chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam lần này, Tổng thống V. Putin đã khẳng định: *"Quan hệ giữa Nga và Việt Nam có tính chất đặc biệt, thậm chí còn hơn cả chiến lược. Theo đúng nghĩa của từ này, hai nước chúng ta cùng có quá khứ anh hùng trong lao động cũng như trong chiến đấu, trong đó có cả cuộc đấu tranh vì độc lập của Việt Nam. Hợp tác song phương giữa hai nước có triển vọng và tương lai tốt đẹp"* [155].

Trong chuyến thăm chính thức Nga vào tháng 11/2014, Tổng Bí thư ĐCS Việt Nam Nguyễn Phú Trọng cũng đã khẳng định *"Chính sách nhất quán của Việt Nam là luôn coi trọng và mong muốn củng cố, thúc đẩy hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Liên bang Nga, coi Nga là một trong những đối tác quan trọng, tin cậy hàng đầu của Việt Nam"*. Tổng thống V. Putin cũng đã nhấn mạnh *"Việt Nam là "một đối tác hàng đầu" của Nga ở khu vực CA - TBD. Các lãnh đạo Nga luôn coi mối quan hệ hữu nghị, thủy chung Nga - Việt Nam là "mối quan hệ quý giá" cần được trân trọng và củng cố vững chắc"* [26]. Trên tinh thần đó, trong chuyến thăm này, lãnh đạo hai nước nhất trí tiếp tục thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Nga - Việt Nam phát triển ngày càng sâu rộng, phù hợp với mong muốn và sự phát triển của mỗi nước, đồng thời góp phần đảm bảo hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển ở khu vực và trên thế giới. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng thống V. Putin đã thông báo cho nhau về tình hình mỗi nước; trao đổi ý kiến, đánh giá kết quả hợp tác giữa hai bên, đặc biệt là những thỏa thuận cấp cao đạt được từ khi thiết lập *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện*, thống nhất các phương hướng, biện pháp cơ bản nhằm đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và đối tác chiến lược toàn diện Nga - Việt Nam. Kết quả của chuyến thăm này mở ra triển vọng cho quá trình hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với khu vực tiềm năng Viễn Đông, Đông Siberia.

Tiếp tục làm sâu sắc hơn về mối quan hệ Nga - Việt Nam, thúc đẩy mối quan hệ này phát triển lên tầm vóc mới với những bước đi thực tế hơn, đó chính là nội dung được đưa ra bàn bạc trong chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Nga D. Medvedev vào tháng 4/2015. Một trong những nội dung quan trọng đó là lãnh đạo hai nước đã đàm phán với nhau để tiến tới ký kết chính thức FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu trong năm 2015, để thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư giữa các nước thành viên. Thủ tướng D. Medvedev đã khẳng định *"hiệp định mà chúng ta dự định ký kết không chỉ là tạo quyền cho chúng tôi tiếp cận thị trường Việt Nam, mà còn trao cho các bạn hàng Việt Nam quyền tiếp cận thị trường của chúng tôi"* [7]. Thực tế, chỉ sau một tháng kể từ chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng D. Medvedev, ngày 29/5/2015, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu đã được ký kết[1]. Việt

[1] Liên minh Kinh tế Á - Âu (tiếng Nga Евразийский Экономический Союз) là một liên minh kinh tế chính thức ra đời ngày 29/5/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 với 5 thành viên sáng lập là Liên bang Nga, Belarus, Kazakhstan, Armenia và Kyrgyzstan. Tổ chức này ra đời trên cơ sở hợp nhất hai tổ chức tiền thân là Cộng đồng Kinh tế Á - Âu (thành lập vào năm 2000) và Liên minh Thuế quan Á - Âu (thành lập vào ngày 01/01/2010). Mục tiêu nhằm thành lập một thị trường chung thống nhất cho tất cả các nước thành viên. Cộng đồng Kinh tế Á - Âu dựa trên khuôn mẫu là Cộng đồng Kinh tế châu Âu

Nam là một trong những đối tác đầu tiên ký kết Hiệp định Thương mại tự do với Liên minh này. Ông Viktor Khristenko - Chủ tịch Ban thường trực Uỷ ban Kinh tế Á - Âu đã phát biểu sau lễ ký kết: *"Hiệp định này là một sự kiện lịch sử đối với Liên minh bởi đó là sự khởi đầu mới trong việc phát triển quan hệ hợp tác giữa các nước chúng ta. Việc thiết lập cơ chế tự do thương mại giữa Liên minh Kinh tế Á - Âu và Việt Nam đã mở ra cơ hội mới cho tất cả các nước thành viên"* [8]. Ngoài ra, trong chuyến thăm này, hai bên cũng đã kiểm điểm tình hình thực hiện Danh mục các nhiệm vụ ưu tiên năm 2014 và thống nhất các phương hướng chính triển khai Danh mục các nhiệm vụ ưu tiên năm 2015; triển khai những thỏa thuận cấp cao đã đạt được, trao đổi các biện pháp, phương hướng thúc đẩy quan hệ trên mọi lĩnh vực; trao đổi về các vấn đề quốc tế và khu vực mà cả hai bên cùng quan tâm [157]. Chuyến thăm lần này của Thủ tướng D. Medvedev đã góp phần củng cố, tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Nga - Việt Nam, thể hiện sự tin cậy cao giữa lãnh đạo cấp cao hai nước, điều đó đã trở thành nền tảng vững chắc để hai nước tiếp tục triển khai hợp tác chặt chẽ và hiệu quả hơn trong thời gian tới. Kết thúc buổi hội kiến, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Thủ tướng D. Medvedev đã chứng kiến Lễ ký *Biên bản về việc mở rộng và làm sâu sắc quan hệ hợp tác toàn diện giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nước Nga Thống nhất giai đoạn 2015 - 2017*.

Trong dịp Nga và Việt Nam long trọng kỷ niệm *"65 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa hai nước (30/1/1950 - 30/1/2015)"*, các nhà lãnh đạo cấp cao của Nga và Việt Nam đều nhấn mạnh lịch sử quan hệ Nga - Việt Nam gắn liền với dòng chảy của thời đại và là mối quan hệ thấm đượm tình hữu nghị, sự chia sẻ và ủng hộ lẫn nhau, đồng thời đánh giá cao việc hợp tác trong tất cả các lĩnh vực đã và đang phát triển mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu của cả hai nước trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế. Lãnh đạo hai nước cùng nhất trí cho rằng, cần cố gắng nhiều hơn nữa, không ngừng làm sâu sắc hơn, hiệu quả hơn nội hàm đối tác chiến lược toàn diện để đưa quan hệ Nga - Việt Nam lên tầm cao mới, đáp ứng lợi ích và nguyện vọng của cả hai dân tộc, vì hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển ở khu vực và trên thế giới [20].

Cùng với thúc đẩy hợp tác chính trị ngoại giao song phương, Nga và Việt Nam đã tăng cường hợp tác trong các quan hệ đa phương. Hai nước luôn bày tỏ lập trường ủng hộ và phối hợp cùng nhau trên các diễn đàn quốc tế cũng như khu vực. Nga đặc biệt coi trọng vị trí của Việt Nam trong chiến lược CA - TBD, một khu vực quan trọng trong học thuyết đối ngoại mới của Nga. Chính vì vậy, tại các diễn đàn quốc tế và khu vực như Diễn đàn kinh tế khu vực CA - TBD, Diễn đàn Hợp tác Á - Âu, Nga và Việt Nam

có quan điểm thống nhất. Nga và Việt Nam cũng tiến hành đối thoại về nhiều vấn đề liên quan đến tình hình ĐNA, trong đó có vấn đề an ninh khu vực, liên kết nội khối, phát triển và củng cố quan hệ hợp tác với ASEAN. Phải nhấn mạnh rằng, bản thân sự phát triển quan hệ đối tác chiến lược giữa Nga và Việt Nam đã trở thành nhân tố kích thích quan trọng để đẩy nhanh quá trình hợp tác đối thoại giữa Nga và ASEAN. Nga và Việt Nam hiện đang giữ vị thế quan trọng trong hệ thống quan hệ quốc tế ở khu vực CA - TBD. Hai bên đang phối hợp hành động về hàng loạt vấn đề trong chương trình nghị sự của ARF, APEC cùng nhiều cơ chế hợp tác đa phương trong khu vực [13, tr.7].

Trong các cuộc đàm phán song phương và đối thoại về chính trị, Nga và Việt Nam luôn thể hiện gần gũi về quan điểm, lập trường trên nhiều vấn đề quốc tế quan trọng, như việc xây dựng một thế giới đa cực, không có xung đột bạo lực, không có các trung tâm sức mạnh chi phối thế giới; xây dựng một trật tự thế giới công bằng, bình đẳng, không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia có chủ quyền; cũng như vấn đề chống khủng bố quốc tế, chủ nghĩa ly khai, tôn giáo cực đoan, và nâng cao vai trò duy trì hòa bình và ổn định của Hội đồng Bảo an trong việc giải quyết các cuộc xung đột trên thế giới... Đồng thời, hai bên nhất trí cao về nguyên tắc hợp tác và giữ vững an ninh chính trị ở CA - TBD và ĐNA. Mục tiêu chung của hai nước đều tăng cường ổn định ở khu vực và thế giới để ưu tiên phát triển kinh tế trong nước.

Như vậy, trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2015, giữa hai nước liên tục diễn ra các chuyến thăm hữu nghị chính thức, các cuộc hội đàm, trao đổi, gặp gỡ cấp cao với cường độ cao và nội dung đối thoại ngày càng sâu sắc, phong phú, đa dạng. Lãnh đạo hai nước có sự nhất trí, có chung quan điểm, nhận thức về nhiều vấn đề quốc tế cũng như trong khu vực CA - TBD và ĐNA. Thông qua các cuộc thăm viếng, trao đổi, tiếp xúc các đoàn cấp cao giữa Nga và Việt Nam, lãnh đạo hai nước đã làm tăng thêm sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau ở mức độ cao của các nhà lãnh đạo chính trị, đó cũng chính là tiền đề quan trọng tạo động lực phát triển quan hệ hai nước, đồng thời góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia của mỗi nước cũng như củng cố và tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Nga và Việt Nam.

**** Cấp bộ, ngành***

Ngoài các cuộc trao đổi, tiếp xúc giữa lãnh đạo cấp Nhà nước, các bộ, ngành hai nước cũng thường xuyên có những cuộc thăm viếng lẫn nhau, điển hình như Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an… Hai bên cũng đã ký kết các Hiệp định cấp Chính phủ về hợp tác phòng chống ma túy, hiệp định cấp Bộ về phòng chống tội

phạm, các vấn đề như nhân quyền, dân chủ, trao đổi thông tin an ninh, chống khủng bố... trong điều kiện quốc tế và khu vực có những biến động.

Trong năm 2008, diễn ra các chuyến thăm chính thức Liên bang Nga của Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Phạm Gia Khiêm và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam - Đại tướng Phùng Quang Thanh. Đây là dịp để trao đổi tình hình mới nhất của hai nước và khu vực. Đồng thời, hai bên cũng đã đánh giá cao quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt Nam và khẳng định tiếp tục tăng cường hợp tác an ninh - quốc phòng giữa hai nước. Kết thúc buổi làm việc, Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm và Bộ trưởng Ngoại giao Sergey Viktorovich Lavrov đã ký *Kế hoạch hợp tác giữa Bộ Ngoại giao Việt Nam và Bộ Ngoại giao Liên bang Nga giai đoạn 2009 - 2010.*

Ngoài ra, hai bên còn có cuộc tham vấn cấp Thứ trưởng Ngoại giao vào ngày 24/4/2011, giữa Thứ trưởng Ngoại giao Nga A. Borodavkin và Thứ trưởng Ngoại giao Việt Nam Bùi Thanh Sơn. Hai bên đã trao đổi về tình hình hợp tác trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - thương mại, văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, hợp tác địa phương… thảo luận các phương hướng và biện pháp cụ thể nhằm tăng cường mọi mặt hợp tác song phương, tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy triển khai các dự án hợp tác chiến lược, đặc biệt là dự án xây dựng Nhà máy điện hạt nhân đầu tiên tại Việt Nam, tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hợp tác, tăng cường phối hợp tại các diễn đàn quốc tế và khu vực. Hai bên ủng hộ tiếp tục mở rộng hợp tác về năng lượng, triển khai chỉ đạo của Lãnh đạo hai nước về việc nâng cấp Chủ tịch Phân ban Uỷ ban Liên Chính phủ Việt Nam - Liên bang Nga về hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học - kỹ thuật lên cấp Phó Thủ tướng thường trực, Phó Thủ tướng thứ nhất. Cuộc tham vấn chính trị được đánh giá cao về sự hữu ích và hiệu quả; hai bên khẳng định tiếp tục duy trì cơ chế này trong khuôn khổ Kế hoạch hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao Nga - Việt Nam.

Trong năm 2013, Bộ trưởng Quốc phòng Nga - Đại tướng Sergei và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam - Đại tướng Phùng Quang Thanh đã có các chuyến thăm lẫn nhau. Tháng 4/2014, Bộ trưởng Quốc phòng Nga Sergei Kuzhugetovich Shoigu cũng đã có chuyến thăm chính thức Việt Nam. Trong các chuyến thăm này, hai bên đã thống nhất các biện pháp nhằm thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hữu nghị truyền thống cùng có lợi, trong đó đẩy mạnh hợp tác lĩnh vực quốc phòng lên ngang tầm quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, vì hòa bình, ổn định trên thế giới và khu vực.

Bên cạnh các chuyến thăm của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, các Bộ, ngành khác cũng thường xuyên có các cuộc tiếp xúc, làm việc, trao đổi với nhau và đã đạt được

nhiều kết quả quan trọng. Năm 2010, tại trụ sở Bộ Giáo dục và Khoa học Nga, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam - Nguyễn Thiện Nhân và Bộ trưởng Giáo dục và Khoa học Nga - Andrei Fursenko đã có cuộc hội đàm và ký kết *Hiệp định về công nhận bằng cấp lẫn nhau* sau hơn 30 năm gián đoạn kể từ năm 1978 [38]. Đây là mốc quan trọng trong việc hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc hợp tác giáo dục và đào tạo giữa Việt Nam và Nga, mở ra hướng phát triển tốt đẹp trong giai đoạn mới. Tháng 11/2013, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam - Phạm Vũ Luận và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Khoa học Liên bang Nga - Livanov Dmitry Victorovich đã có cuộc hội đàm tại Hà Nội. Hai bên đã ký *Hiệp định về đối tác chiến lược trong lĩnh vực giáo dục, khoa học và công nghệ* vào tháng 11/2014. Tháng 10/2015, Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Việt Nam - Hoàng Tuấn Anh và Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Nga - ông Vladimir Kantorovich đã có cuộc hội đàm tại Việt Nam. Hai bên đã đưa ra nhiều biện pháp cụ thể nhằm thúc đẩy quan hệ du lịch phát triển tương xứng với quan hệ đối tác chiến lược toàn diện.

**** Cấp địa phương***

Vai trò của các địa phương cũng hết sức quan trọng trong tổng thể mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Nga - Việt Nam. Trong buổi làm việc với ông Sergei Levchenko - Tỉnh trưởng tỉnh Irkutsk - Nga (11/2015), Đại sứ Việt Nam tại Nga - Nguyễn Thanh Sơn đã khẳng định rằng *"Việc thúc đẩy hợp tác giữa các địa phương Nga và Việt Nam là một trong những hướng hoạt động quan trọng trong chính sách đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế đất nước. Bộ Ngoại giao luôn ủng hộ và tạo điều kiện trong vai trò cầu nối, tư vấn và hỗ trợ để ngày càng có nhiều địa phương hai nước thiết lập quan hệ làm ăn trực tiếp với nhau, phát huy các tiềm năng sẵn có của mình, đáp ứng yêu cầu của mỗi địa phương, góp phần xứng đáng vào việc tăng cường và củng cố hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước nói riêng và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Nga - Việt Nam nói chung"* [21].

Giữa các vùng lãnh thổ của Nga và các tỉnh, thành phố của Việt Nam đều có vị trí địa lý chính trị, an ninh, kinh tế quan trọng, đã và đang phát triển về mọi mặt. Các địa phương này trên thực tế đã có mối quan hệ hợp tác từ lâu và có nhiều tiềm năng để phát triển, nhất là thu hút đầu tư, trao đổi thương mại, du lịch, giao lưu văn hóa… Bước sang thế kỷ XXI, trao đổi đoàn giữa các địa phương diễn ra thường xuyên hơn, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp hai nước gặp gỡ giao lưu, tiếp xúc trực tiếp và làm ăn kinh doanh. Nhiều dự án hợp tác tiên phong giữa các địa phương đang được triển khai và hoạt động có hiệu quả như: Dự án trung tâm văn hóa - thương mại Hà Nội tại Moskva, dự án xây

dựng tổ hợp chăn nuôi bò sữa TH True Milk tại ngoại ô Moskva, dự án liên doanh Rusvietpetro ở Bà Rịa - Vũng Tàu với khu tự trị Nednets, các dự án trong lĩnh vực du lịch, khách sạn của doanh nghiệp Nga tại Quảng Ninh, Khánh Hòa, Vũng Tàu… Tháng 11/2013, Trung tâm Văn hóa - Thương mại Hà Nội được khai trương tại Moskva.

Trong *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* có ghi *"Hai bên ghi nhận tiềm năng to lớn của hợp tác địa phương, đặc biệt giữa các địa phương thuộc vùng Xibêri và Viễn Đông của Nga với các tỉnh và thành phố lớn của Việt Nam. Việc khai thác tiềm năng này sẽ góp phần tăng cường hợp tác thương mại - đầu tư và nhân văn giữa hai nước trên các hướng ưu tiên. Hai bên nhất trí hỗ trợ các công ty và doanh nghiệp của hai nước nghiên cứu khả năng đầu tư tại các địa phương của CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga trong khuôn khổ pháp luật hiện hành của mỗi bên"*[169, tr.3]. Trên tinh thần ấy, quan hệ hợp tác hữu nghị cấp địa phương giữa hai bên ngày càng được củng cố và phát triển mạnh mẽ, điển hình là hợp tác giữa Hà Nội - Moskva, Khánh Hòa - Khabarovsk, Đà Nẵng - Yaroslavl, Nghệ An - Ulianovsk, Thành phố Hồ Chí Minh - Saint - Petersburg và Moskva. Đây vừa là quan hệ hợp tác bắt nguồn từ sự gắn bó, tình đoàn kết giữa nhân dân hai nước, cũng là xuất phát từ nhu cầu hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để cùng phát triển. Đặc biệt, những kết quả hợp tác địa phương đạt được đã đóng góp không nhỏ vào sự phát triển chung của hợp tác kinh tế - thương mại, đầu tư giữa hai nước. Theo ông Alexey Popov - Tổng lãnh sự Nga tại Thành phố Hồ Chí Minh chia sẻ với báo giới nhân kỷ niệm 65 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Nga - Việt: *"Thời gian qua, có nhiều điểm mới trong việc phát triển mối quan hệ trực tiếp giữa cac địa phương của Nga với Việt Nam, không chỉ từ phía Nga có những dự án đầu tư cụ thể vào Việt Nam, mà từ phía Việt Nam, ghi nhận một xu hướng mới, đó là từ phía các nhà đầu tư, doanh nghiệp Việt Nam đã có những lời đề nghị hợp tác đầu tư những dự án cỡ lớn vào vùng Moskva, đầu tiên là một số dự án xây dựng cụm, khu vực công nghiệp nhẹ, hay xây các kho lạnh trữ hàng thủy hải sản. Thậm chí có cả lời đề nghị đầu tư cho một dự án trị giá cả tỷ USD trong lĩnh vực nông nghiệp ở vùng ngoại ô Moskva. Điều này có thể thấy là tính chất và chất lượng sự thay đổi trong quan hệ hợp tác đầu tư Nga - Việt và cũng là minh chứng cho thấy hiệu quả của việc hợp tác đầu tư trực tiếp giữa các vùng miền của hai nước"* [6]. Đặc biệt, trong bối cảnh FTA giữa Liên minh Kinh tế Á - Âu và Việt Nam đã có hiệu lực, các nhà đầu tư Nga và Việt Nam sẽ có thêm cơ hội mới để thâm nhập vào thị trường của nhau. Các doanh nghiệp và địa phương của Nga tiếp tục tìm hiểu cơ hội đầu tư, phát triển và tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh như nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, giày da…

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt thuận lợi, quan hệ hợp tác giữa các địa phương hai nước còn gặp nhiều khó khăn như về khoảng cách địa lý, cơ sở hạ tầng giao thông, hạn chế về mặt tiếp cận nguồn thông tin, giới thiệu sản phẩm, trao đổi kinh tế… Hai nước cần nỗ lực hơn nữa nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác địa phương ngày càng thiết thực, hiệu quả, qua đó góp phần củng cố và tăng cường *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* Nga - Việt Nam trong thời gian tới.

Ngoài ra, quan hệ ngoại giao nhân dân giữa hai nước cũng ngày càng được tăng cường và phát triển. Gần 10 ngàn người Việt Nam hiện đang sinh sống và làm ăn kinh doanh tại Nga, đó chính là sợi dây bền chặt gắn kết hai quốc gia, góp phần không ngừng củng cố *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* giữa Nga và Việt Nam. Mặt khác, cộng đồng người Việt tại Nga cũng là "cầu nối" để các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào thị trường Nga. Các doanh nghiệp Việt Nam đang hoạt động tại Nga là những người quảng bá tích cực nhất cho các mặt hàng chất lượng cao của Việt Nam. Thông qua hệ thống cửa hàng của người Việt Nam, những sản phẩm công nghiệp nhẹ, nông sản, thực phẩm của Việt Nam đã từng bước chiếm lĩnh một phần thị trường tiêu dùng Nga. Ngoài những dự án liên doanh truyền thống như dầu khí, năng lượng, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật quân sự thì còn có hợp tác giữa các doanh nhân, các tập đoàn kinh tế tư nhân của Nga và Việt Nam. Việt Nam đã có những đầu tư ban đầu vào Nga, điển hình là trung tâm Incentra ở quận phía Bắc của Moskva với một công trình rất đồ sộ mà người Việt Nam xây dựng với sự ủng hộ của Nga. Hợp tác giữa Hội hữu nghị hai nước Việt - Nga hoạt động tích cực, giữ vai trò là cầu nối gắn kết hai dân tộc. Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam - Vũ Xuân Hồng nhấn mạnh: *Chúng tôi tình nguyện và làm tất cả những gì có thể để đưa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện có những nội hàm mới, gắn kết giữa nhân dân hai nước chúng ta. Hội hữu nghị Việt - Nga tiếp tục phát huy thành quả đạt được đưa quan hệ hai nước phát triển trong tình hình mới.*[56]

Như vậy, quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước Nga và Việt Nam ngày càng được củng cố và phát triển. Mối quan hệ này đã, đang và tiếp tục đòi hỏi đẩy mạnh toàn diện hơn nữa, nhằm đưa quan hệ giữa hai nước phát triển lên tầm cao mới, đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả, đáp ứng lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định ở khu vực và trên thế giới. Sự trao đổi thường xuyên các đoàn cấp cao giữa hai nước càng củng cố thêm sự gần gũi, hiểu biết lẫn nhau trong mối quan hệ bang giao giữa hai nhà nước, hai Chính phủ. Đó là những điều kiện tốt làm cơ sở cho quá trình củng cố, tăng cường phát triển quan hệ Nga - Việt Nam trong bối cảnh quốc tế mới.

3.1.2. Chính trị - an ninh quốc phòng

3.1.2.1. Cơ chế hợp tác

Trong chính sách "Hướng Đông", Nga nhận thấy vấn đề an ninh ở khu vực CA - TBD có vị trí hết sức quan trọng, bởi nó gắn liền với lợi ích về chính trị - an ninh của Nga, đồng thời nâng vị thế của Nga ở khu vực này, nên Nga đã tăng cường các mục tiêu an ninh tại châu Á, trong đó có mối quan hệ an ninh - quốc phòng với Việt Nam. Còn đối với Việt Nam, trước sự biến đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, đặc biệt là sự gia tăng bất ổn của tình hình an ninh trên Biển Đông, việc tăng cường quan hệ chính trị - an ninh quốc phòng với Nga là một nhiệm vụ quan trọng trong chính sách đối ngoại, nhằm giữ vững hòa bình, an ninh của quốc gia, khu vực và thế giới. Nhận thức tầm quan trọng đó, nên cả Nga và Việt Nam xác định chính trị - an ninh quốc phòng là lĩnh vực hợp tác trọng tâm giữa hai nước. Lãnh đạo hai nước luôn đánh giá cao vai trò và ý nghĩa của quan hệ hợp tác chính trị - an ninh quốc phòng song phương trong tổng thể mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Nga - Việt Nam. Quan hệ chính trị - an ninh quốc phòng giữa Nga và Việt Nam ngày càng đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả cao, mở rộng cả về hình thức lẫn nội dung.

Hai bên đã thiết lập, duy trì và vận hành có hiệu quả hàng loạt cơ chế hợp tác song phương, đối thoại thường niên. Quan hệ an ninh - quốc phòng của hai nước được đẩy mạnh qua các chuyến thăm và trao đổi lẫn nhau của các đoàn Bộ trưởng Quốc phòng, Bộ trưởng Công an, Tổng cục Tình báo, Tổng cục An ninh, đặc biệt hai nước còn tăng cường hợp tác về kỹ thuật quân sự phù hợp yêu cầu an ninh của mỗi nước.

Ngoài ra, hai bên còn tăng cường hợp tác về đào tạo, mua bán vũ khí, mở rộng các nội dung hợp tác về chiến lược quốc phòng; tăng cường tiếp xúc sâu rộng giữa các cơ quan an ninh; thực thi pháp luật qua Bộ Công an hai nước; ủng hộ vai trò tích cực của Việt Nam tại các cơ chế an ninh khu vực và thế giới; hai nước cùng nhau chia sẻ các thách thức về an ninh và ủng hộ giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, góp phần đảm bảo môi trường an ninh ổn định, hòa bình ở khu vực và trên thế giới. Năm 2008, Nga và Việt Nam thiết lập cơ chế Đối thoại chiến lược ngoại giao - quốc phòng - an ninh thường niên cấp Thứ trưởng thường trực Bộ Ngoại giao; năm 2013 thiết lập cơ chế Đối thoại chiến lược quốc phòng cấp Thứ trưởng Quốc phòng. Đây là cơ chế hợp tác cao nhất về trao đổi

chiến lược quốc phòng của các quốc gia trên thế giới, qua đó giúp Nga và Việt Nam mở rộng và làm sâu sắc các nội dung về an ninh - quân sự [24]. Qua cơ chế này, cơ hội để trao đổi quan điểm về tình hình an ninh, hợp tác trong khu vực và trên thế giới, cũng như các vấn đề hợp tác an ninh - quốc phòng giữa hai nước ngày càng thuận lợi.

3.1.2.2. Thực tiễn triển khai

Nga và Việt Nam tiến hành các cuộc thăm viếng, tiếp xúc giữa Bộ Quốc phòng hai nước: Nhằm mục đích tăng cường quan hệ hợp tác an ninh - quốc phòng và kỹ thuật quân sự, hai nước đã diễn ra nhiều cuộc thăm viếng lẫn nhau của Bộ Quốc phòng. Vào tháng 4/2004, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phạm Văn Trà đã có chuyến thăm chính thức nước Nga, nhằm củng cố quan hệ hữu nghị hợp tác giữa Việt Nam và Nga trong lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng. Tháng 9/2008, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Đại tướng Phùng Quang Thanh và đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam đã có chuyến thăm và làm việc tại Nga; Tháng 3/2010, Bộ trưởng Quốc phòng Nga A. Serdyukov sang thăm Việt Nam. Chuyến thăm Việt Nam của ông Serdyukov như một động thái tăng cường quan hệ quốc phòng giữa hai nước. Bộ trưởng A. Serdyukov khẳng định: *"Việt Nam là đối tác chiến lược, nhân dân Việt Nam là những người bạn thân thiết, vì vậy Nga sẽ tiếp tục phát triển quan hệ toàn diện với Việt Nam"* [198, tr.95]; Tháng 6/2011, Đoàn đại biểu Hội đồng An ninh Nga thăm Việt Nam; Vào 3/2013, Bộ trưởng Quốc phòng Nga - Đại tướng Sergei Shoigu sang thăm Việt Nam; Tháng 8/2013, đoàn đại biểu quân sự cấp cao nước CHXHCN Việt Nam do Đại tướng Phùng Quang Thanh - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dẫn đầu thăm Liên bang Nga.

Trong các cuộc thăm viếng, trao đổi, tiếp xúc giữa Bộ Quốc phòng hai nước đều bày tỏ hài lòng về sự phát triển của quan hệ hợp tác quốc phòng và an ninh, đẩy mạnh hợp tác kỹ thuật quân sự - lĩnh vực giữ vị trí quan trọng trong tổng thể quan hệ giữa hai nước Nga - Việt Nam. Đặc biệt sau khi *Tuyên bố chung* về *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* giữa hai nước được ký kết, quan hệ hợp tác an ninh - quốc phòng được xem là lĩnh vực trụ cột được ưu tiên. Trên tinh thần đó, hai nước đã thống nhất các biện pháp nhằm quyết tâm thúc đẩy mối quan hệ trong lĩnh vực này ngày càng phát triển thiết thực, phù hợp với quan hệ hữu nghị truyền thống, cùng có lợi và xứng tầm với quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, vì hòa bình, ổn định trên thế giới và khu vực, trên cơ sở luật pháp quốc tế và pháp luật của mỗi quốc gia. Ông Shoigu Sergei Kuzhugetovich nhấn mạnh: *"Việc tăng cường*

hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng là hình thức để tiếp tục củng cố sự tin cậy, tăng cường hiểu biết lẫn nhau, góp phần thúc đẩy quan hệ chung giữa hai nước. Nga sẽ tích cực hợp tác với Việt Nam trong đào tạo cán bộ, kỹ thuật quân sự, hải quân và sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho các lĩnh vực hợp tác này" [198, tr.96.].

Quan hệ an ninh - quốc phòng giữa Nga và Việt Nam còn được triển khai qua nhiều nội dung hợp tác như đào tạo, trao đổi giữa các quân - binh chủng, mua bán vũ khí, kỹ thuật quân sự... Từ năm 2001, Bộ Công an Việt Nam đã gửi học viên sang học tập, nghiên cứu tại các cơ quan An ninh, cơ quan chống ma túy và các cơ quan khác liên quan ở Nga, ở nhiều hệ đào tạo khác nhau... Từ năm 2004, các cơ quan Nga về Hợp tác Khoa học - kỹ thuật Quân sự đã dành riêng cho Bộ Quốc phòng Việt Nam 50 suất học bổng dân sự toàn phần. Nga cũng đã phê duyệt Nghị định cấp học bổng ưu đãi cho Việt Nam trên cơ sở đào tạo miễn phí tại các trường đào tạo của Bộ Quốc phòng Nga bắt đầu từ năm 2006 - 2007 [87, tr.67]. Hai bên cũng đã ký kết các Hiệp định cấp Chính phủ về hợp tác phòng chống ma túy, hiệp định cấp Bộ về phòng chống tội phạm, các vấn đề như nhân quyền, dân chủ, trao đổi thông tin an ninh, chống khủng bố trong điều kiện quốc tế và khu vực có những biến động. Sau khi ký *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* (năm 2012), Nga tiếp tục hợp tác trong giáo dục và đào tạo sĩ quan Quân đội Nhân dân cho Việt Nam tại các trường đại học của Nga. Tháng 11/2013, cơ quan quân sự hai nước đã ký *Hiệp định Liên Chính phủ*, theo đó Nga sẽ hỗ trợ đào tạo cán bộ quân đội và hải quân cho Việt Nam.

Về mua bán vũ khí, Nga đã cung cấp cho Việt Nam nhiều tàu chiến, tàu ngầm, hệ thống tên lửa bảo vệ bờ biển, nhằm phục vụ cho chiến lược phát triển lực lượng hải quân. Hơn thế, Nga còn cấp phép cho Việt Nam đóng tàu tuần tra tên lửa. Năm 2003, Việt Nam mua của Nga một số hệ thống tên lửa phòng không Uran, trị giá gần 120 triệu USD, và một hợp đồng trị giá 300 triệu USD về việc thay thế vũ khí cho hai sư đoàn tên lửa Việt Nam nhằm mục đích tăng cường tiềm lực quốc phòng của Việt Nam [87, tr.69].

Ngoài hải quân, không quân, Việt Nam cũng được hiện đại hóa với các hợp đồng mua bán máy bay và hệ thống phòng không mới từ Nga. Ngoài ra, tổ hợp công nghiệp hàng không quân sự Nga còn quan tâm đến việc hiện đại hóa, bảo dưỡng và thay thế thiết bị cho máy bay để tăng cường tuổi thọ của chúng. Năm 2003, Nga đã đồng ý xây dựng ở Việt Nam một trung tâm bảo dưỡng kỹ thuật cho các loại máy bay Su mà Việt Nam đã từng mua của Liên Xô và của Nga trong thập niên 90 của thế kỷ XX [73, tr.60].

Trong chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (10/2008), hai bên đã ký bản *Ghi nhớ Liên Chính phủ về hợp tác kỹ thuật - quân sự chiến lược đến năm 2020*. Việt Nam đặt mua hai tàu khu trục của Nga, HQ - 011 và HQ - 012 để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ hải quân và vùng đặc quyền kinh tế trên biển [73, tr.35].

Vào tháng 2/2013, Nga đã cam kết cung cấp cho Việt Nam một đội tàu ngầm tấn công của Nga gồm 6 chiếc hạng Kilo tổng trị giá 3,2 tỉ USD, có biệt danh là "Lỗ đen" được sản xuất phục vụ cho trinh sát và tuần tra cho lực lượng hải quân Việt Nam [1]. Việt Nam còn được nước Nga giúp xây dựng và huấn luyện tác chiến biên đội tàu ngầm Kilo 6 chiếc theo chuẩn tác chiến của Nga, phía Nga còn giúp Việt Nam xây dựng hai binh chủng mới là binh chủng tàu ngầm và không quân hải quân. Vào tháng 8/2013, Nga chuyển giao cho Việt Nam 12 máy bay chiến đấu cơ Sukhoi Su- 30MK2 với giá tổng cộng trên 600 triệu USD [1].

Không chỉ mua sắm vũ khí, trang thiết bị quân sự, hai nước còn nỗ lực trong việc chuyển giao công nghệ, sửa chữa, nâng cấp và sản xuất vũ khí tại Việt Nam. Năm 2014, Nga và Việt Nam đã ký *Dự án xây dựng nhà máy sửa chữa và bảo dưỡng tàu chiến do Nga chế tạo* tại vịnh Cam Ranh, Khánh Hòa. Theo dự án này, nhà máy sẽ có nhiệm vụ đại tu hoặc bảo dưỡng tất cả các nhóm tàu và tàu ngầm do Liên Xô và Nga sản suất, đã được bán cho Việt Nam. Ngoài ra, hai nước cũng nhất trí sẽ thực hiện *Dự án nâng cấp sân bay Cam Ranh thành sân bay quốc tế đa năng*, vừa là sân bay phục vụ quân sự, vừa phục vụ phát triển kinh tế.

Cùng với đẩy mạnh quan hệ hợp tác song phương trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng, Nga và Việt Nam cũng tăng cường quan hệ quốc phòng trong các khuôn khổ đa phương. Hai bên đồng quan điểm về nhiều vấn đề quốc tế và khu vực, phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhau trên các diễn đàn đa phương như, APEC, ARF, hợp tác đa phương tại ADMM+, Shangri La [27]...; đẩy mạnh hợp tác trong khuôn khổ ASEAN - Nga. Việt Nam đã hỗ trợ tích cực để Nga chính thức được kết nạp vào ASEM (10/2010) và tham gia Hội nghị Cấp cao Đông Á từ năm 2011.

Đánh giá về mối quan hệ quân sự giữa hai nước, Phó Giám đốc Cơ quan hợp tác kỹ thuật quân sự Nga A. Phomin phát biểu: Việt Nam đứng thứ 2 trong 5 đối tác quân sự chính của Nga là Ấn Độ, Trung Quốc, Algeria, Việt Nam và Venezuela [73, tr.35]. Tính đến năm 2015, Nga vẫn là đối tác đáng tin cậy của Việt Nam trong việc cung cấp những phương tiện kỹ thuật quân sự hiện đại, góp phần vào công cuộc củng cố nền quốc phòng toàn dân và bảo vệ an ninh tổ quốc. Mặc dù vậy, quan hệ an ninh -

quốc phòng giữa hai nước chưa tương xứng với tiềm năng và khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện.

Vấn đề an ninh ở Biển Đông: Trong bối cảnh căng thẳng ở Biển Đông ngày càng gia tăng, mặc dù trong tình thế "khó xử" và phải đứng giữa để "dung hòa" lợi ích giữa Việt Nam và Trung Quốc, nhưng Nga đã có những động thái tích cực hơn, ủng hộ Việt Nam giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế. Lập trường của Nga về vấn đề giải quyết tranh chấp lãnh thổ tại khu vực CA - TBD nói chung và ở Biển Đông nói riêng đã được thể hiện rõ trong *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* như sau: *"Hai bên cho rằng các tranh chấp lãnh thổ và các tranh chấp khác tại không gian châu Á - Thái Bình Dương cần được giải quyết chỉ bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, trên cơ sở luật pháp quốc tế hiện hành, nhất là Hiến chương và Công ước về Luật Biển năm 1982. Hai bên ủng hộ việc thực thi đầy đủ Tuyên bố về Ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 và tiến tới sớm xây dựng bộ quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông"* [168]. Qua đó, có thể thấy rằng, Nga và Việt Nam luôn gần gũi nhau về quan điểm, lập trường trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ bằng biện pháp hòa bình.

Nga và Việt Nam cùng thống nhất ủng hộ thành lập ở khu vực CA - TBD một cấu trúc an ninh mở, không chia tách, minh bạch, bình đẳng và hợp tác, được xây dựng trên các quy định của luật pháp quốc tế, nguyên tắc không liên minh và tính đến lợi ích hợp pháp của tất cả các nước [18, tr.4]. Nga cam kết tiếp tục ủng hộ việc thực hiện Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) năm 2002, ủng hộ việc sớm thông qua Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) có tính pháp lý cao hơn.

Như vậy, các vấn đề hợp tác chính trị - an ninh giữa hai nước ngày càng được mở rộng, từ chỗ chỉ hợp tác mua bán vũ khí, kỹ thuật, trang thiết bị quân sự, thì nay hai nước đã cùng nhau hợp tác về chiến lược quân sự nhằm mục tiêu phục vụ trực tiếp cho lợi ích quốc gia của mỗi nước. Đó cũng là bước phát triển trong quan hệ chính trị - an ninh quốc phòng giữa Nga và Việt Nam.

3.2. Kinh tế

3.2.1. Thương mại

3.2.1.1. Kim ngạch thương mại

Quan hệ kinh tế - thương mại luôn là một trong những lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong mối quan hệ hợp tác chiến lược phát triển giữa Nga và Việt Nam.

Bước sang những năm đầu thế kỉ XXI, quan hệ thương mại giữa hai nước đã đạt được sự phát triển khả quan nhờ sự chuyển hướng chiến lược trong chính sách đối ngoại của hai nước. Chính phủ hai nước đã ký kết nhiều Hiệp định về thương mại và hiệp định có liên quan đến hoạt động thương mại, đầu tư. Sự kiện V. Putin chính thức trúng cử Tổng thống Nga vào tháng 3/2000 [102, tr.394] đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của Nga nói chung, đến chính sách đối ngoại của nước này nói riêng, trong đó có chính sách đối với Việt Nam. V. Putin đã điều chỉnh chính sách đối ngoại, tiến hành đường lối cân bằng Đông - Tây, ưu tiên hợp tác với các nước trong khu vực CA - TBD, trong đó chú ý đến các nước truyền thống ở ĐNA, đặc biệt là Việt Nam. Trong chuyến thăm Nga của Thủ tướng Phan Văn Khải (9/2000), một loạt hiệp định được ký kết, tạo cơ sở pháp lý cho việc mở rộng hợp tác song phương [12]. Trong đó, hai hiệp định có ý nghĩa lớn trong việc tháo gỡ và mở rộng quan hệ thương mại là Hiệp định thỏa thuận về hợp tác giữa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Kinh tế đối ngoại Liên bang Nga, mở ra những thuận lợi cho khâu thanh toán, vốn - một trong những khó khăn hàng đầu trong hoạt động thương mại giữa hai nước; Hiệp định về xử lý nợ giữa Việt Nam và Nga. Với hiệp định này, không chỉ dừng lại ở hoạt động trả nợ và hoạt động tài chính tiền tệ, mà còn tạo điều kiện tăng kim ngạch buôn bán giữa hai nước bằng việc xuất khẩu trả nợ mỗi năm khoảng 70 triệu USD [126, tr.23]. Tại khóa họp thứ VII của Ủy ban Liên Chính phủ (12/2000), Chính phủ hai nước đã nhất trí áp dụng một số biện pháp nhằm tăng cường sự trao đổi hàng hóa của Nga và Việt Nam trên thị trường của nhau như mở rộng buôn bán theo phương thức đổi hàng, khuyến khích phát triển các quan hệ buôn bán trực tiếp giữa các ngành, địa phương, doanh nghiệp của cả hai nước theo quy mô và hình thức thích hợp để đưa quan hệ thương mại hai nước ngày càng phát triển. Tiếp đó, trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Nga V. Putin vào tháng 3/2001, hai nước đã ký "*Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga*" [13]. Trong điều 4 của bản tuyên bố này khẳng định: Hai bên coi việc phát triển quan hệ kinh tế - thương mại, khoa học, kỹ thuật và đầu tư trên cơ sở phát huy toàn diện tiềm năng của hai nước và kinh nghiệm hợp tác tích lũy trong mấy chục năm qua là nhiệm vụ hàng đầu trong việc thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam [13]. Thực hiện những chủ trương này, quan hệ thương mại Nga - Việt Nam từ năm 2001 - 2015 có sự chuyển biến rõ rệt.

Về mặt cơ chế, hai nước tiếp tục duy trì cơ chế Ủy ban Liên Chính phủ về hợp

tác kinh tế - thương mại và khoa học - kỹ thuật thành lập từ năm 1992, và đến năm 2011 đã được nâng lên cấp Phó Thủ tướng. Đồng thời, Hội đồng doanh nghiệp Việt Nam - Nga được thành lập nhằm hỗ trợ xúc tiến thương mại, đầu tư cho cộng đồng doanh nghiệp hai nước. Việt Nam và Nga đã công nhận lẫn nhau có nền kinh tế thị trường từ năm 2007. Hai quốc gia đã ký kết nhiều văn kiện như: *Kế hoạch hành động chung Nga - Việt trong lĩnh vực thương mại và đầu tư thời kỳ Liên Xô đến năm 2012; Hiệp định Liên Chính phủ về hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cá nhân; Hiệp định Liên Chính phủ về hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí trên cơ sở xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro…*

Đặc biệt vào ngày 29/5/2015, Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh kinh tế Á - Âu và Việt Nam đã được ký kết. Đây là một sự kiện quan trọng thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa hai nước phát triển. Văn bản này là một công cụ hữu hiệu mới nhằm khuyến khích hợp tác song phương về kinh tế - thương mại và đầu tư, điều chỉnh các vấn đề về tự do hóa thương mại hàng hóa. Việc ký kết Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh kinh tế Á - Âu và Việt Nam góp phần thúc đẩy sự gia tăng kim ngạch thương mại Nga - Việt Nam và tăng số lượng các dự án đầu tư chung. Được gia nhập vào Liên minh kinh tế Á - Âu với một thị trường hơn 182,5 triệu người, hơn 2,2 ngàn tỷ USD GDP, khối lượng ngoại thương với nước ngoài hơn 877,0 tỷ USD là một cơ hội rộng mở cho Việt Nam.

Với các ưu đãi thuế quan, thị trường các nước này, đặc biệt là Nga, sẽ trở nên "rộng cửa" chủ yếu cho nông sản, thủy sản và hàng công nghiệp như dệt may, da giày và đồ gỗ của Việt Nam. Ngược lại, Việt Nam sẽ mở cửa thị trường cho Liên minh Hải quan đối với một số sản phẩm chăn nuôi, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải. Các mặt hàng này đều không cạnh tranh với hàng hóa Việt Nam mà góp phần bổ sung cho nhau, góp phần đa dạng hóa thêm thị trường tiêu dùng trong nước [65, tr.12].

Như vậy, những nỗ lực của cả hai phía chính là nền tảng cho quá trình mở rộng sự tham gia của Việt Nam vào các diễn đàn kinh tế đa phương, đồng thời là cơ sở đảm bảo cho việc hợp tác kinh tế - thương mại giữa Nga và Việt Nam mang lại hiệu quả thực chất, góp phần vào việc củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống Nga - Việt Nam cũng như công cuộc xây dựng và phát triển của hai nước, hai dân tộc.

Kim ngạch thương mại hai chiều (KNTM) Nga - Việt Nam giai đoạn 2001 - 2015 được thể hiện rõ trong bảng sau:

Bảng 3.1. Kim ngạch thương mại giữa Nga và Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015

Đơn vị tính: triệu USD

Năm	TỔNG KNTM		XUẤT KHẨU			NHẬP KHẨU		
	Tổng kim ngạch	Tốc độ tăng trưởng (%)	Nga xuất khẩu sang Việt Nam	Tốc độ tăng trưởng (%)	Tỷ lệ (%)	Nga nhập khẩu từ Việt Nam	Tốc độ tăng trưởng (%)	Tỷ lệ (%)
2000	367,117	-	244,569	-	66,6	122,548	-	33,4
2001	571,287	55,6	376,799	54,0	66,0	194,488	58,7	34,0
2002	700,0	22,5	512,983	36,1	73,3	187,017	-3,8	26,7
2003	651,302	-5,3	491,821	-4,1	75,5	159,481	-2,8	24,5
2004	887,3	36,0	671,2	36,4	75,6	216,1	35,5	24,4
2005	1.020,0	15,4	768,0	14,4	75,3	252,0	16,6	24,7
2006	879,0	-13,8	700,0	-8,9	79,6	179,0	-29	20,4
2007	1.010,0	14,9	162,2	-76,8	16,1	847,8	373,6	83,9
2008	1.642,0	62,5	969,6	497,7	59,0	672,4	-20,7	41,0
2009	1.820,0	10,8	1.405,1	44,9	77,2	414,9	-38,3	22,8
2010	1.830,0	0,5	1.000,3	-28,8	54,7	829,7	99,9	45,3
1011	1.982,0	8,3	704,0	-29,6	35,5	1.278,0	54,0	64,5
2012	2.453,0	23,0	835,0	18,6	34,0	1.618,0	26,6	66,0
2013	2.760,0	12,6	856,0	2,5	31,0	1.904,0	17,7	69,0
2014	2.550,0	-7,6	823,0	-3,9	32,3	1.727,0	-9,3	67,7
2015	2.180,0	14,2	630,6	-23,4	28,9	1.549,4	-10,3	71,7

Nguồn: Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan, Tổng cục Hải quan, Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Nga giai đoạn 2001- 2015, https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/Print.aspx?ID=925, cập nhật ngày 22/03/2016

Từ bảng thống kê trên cho thấy, quan hệ thương mại giữa Nga và Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015, có xu hướng tăng nhưng mức độ chưa đều qua các năm. Thực tế thấy rằng, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Nga - Việt Nam tăng là do kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Nga của Việt Nam tăng. Nếu như năm 2000 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt 367,117 triệu USD, thì chỉ sau một năm, kim ngạch song phương Nga - Việt Nam đã lên tới 571,287 triệu USD, tăng gấp 1,6 lần, tốc độ tăng trưởng chiếm 55,6% so với năm 2000. Trên đà tăng trưởng đó, kim ngạch mậu dịch song phương Nga - Việt vào năm 2002 đạt 700 triệu USD, tăng 22,5% so với năm 2001. Nhưng đến năm 2003 thì tổng KNTM hai chiều giảm giảm 5,3% so với năm 2002, đạt 651,302 triệu USD. Đến năm 2004 KNTM hai chiều đã lên tới 887,3 triệu USD, tăng 36% so với năm 2003, và 142 % so với năm 2000. Năm 2005, kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều đã đạt 1,02 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2004. Trong các năm từ 2001 - 2005, trung bình mỗi năm tăng 26%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất tính theo tốc độ tăng bình quân hàng năm kể từ năm 2001 đến năm 2015. Đến năm 2009, mặc dù chịu tác động của khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, KNTM hai chiều vẫn đạt 1,82 tỉ USD, tăng 11,5% so với năm 2008, tăng 80% so với năm 2005 (800 USD) [52, tr.63].

Bước sang giai đoạn 2010 - 2015, KNTM song phương tiếp tục tăng, tuy nhiên còn chưa ổn định và chưa đều qua các năm, mức tăng trưởng còn khiêm tốn, giá trị thấp, chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu xuất nhập khẩu của mỗi nước, chỉ bằng 0,3% tổng kim ngạch của Nga và bằng 1,5 % tổng KNTM của Việt Nam [170]. Nếu không tính xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam thì tỷ trọng này càng nhỏ bé. Hơn nữa, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Nga, ngoài dệt may và giày da, thì chủ yếu là nông - hải sản. Ngoài ra, xuất - nhập khẩu dịch vụ của cả hai bên còn hạn chế. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Nga, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu dịch vụ giữa Nga và Việt Nam hằng năm chỉ đạt 200 - 400 triệu USD [120]. Năm 2010, KNTM hai chiều Nga - Việt Nam đạt 1,83 tỷ USD, và năm 2011 đạt 1,982 tỷ USD, tăng 8,3% so với năm trước. Bước sang năm 2012, giao thương hàng hóa giữa hai nước đạt được sự tăng trưởng cao nhất trong cả giai đoạn, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 2,452 tỷ USD, tăng 23% so với năm 2011. Năm 2013, thương mại hàng hóa giữa hai nước vẫn đạt được sự tăng trưởng dương nhưng tốc độ tăng trưởng thấp hơn năm 2012, chỉ tăng 12,6%, với kim ngạch đạt 2,76 tỷ USD. Năm 2014 và năm 2015 là hai năm gặp khó khăn của nhiều mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chủ lực, chủ

yếu do ở khâu thanh toán (biến động tỷ giá đồng rúp so với đô la Mỹ và euro, chuyển khoản qua ngân hàng), nên kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Nga - Việt Nam bị suy giảm, không đạt được tốc độ tăng trưởng dương. Tính chung tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2014 là 2,55 tỷ USD, giảm 7,6% so với một năm trước đó. Năm 2015, giá dầu thô trên thị trường thế giới giảm mạnh làm cho KNTM hai chiều giữa Nga và Việt Nam tiếp tục giảm sâu, giảm 14,2% so với năm 2014 và chỉ đạt 2,18 tỷ USD [125]. Như vậy, tổng KNTM hai chiều Nga - Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2015 đạt bình quân 2,29 tỷ USD/năm, với tốc độ tăng trưởng 3,6%/năm, con số này chưa tương xứng với tiềm năng của cả hai bên.

Tỷ trọng xuất, nhập khẩu trong cán cân thương mại của hai nước cũng có những biến động nhất định. Trong thập niên đầu thế kỷ XXI, Việt Nam phần lớn vẫn nhập siêu từ Nga. Theo số liệu thống kê, năm 2001, Nga xuất khẩu sang Việt Nam 376,799 triệu USD, còn Việt Nam xuất khẩu sang Nga là 194,488 triệu USD. Năm 2002 Nga xuất khẩu sang Việt Nam 512,983 triệu USD, tăng 36,1 % so với năm 2001, chiếm 73,3% trong tổng KNTM hai chiều; còn Việt Nam xuất khẩu sang Nga 187,017 triệu USD, giảm 3,8% so với năm 2001, và chỉ bằng 26,7% so với tổng KNTM song phương. Đến năm 2004, Nga xuất khẩu sang Việt Nam 671,2 triệu USD, tăng 36,4% so với năm 2003, Việt Nam xuất khẩu sang Nga 216,1 triệu USD, tăng 35,5% so với một năm trước, nhưng cũng mới chỉ bằng 24,4% trong tổng kim ngạch hai nước; Đến năm 2007, cán cân xuất khẩu đã nghiêng về Việt Nam và tăng lên đáng kể. Việt Nam trở thành nước xuất siêu, đạt 847,8 triệu USD, tăng 373,6% so với năm 2006, chiếm tỷ lệ 83,9% trong tổng kim ngạch của hai nước. Ngược lại Nga xuất khẩu sang Việt Nam giảm mạnh (giảm 76,8% so với năm 2006), chỉ đạt 162,2 triệu USD. Trong các năm 2008, 2009, 2010, vị trí xuất siêu lại nghiêng về phía Nga. Đặc biệt, năm 2009 là năm Việt Nam nhập siêu nhiều nhất (990,2 triệu USD), Việt Nam xuất khẩu sang Nga chỉ đạt 414,9 triệu USD, chiếm 22,8 % trong tổng KNTM giữa hai nước, hai năm liền không đạt tăng trưởng dương (giảm 38,3% so với năm 2008). Trong khi đó, Nga xuất khẩu sang Việt Nam đạt 1.405,1 triệu USD, chiếm 77,2% so với tổng kim ngạch hai chiều, tăng 44,9% so với năm 2008.

Như vậy, nếu so sánh với giai đoạn 1992 - 1999 tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Nga trung bình là 2,6 %, thì giai đoạn 2001 - 2010 xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Nga tăng bình quân 49%/năm. Tuy nhiên, mức độ tăng qua các năm thiếu ổn định và không đồng đều [83, tr. 67]. Các năm 2001, 2004, 2005,

2007, 2010 đạt tốc độ tăng trưởng dương, cao nhất là năm 2007 đạt 373,6%, năm 2010 đạt 99,9%, năm 2001 đạt 58,7%, năm 2004 đạt 35,5% và năm 2005 đạt 16,6%, còn lại là tăng trưởng âm. Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Nga cũng có xu hướng tăng. Nhìn chung tỷ lệ nhập khẩu hàng hóa từ Nga của Việt Nam so với Việt Nam xuất khẩu sang Nga còn chênh lệch khá lớn, tỷ lệ nhập khẩu của Việt Nam năm 2006 chiếm 79,6% trong tổng KNTM của hai nước. Việt Nam chủ yếu vẫn là nước nhập siêu từ Nga (trừ năm 2007 xuất siêu).

Từ năm 2011 đến năm 2015, cán cân thương mại giữa hai thị trường đã đổi chiều, Việt Nam xuất siêu sang thị trường Nga. Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam nhanh hơn tốc độ nhập khẩu từ thị trường Nga. Theo Bộ Công thương, trong 3 năm (2010 - 2013), kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nga tăng bình quân hơn 62%, Nga trở thành một trong những thị trường có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất của hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Đây được xem là thời điểm quan hệ hợp tác thương mại Nga - Việt Nam hoạt động có hiệu quả, với mức tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay. Trong đó, năm 2013 giao thương hàng hóa giữa hai nước đạt được sự tăng trưởng cao nhất trong cả giai đoạn, với tổng kim ngạch đạt khoảng 2.760 triệu USD, trong đó Nga xuất khẩu sang Việt Nam là 856 triệu USD, chiếm 31% trong tổng KNTM hai chiều; trong khi đó Việt Nam xuất khẩu sang Nga là 1.904 triệu USD, chiếm 69%, Việt Nam xuất siêu 1.048,0 triệu USD. Tuy nhiên, đến năm 2014 - 2015 vì hai năm gặp khó khăn của nhiều mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chủ lực nên kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Nga và Việt Nam bị suy giảm, không đạt được tốc độ tăng trưởng dương.

Theo Bộ Công thương, tính từ năm 2011 đến năm 2015, tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 11,6%/năm, trong khi nhập khẩu giảm bình quân 5,7%/năm. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2014 là 2,55 tỷ USD, giảm 7,6% so với một năm trước đó. Năm 2015, do giá dầu thô trên thị trường thế giới giảm mạnh làm cho kim ngạch buôn bán 2 chiều giữa Việt Nam và Nga tiếp tục giảm sâu, giảm 14,2% so với năm 2014 và chỉ đạt 2,18 tỷ USD, tuy vậy cán cân thương mại Việt Nam với Nga vẫn có thặng dự gần 700 triệu USD [125].

Theo thống kê của Hải quan Việt Nam, trong giai đoạn 2010 - 2015, Nga là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn thứ 26 của Việt Nam, trong khi đó ở chiều ngược lại Nga là nguồn hàng nhập khẩu lớn thứ 22 của các doanh nghiệp Việt Nam. Như vậy, tính tổng thể năm 2015, Nga là đối tác thương mại lớn thứ 22 trong tổng số khoảng

200 đối tác thương mại của Việt Nam và chiếm 0,7% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với thế giới [125].

Có thể thấy kim ngạch thương mại giữa Nga và Việt Nam qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 3.1. Biểu đồ Kim ngạch thương mại giữa Nga và Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015

Đơn vị tính: triệu USD

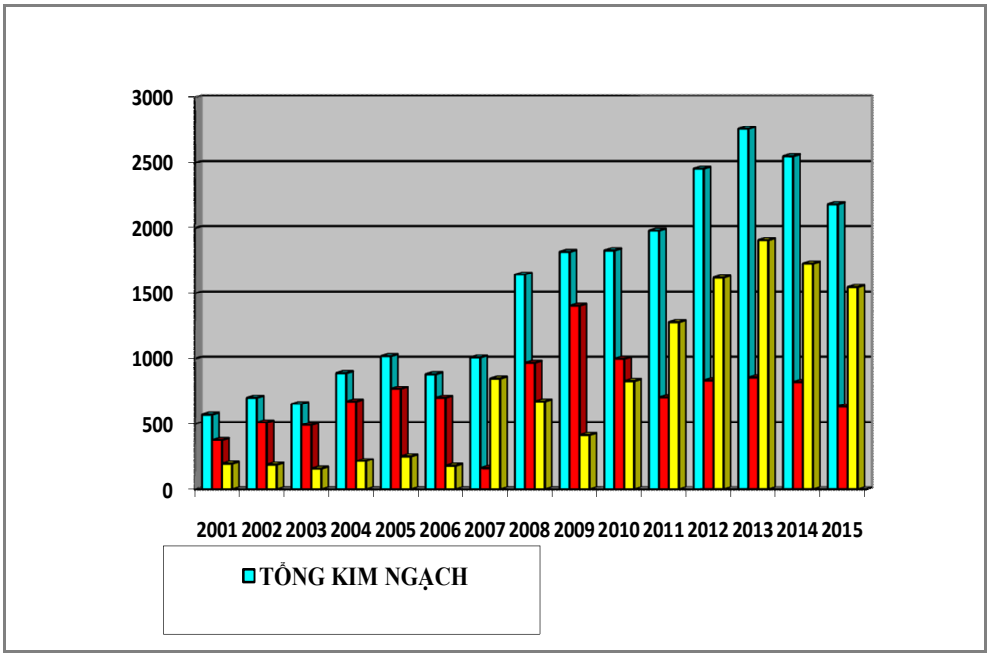

Nguồn: Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan Việt Nam
https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/Print.aspx?ID=925,
cập nhật ngày *22/03/2016*

Việc tăng trưởng kim ngạch thương mại ngoài những lý do nêu trên, còn do những mối giao lưu, hợp tác sôi động giữa giới doanh nghiệp và công nghiệp hai nước trong khuôn khổ các cuộc triển lãm quốc tế, hội chợ, triển lãm hàng hóa, diễn đàn doanh nghiệp, thể hiện sự năng động, linh hoạt trong quan hệ hai nước. Các triển lãm này có vai trò quan trọng trong việc tăng cường quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước, có tác dụng đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam sang Nga và các nước lân cận. Các trung tâm thương mại và cơ sở kinh tế của người Việt Nam tại Nga cũng đã góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại hai bên, đồng thời quảng bá hình ảnh, đất nước và con người Việt Nam tại Nga.

Còn tại Nga, nhiều trung tâm thương mại của Việt Nam liên tiếp được khai trương hoạt động đã cuốn hút người tiêu dùng Nga đến với hàng hóa Việt Nam. Nhờ

vậy, hàng Việt Nam có điều kiện thâm nhập vào thị trường Nga ngày càng nhiều hơn. Bên cạnh đó việc xuất hiện các cơ sở sản xuất kinh tế của Việt Nam tại Nga, không chỉ tác động đến sự phát triển quan hệ hợp tác giữa hai nước, mà còn đóng góp nhất định vào việc tạo dựng hình ảnh tốt đẹp của nhân dân Việt Nam trong nhân dân Nga.

Một số vướng mắc trong hợp tác thương mại như vấn đề kiểm soát chất lượng nông, thủy, hải sản xuất khẩu của Việt Nam, vấn đề thanh toán xuất nhập khẩu đã và đang dần được tháo gỡ. Đó cũng chính là điều kiện thuận lợi thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước ngày càng phát triển.

3.2.1.2. Cơ cấu hàng hóa

Từ những số liệu về kim ngạch thương mại song phương, có thể thấy rõ rằng kim ngạch hai chiều không những có sự tăng trưởng, mà còn chứng tỏ tỷ trọng giữa xuất khẩu và nhập khẩu của mỗi nước cũng có nhiều chuyển biến. Nếu nhìn từ phía Việt Nam, xuất khẩu của Việt Nam sang Nga ngày càng tăng về giá trị, cơ cấu hàng hóa đã được cải thiện đáng kể. Trước năm 2010, mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nga chủ yếu là các mặt hàng có thế mạnh như gạo, hàng may mặc, nông sản, giày dép, cao su, hải sản, hạt điều, chè… Hơn nữa Nga là thị trường lớn cho xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Năm 2007 xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Nga đạt 113,8 triệu USD. Năm 2008 con số này tăng lên 83% so với năm 2007, đạt hơn 216 triệu USD chiếm trên 10% thị phần Nga. Ngoài ra, Nga là thị trường tiêu thụ cá tra, cá basa lớn nhất của Việt Nam. Năm 2007, xuất khẩu hai loại cá này sang Nga đạt 90 triệu USD, chiếm 9,2% tổng kim nghạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam [148, tr.6].

Điều đó chứng minh rằng tính bổ sung cho nhau về hàng hóa giữa hai thị trường đã được tận dụng triệt để. Tại thị trường hai nước, các mặt hàng thế mạnh của hai bên vẫn giành được vị trí nhất định. Tuy nhiên, vì xuất phát điểm các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là sản phẩm thô và giá trị chưa cao, trong lúc đó các mặt hàng nhập từ Nga là các sản phẩm công nghiệp, có giá trị lớn, nên Việt Nam phần lớn bị nhập siêu. Đến năm 2008 cán cân thương mại nhập siêu vẫn là về phía Việt Nam. Hơn nữa, nếu so sánh tiềm năng và nhu cầu của mỗi nước, kết quả đạt được vẫn còn khiêm tốn, đặc biệt nếu xét trong mối tương quan với các đối tác khác như quan hệ Nga - Trung Quốc, hay Việt Nam - Mỹ.

Từ năm 2010 đến năm 2015, ngoài các nhóm hàng truyền thống kể trên thì các doanh nghiệp ở Việt Nam còn phát triển xuất khẩu nhiều nhóm hàng có hàm lượng chế

biến và công nghệ cao như điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện. Kim ngạch xuất khẩu của 2 nhóm hàng này dẫn đầu trong số các nhóm hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nga. Năm 2015 Việt Nam xuất khẩu sang Nga mặt hàng điện thoại và linh kiện chiếm khoảng 45%, còn máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm khoảng 9%. Nhìn chung trong thời gian qua, hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam sang Nga tăng dần cả về số lượng lẫn kim ngạch, chủng loại hàng hóa xuất khẩu ngày càng phong phú hơn và được tiêu thụ trên nhiều vùng khác nhau ở lãnh thổ của Nga [Phụ lục bảng biểu - bảng 3,4]

Đối với Nga, Việt Nam vẫn là đối tác thương mại chính ở ĐNA. Nga xuất khẩu sang Việt Nam những mặt hàng mà Việt Nam chưa sản xuất được hay sản xuất còn kém hiệu quả, đặc biệt là các nguyên nhiên liệu và máy móc thiết bị cho các ngành công nghiệp và năng lượng như: sắt thép, phân bón, xăng dầu, than, hóa chất, máy móc các loại… Đó là chưa kể các mặt hàng hóa, như khí tài quân sự.

Kim ngạch hai chiều giữa Nga và Việt Nam vẫn đang còn ở mức khiêm tốn, chỉ vào khoảng trên 2,0 tỷ USD vào năm 2015, nhưng đó là bước tiến lớn nếu so với khoảng 200 - 300 triệu USD vào đầu thập niên 90 của thế kỷ XX. Đáng chú ý, khi Nga bị Mỹ và các nước phương Tây cấm vận (chính sách trừng phạt của Mỹ và các nước phương Tây) do vấn đề Ukraina, các doanh nghiệp Nga bắt đầu chú ý nhiều hơn tới thị trường Việt Nam, coi Việt Nam là nơi có thể nhập nhiều mặt hàng, đặc biệt là nông, lâm, ngư nghiệp và hàng tiêu dùng mà thị trường Nga đang thiếu. Đây là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp Việt Nam đưa hàng hóa của Việt Nam vào thị trường rộng lớn và không khó tính của Nga. Mặt khác, hợp tác với Nga trên lĩnh vực thương mại thì Việt Nam sẽ có điều kiện thuận lợi dễ dàng tiếp cận với thị trường các nước Đông Âu, khu vực Viễn Đông và Siberia, vì Nga là thị trường chính trong khối các nước SNG. Đặc biệt, khi Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh kinh tế Á - Âu và Việt Nam được ký kết, các doanh nghiệp Việt Nam và Liên minh có điều kiện xâm nhập vào thị trường của nhau, góp phần tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và các nước thành viên Liên minh.

Tuy nhiên, hiện tại do sự tác động của tình hình quốc tế và xu hướng chung của nền kinh tế thế giới, cho nên đang còn không ít thách thức đặt ra cho hợp tác thương mại giữa hai nước. Đối với Việt Nam, về xuất khẩu sang Nga đang có những khó khăn trong việc mở rộng thị phần tại Nga đối với các nhóm mặt hàng: máy vi tính, sản phẩm

điện tử, điện thoại và linh kiện, hàng dệt may, giày dép các loại. Ở chiều ngược lại, nhập khẩu các nhóm hàng xăng dầu các loại, sắt thép các loại, máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng đều bị suy giảm.

Trong tương lai, các sản phẩm trong lĩnh vực dầu khí, điện hạt nhân sẽ càng làm cho cán cân thương mại nghiêng về phía Nga. Để bù lại, Việt Nam sẽ đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có khả năng cạnh tranh được với Trung Quốc tại thị trường Nga như thủy hải sản, cà phê, cao su, các mặt hàng nông sản nhiệt đới, các sản phẩm về điện tử, phần mềm… Nhìn chung, trong chiến lược ngoại giao, Nga sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh, xuất khẩu nhiều sản phẩm công nghệ cao, chắc chắn Việt Nam sẽ là thị trường hấp dẫn vì vốn đã quen với những sản phẩm của Nga và là cầu nối để thông thương vào khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA).

Có thể thấy rằng, quan hệ kinh tế - thương mại giữa Nga và Việt Nam đã phát triển tương đối nhanh, nhưng vẫn chưa tương xứng với truyền thống, tiềm năng và mối quan hệ *đối tác Chiến lược toàn diện*, nhưng chắc rằng với lợi thế hai bên đều có tiềm năng to lớn, Nga và Việt Nam đều chú trọng tiếp tục phát triển hợp tác trong các ngành mà hai nước có thế mạnh, việc hợp tác thương mại sẽ đóng góp một phần đáng kể vào công cuộc xây dựng và phát triển của mỗi nước. Hơn nữa, việc tăng cường quan hệ thương mại hai bên cùng có lợi đã, đang và sẽ là cơ sở vật chất để phát triển toàn bộ tổng thể các mối quan hệ Nga - Việt Nam trong giai đoạn mới trên tinh thần đối tác chiến lược toàn diện.

3.2.2. Đầu tư

Trong mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa Nga và Việt Nam hiện nay, hợp tác đầu tư được coi là một trong những điểm sáng, luôn là lĩnh vực được coi trọng và ưu tiên hàng đầu của quá trình hợp tác kinh tế song phương giữa hai nước. Trong xu thế toàn cầu hóa, cả Nga và Việt Nam đều phải chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tranh thủ cơ hội, tìm kiếm lĩnh vực có lợi nhất cho mình, đồng thời hạn chế thấp nhất những nguy cơ, thách thức có thể nảy sinh. Chính vì vậy, Nga đang dần trở thành một trong những đối tác quan trọng trong chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa ở Việt Nam và ngược lại Việt Nam cũng đã dần dần tăng cường hợp tác đầu tư sang Nga.

Có thể nói, đầu tư trực tiếp của Nga vào Việt Nam ngày càng tăng, đã và đang góp phần tích cực trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế của Việt Nam. Việt Nam cũng là một đối tác kinh tế truyền thống và nhiều triển vọng của Nga.

3.2.2.1. Đầu tư của Nga tại Việt Nam

Bảng 3.2. Đầu tư của Nga vào Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015

Đơn vị tính: triệu USD

Năm	Số dự án hằng năm	Vốn đăng ký	Quy mô TB (Triệu USD/ dự án)	Chênh lệch so với năm trước		
				Số dự án	Vốn đăng ký	Quy mô TB (Triệu USD/ dự án)
2001	-	-	-	-	-	-
2002	-	-	-	-	-	-
2003	42	217,0	5,2	-	-	-
2004	45	268,0	6,0	3	51,0	0,8
2005	47	278,0	5,9	2	10,0	- 0,1
2006	58	303,0	5,2	11	25,0	- 0,7
2007	50	301,0	6,1	- 8	- 2,0	0,9
2008	59	376,4	6,4	9	75,4	0,3
2009	66	779,0	11,8	7	402,6	5,4
2010	65	757,0	11,6	- 1	- 22,0	- 0,2
2011	79	934,0	11,8	14	177,0	0,2
2012	78	919,0	11,8	- 1	- 15,0	0,0
2013	93	2.050,0000	22,04	14	1.131,0	10,44
2014	97	2.300,000	23,71	4	250,0	1,67
2015	106	2.500,0	23,59	9	200,0	0,12

Nguồn: Tác giả tính toán căn cứ trên cơ sở số liệu tổng hợp của Tổng cục thống kê và Bộ Phát triển kinh tế ngoại thương Nga, http://www.economy.gov.ru.

Từ số liệu thống kê trên cho thấy, nếu như trong những năm 2001 - 2005, số dự án và số vốn Nga đầu tư vào Việt Nam còn thấp; nhất là trong các năm 2003 - 2004 vị thế đầu tư của Nga vào Việt Nam bị giảm sút là do một số dự án của Nga hoặc đã hoàn thành, hoặc đã giải thể do không thực hiện được, hơn nữa vào thời điểm này các nước khác bắt đầu đầu tư nhiều hơn vào Việt Nam. Năm 2003 Nga có 42 dự án đầu tư vào

Việt Nam với tổng số vốn đầu tư 217 triệu USD, trong đó đã thực hiện 155 triệu USD. Năm 2003, nếu không tính đến Liên doanh dầu khí Vietsovpetro, Nga chỉ đứng ở vị trí thứ 9 trong các nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam (sau Singapore, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, quần đảo Virgin, Anh) [35].

Bước sang năm 2005, Nga có 47 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn là 278 triệu USD, đứng thứ 22/74 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, trong tổng số 47 dự án thì có 22 dự án theo hình thức 100% vốn của Nga. Tuy nhiên, trên thực tế, tổng số vốn thực hiện còn cao hơn nhiều so với cam kết, đạt 617,5 triệu USD do hai dự án khai thác dầu khí trong quá trình thực hiện đã tăng vốn lên gấp 10 lần (500,47 triệu USD so với 53,0 triệu USD). Hầu hết, các dự án của Nga đầu tư tập trung vào các ngành công nghiệp xây dựng, dịch vụ, nông nghiệp với 23 dự án có tổng vốn đầu tư 143,5 triệu USD (chiếm 50% về số dự án và 53,15% vốn đầu tư đăng ký của Liên bang Nga tại Việt Nam) và dịch vụ 16 dự án với tổng vốn đăng ký 70 triệu USD (chiếm 35% số dự án và 25,93% tổng vốn đăng ký), lĩnh vực nông - lâm nghiệp thu hút 7 dự án với tổng vốn đăng ký 37,5 triệu USD (chiếm 15% về số dự án và 13,89% tổng vốn đăng ký) [35]. Trong đó một số dự án đầu tư của Nga vào Việt Nam được đánh giá là có tiềm năng bao gồm: *Một là*, Liên doanh dầu khí Việt - Xô (Vietsovpetro); *Hai là*, công ty sản xuất máy bay lên thẳng Moskva - Min, là một trong những dự án hợp tác về xây dựng cơ sở sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và dịch vụ kỹ thuật tại thành phố Đà Nẵng (Việt Nam), chi nhánh công ty tại Việt Nam chủ yếu nhằm hiện đại hóa máy bay lên thẳng do Liên Xô trước đây và Nga hiện nay chế tạo; *Ba là*, dự án sản xuất ô tô của nhà máy Ulianovsk; *Bốn là*, nhà máy chế tạo máy kéo hạng nặng cũng theo khuôn mẫu trên với các linh kiện và phụ tùng lắp ráp tại Việt Nam; *Năm là*, Ban quản lý cảng biển Nakhotka hoạt động nhằm tìm kiếm khả năng giúp các thuyền đánh cá và chủ thuyền Nga thường xuyên sử dụng các cảng biển của Việt Nam. Các dự án của Nga đầu tư đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế xã hội cho Việt Nam.

Từ năm 2008 trở đi, vốn đầu tư trực tiếp từ Nga vào Việt Nam đã tăng nhanh và tăng đều qua các năm. Năm 2008, Nga có 59 dự án (tăng 25,5 % so với năm 2005) với tổng số vốn đăng ký 376,4 triệu USD (tăng 35 % so với năm 2005), quy mô bình quân 6,4 triệu USD/dự án, và vốn thực hiện đạt trên 233 triệu USD, đứng vị trí thứ 25 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam [79, tr.6]. Các dự án đầu tư của Nga vào Việt Nam giai đoạn này chủ yếu tập trung vào những ngành kinh tế quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam như các lĩnh vực trồng và chế biến cao su, vận

tải biển, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, dầu khí, năng lượng, cơ khí, công nghiệp hóa chất, luyện kim, công nghiệp chế biến nông - lâm - hải sản... Năm 2009, mặc dù bị tác động của suy thoái kinh tế, nhưng Nga vẫn là một trong những nước có đầu tư đáng kể vào Việt Nam, với 66 dự án đầu tư còn hiệu lực (tăng 11,9% so với năm 2008) và tổng số vốn đầu đăng ký hơn 779 triệu USD (tăng 107 % so với năm 2008), bình quân 11,8 triệu USD/dự án, đứng thứ 22/89 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam.

Bước sang giai đoạn từ 2010 - 2015, hợp tác đầu tư Nga - Việt Nam có sự gia tăng nhanh khi cả hai đều tăng cường đầu tư vào thị trường của nhau, chủ yếu trong lĩnh vực dầu khí, khai khoáng và hành chính dịch vụ, trong đó nổi bật là những dự án đầu tư Việt Nam khai thác mỏ dầu khí của Nga, điều mà Nga ít khi cho phép nước ngoài thực hiện. Năm 2010, Nga có 65 dự án đầu tư ở Việt Nam (không kể liên doanh Vietsovpetro) đang hoạt động với tổng số vốn đăng ký là 757,4 triệu USD (vốn đầu tư thực tế là 568,2 triệu USD).

Trong chuyến thăm chính thức Nga vào tháng 7/2012, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam - Trương Tấn Sang và Tổng thống Liên bang Nga - V. Putin đánh giá cao kết quả hoạt động của các doanh nghiệp và công ty liên doanh dầu khí hai nước, trong đó nổi bật là Liên doanh đầu đàn "Vietsovpetro", bày tỏ hài lòng với những kết quả hợp tác của Công ty liên doanh "Rusvietpetro". Hai bên khẳng định sẽ tiếp tục tăng cường hợp tác thăm dò và khai thác dầu khí trên thềm lục địa của Việt Nam, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp và công ty liên doanh Nga - Việt Nam, như "Vietsovpetro", "Rusvietpetro", "Gazpromviet", "Vietgazprom", Công ty Cổ phần mở "Lukoil Overseases"…, mở rộng các khu vực thăm dò và khai thác dầu khí ở Việt Nam, Nga và tiến tới thực hiện tại các nước thứ ba [152]. Những kết quả của chuyến thăm này đã khẳng định một cách rõ ràng về tầm quan trọng của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước Nga và Việt Nam.

Năm 2013, có 94 dự án Nga đầu tư trực tiếp vào Việt Nam (tăng 44,6 % so với năm 2010), với tổng số vốn đăng ký là gần 2,1 tỷ USD (tăng 170,67 % so với năm 2010), đứng thứ 18 trong tổng số 101 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Đầu tư của Nga không chỉ tập trung vào các lĩnh vực khai khoáng, công nghiệp chế biến, chế tạo... mà còn mở rộng sang nhiều lĩnh vực mới như ngân hàng, viễn thông, với một số dự án lớn như Ngân hàng Việt - Nga (VRB) [170]. Điểm đáng chú ý là vốn đầu tư của Nga trong những năm gần đây tăng nhanh, từ 757,4 triệu USD năm 2010 lên hơn 2,5 tỷ USD vào năm 2015. Như vậy, đến năm 2015, Nga đứng thứ

17/101 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với 106 dự án (tăng 67 % so với năm 2010) và tổng số vốn đăng ký đạt 2,5 tỷ USD (tăng 230% so với năm 2010), trong đó đầu tư nhiều nhất trong lĩnh vực chế biến, chế tạo với 37 dự án, tổng vốn đầu tư là 1,13 tỷ USD (chiếm 58% tổng vốn đầu tư), đứng thứ 2 là khai khoáng với 7 dự án đầu tư, tổng vốn đầu tư 581,2 triệu USD (chiếm 30% tổng vốn đầu tư), đứng thứ 3 là lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 03 dự án, tổng vốn đầu tư là 72,73 triệu USD. Còn lại là các lĩnh vực xây dựng; nông, lâm nghiệp, thủy sản; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa...[32] Có thể thấy rõ diễn biến đầu tư của Nga ở Việt Nam thông qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 3.2. Diễn biến khối lượng đầu tư của Nga tại Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015

Đơn vị tính: dự án

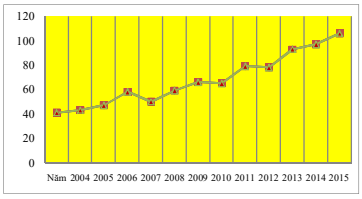

Nguồn: Tổng cục Thống kê và Bộ Phát triển kinh tế ngoại thương Nga, http://www.economy.gov.ru.

Tính đến năm 2015, Nga có các dự án đầu tư tại 26/64 tỉnh, thành của Việt Nam. Tỉnh Bình Định với 01 dự án có tổng vốn đầu tư đăng ký lên tới 1 tỷ USD, chiếm 50,8% tổng vốn đầu tư đăng ký, đó là dự án Công ty TNHH Bus Industrial Center; tiếp đó là 6 dự án dầu khí ngoài khơi với tổng vốn đầu tư 531,2 triệu USD, chiếm 26,9% tổng vốn đầu tư đăng ký; thứ 3 là tỉnh Khánh Hòa với 4 dự án và gần 192 triệu USD vốn đầu tư, tiếp theo là Hà Nội với 29 dự án, tổng vốn đầu tư là 131,9 triệu USD; Tiếp theo là các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Phú Yên, Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương khác [32].

Như vậy, qua tình hình đầu tư của Nga vào Việt Nam, thấy rằng hợp tác năng lượng luôn đóng vai trò trụ cột trong hợp tác kinh tế hai nước, hoạt động ngày càng có hiệu quả và đi vào chiều sâu. Trong đó, chiếm vị trí chủ đạo vẫn là dầu khí. Đầu tiên phải kể đến là Liên doanh dầu khí Vietsopetro. Giai đoạn 2001- 2005, doanh thu từ xuất khẩu dầu thô đạt 15,838 tỷ USD. Tính đến năm 2015, Liên doanh Vietsopetro đã khai thác được hơn 200 triệu tấn dầu, doanh thu bán dầu đạt hơn 70 tỉ USD [113].... Liên doanh Vietsopetro được đánh giá là 1 trong 10 công ty dầu khí trên thế giới có doanh thu cao nhất hiện nay, và là hình mẫu hoạt động hiệu quả về hợp tác kinh tế song phương Nga - Việt Nam. Vietsovpetro đã xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật vững chắc trên bờ và hệ thống công nghệ liên hoàn trên biển, đào tạo được một đội ngũ đông đảo cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân lành nghề, có một thị trường rộng lớn không chỉ trong nước mà cả nước ngoài, đó là cơ sở vững chắc cho sự phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam [165]. Vietsovpetro cũng chính là biểu tượng của tình cảm gắn bó bền vững giữa hai nước Nga và Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế.

Đối với Việt Nam, Vietsopetro cũng góp phần đưa Việt Nam trở thành nước khai thác và xuất khẩu dầu thô đứng thứ 3 ở khu vực ĐNA (sau Indonesia và Malaysia), năm 2013 khoảng 0,6 nghìn tỉ m^3 [50]. Hiện nay, sự hợp tác này dần mở rộng sang ngành lọc hóa dầu. Với những nỗ lực chung, nhà máy lọc dầu Dung Quất tại tỉnh Quảng Ngãi sẽ được nâng cấp, hiện đại hóa. Ngoài ra, hai bên đã thỏa thuận lập liên doanh thăm dò, khai thác dầu khí ở các nước thứ ba: Venezuela, Algeria, Cuba…

Về năng lượng nguyên tử, hai bên đã phối hợp nghiên cứu và đào tạo chuyên gia cao cấp, và trao đổi các yêu cầu kỹ thuật trong lĩnh vực này, đồng thời ký nhiều hiệp định hợp tác trong lĩnh vực sử dụng năng lượng nguyên tử. Tháng 3/2002, nhân chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Nga M. Kasyanov, hai bên đã ký Hiệp định về hợp tác sản xuất, sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, trên cơ sở hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, phù hợp với nhu cầu phát triển của cả hai nước. Cuối năm 2010, nhân chuyến thăm Liên bang Nga của Tổng Bí thư ĐCS Việt Nam Nông Đức Mạnh, hai nước đã kí *Hiệp định trao đổi hợp tác về chương trình hạt nhân dân sự* [120].

Về điện năng, trước đây, với sự giúp đỡ của Liên Xô, ở Việt Nam các nhà máy thủy điện đã được xây dựng như Nhà máy thủy điện Hòa Bình, Nhà máy thủy điện Ialy, Nhà máy thủy điện Trị An, Nhà máy nhiệt điện Phả Lại… Đến nay, các Nhà máy thủy điện này vẫn tiếp tục hợp tác với Nga trong lĩnh vực đầu tư. Tháng 5/2003, Nga và Việt Nam đã khởi công xây dựng Nhà máy thủy điện Sesan - 3 và ký kết hợp đồng

Nhà máy thủy điện Play Krong trong nửa đầu năm 2004. Cũng trong thời gian này, hai bên đã tích cực đàm phán và xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, trở thành nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam và cả khu vực ĐNA với công suất 2400 MW. Các công ty điện lực Nga đã ký nhiều Hiệp định về hợp tác trong lĩnh vực xây dựng các xí nghiệp liên doanh về chế tạo máy và cung cấp thiết bị kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cho hàng loạt nhà máy điện ở Việt Nam…Tập đoàn "máy động lực" của Nga vẫn tiếp tục giúp đỡ Tổng công ty nhiệt điện Uông Bí và Phả Lại hoạt động, như cung cấp thiết bị mới, thay thế các chi tiết, linh kiện cũ.

Về than đá: Bước sang thế kỷ XXI, Nga rất quan tâm đến việc nhập khẩu than của Việt Nam để đáp ứng nguồn năng lượng cho vùng Primorye. Do đó, hoàn toàn hợp lý khi Nga và Việt Nam nhất trí về xu hướng hợp tác chính trong ngành công nghiệp than. Việt nam cũng đã tiếp nhận sự giúp đỡ của Nga trong quá trình xây dựng tổ hợp khai thác - luyện thép tại khu mỏ sắt Thạch Khê ở tỉnh Hà Tĩnh. Tổng công ty hóa chất Việt Nam tiến hành hợp tác với hàng lọat các công ty khai thác và tuyển lựa quặng của Nga. Theo Hợp đồng đã được ký kết giữa Tổng công ty hóa chất Việt Nam và Công ty xuất nhập máy của Nga, hai bên đã liên kết hợp tác với nhau cùng hoạt động thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản ở tỉnh Lào Cai. Ngoài ra hai bên cũng xúc tiến hợp tác nghiên cứu khoa học để triển khai dự án sản xuất phân bón từ than đá để phục vụ nông nghiệp, sản xuất lốp xe ôtô, sản xuất axit phot pho rich và xây dựng bể chứa dầu với dung tích 1.000 - 3.000 m^3, xây dựng nhà máy lắp ráp xe hơi KAMAZ, KRAZ…

Nhiều tập đoàn, công ty trong lĩnh vực năng lượng của Nga cũng tiếp bước đầu tư tại Việt Nam. Công ty VSMPO- AVISMA đang đàm phán với Tập đoàn Công nghiệp than và khoáng sản Việt Nam về việc xây dựng một nhà máy sản xuất xỉ titan và xốp titan. Công ty TNHH ZUMK- Engineering có dự án xây dựng và đặt cốt 2 giếng lò đứng ở mỏ Khe Chàm 2- 4 (Cẩm Phả - Quảng Ninh). Công ty cổ phần Power Machines triển khai Dự án nhiệt điện Long Phú 1, Sông Hậu 1, Long Phú 2, Quảng Trạch 1, ngoài ra còn cải tạo Nhà máy Thủy điện Hòa Bình. Tập đoàn than và khoáng sản Việt Nam và Tổng công ty quan hệ đối ngoại và công nghiệp than của Nga đã ký các văn bản hợp đồng về việc cung cấp thiết bị và hợp tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực than và khoáng sản.

3.2.2.2. Đầu tư của Việt Nam tại Nga

Nga cũng là một trong những địa bàn thu hút đầu tư của các nhà đầu tư Việt Nam. Tính đến năm 2005, Việt Nam có 11 dự án đầu tư vào Nga (chiếm 11% số dự án

của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài) với tổng số vốn đăng ký 38 triệu USD, đứng thứ hai về tổng đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam, đứng thứ ba về số dự án (sau Lào 33 dự án và Hoa Kỳ 14 dự án). Tại Nga, Việt Nam tập trung chủ yếu đầu tư vào các lĩnh vực: công nghiệp 5 dự án với tổng vốn đăng ký 28,2 triệu USD, chiếm 82,8%; nông - lâm - nghiệp 3 dự án với tổng vốn đăng ký 4,99 triệu USD chiếm 14,6%; dịch vụ 3 dự án chiếm 2,5 %, đứng thứ ba (sau Lào và Irắc) với 11 dự án còn hiệu lực [79, tr.6].

Năm 2009, Việt Nam có tới 17 dự án đầu tư ở Nga (tăng gần 55% so với năm 2005) với tổng vốn đầu tư hơn 945 triệu USD (mức tăng trưởng chiếm 239% so với năm 2005), quy mô trung bình mỗi dự án 55,6 triệu USD/dự án. Nga là thị trường đầu tư lớn thứ hai trong tổng số 39 quốc gia và vùng lãnh thổ mà doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư [120]. Năm 2010, Việt Nam có 13 dự án đầu tư trị giá 78,4 triệu USD (vốn thực hiện là 31,5 triệu USD) chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực chế biến thực phẩm, may mặc, giày dép và xuất khẩu đồ gỗ [120]. Để tạo thuận lợi cho môi trường đầu tư giữa hai nước, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã hợp tác lập Quỹ Đầu tư Việt - Nga với số vốn là 500 triệu USD với Ngân hàng Ngoại thương Nga [168].

Theo Phó Cục trưởng Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, số lượng các dự án đầu tư giữa hai nước có tiến triển tốt, tính đến năm 2012 (sau khi hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện), số vốn của Việt Nam trong những dự án đầu tư sang Nga đã được cấp phép là 967 triệu USD, chiếm khoảng 50% tổng vốn của các dự án Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Tổng số vốn thực hiện đạt khoảng 527,26 triệu USD. Năm 2012, Nga đứng thứ 4 trong tổng số 10 quốc gia và vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư từ Việt Nam tính về số lượng vốn đăng ký và thứ 6 về số dự án [151]. Đứng đầu là lĩnh vực khai thác dầu khí, tiếp đến là lĩnh vực ngân hàng, thương mại, dịch vụ… trong đó Trung tâm Thương mại Hà Nội - Moskva là một trong những dự án tiêu biểu và có quy mô lớn nhất [150]. Trong khi đối với các nước phát triển, Việt Nam là nước nhận đầu tư, thì đối với Nga, Việt Nam đang là nước đầu tư, thể hiện rõ tính bình đẳng cùng có lợi giữa các doanh nghiệp của hai nước. Dầu khí, năng lượng vẫn là lĩnh vực hợp tác truyền thống chiến lược và hiệu quả, đem lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách hai nước. Tháng 10/2008, hai bên đã ký Nghị định thư chuyển đổi Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro thành Công ty TNHH hai thành viên sau năm 2010 [168]. Bên cạnh việc tiếp tục hợp tác trong khuôn khổ Xí nghiệp liên doanh Vietsopetro đến năm 2030, hai nước đã và đang xúc tiến thành lập các Liên doanh Rusvietpetro, Vietgazprom, Gazpromviet để mở rộng hợp tác dầu khí ở Việt Nam, Nga và các nước thứ 3. Không

chỉ ở Việt Nam mà hai nước còn mở rộng thành lập liên doanh khai thác khí đốt ở Viễn Đông, biển Caspi của Nga [205, tr.243]. Một trong những điểm nhấn mới nhất trong hàng loạt những dự án trao đổi hợp tác, đó là khai thác khu mỏ Yamal- Nenets của Nga ở vùng Seberia. Hiện nay, công ty con của Vietsopetro là Rusvietpetro đang tiến hành khai thác dầu tại vùng tự trị Nenetsky, từ năm 2010 đến 2012 đã đưa 3 mỏ vào khai thác với tổng sản lượng dầu khai thác được hơn 4,4 triệu tấn, mang lại doanh thu hơn 2,2 tỷ USD cho các bên tham gia [109]. Thủ tướng Liên bang Nga D. Medvedev từng khẳng định Việt Nam là đối tác chiến lược có tư cách đặc biệt khi tham gia cùng khai thác khu mỏ này ở vùng Siberia của Nga, ông nhấn mạnh: *"Chúng tôi hầu như không cho đối tác nước ngoài nào làm việc chung trong lĩnh vực này. Nhưng Việt Nam là trường hợp ngoại lệ, vì tính chất đặc biệt trong mối quan hệ của chúng ta và những triển vọng mà chúng tôi nhìn thấy khi phát triển sự hợp tác thân thiện với Việt Nam"* [96]. Hai nước đã đạt được thỏa thuận tiếp tục hợp tác trong việc xây dựng mới và hiện đại hóa các công trình năng lượng tại Việt Nam.

Năm 2014, Nga là nước đứng thứ ba trong số các nước và vùng lãnh thổ mà Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, với 17 dự án, tổng vốn đầu tư đạt 2,4 tỷ USD [120]. Tính đến năm 2015, Việt Nam có 19 dự án, tổng vốn đầu tư là 2,47 tỷ USD đầu tư ở Nga, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực dầu khí, thương mại, tập đoàn TH true Milk... [168] trong đó có một số dự án tiêu biểu như: dự án Công ty Liên doanh Rusvietpetro; Công ty cổ phần đầu tư Trung tâm Thương mại Hà Nội - Moskva [32].

Nhìn vào những kết quả đầu tư giữa hai nước đã đạt được, có thể thấy rằng, từ năm 2001 đến năm 2010, quá trình hợp tác đầu tư mới bước vào thời kỳ khởi động, tạo nền tảng cho thời kỳ sau. Từ năm 2010 - 2015, quan hệ hợp tác đầu tư Nga - Việt Nam đã có sự gia tăng nhanh khi cả hai nước đều tăng cường đầu tư vào thị trường của nhau. Với kinh nghiệm thi công ở Việt Nam và máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cao, với nền tảng của quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước, Nga có đủ khả năng tham gia xây dựng nhiều công trình trên tất cả mọi lĩnh vực ở Việt Nam. Về phía Việt Nam, với những bước đi đầu tiên cũng đã đặt được "dấu ấn" tích cực trong việc đầu tư vào Nga. Các dự án liên doanh lớn giữa hai nước đã đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố, thúc đẩy quan hệ hợp tác đầu tư giữa Nga và Việt Nam tiếp tục phát triển. Chính những thành tựu to lớn trong hợp tác đầu tư là động lực để phát triển hợp tác về chính trị, quân sự, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ... Không gian đối với sự phát triển của các lĩnh vực này cho hai nước là rất rộng mở.

Bên cạnh đó, cũng cần nhận thấy rằng, tuy vị thế và vốn đầu tư của hai quốc gia vào nhau có tăng lên, nhưng tỷ trọng đầu tư của Nga trong tổng số FDI ở Việt Nam còn thấp: chỉ chiếm 0,61% về số dự án; 0,82% về vốn đăng ký và 2,12% về vốn điều lệ trong tổng số các dự án FDI ở Việt Nam. Còn đầu tư của Việt Nam vào Nga tuy đứng thứ ba về tổng đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam, nhưng chỉ chiếm 2,3% số dự án, 13,8% tổng vốn đầu tư, 15,2% tổng vốn các dự án hiện có. So với tổng vốn FDI của Nga, nguồn vốn đầu tư của Việt Nam vào Nga hiện còn rất khiêm tốn [32]. So với các đối tác khác của cả hai nước và với tiềm năng, thế mạnh của mỗi nước, thì hợp tác đầu tư giữa Nga và Việt Nam còn nhỏ bé, chưa tương xứng với tiềm năng và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Vì thế, cả Nga và Việt Nam đang có những định chế để phát huy tối đa nguồn lực của hai nước đã có từ trước tới nay. Về phía Việt Nam đã đưa ra một số định hướng để thu hút vốn đầu tư của Nga như: thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp điện, công nghiệp thép, công nghiệp hóa chất, phân bón, công nghiệp dệt may, nông nghiệp và chế biến nông sản, công nghiệp xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng [205, tr.47].

Các dự án liên doanh lớn giữa hai nước đã đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố, thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế Nga - Việt Nam tiếp tục phát triển. Rõ ràng, sự đầu tư của Nga vào thị trường Việt Nam có vai trò to lớn, làm cho hoạt động trao đổi hàng hóa giữa hai nước khởi sắc. Tuy nhiên, Việt Nam đầu tư vào Nga chủ yếu vẫn tập trung vào công - nông nghiệp nhằm cung cấp hàng tiêu dùng cho thị trường nội địa của Nga (khai thác, chế biến hải sản, sản xuất các mặt hàng từ ngũ cốc, hàng dệt - may, chế biến chè và sản xuất vật liệu xây dựng). Vì thế hoạt động đầu tư của Việt Nam vào Nga còn ít tham gia vào việc tăng cường trao đổi hàng hóa hai chiều giữa hai nước.

3.2.3. Du lịch

Du lịch đã và đang trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của mỗi quốc gia. Du lịch không chỉ mang lại nguồn thu nhập lớn cho nền kinh tế, tạo việc làm, phát triển các ngành dịch vụ, cơ sở vật chất hạ tầng, mà còn thúc đẩy hòa bình, giao lưu văn hóa. Hiện nay, cả Nga và Việt Nam đang nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều chương trình, giải pháp để đẩy mạnh quan hệ trên lĩnh vực du lịch. Quan hệ hợp tác giữa Nga - Việt Nam trong lĩnh vực du lịch tuy mới được chú trọng, nhưng ngày càng được đẩy mạnh phát triển, đóng góp quan trọng vào sự phát triển nền kinh tế Việt Nam cũng như quan hệ song phương hai nước Nga - Việt Nam. Nga và Việt Nam đã ký *Hiệp định hợp tác du lịch* ngày 19/11/1997. Đối với ngành Du lịch Việt Nam, thị trường Nga luôn được xác định là thị trường trọng điểm và được ưu tiên phát triển.

Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để thu hút thị trường khách Nga trong bối cảnh quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước luôn được duy trì, củng cố. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Du lịch, năm 2004 có khoảng 12.500 lượt du khách từ Nga đến Việt Nam, tăng 42% so với năm 2003. Năm 2005, lượng khách này đã tăng lên 23.800 lượt người, tăng hơn 94% so với năm 2004. Trong giai đoạn từ 2011 - 2015, lượng khách Nga đi du lịch Việt Nam đã tăng trung bình 35,6%, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất. Đặc biệt từ năm 2012 trở đi, lượng khách du lịch từ Nga đến Việt Nam tăng rất nhanh, đạt 176.679 lượt người, tăng 742% so với năm 2005. Đến năm 2014, con số này đã đạt 365.000 lượt người, chỉ trong hai năm số lượng khách đã tăng hơn 2 lần, chiếm 206% so với năm 2012. Nga đã trở thành một trong 7 thị trường nguồn khách quốc tế hàng đầu của Việt Nam [138]. Nhiều địa điểm du lịch của Việt Nam được du khách Nga yêu thích như Đà Nẵng, Mũi Né (Phan Thiết), Vũng Tàu, Nha Trang, Phú Quốc...

Việt Nam - một đất nước thân thiện, ổn định về chính trị, có nhiều địa danh du lịch nổi tiếng cũng là yếu tố quan trọng hấp dẫn du khách quốc tế nói chung và Nga nói riêng. Các nhà khai thác chương trình du lịch Việt Nam của Nga đang tập trung đa dạng hóa sản phẩm, khai thác những hướng du lịch mới ngoài du lịch biển đảo, để thu hút khách Nga sang Việt Nam, nhiều khách du lịch Nga đã chuyển hướng chọn Việt Nam làm điểm đến cho kỳ nghỉ của họ. Mặt khác, trong bối cảnh khủng hoảng và bị bao vây về kinh tế, nhiều hãng hàng không quốc tế đã hủy chuyến bay đến Nga, dẫn đến lượng khách du lịch nước ngoài đến Nga và khách Nga đi du lịch nước ngoài cũng giảm rõ rệt. Trong khi đó, một số hãng hàng không Việt Nam đã có đường bay trực tiếp và duy trì đều đặn các chuyến bay từ các trung tâm du lịch của Việt Nam đến các thành phố của Nga và ngược lại, đây cũng là cơ hội cho các doanh nghiệp du lịch Việt Nam khai thác triệt để thị trường du lịch Nga, qua đó tăng lượng khách du lịch giữa hai nước.

Bên cạnh đó, bề dày lịch sử của mối quan hệ Liên Xô - Việt Nam trước đây và Nga ngày nay là yếu tố quan trọng để thu hút khách du lịch Nga đến Việt Nam. Hầu hết những người dân Nga đặc biệt là những người cao tuổi đều có tình cảm tốt đẹp đối với đất nước và con người Việt Nam. Tham quan di tích chiến tranh đang là một hướng du lịch mới mà các công ty lữ hành Nga bắt đầu khai thác tại Việt Nam với những chương trình tham quan di tích tại miền Bắc và miền Trung Việt Nam, điều này đã dẫn tới du khách Nga sang Việt Nam ngày càng đông. Hơn nữa một số lượng lớn Việt kiều và những du học sinh ở Nga cũng là điều kiện thuận lợi không nhỏ góp phần

quảng bá và xúc tiến du lịch Việt Nam, làm cho quan hệ hợp tác trên lĩnh vực du lịch giữa hai nước ngày càng được đẩy mạnh phát triển.

Nhìn chung, tuy số lượng khách du lịch từ Nga đến Việt Nam trong những năm qua vẫn chưa bằng các thị trường Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản nhưng có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Theo điều tra của Tổng cục Thống kê, bình quân một khách du lịch Nga chi tiêu khoảng 1.458 USD, trong đó chi tiêu ngoài chuyến đi gần 610 USD, cao hơn khoảng 40% mức chi tiêu trung bình của khách du lịch quốc tế đến Việt Nam [138]. Một trong những thuận lợi trong hợp tác du lịch Nga - Việt Nam là do nhiều khách du lịch Nga nhìn nhận thị trường du lịch Việt Nam có giá thành không cao, các mặt hàng phong phú (nông sản, đồ ăn nhiệt đới). Điều này rất phù hợp với khách du lịch đến từ một quốc gia có khí hậu lạnh giá vào bậc nhất thế giới như Nga.

Để giữ vững tốc độ tăng trưởng cao của lượng khách du lịch Nga, bên cạnh những chương trình xúc tiến, quảng bá chất lượng cao, ngành du lịch Việt Nam cần có kế hoạch đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên có tiếng Nga tốt, nhằm đưa quan hệ hợp tác du lịch Việt Nam - Nga phát triển ngày một cao hơn. Trước mắt tận dụng nguồn nhân lực là người Việt Nam đã du học và làm việc ở Nga. Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam (VITA) Vũ Thế Bình cho biết, *"để kích cầu khách từ thị trường Nga, du lịch Việt Nam đã chọn 2 tỉnh Phú Yên và Bình Định làm điểm đón khách Nga với mức giá giảm 20% so với các chương trình thông thường, ngoài ra các dịch vụ khác cũng có sự giảm giá đáng kể để khuyến khích du khách Nga"* [66]. Các chương trình du lịch đón khách Nga bước đầu đã có sự điều chỉnh lịch trình, thay vì chỉ có đi biển nghỉ dưỡng, câu lạc bộ du lịch Việt - Nga do Hiệp hội Du lịch Việt Nam thành lập sẽ bổ sung chương trình khám phá văn hóa, di sản, ẩm thực, nghệ thuật truyền thống của Hà Nội và các điểm du lịch đặc sắc khác để du khách Nga hiểu hơn về Việt Nam.

Tại cuộc hội đàm giữa Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam Hoàng Tuấn Anh và Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Nga - ông Vladimir Kantorovich tại Việt Nam vào tháng 10/2015, Bộ trưởng Hoàng Tuấn Anh nhấn mạnh, quan hệ hợp tác trong lĩnh vực du lịch giữa Việt Nam và Nga thời gian qua có bước phát triển đáng kể, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của kinh tế Việt Nam cũng như quan hệ giữa hai nước. Vào năm 2013, hai bên đã ký "*Kế hoạch hợp tác trong lĩnh vực du lịch giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam và Cơ quan Du lịch Nga giai đoạn 2013- 2015*". Từ tháng 1/2009, Nga là một trong số các nước đã được Việt Nam miễn thị thực 15 ngày; Về đào tạo, Nga đã đào tạo cho ngành Du lịch Việt Nam 10 hướng dẫn viên tiếng Nga; Về đầu tư,

đến tháng 4/2014, Nga đã có 4 dự án đầu tư vào Du lịch Việt Nam với tổng số vốn đầu tư gần 12 triệu USD hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống, trong tổng số 97 dự án đầu tư vào Việt Nam, tổng vốn đầu tư trên 2 tỷ USD [43]; Về xúc tiến quảng bá, từ những năm đầu thế kỷ XXI, việc tổ chức thành công chương trình "Những ngày Văn hóa Nga tại Việt Nam" và "Những ngày Văn hóa Việt Nam tại Nga" đã tạo động lực và cơ hội cho du lịch hai nước phát triển. Tổ chức các đoàn trao đổi thông tin, kinh nghiệm phát triển du lịch, cử các doanh nghiệp du lịch tham gia các hội chợ triển lãm du lịch được tổ chức thường niên tại hai nước như tham gia hội chợ Intour market, hội chợ du lịch quốc tế MITT[1]; triển lãm du lịch lữ hành quốc tế lần thứ 21 (MITT- 2014); tổ chức hội thảo hợp tác phát triển du lịch Việt - Nga tại Phú Yên (Việt Nam)… Chính những hoạt động đó, đã thu hút ngày càng đông du khách Nga đến Việt Nam.

Trong các năm từ 2010 đến năm 2015, nhờ chú trọng đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá hình ảnh du lịch của mỗi quốc gia trên các phương tiện thông tin đại chúng, giúp người dân hai nước hiểu hơn về những giá trị du lịch của nhau, nên lượng khách quốc tế đến Việt Nam luôn giữ được đà tăng trưởng, nâng hợp tác du lịch Nga - Việt Nam tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, quan hệ hợp tác du lịch giữa Nga và Việt Nam mới chỉ diễn ra một chiều. Khách du lịch của Việt Nam sang Nga chưa nhiều, có chăng là những người Việt Nam sang Nga làm việc kết hợp tham quan ở những thành phố lớn, hoặc thỉnh thoảng có một số ít người Việt Nam sang Nga với mục đích du lịch, nhưng điều này diễn ra không thường xuyên và với số lượng không đáng kể.

Tiểu kết chương 3

Quan hệ hợp tác chính trị - an ninh và kinh tế giữa Nga - Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2015 đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đặc biệt, quan hệ giữa hai nước đã được nâng cấp từ đối tác chiến lược (2001) lên đối tác chiến lược toàn diện năm (2012). Hai nước đã ký *Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* vào năm 2012, nhân chuyến thăm và làm việc tại Nga của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang. Sự kiện này đã đặt dấu mốc quan trọng trong sự phát triển về chất trong quan hệ giữa Liên bang Nga - CHXHCN Việt Nam. Bước phát triển mới này đã tạo ra nhiều động lực cho quan hệ hợp tác Nga - Việt Nam ngày càng phát triển

[1] MITT là hội chợ du lịch thường niên được Bộ Văn hóa Liên bang Nga, Cơ quan du lịch Liên bang Nga, Ủy ban Du lịch và Khách sạn thành phố Moskva tài trợ nhằm tạo cơ hội cho cơ quan du lịch các quốc gia xúc tiến, giới thiệu điểm đến; các doanh nghiệp du lịch Nga và quốc tế trao đổi kinh nghiệm, hợp tác kinh doanh; khách tham quan tìm hiểu các sản phẩm du lịch mới...

sâu rộng, đặc biệt là trên lĩnh vực chính trị - an ninh và kinh tế, đáp ứng nhu cầu của hai nước, phù hợp với xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển của thời đại ngày nay. Đồng thời, thể hiện quyết tâm chính trị của lãnh đạo cấp cao hai nước đưa hợp tác song phương ngang tầm với khuôn khổ đối tác chiến lược toàn diện trong bối cảnh mới của hợp tác CA - TBD. Củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa hai nước trên các lĩnh vực chính trị - an ninh và kinh tế luôn được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cả Nga và Việt Nam. Giữa hai nước liên tục diễn ra các chuyến thăm hữu nghị chính thức, các cuộc hội đàm, trao đổi, gặp gỡ lẫn nhau giữa lãnh đạo các cấp. Hai nước đều có sự nhất trí, có cùng quan điểm, hoặc tương đồng, hoặc gần gũi về quan điểm, nhận thức về nhiều vấn đề quốc tế cũng như trong khu vực CA - TBD và ĐNA mà cả hai bên cùng quan tâm.

Nhờ những thuận lợi từ quan hệ chính trị, quan hệ trên lĩnh vực kinh tế Nga - Việt Nam có những tiến triển tích cực cả về thương mại, đầu tư, năng lượng và du lịch, đặc biệt chuyển biến rõ rệt trong giai đoạn 2010 - 2015. Kim ngạch thương mại song phương có xu hướng tăng, nhưng chưa ổn định và chưa đều qua các năm, mức độ tăng trưởng còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và mong muốn của hai nước.

Như Tổng thống Nga V. Putin đã khẳng định: *"khó có thể tìm được hướng hoạt động nào mà Nga và Việt Nam không phát triển sự hợp tác hiệu quả"* [108, tr.4]. Có được kết quả này là do nỗ lực của cả hai nước trong việc xây dựng và gìn giữ cho quan hệ ngày càng phát triển. Về phía Nga ngày càng nhận thức rõ hơn rằng việc nâng tầm quan hệ với Việt Nam là đáp ứng các lợi ích nhiều mặt của Nga không chỉ ở Việt Nam mà còn ở ĐNA và CA - TBD, bởi vai trò, vị thế quốc tế của Việt Nam ngày càng tăng và Việt Nam là một trong không nhiều những đối tác thủy chung và tin cậy nhất của Nga. Vì vậy, cho dù Việt Nam không phải là nước lớn, Nga vẫn đặt Việt Nam trong nhóm ba nước đối tác chiến lược quan trọng nhất ở CA - TBD (cùng với Trung Quốc và Ấn Độ). Đối với Việt Nam, quan hệ với Nga được coi là có tầm quan trọng hàng đầu, mang những nét đặc thù riêng biệt, giữa hai nước không có vấn đề chính trị nào nổi cộm cả trong quá khứ và hiện tại. Việc Việt Nam có mối quan hệ tốt đẹp với Nga đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao sức mạnh tổng hợp cũng như làm gia tăng vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong chuyến thăm Liên bang Nga vào tháng 11/2014, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: *"Việt Nam luôn coi trọng và mong muốn củng cố, thúc đẩy hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Nga, coi Nga là một trong những đối tác quan trọng, tin cậy hàng đầu của Việt Nam*" [26].

Chương 4
NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ NGA - VIỆT NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2015

4.1. Thành tựu và hạn chế

4.1.1. Thành tựu và nguyên nhân

4.1.1.1. Thành tựu:

Về chính trị: Quan hệ hợp tác trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao không ngừng được củng cố và phát triển với độ tin cậy cao giữa lãnh đạo hai nước. Từ năm 2001 đến năm 2015, là giai đoạn có nhiều nhất các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao hai nước và tạo ra những chuyển biến quan trọng trong quan hệ Nga - Việt Nam. Trong 15 năm, Nga và Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, và đối tác chiến lược toàn diện, ngày càng đi vào chiều sâu, và có hiệu quả thiết thực. Vào ngày 1/3/2001, Nga và Việt Nam đã ký *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược*, đến năm 2012, nhằm đưa quan hệ Nga - Việt Nam phát triển thực chất hơn, hai nước đã ký *Tuyên bố chung về tăng cường hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* (27/7/2012). Điều đó đã đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ và tạo lập khuôn khổ pháp lý mới cho quan hệ hợp tác về mọi mặt giữa hai nước trên cơ sở tin cậy chặt chẽ và lâu dài. Giữa hai bên thường xuyên diễn ra các chuyến thăm lẫn nhau ở tất cả các cấp. Trong đó, có gần 30 cuộc tiếp xúc cấp cao. Chỉ tính riêng thập niên đầu thế kỷ XXI đã có 16 chuyến thăm lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao hai nước, tăng gấp 4 lần so với giai đoạn 1991 - 1999 (có 4 chuyến thăm)[1]. Sau khi hai nước ký *Tuyên bố chung về tăng cường hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện*, chỉ trong vòng 3 năm kể từ năm 2012 đến năm 2015, các chuyến thăm cấp cao giữa Nga và Việt Nam diễn ra với cường độ cao hơn (gần 10 chuyến thăm), gần như năm nào cũng có đoàn cấp cao hai nước sang thăm lẫn nhau. Điều đáng chú ý là với ba nhiệm kỳ trong cương vị Tổng thống Nga, V. Putin đều có các chuyến thăm chính thức Việt Nam, vào các năm 2001, 2006, và 2013. Thủ tướng Nga D. Medvedev cũng đã có 3 chuyến thăm Việt Nam vào các năm 2010, 2012 và 2015 (Năm 2010, ông giữ chức vụ Tổng thống Nga). Về phía Việt Nam, Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ qua các thời kỳ cũng đã triển khai nhiều cuộc tiếp xúc, thăm hỏi và làm việc tại Nga. Điều đó đã phản ánh mong muốn và quyết tâm chính trị của lãnh đạo cấp cao hai nước đưa quan hệ

[1]Bao gồm: Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Trần Đức Lương sang thăm Nga (7/1992); Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm chính thức Nga (6/1994); Thủ tướng Nga V. Chermodin sang thăm Việt Nam (11/1997); Chủ tịch nước Trần Đức Lương sang thăm Nga (8/1998).

Nga - Việt Nam phát triển ngang tầm với khuôn khổ đối tác chiến lược toàn diện.

Các chuyến thăm giữa lãnh đạo cấp cao hai nước được thể hiện qua bảng sau.

Năm	**Lãnh đạo cấp cao Việt Nam sang thăm Liên bang Nga**	**Lãnh đạo cấp cao Liên bang Nga sang thăm Việt Nam**
2001		- Tổng thống Nga V. Putin thăm Việt Nam
2002	- Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm Liên bang Nga	- Thủ tướng Nga Mikhail Kasyanov sang thăm Việt Nam
2003	- Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An thăm Liên bang Nga	
2004	- Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Liên bang Nga	
2005		- Chủ tịch Hội đồng Liên bang Sergey Mikhailovich Mironov thăm Việt Nam
2006		- Tổng thống Nga V. Putin thăm Việt Nam - Thủ tướng Nga Mikhail Yefimovich Fradkov thăm Việt Nam
2007	Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng thăm Liên bang Nga	
2008	Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết thăm Liên bang Nga	
2009	- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng thăm Liên bang Nga - Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng thăm Liên bang Nga	
2010	- Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm Liên bang Nga - Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết dự Lễ kỷ niệm 65 năm Chiến thắng phát xít tại Liên bang Nga	- Tổng thống Nga D. Medvedev thăm Việt Nam

2011	Phó Chủ tịch Quốc hội Việt Nam - Nguyễn Đức Kiên thăm Liên bang Nga	
2012	- Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm Liên bang Nga - Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng thăm Liên bang Nga	- Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga D. Medvedev thăm Việt Nam - Chủ tịch Hội đồng Liên bang Nga V. I. Matvienco thăm Việt Nam
2013	- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng thăm Liên bang Nga	- Tổng thống Nga V. Putin thăm Việt Nam
2014	- Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm Liên bang Nga	- Chủ tịch Đuma Quốc gia Nga S. Naryshkin thăm Việt Nam
2015	- Chủ tịch nước Trương Tấn Sang dự Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng phát xít tại Nga	- Thủ tướng Chính phủ Liên bang Nga D. Medvedev thăm Việt Nam

Về chính trị - an ninh quốc phòng: Song song với quan hệ hợp tác chính trị - ngoại giao, lĩnh vực an ninh quốc phòng của hai nước cũng đã liên tục triển khai nhiều chuyến thăm lẫn nhau. Từ năm 2001 đến năm 2015 đã diễn ra gần 10 chuyến thăm của Bộ Quốc phòng hai nước, trong đó, cả hai nước đều muốn thúc đẩy, tăng cường quan hệ hợp tác trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng. Điều đó cho thấy, trong tình hình thế giới và khu vực đầy biến động phức tạp, đặc biệt sau sự kiện 11/9/2001, Nga và Việt Nam đều xác định bảo vệ an ninh - quốc phòng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong chính sách đối ngoại của mỗi nước. Đây là một nội dung mang tính cơ bản của nội hàm đối tác chiến lược toàn diện và là một nhân tố quan trọng của lĩnh vực hợp tác chính trị nói chung phục vụ lợi ích quốc gia của mỗi bên. Nội dung hợp tác trên lĩnh vực này ngày càng mở rộng. Hai nước không chỉ diễn ra các đoàn thăm viếng, trao đổi lẫn nhau giữa Bộ Quốc phòng, mà còn hợp tác trên lĩnh vực mua bán vũ khí, kỹ thuật quân sự, đào tạo sỹ quan, hiện đại hóa quân đội... Giá trị hợp đồng mua bán vũ khí giữa Nga - Việt Nam ngày càng tăng. Trong báo cáo thường niên tình hình mua bán vũ khí trên thế giới của Viện Nghiên cứu Hòa bình Stockholm (SIPRI) cho thấy, năm 2015, Nga vẫn là nước xuất khẩu vũ khí lớn nhất đến Việt Nam, ước tính giá trị hợp đồng đạt 722 triệu USD [4]. Ngoài ra, hai nước còn hợp tác trong việc sửa chữa, cải tiến, nâng cấp và sản xuất vũ khí tại Việt Nam.

Hàng năm đối thoại chiến lược về ngoại giao - an ninh - quốc phòng được duy trì và đạt được kết quả thiết thực. Hai nước đã xây dựng được cơ sở pháp lý khá vững chắc cho quan hệ hợp tác với việc ký kết hơn 50 hiệp định, hiệp ước, văn bản thỏa thuận hợp tác trên nhiều lĩnh vực, tạo điều kiện cho việc xúc tiến mạnh mẽ quan hệ *đối tác chiến lược toàn diện* đi vào chiều sâu. Nội dung trong các cuộc tiếp xúc, đối thoại giữa hai nước ngày càng được tăng cường và có chiều sâu về tất cả các vấn đề song phương cũng như về hàng loạt vấn đề cấp bách trong chương trình nghị sự toàn cầu của các tổ chức quốc tế hiện nay, trong đó có vấn đề hoà bình, an ninh, ổn định ở khu vực CA - TBD và ĐNA. Các cuộc đối thoại giữa các nhà lãnh đạo Nga và Việt Nam dựa trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, quyết tâm không ngừng củng cố quan hệ hợp tác toàn diện, tin tưởng vào triển vọng chiến lược dài hạn, sẵn sàng tìm kiếm những thoả thuận được hai bên chấp nhận và tháo gỡ những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Ông Đào Trọng Thi, Chủ tịch Hội hữu nghị Việt - Nga, khẳng định: *Kể từ khi thiết lập quan hệ đối tác chiến lược năm 2001 và đối tác chiến lược toàn diện năm 2012 đến nay, quan hệ hợp tác Việt - Nga ngày càng phát triển tốt đẹp cả về bề rộng lẫn chiều sâu, trên mọi lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế - thương mại, đầu tư, năng lượng, dầu khí, điện hạt nhân, an ninh, quốc phòng, giáo dục, đào tạo… đồng thuận trong các vấn đề quốc tế và khu vực mà hai bên cùng quan tâm, phối hợp thúc đẩy và tăng cường hợp tác giưa các địa phương hai nước, hoạt động giao lưu hữu nghị vì lợi ích của nhân dân hai nước* [56].

Về kinh tế: quan hệ hợp tác chính trị phát triển đã thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa Nga và Việt Nam ngày càng có những chuyển biến tích cực cả về bề rộng lẫn chiều sâu, tạo ra bước tiến về chất trong nhiều lĩnh vực, nhất là trong thương mại và đầu tư.

- Về thương mại: Quan hệ thương mại song phương Nga - Việt Nam đã có những bước tiến khả quan, bước đầu phát huy lợi thế so sánh của mỗi nước. Nếu như giai đoạn 1991 - 1999 giá trị trung bình của KNTM hai chiều là 288,4 triệu USD/năm, thì đến giai đoạn 2001 - 2010 KNTM đạt 1.100,0 triệu USD/năm, tăng gấp 3,8 lần giai đoạn trước. Bước sang những năm 2001 - 2015, KNTM tiếp tục tăng. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng thấp và thiếu tính ổn định. Đáng chú ý là từ một nước nhập siêu, kể từ năm 2011, Việt Nam bắt đầu xuất siêu sang Nga. Một số vướng mắc trong hợp tác thương mại như vấn đề kiểm soát chất lượng hàng hóa nông, thủy, hải sản xuất khẩu của Việt Nam, vấn đề thanh toán trong xuất nhập khẩu đã và đang dần được tháo gỡ. Việc ký kết Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á Âu vào ngày 29/5/2015 hứa hẹn mang lại nhiều cơ hội cho các nước thành viên và sẽ là bước đột phá mở đầu cho

việc hình thành mối liên kết kinh tế chặt chẽ giữa các bên, đồng thời mở ra các hướng hợp tác mới với các nước, các tổ chức kinh tế bên ngoài khu vực.

Về cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Nga và Việt Nam cũng được cải thiện đáng kể. Nhìn chung, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Nga tăng dần cả về số lượng lẫn chủng loại. Ngoài các nhóm hàng truyền thống thì các doanh nghiệp ở Việt Nam còn xuất khẩu nhiều nhóm hàng có hàm lượng chế biến và công nghệ cao như điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện. Về phía Nga, xuất khẩu sang Việt Nam những mặt hàng công nghệ cao mà Việt Nam chưa sản xuất được.

- Về đầu tư: Đầu tư của Nga vào Việt Nam trong thời gian từ 2001 - 2015 có sự chuyển biến tích cực. Lĩnh vực mà Nga đầu tư mạnh nhất là công nghiệp dầu khí. Không dừng lại ở thăm dò và khai thác, hai bên đã và đang mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực lọc hóa dầu, sản xuất nhiên liệu cho động cơ chạy khí.

Trước đây, chủ yếu là Nga đầu tư vào Việt Nam, thì từ đầu thế kỷ XXI, Nga bắt đầu trở thành một trong những địa bàn thu hút các nhà đầu tư Việt Nam. Đầu tư của Việt Nam ở Nga tập trung chủ yếu vào lĩnh vực dầu khí, công nghiệp chế tạo, khai khoáng, giao thông vận tải, viễn thông, nuôi trồng và đánh bắt hải sản...

Ngành năng lượng hiện nay được coi là lĩnh vực hợp tác đầu tư then chốt, hiệu quả, đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách hai nước Nga và Việt Nam trong nhiều năm qua, đặc biệt là hợp tác trong lĩnh vực dầu khí và điện hạt nhân. Điều đáng nói là giờ đây hợp tác dầu khí Nga - Việt Nam có sự phát triển mang tính đột phá về quy mô và lĩnh vực, địa bàn hoạt động. Bên cạnh Liên doanh Vietsovpetro và Gazprom, Rosneft đang gia tăng sự hiện diện ở Việt Nam, còn có liên doanh Rusvietpetro, Vietgazprom, Gazpromviet đang mở rộng hợp tác trong lĩnh vực dầu khí ở cả Nga và Việt Nam. Với Việt Nam, lĩnh vực hợp tác này không chỉ có ý nghĩa về kinh tế, mà còn có ý nghĩa cả về an ninh, về bảo vệ toàn vẹn chủ quyền biển, đảo.

- Về du lịch: Trong thời đại ngày nay, du lịch được coi là một ngành đem lại nguồn lợi kinh tế không nhỏ cho nhiều nước trên thế giới. Quan hệ hợp tác trong lĩnh vực du lịch giữa Nga và Việt Nam có bước phát triển đáng kể, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam cũng như góp phần vào sự phát triển quan hệ song phương giữa hai nước Nga - Việt Nam. Trong giai đoạn 2011 - 2015, lượng khách Nga đi du lịch Việt Nam đã tăng trung bình 35,6%, từ hơn 100 nghìn lượt lên gần 339 nghìn lượt. Năm 2015, Nga đã trở thành một trong 7 thị trường có nguồn khách quốc tế hàng đầu của Việt Nam [51]. Việt Nam và Nga sẽ phối hợp thành lập Câu lạc bộ doanh nghiệp đón khách Nga đến Việt Nam và đưa khách Việt Nam sang Nga.

4.1.1.2. Nguyên nhân dẫn đến thành tựu

Để đạt được những thành tựu nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Thứ nhất về mặt lịch sử, quan hệ Nga - Việt Nam được kế thừa truyền thống hữu nghị tốt đẹp giữa Liên Xô và Việt Nam trước đây, đã từng trải qua nhiều khó khăn thử thách. Trong bối cảnh mới, khi quan hệ giữa các nước đều dựa trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi thì những kinh nghiệm hợp tác trong quá khứ chắc chắn trở thành điều kiện thuận lợi thúc đẩy hợp tác song phương Nga - Việt Nam. Chính nền tảng vững chắc và lâu dài của mối quan hệ lịch sử giữa Liên Xô và Việt Nam đã mang lại mức độ tin cậy cao giữa hai nước trong thời kỳ mới.

Thứ hai, sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại chiến lược của cả hai nước đã thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam ngày càng phát triển. Về phía Nga, từ chiến lược đối ngoại "hướng Tây" đã chuyển sang chính sách đối ngoại "cân bằng Đông - Tây", lãnh đạo Nga ngày càng quan tâm hơn đến khu vực CA - TBD và khu vực ĐNA, trong đó có việc tăng cường quan hệ với Việt Nam. Về phía Việt Nam, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế [58]. Thêm vào đó, sau thành công của công cuộc cải cách ở Nga và đổi mới ở Việt Nam, cả Nga và Việt Nam đều coi trọng tăng cường quan hệ với nhau, tìm kiếm các biện pháp thực tế để đưa quan hệ Nga - Việt Nam phát triển lên tầm cao mới. Trong hợp tác kinh tế, hai bên đều có tiềm năng to lớn, đẩy mạnh hợp tác trong các ngành mà hai nước có thế mạnh. Có một số dự án đầu tư của Nga ở Việt Nam đang hoạt động rất hiệu quả, đặc biệt là trong lĩnh vực dầu khí. Quan hệ kinh tế hai bên cùng có lợi đã, đang và sẽ là cơ sở vật chất, tạo thêm thuận lợi để phát triển tổng thể các mối quan giữa Nga và Việt Nam trong giai đoạn mới. Việt Nam tăng cường hợp tác với Nga không chỉ về lợi ích kinh tế mà còn về lợi thế chính trị, tạo cơ hội phát triển nhanh và đồng đều cho các vùng, miền của cả hai quốc gia.

Thứ ba, có được kết quả này là do nỗ lực của cả hai nước (trên cả các cấp độ Nhà nước, địa phương, tổ chức và cá nhân các nhà lãnh đạo) trong việc gìn giữ, vun đắp cho quan hệ giữa hai nước ngày càng phát triển. Quan hệ Nga - Việt Nam được xây dựng và phát triển trên cơ sở tin tưởng từ mối quan hệ truyền thống hữu nghị đã được hình thành, phát triển và được kiểm chứng qua nhiều giai đoạn trong quá khứ. Lãnh đạo hai nước luôn đối thoại với tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng sự lựa chọn con đường phát triển của nhau, chính sách ngoại giao đa dạng, đa phương, hướng tới chiều sâu ổn định trong hợp tác toàn diện, lâu dài, mang tính chiến lược, sẵn

sàng tìm kiếm các giải pháp đôi bên cùng có thể chấp nhận để đi đến thỏa thuận về tất cả các vấn đề nảy sinh. Về phía Nga, ngày càng nhận thức rõ hơn việc nâng tầm quan hệ với Việt Nam là đáp ứng các lợi ích nhiều mặt của Nga không chỉ ở Việt Nam mà còn ở ĐNA và CA - TBD, bởi vai trò, vị thế quốc tế của Việt Nam ngày càng tăng và Việt Nam là một trong không nhiều những đối tác thủy chung và tin cậy nhất của Nga. Vì vậy, mặc dù Việt Nam không phải là nước lớn, tiềm lực kinh tế chưa mạnh, Nga vẫn đặt Việt Nam là một trong những nước đối tác chiến lược quan trọng nhất ở CA - TBD. Đối với Việt Nam, quan hệ với Nga được coi là có tầm quan trọng hàng đầu, giữa hai nước không có vấn đề nào bất đồng nổi cộm cả trong quá khứ và hiện tại. Việc Việt Nam có mối quan hệ tốt đẹp với Nga đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao sức mạnh tổng hợp cũng như làm gia tăng vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhìn rộng ra, có thể thấy, dù quan hệ Nga - Việt Nam không phải là quan hệ đồng minh, nhưng sự tin cậy lẫn nhau ở mức cao, sự hợp tác bình đẳng, cùng có lợi giữa hai nước là cơ sở nhằm tạo dựng mối quan hệ giữa các quốc gia trong quan hệ quốc tế hiện nay.

Thứ tư, *nhân tố cá nhân* cũng góp phần tạo cơ sở thuận lợi cho quan hệ Nga - Việt Nam ngày càng được đẩy mạnh. Trong sự phát triển quan hệ hợp tác giữa Nga và Việt Nam, không thể phủ nhận vai trò của Tổng thống V. Putin. Ngay khi lên cầm quyền, Tổng thống V. Putin vẫn tiếp tục công cuộc cải cách theo hướng kinh tế thị trường nhưng với những bước đi và biện pháp thận trọng, đặc biệt là tăng cường vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với các hoạt động kinh tế. Chính sách đối ngoại phát triển theo hướng "cân bằng Đông - Tây", ưu tiên hợp tác với các nước trong khu vực CA - TBD, trong đó chú ý đến các nước truyền thống ở ĐNA, đặc biệt là Việt Nam. Do đó, việc phát triển quan hệ Nga - Việt Nam từ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện là một bộ phận trong chính sách CA - TBD của Tổng thống V. Putin. Để chính sách này thực hiện thành công, chính quyền Tổng thống V. Putin xác định Việt Nam là "cầu nối" giúp Nga mở rộng ảnh hưởng, nâng cao vị thế trong khu vực ĐNA và CA - TBD. Điều này đã được Tổng thống V. Putin nhấn mạnh *"Thật là ngu xuẩn nếu vứt bỏ đi quan hệ hữu nghị hợp tác truyền thống Việt - Xô. Quan hệ đó không chỉ đơn thuần là ý thức hệ, mà đằng sau đó là lợi ích chiến lược lâu dài của hai nước"* [14. tr.2]. Thực tế cho thấy, trong chuyến thăm Việt Nam lần thứ nhất của Tổng thống V. Putin vào năm 2001, Liên bang Nga và CHXHCN Việt Nam đã ký *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược*. Chuyến thăm lần này có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu sự phát triển mới

trong quan hệ hợp tác giữa Nga - Việt Nam, nhằm đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân hai nước. Điều này được V. Putin khẳng định trong lời phát biểu tại chuyến thăm chính thức Việt Nam lần này: *"Việc phát triển mối quan hệ trên tất cả các mặt với Việt Nam được chúng tôi coi là một trong những hướng ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Liên bang Nga ở châu Á*" [15, tr.5]. Trong chuyến thăm thứ hai của Tổng thống V. Putin vào năm 2006, hai bên trao đổi quan điểm với mong muốn tăng cường quan hệ chính trị và kinh tế giữa hai nước, nhằm nâng cấp quan hệ Nga - Việt Nam lên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Đây là một lộ trình để chuẩn bị mọi điều kiện cho sự phát triển quan hệ hai nước trong thời gian tiếp theo. Chuyến thăm thứ ba của Tổng thống V. Putin vào năm 2013 nhìn lại kết quả phát triển mối quan hệ hợp tác của hai nước kể từ khi thiết lập mối *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện*, nhằm củng cố, phát triển quan hệ *Đối tác chiến lược toàn diện* giữa Nga và Việt Nam. Qua đó, thấy rằng Tổng thống V. Putin cũng là một nhân tố quan trọng, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ trong sự phát triển quan hệ giữa Nga và Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015.

Ngoài ra, nhiều nhà hoạch định chính sách cấp Nhà nước, cũng như ở nhiều bộ, ngành của Việt Nam, từng được được đào tạo tại Liên Xô như nguyên Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, nguyên Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An, Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng… cũng là một trong những nhân tố thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam trở nên ngày càng phát triển vững chắc. Việc Nga xây dựng và củng cố quan hệ lâu dài với Việt Nam có sự đóng góp to lớn của những nhà lãnh đạo hàng đầu của hai nước. Với tình cảm chân thành và mối quan hệ hữu nghị truyền thống, sự tôn trọng lẫn nhau, cùng với quyết tâm của lãnh đạo hai nước, hy vọng và tin chắc rằng trong tương lai quan hệ hai nước sẽ phát triển lên tầm cao mới với những thành tựu mới. Bên cạnh đó, đông đảo công dân Việt Nam sống, làm việc, học tập, nghiên cứu tại Nga có vai trò là cầu nối, tạo điều kiện thuận lợi cho mối giao lưu văn hóa giữa nhân dân hai nước, đồng thời bộ phận này còn là những người trực tiếp tham gia thực hiện hiệu quả các lĩnh vực hợp tác về văn hóa, khoa học và xúc tiến hợp tác thương mại, đầu tư…

Tóm lại, quan hệ Nga - Việt Nam phát triển tốt đẹp nhờ những cơ hội mà cả Nga và Việt Nam đang có, từ đó có thể thúc đẩy hợp tác trên mọi lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế ngày càng hiệu quả hơn. Hai bên không ngừng tìm kiếm các biện pháp thích hợp, hữu hiệu cho quan hệ hợp tác tiếp tục phát triển, đồng thời cùng nhau tìm ra phương thức, giải pháp để giải quyết những vấn đề còn tồn tại.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

* *Về chính trị*: Mặc dù Liên bang Nga và CHXHCN Việt Nam đã xác lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, song không ít những nội dung còn mang tính chất định hướng, chưa được cụ thể hóa bằng các hoạt động triển khai hợp tác trên thực tế và còn thiếu tính đồng bộ. Mặc dù các chuyến thăm giữa lãnh đạo cấp cao của hai nước thường xuyên diễn ra, nhiều văn bản quan trọng được ký kết, có ý nghĩa to lớn về chính trị, tạo cơ sở pháp lý cho quan hệ giữa hai nước, song ở các cấp dưới và các địa phương triển khai thực hiện chưa kịp thời. Có những hiệp định được ký kết, song mức độ triển khai hoạt động trên thực tế còn chậm, do đó kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và nguyện vọng của lãnh đạo và nhân dân hai nước. Tính hiệu quả trong hợp tác giữa các địa phương hai nước chưa cao, chưa đồng đều. Đơn cử quan hệ hợp tác giữa hai thành phố thủ đô Moskva và Hà Nội có nhiều hoạt động nổi bật, như trong giao lưu văn hóa, hai bên đã tổ chức các "Tuần văn hóa Nga tại Hà Nội"; "Tuần văn hóa Việt Nam tại Moskva"… còn các địa phương khác như TP Sankt - Peterburg với Thành phố Hồ Chí Minh, hoặc tỉnh Nghệ An với tỉnh Ulyanovsk… các hoạt động giao lưu hợp tác còn chưa rõ nét hoặc còn chậm.

- *Về an ninh quốc phòng*: Bước sang thế kỷ XXI, cùng với sự thiết lập quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt Nam và xu hướng chú trọng an ninh sau sự kiện 11/9/2001, quan hệ an ninh - quốc phòng giữa Nga - Việt Nam có tiến triển, nhưng so với giai đoạn Liên Xô - Việt Nam, quan hệ trên lĩnh vực này suy giảm đáng kể. Trong giai đoạn 2001 - 2015, quan hệ an ninh - quốc phòng Nga - Việt Nam không bao gồm các mục tiêu quân sự thuần túy, mà chủ yếu là các nội dung phục vụ cho lĩnh vực kinh tế [116, tr.174]. Mua bán vũ khí, trang thiết bị quân sự là nội dung hợp tác chủ yếu của hai nước trên lĩnh vực này, thay vì thực hiện hỗ trợ đồng minh trong việc đào tạo cán bộ, sỹ quan, và chuyên gia. Mục tiêu đơn thuần về quân sự không còn được nhấn mạnh như trước nữa. Thực tế cho thấy, thái độ chưa thực sự dứt khoát của Nga trong vấn đề tranh chấp Biển Đông giữa Trung Quốc và Việt Nam cho thấy sự hạn chế trong hợp tác an ninh - quốc phòng giữa hai nước. Từ thực tế nêu trên, cho thấy, quan hệ an ninh - quốc phòng giữa Nga - Việt Nam ngoài việc phục vụ cho mục đích chính trị của hai nước, còn cho thấy chính sách đối ngoại thực dụng của Nga với xu hướng kinh tế hóa một cách rõ rệt, mặt khác thấy được vị thế và thực lực sức mạnh của Việt Nam còn hạn chế, nên không thu hút được sự quan tâm của Nga và các nước lớn trên tất cả các lĩnh vực.

* *Về kinh tế:* Quan hệ hợp tác về kinh tế giữa hai nước vẫn còn ở mức thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và mong muốn của lãnh đạo và nhân dân hai nước. Nga và Việt Nam chưa tạo lập được cơ chế thị trường chung cho hàng hóa hai nước thâm nhập vào thị trường của nhau một cách mạnh mẽ, trong khi cả hai đều đã thành viên của Liên minh kinh tế Á - Âu.

- *Thương mại:* Quan hệ thương mại Nga - Việt Nam còn khiêm tốn so với các nước trong khu vực có quan hệ hợp tác với Nga. Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch ngoại thương của mỗi nước (chỉ bằng 0,3% tổng kim ngạch của Nga và bằng 1,5% tổng KNTM của Việt Nam) [52, tr.60]. So sánh với quan hệ thương mại Nga - Trung Quốc hay Việt Nam - Mỹ thì tốc độ tăng trưởng thương mại hai chiều Nga - Việt Nam còn quá thấp. Năm 2014, kim ngạch thương mại song phương giữa Nga và Trung Quốc đạt mức 95 tỷ USD [22]; Việt Nam - Mỹ đạt 36,0 tỷ USD [67], hay so sánh quan hệ thương mại Nga - Hàn Quốc năm 2014 đạt 26,0 tỷ USD [19]. Qua đó càng thấy rõ KNTM song phương Nga - Việt Nam thấp hơn nhiều (năm 2014 chỉ đạt gần 2,6 tỷ USD). Con số này còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước Nga và Việt Nam.

- *Đầu tư*: tuy đã đạt được những tiến bộ trong hợp tác đầu tư từ cả hai phía, song những kết quả đạt được còn rất hạn chế so với tiềm năng và thế mạnh của mỗi nước. Một số dự án đầu tư vào các lĩnh vực khác như ngành xây dựng, thuỷ sản, nông - lâm nghiệp và công nghiệp chế biến có quy mô còn nhỏ, còn nhiều dự án không hiệu quả và đã giải thể (42 trong tổng số 79 dự án đã cấp phép).

- *Du lịch*: Mặc dù trong mười lăm năm đầu thế kỷ XXI, lượng khách du lịch của Nga sang Việt Nam có chiều hướng gia tăng, nhưng thực chất thì cả Nga và Việt Nam đều chưa phải là thị trường hấp dẫn, thu hút khách du lịch của nhau. Nga là thị trường du lịch tiềm năng đối với Việt Nam, song so với các đối tác khác thì lượng khách Nga sang Việt Nam đang rất hạn chế. Năm 2014, khách du lịch từ Trung Quốc đến Việt Nam đạt hơn 1.945.236 lượt người; Hàn Quốc đạt 847.958 lượt người; Mỹ đạt 443.776 lượt người. Trong khi đó, khách du lịch Nga đang Việt Nam chỉ đạt 365.000 lượt người. [Xem thêm phụ lục bảng biểu: Bảng 6] Qua đó thấy rằng, tính hiệu quả trong việc khai thác lợi thế giữa hai nước để phát triển du lịch là chưa cao. Ở chiều ngược lại, khách du lịch Việt Nam chưa xác định Nga là điểm đến ưu chuộng trong các chương trình du lịch. Điều đó xuất phát từ mức sống của người Việt Nam chưa cao, nên các chương trình du lịch của Việt Nam chủ yếu là các nước trong khu vực ĐNA và các nước châu Á láng

giềng. Mặt khác, do mức độ quảng bá du lịch của hai nước chưa tốt, dẫn tới hợp tác du lịch Nga - Việt Nam còn nhiều hạn chế. Do đó đòi hỏi mỗi nước cần phát triển toàn diện hơn nữa để thúc đẩy quan hệ hợp tác du lịch đạt kết quả cao trong tương lai.

4.1.2.2. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế

Thực tiễn vận động và phát triển của quan hệ hợp tác Nga - Việt Nam, đặc biệt là trên các lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng và kinh tế từ năm 2001 đến năm 2015 cho thấy, tuy có nhiều thành tựu quan trọng, song quan hệ giữa hai nước chưa thực sự phát huy hết lợi thế và tiềm năng của mỗi nước, xuất phát từ những nguyên nhân sau.

Một là: xuất phát từ lợi ích của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn cụ thể, cả Nga và Việt Nam chưa thực sự coi nhau là đối tác ưu tiên hàng đầu trong chiến lược đối ngoại của mình. Một trong những nội dung căn bản trong chính sách đối ngoại của Nga khi bước sang thế kỷ XXI là "đặt lợi ích quốc gia lên trên hết", "Nga ưu tiên hàng đầu cho việc phát triển quan hệ quốc tế để củng cố vị thế của Nga" [3, tr.34]. Sau thực tế không thành công của chiến lược đối ngoại "*hướng về phương Tây*", Nga đã có những điều chỉnh chiến lược đối ngoại của mình: một mặt Nga xây dựng quan hệ song phương với Mỹ và EU, các nước SNG, nhằm tìm kiếm vốn, kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, mặt khác, Nga còn tăng cường hợp tác với Đông Á thông qua việc củng cố quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, và tăng cường quan hệ Nga - ASEAN… nhằm đạt được mục tiêu cân bằng Đông - Tây, hướng về Âu - Á, phù hợp với đặc thù địa chính trị của Nga [147, tr.14]. Như vậy, phải nhìn nhận một thực tế rằng, Nga theo đuổi chính sách đối ngoại mang tính thực dụng. Nga giành ưu tiên quan hệ với các nước lớn, và chưa thực sự coi trọng Việt Nam như những đối tác khác của Nga ở khu vực châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, hay Bán đảo Triều Tiên. Bởi các nước này không những mang lại lợi ích kinh tế lớn mà còn làm gia tăng vị thế chính trị của Nga trong cục diện thế giới hiện nay.

Trong khi đó, Việt Nam là một nước nhỏ, thực lực kinh tế cũng như vị thế chính trị còn chưa có tầm ảnh hưởng lớn như các cường quốc, nên Việt Nam coi trọng các nước láng giềng trong khu vực, nhằm tạo môi trường hòa bình, ổn định, cùng phát triển, từ đó xác lập vị trí trước hết ở khu vực. Đồng thời Việt Nam cũng rất cần khai thác "nhân tố các nước lớn" và thực hiện chủ trương cân bằng quan hệ với các nước này nhằm tranh thủ về vốn và công nghệ tiên tiến. Còn Nga và các nước lớn khác đang tích cực khôi phục vai trò của một cường quốc trong chiến lược toàn cầu. Xuất phát từ sự khác nhau về vị thế quốc tế giữa Nga và Việt Nam, đòi hỏi Việt Nam phải có chính

sách chủ động, khôn khéo trong phát triển quan hệ song phương với Nga, điều này nằm trong chiến lược chung của Việt Nam phát triển quan hệ đa phương với các nước lớn. Dưới tác động của tình hình thế giới và khu vực, nhất là xu thế cạnh tranh chiến lược rất phức tạp hiện nay ở CA - TBD, Nga cũng có những toan tính riêng của mình trong quá trình thực hiện chiến lược đối ngoại. Tính chủ động từ phía Nga trong phát triển quan hệ với Việt Nam chưa được thể hiện một cách rõ nét. Tuy Nga coi trọng vị trí của Việt Nam ở ĐNA, song khu vực này cũng không thuộc hướng ưu tiên chiến lược hàng đầu của Nga, thay vào đó là Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản…Do đó quan hệ Nga - Việt Nam dù có bề dày truyền thống hữu nghị nhưng cũng khó có khả năng phát triển nhanh so với các đối tác lớn khác của Nga cũng như các đối tác của Việt Nam trong khu vực.

Cũng cần đơn cử một minh chứng thực tế trong quá trình thực thi chính sách đối ngoại của Nga phục vụ cho lợi ích quốc gia, liên quan tới Nga, Việt Nam và Trung Quốc, đó là vấn đề Biển Đông. Nga luôn giữ quan điểm "đứng giữa", ủng hộ giải pháp hòa bình cho vấn đề tranh chấp, xung đột ở Biển Đông. Bởi lẽ cả Việt Nam và Trung Quốc đều là đối tác quan trọng của Nga ở châu Á. Việt Nam là đối tác truyền thống và cũng là đồng minh chiến lược của Nga ở khu vực ĐNA. Hơn thế nữa, Việt Nam còn là một trong những bạn hàng mua trang thiết bị vũ khí của Nga và là đối tác mang lại nguồn lợi lớn cho Nga trong các lĩnh vực khai thác dầu khí, chế tạo máy móc, sản xuất năng lượng… Ở tầm cao hơn, Việt Nam còn giữ vị trí quan trọng trong chính sách CA - TBD của Nga. Còn đối với Trung quốc, do lợi ích của mỗi nước, nên Nga và Trung Quốc gần đây đã "xích lại gần nhau". Với Nga, việc tăng cường quan hệ với Trung Quốc có ý nghĩa cả về mặt chiến lược và chiến thuật nhằm nâng cao sức mạnh đối trọng với Mỹ trong bối cảnh tương quan lực lượng giữa Nga - Mỹ không có nhiều thuận lợi cho Nga. Mặt khác, Nga "thân" Trung Quốc để tăng cường hợp tác quân sự, bán dầu mỏ, khí đốt cho Trung Quốc với tư cách là một thị trường lớn. Đây là những bước đi giúp Nga tìm được thị trường xuất khẩu năng lượng lớn, thay thế cho châu Âu, nơi đang xuất hiện nhiều mâu thuẫn với Nga. Vì thế, bất cứ xung đột quân sự nào ở Biển Đông cũng sẽ gây tổn hại tới lợi ích của Nga ở châu Á. Điều này đã tác động đến quan hệ Nga - Việt Nam và gây bất lợi cho Việt Nam trong quá trình xử lý tranh chấp lãnh thổ, biển đảo với Trung Quốc. Như vậy, mặc dù đã xác lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, nhưng Nga và Việt Nam chưa thực sự vì lợi ích lâu dài của nhau, và chưa xác định Việt Nam là đối tác ưu tiên hàng đầu như trong một số văn bản đã nhắc tới.

Hai là, quan hệ "tay ba" Mỹ - Nga - Trung đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển quan hệ Nga - Việt Nam. Hiện nay, cả ba nước Nga, Mỹ, Trung Quốc đều có tham vọng bành trướng sự ảnh hưởng trên thế giới. Cuộc tranh giành của ba nước ngày càng trở nên gay gắt với nhiều cấp độ và tầng nấc khác nhau. Gần đây, do lợi ích của mỗi nước, Nga và Trung Quốc dường như "thân thiết" với nhau hơn. Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, quân sự giữa hai bên đang diễn ra khá tích cực. Tuy nhiên, mối quan hệ song phương này tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến lợi ích hai nước. Hai nước không phải là đồng minh, không có hiệp ước liên minh mà chỉ mang tính quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, không bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ hiệp ước. Ranh giới đồng minh hay đối thủ trong mối quan hệ Nga - Trung khá mong manh. Còn quan hệ giữa Nga - Mỹ rơi vào trạng thái đối lập nghiêm trọng kể từ sau cuộc khủng hoảng Ukraina. Ngoài ra, cùng với sự nổi lên của Trung Quốc thành một cường quốc kinh tế thứ hai trên thế giới, Mỹ không còn là siêu cường duy nhất, Trung Quốc ngày càng thể hiện các hành động đơn phương gây căng thẳng ở khu vực. Trung Quốc trở thành đối thủ tiềm ẩn của Mỹ nhưng cũng không hoàn toàn là đồng minh của Nga, làm cho quan hệ Mỹ - Nga - Trung ngày càng trở nên phức tạp. Trong cục diện quan hệ đó, Trung Quốc vô hình chung trở thành đối tượng được "lôi kéo, tranh giành" của cả Mỹ và Nga.

Đối với Nga, việc "xích lại gần" hơn với Trung Quốc nhằm "lôi kéo" Trung Quốc về phía mình, làm tăng cường thêm sức mạnh đối lập Mỹ trong bối cảnh tương quan lực lượng giữa Nga và Mỹ không thuận lợi cho Nga. Ngoài ra, Nga còn tăng cường hợp tác quân sự với Trung Quốc, bán dầu mỏ, khí đốt với giá rẻ cho Trung Quốc… đều là những bước đi có lợi cho cả hai bên, vì nó giúp Nga tìm được thị trường xuất khẩu năng lượng lớn thay thế cho châu Âu vừa khép lại, đồng thời giúp Trung Quốc đáp ứng cơn khát năng lượng giá rẻ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế. Về phía Mỹ cũng đã có những động thái tăng cường quan hệ với Trung Quốc. Khi tham dự Hội nghị thượng đỉnh an ninh hạt nhân tại La Hay (3/2014), Tổng thống Mỹ B.Obama đã có cuộc gặp gỡ với Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình. Ngoài ra, Mỹ còn cử Bộ trưởng Quốc phòng Chuck Hagel tới thăm một loạt nước châu Á, trong đó có Trung Quốc để tăng cường "quan hệ quân sự kiểu mới". Theo tính toán của Mỹ, khi quan hệ Mỹ - Trung nồng ấm trở lại sau một thời gian dài "lạnh giá" từ năm 2010, Trung Quốc sẽ buộc phải tính toán cẩn thận các bước đi của mình, nhất là khi những lợi ích chiến lược mà Trung Quốc thu được từ quan hệ Mỹ - Trung chắc chắn sẽ vượt xa các giá trị mà quan hệ Nga - Trung có thể mang lại. Khi đó, Mỹ đã phần nào "làm nhạt" được quan hệ

Nga - Trung. Đây là điều quan trọng nhất với Mỹ hiện nay để "trừng phạt" Nga, đồng thời cũng là mong muốn của Mỹ để thực hiện chiến lược "bá chủ" thế giới.

Những động thái "lôi kéo" Trung Quốc của Mỹ và Nga cho thấy tính tùy thuộc lẫn nhau của ba cường quốc này là rất cao. Nếu Trung Quốc phát triển quan hệ với Nga, có thể giúp họ thách thức vị thế bá chủ toàn cầu của Mỹ, đồng thời làm phân tán nguồn lực của Mỹ trong việc thực thi chiến lược xoay trục sang CA - TBD, mà mục đích của chiến lược này nhằm kiềm chế Trung Quốc [91]. Nhưng không vì thế mà Trung Quốc chấp nhận vì Nga mà hy sinh "quan hệ nước lớn kiểu mới" với Mỹ.

Sự phức tạp trong quan hệ Mỹ - Nga - Trung đã tác động, chi phối đến quan hê Nga - Việt Nam. Từ trước, Việt Nam và các nước ĐNA luôn giữ thái độ trung lập trước cuộc tranh giành của các cường quốc. Nhưng tình hình đã trở nên căng thẳng hơn khi Trung Quốc liên tục xâm lấn Biển Đông. Cả Trung Quốc, Mỹ, Nga và Việt Nam đều muốn chia sẻ lợi ích ở Biển Đông và ở châu Á. Mỹ và Trung Quốc đều muốn Việt Nam đứng về phía mình, đặc biệt trong vấn đề Biển Đông. Trung Quốc muốn Việt Nam ổn định, phát triển nhưng không đủ mạnh, không được là "sân sau" của nước nào và phải phụ thuộc vào Trung Quốc. Mỹ muốn Việt Nam là liên minh để duy trì vai trò lãnh đạo ở ĐNA và châu Á, nhưng không muốn gánh vác trách nhiệm "bảo vệ" Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh khác biệt về chế độ chính trị và giá trị quốc gia dân tộc. Vì thế, khi Việt Nam bắt tay với Nga như một đối tác chiến lược vừa cũ vừa mới, lấy quan hệ Việt Nam - Nga làm đối trọng với Trung Quốc và Mỹ thì gặp phải sự cản trở, ngăn chặn, kiềm chế từ phía Mỹ và Trung Quốc. Một minh chứng cụ thể đó là, sau khi bình thường hóa quan hệ với Việt Nam vào năm 1994, Mỹ thiết lập quan hệ đối tác với Việt Nam năm 2005, và đặc biệt Mỹ đã tuyên bố thực hiện chính sách "xoay trục" sang CA - TBD (10/2011), chứng tỏ Mỹ muốn hạn chế sự gia tăng ảnh hưởng của Nga ở Việt Nam, ở khu vực ĐNA và CA - TBD, ngăn chặn việc Nga tái thiết vị trí cường quốc thế giới. Rõ ràng, quan hệ Nga - Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp từ mối quan hệ "tay ba" Mỹ - Nga - Trung.

Ba là, xét về mặt thực tiễn, điều kiện cụ thể của hai bên Nga và Việt Nam, tiềm lực quốc gia của mỗi nước còn có những hạn chế nhất định. Việt Nam vẫn là nước đang phát triển, thực lực kinh tế, quân sự, trình độ khoa học và công nghệ, cũng như vị thế chính trị và tầm ảnh hưởng trên trường quốc tế còn chưa cao. Nếu so với các đối tác khác của Nga ở châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ… thì Việt Nam còn thua kém về mọi mặt. Như đã nói ở trên, với chính sách đối ngoại thực dụng, Nga sẽ

lựa chọn đối tác nào mang lại lợi ích thiết thực nhất cho Nga. Điều đó đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ không phải là đối tác then chốt trong chính sách đối ngoại của Nga. Ngược lại, trong so sánh thực lực tổng hợp của Nga với các đối tác nước lớn khác của Việt Nam ở CA - TBD, thì Nga vẫn là đối tác còn những hạn chế nhất định. Điều này có tác động không nhỏ đến các lĩnh vực hợp tác giữa hai bên. Đồng thời, cơ chế hợp tác đã có bước chuyển nhất định sang nguyên tắc kinh tế thị trường, song chưa hoàn chỉnh, còn nhiều bất cập và chưa phát huy tác dụng. Cả hai bên, trong đó các Bộ, ngành và doanh nghiệp đều chưa thật sự năng động trong việc khắc phục khó khăn. Nga và Việt Nam đều bị cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực từ phía các nước khác tại thị trường của mình. Hoạt động của Uỷ ban Chính phủ cũng chưa thực sự đạt hiểu quả cao. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế tính hiệu quả của quan hệ chính trị, kinh tế giữa Nga và Việt Nam.

Bốn là trong lĩnh vực kinh tế - thương mại giữa Nga và Việt Nam mặc dù đã có bước chuyển biến tích cực, song chưa tương xứng với tiềm năng và sự nỗ lực của lãnh đạo cấp cao hai nước, do một số nguyên nhân như sức cạnh tranh hàng hóa chưa cao, khó khăn trong thủ tục hành chính, thanh toán, cơ chế chưa hợp lý…

Thị trường Nga là một thị trường đầy tiềm năng, song các doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp không ít khó khăn khi tham gia hoạt động. Đó là những vướng mắc trong quan hệ thương mại, các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa vào Nga hầu như không có đầu mối giao dịch thương mại tập trung, ổn định, số lượng doanh nghiệp có văn phòng đại diện hay chi nhánh tại Nga ít nên khó theo dõi những biến đổi, nhu cầu của người tiêu dùng để kịp thời điều chỉnh, nên hầu hết các doanh nghiệp luôn trong tình trạng thiếu thông tin khi đầu tư vào Nga.

Ngoài ra, do những phức tạp trong thủ tục hành chính, khó khăn trong phương thức thanh toán với thị trường Nga, khiến cho các doanh nghiệp Việt Nam mất nhiều thời gian trong việc hoàn chỉnh các giấy tờ, thủ tục hồ sơ hải quan, giải phóng hàng hóa… Mối quan hệ giữa hai hệ thống ngân hàng Nga - Việt Nam còn rất hạn chế do mức độ hiểu biết về thị trường tài chính, thị trường ngân hàng và độ tín nhiệm giữa các ngân hàng thương mại của hai bên còn thấp. Dịch vụ thanh toán quốc tế trực tiếp qua ngân hàng còn bế tắc. Đồng tiền của hai nước đều chưa phải là ngoại tệ tự do chuyển đổi, mức độ lạm phát của hai nước khác nhau gây khó khăn cho việc trao đổi thanh toán.

Chất lượng cũng như trình độ khoa học - kỹ thuật và công nghệ của nhiều loại sản phẩm của cả hai nước còn chưa đáp ứng được những yêu cầu quốc tế. Thực trạng khả năng cạnh tranh của Việt Nam trong nền kinh tế thế giới cũng như ở Nga còn yếu.

Phần nào đó ở tầm vi mô các doanh nghiệp của cả hai bên chưa thực sự coi trọng thị trường của nhau. Ngay trên thị trường Nga, hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam đang chịu sự cạnh tranh gay gắt của hàng hóa nhập khẩu cùng loại, đặc biệt là hàng may mặc và dày dép từ Trung Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ có giá rẻ hơn, chất lượng tốt hơn và phương thức tiếp thị tốt hơn [104, tr.101]. Như vậy hàng hóa của Việt Nam trên thị trường Nga thực sự chưa có thương hiệu và chưa tạo được chỗ đứng đối với người tiêu dùng ở Nga. Còn hàng hóa Nga khi vào Việt Nam, đặc biệt là trong điều kiện mới này cũng chịu sự cạnh tranh quyết liệt của những đối thủ lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản…

Hơn nữa, Nga chưa thực sự coi trọng hợp tác kinh tế với Việt Nam, chậm chuyển đổi cơ chế, lãi suất cho vay tín dụng cao, hạn chế về công nghệ cao, thiếu nhạy bén, thiếu linh hoạt trong làm ăn. Đồng thời, Nga còn có một số chính sách tăng cường bảo hộ mậu dịch gây cản trở cho hàng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Nga, như hạn chế nhập khẩu gạo, tăng hàng rào kiểm tra an toàn thực phẩm, hàng thủy sản, cấm người nước ngoài bán lẻ tại các chợ của Nga... gây ảnh hưởng tiêu cực đến mạng lưới tiêu thụ hàng hóa từ Việt Nam. Điều này được thể hiện trong kinh tế - thương mại: Năm 2012, quan hệ kinh tế thương mại Nga - Việt Nam đã có nhiều khởi sắc, tuy nhiên trên thực tế khối lượng và quy mô giữa hai nước vẫn còn rất khiêm tốn, chưa thực sự ngang tầm với quan hệ chính trị tốt đẹp giữa hai nước. Điều đó chưa phản ánh đúng nhu cầu và tiềm năng của cả hai bên. Năm 2011, Nga xuất khẩu ra thị trường thế giới trên 520,0 tỷ USD, trong đó xuất sang Việt Nam chỉ khoảng gần 1,0 tỷ USD, chưa bằng 0,2% tổng xuất khẩu của Nga. Với Việt Nam, nếu lấy con số tròn của xuất khẩu cả nước năm 2011 là 96,0 tỷ USD, thì xuất khẩu sang Nga ở mức khoảng 1,38 tỷ USD là một tỷ trọng nhỏ trong tổng xuất khẩu của Việt Nam [170]. Nguyên nhân chủ yếu là do hai nước chưa thực sự quan tâm và có những giải pháp mạnh mẽ và đồng bộ để tăng cường, mở rộng hợp tác thương mại.

Giữa Việt Nam và Nga còn có những rào cản do trình độ phát triển kinh tế thị trường theo xu hướng tự do hóa thương mại còn thấp ở cả tầm vĩ mô nhà nước và cả tầm vi mô các doanh nghiệp. Cả Nga và Việt Nam còn chậm đổi mới tư duy trong hợp tác kinh tế với nhau, chưa quan tâm đúng mức đến nguyên tắc đôi bên cùng có lợi. Bên cạnh đó, cả hai nước đều đang trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, đều có nhu cầu lớn về vốn để phục vụ cho phát triển nội tại của từng nước, do đó ít có khả năng hỗ trợ được cho nhau. Trong khi đó, muốn đẩy mạnh quan hệ hợp tác kinh tế thì phải xem lĩnh vực thương mại, đầu tư là hướng ưu tiên quan trọng.

Năm là, lĩnh vực đầu tư chưa tương xứng với quan hệ đối tác chiến lược toàn diện,

nguyên nhân do nguồn tài chính hạn chế và thiếu các ngành mũi nhọn. Mặc dù phía Việt Nam luôn tìm kiếm cơ hội, đề xuất hợp tác, liên doanh với Nga sản xuất tại Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghiệp mà Nga có thế mạnh như chế tạo máy, thiết bị vận chuyển, thiết bị năng lượng, luyện kim, khai thác mỏ... nhưng cho tới năm 2015, hợp tác Nga - Việt Nam về cơ bản vẫn chỉ kế thừa các dự án trước, đầu tư mới còn rất ít. Bên cạnh đó, đầu tư hai bên chủ yếu vẫn là các doanh nghiệp nhỏ và vừa với quy mô và nguồn vốn có hạn, do còn ngại khó, dè chừng rủi ro, chưa mạnh dạn đi sâu tìm hiểu nắm bắt thông tin, nhu cầu hợp tác, chưa tận dụng cơ hội, huy động nguồn vốn, vượt qua những rào cản về tâm lý để hợp tác với nhau một cách mạnh giạn. Phía Việt Nam chưa thực sự thu hút được vốn đầu tư của Nga vào các ngành kinh tế mũi nhọn và những ngành kinh tế chiến lược trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, như tin học, sản xuất ô tô, công nghệ vi sinh. Nguyên nhân một phần do công nghệ của Nga còn chưa đổi mới mạnh mẽ, hơn nữa Việt Nam chưa có biện pháp khuyến khích, thu hút giới doanh nhân Nga đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên và có lợi thế của Nga.

Hiện nay các công ty xuyên quốc gia và đa quốc gia đang ngày càng trở thành những chủ thể kinh doanh trên thị trường quốc tế. Trong khi đó ở Nga và Việt Nam đang có rất ít các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia của nhau hoạt động. Những công ty xuyên quốc gia nước ngoài hiện đang hoạt động ở Nga lại nhằm vào thị trường Nga, chưa để ý tới thị trường Việt Nam, ngược lại các công ty xuyên quốc gia hoạt động tại Việt Nam cũng chưa chú ý tới thị trường Nga.

Ngoài ra, Việt Nam có bộ phận khá đông đảo học sinh, sinh viên và người lao động, học tập và làm việc ở Nga, nhưng lực lượng này vẫn chưa thực sự trở thành cầu nối quan trọng trong việc giúp Đảng, Nhà nước có đường lối chiến lược phát triển kinh tế - đối ngoại sâu rộng với Nga. Thêm vào đó, tính kỷ luật, ý thức tổ chức, trình độ tay nghề, hiệu quả lao động của đội ngũ lao động người Việt Nam ở Nga chưa cao, làm cho phía các doanh nghiệp Nga không mấy thiện cảm trong việc sử dụng lao động Việt Nam. Về phía Chính phủ Việt Nam cũng chưa có chính sách ưu đãi đối với các chuyên gia cao cấp, các thương gia lớn của Nga hoạt động tại Việt Nam. Điều đó ít nhiều ảnh hưởng tới việc thúc đẩy sự phát triển quan hệ kinh tế - đối ngoại của Nga và Việt Nam.

Thấy rõ những hạn chế và nguyên nhân của nó mới có thể đề xuất những phương hướng, giải pháp khắc phục trong quan hệ hai nước, nhằm tăng cường đẩy mạnh quá trình hợp tác song phương giữa Nga - Việt Nam theo hướng nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi hợp tác, làm cho quan hệ hợp tác giữa hai nước đi vào chiều sâu, góp phần củng cố mối *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* giữa hai nước ngày càng phát triển.

4.2. Những điểm nổi bật trong quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015

Thứ nhất, quan hệ Nga - Việt Nam có lịch sử lâu dài, có nền tảng vững chắc được tạo lập từ quan hệ Liên Xô - Việt Nam

Mối quan hệ giữa Liên Xô/Nga - Việt Nam đến nay đã trải qua hơn nửa thế kỷ phát triển với nhiều thành tựu trên tất cả các lĩnh vực. Là hai nước trong hệ thống XHCN thế giới, quan hệ Liên Xô - Việt Nam được xây dựng trên tình đoàn kết quốc tế của hai dân tộc cùng có chung mục đích CNXH và lý tưởng XHCN, cùng phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Cùng với sự phát triển của cách mạng Việt Nam, và với sự phát triển của quan hệ hợp tác giữa Liên Xô và Việt Nam, nhân dân Liên Xô luôn dành cho nhân dân Việt Nam sự giúp đỡ vô tư và chí tình. Đối với phần lớn người dân Việt Nam, Liên Xô là một người bạn thủy chung với tình cảm chân thành, gắn bó. Nhiều người coi Liên Xô như Tổ quốc thứ hai của mình [121]. Sự ủng hộ, giúp đỡ quý báu về nhiều mặt của Liên Xô trong 40 năm (1950 - 1990) đã góp phần không nhỏ vào thành công của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất và xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam. Bốn mươi năm quan hệ đã tạo dựng được tình hữu nghị rất mực trong sáng, thủy chung, tin cậy và gắn bó keo sơn giữa nhân dân hai nước Liên Xô - Việt Nam. Các nhà lãnh đạo Liên Xô khẳng định: *"Tình hữu nghị Liên Xô - Việt Nam được xây dựng trên lợi ích và mục tiêu chung, trên nền tảng vững chắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và nghĩa vụ quốc tế xã hội chủ nghĩa"* [33, tr.584].

Quan hệ Nga - Việt Nam không chỉ được kế thừa của mối quan hệ hữu nghị thời kỳ trước là vũ khí, đạn dược, thuốc men, là các chuyên gia Liên Xô với tay nghề cao, là tiền bạc, là hệ thống cơ sở hạ tầng với nhiều công trình quan trọng… mà còn được hiểu biết thêm về văn hóa, về tinh thần của con người Liên Xô thấm sâu vào người dân Việt Nam. Điều này đã tạo ra cho Việt Nam sự tin tưởng lớn đối với Liên Xô trước đây và Nga ngày nay, vì thế mối quan hệ này ngày càng phát triển phù hợp với điều kiện lịch sử mới, phù hợp với lợi ích của hai dân tộc và xu thế thời đại.

Sau khi Liên Xô tan rã năm 1991, quan hệ Nga - Việt Nam kế thừa quan hệ Liên Xô - Việt Nam trước đó. Mối quan hệ giữa hai nước ngày càng khởi sắc. Đặc biệt với việc ký kết *Tuyên bố chung về thiết lập quan hệ đối tác chiến lược* giữa Việt Nam và Nga đã nâng mối quan hệ song phương giữa hai nước lên một mức độ mới về chất. Hai bên lấy mối quan hệ truyền thống, mà hạt nhân là sự tin cậy lẫn nhau làm nền tảng của quan hệ, kể cả sự phối hợp trong hoạt động đối ngoại; về kinh tế, dựa trên nguyên tắc

hai bên cùng có lợi; trong các lĩnh vực khác tiếp tục kế thừa và phát huy những mặt tốt của thời kỳ trước đây. Ngay khi V. Putin lên nắm quyền Tổng thống ở Liên bang Nga (2000), ông đã khẳng định: *"Thật ngu xuẩn nếu vứt bỏ đi quan hệ hữu nghị hợp tác truyền thống Việt - Xô. Quan hệ đó không chỉ đơn thuần là ý thức hệ, mà đằng sau đó là lợi ích chiến lược lâu dài của cả hai nước"* [14, tr.2]. Trong chuyến thăm Việt Nam vào tháng 11/2013, Tổng thống V. Putin khẳng định: *"Quan hệ Nga - Việt Nam đã lưu giữ được những giá trị tốt đẹp từ quá khứ, trong đó giá trị lớn nhất, đáng trân trọng nhất đó là sự tôn trọng lẫn nhau, là quan hệ truyền thống tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau, biết trân trọng sự giúp đỡ vô tư không hề vụ lợi của các đối tác thủy chung"* [108, tr.1].

Như vậy, với lịch sử lâu dài giữa hai nước như đã nói trên, có thể khẳng định quan hệ Nga - Việt Nam được xây dựng và phát triển trên nền tảng của tình hữu nghị gắn bó giữa hai dân tộc và đã được kiểm chứng qua những biến động của lịch sử. Đây chính là cơ sở và cũng là đặc điểm riêng biệt của quan hệ Nga - Việt Nam. Mối quan hệ này tiếp tục được củng cố và không ngừng phát triển quan hệ *đối tác chiến lược toàn diện*, phát huy truyền thống tương trợ và luôn ủng hộ lẫn nhau trong bất cứ hoàn cảnh nào, đó chính là nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân hai nước, góp phần bảo vệ hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực cũng như trên toàn thế giới.

Thứ hai, quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 là sự phát triển liên tục từ quan hệ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện

Sau những nỗ lực của lãnh đạo cấp cao hai nước, khởi đầu từ *Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị giữa Liên bang Nga và CHXHCN Việt Nam* được ký kết trong chuyến thăm Nga của Thủ tướng Võ Văn Kiệt (1994), đến *Tuyên bố chung Việt - Nga* nhân chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Trần Đức Lương (1998), vào 3/2001 *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa Liên bang Nga và CHXHCN Việt Nam* được ký kết nhân chuyến thăm chính thức Việt Nam của vị Nguyên thủ Quốc gia Liên bang Nga - Tổng thống V. Putin. Nếu như Hiệp ước năm 1994 đặt nền móng cho quan hệ Nga - Việt trong giai đoạn mới, *Tuyên bố chung* năm 1998 được xem là bước đệm thúc đẩy hai nước tiến tới thiết lập một khuôn khổ hợp tác mới, thì *Tuyên bố chung* năm 2001 là một mốc quan trọng, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ hợp tác Nga - Việt Nam. Từ quan hệ hữu nghị truyền thống, phát triển lên quan hệ *đối tác chiến lược* trên cơ sở tin cậy, bình đẳng, cùng có lợi. Đây chính là kết quả của sự nỗ lực to lớn giữa lãnh đạo hai bên. Trong *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến*

lược đã nêu rõ: *"Việt Nam và Liên bang Nga khẳng định quyết tâm tiếp tục củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống, sự hợp tác nhiều mặt trong thế kỷ XXI trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược đã được thiết lập giữa hai nước*"[13, tr.7]. Như vậy, quan hệ *đối tác chiến lược* giữa Nga và Việt Nam được xác lập trên cơ sở pháp lý vững chắc, đáp ứng mong muốn và lợi ích thiết thực của cả hai bên.

Sau hơn một thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, hai nước có nhiều nỗ lực to lớn trong việc triển khai mạnh mẽ mối quan hệ song phương cả về bề rộng lẫn bề sâu, quan hệ Nga - Việt Nam đã được nâng lên một tầm cao mới đó là từ *quan hệ đối tác chiến lược* (năm 2001), nâng lên *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện* (tháng 7/2012). Đây chính là cơ sở pháp lý đánh dấu bước phát triển của quan hệ hai nước, nhằm đạt được sự hợp tác hiệu quả, thực chất và thiết thực hơn trên mọi phương diện hợp tác, nhất là trên các lĩnh vực hợp tác hai bên chú trọng là kinh tế và an ninh - quốc phòng. Nếu như quan hệ *đối tác chiến lược* giữa Nga và Việt Nam được xác lập là quá trình tiếp nối, kế thừa quan hệ hữu nghị truyền thống Liên Xô - Việt Nam, thì quan hệ *đối tác chiến lược toàn diện* giữa Nga và Việt Nam được xác lập chính là kết quả của việc sau hơn 10 năm triển khai thực hiện đúng đắn những đường hướng chiến lược của quan hệ đối tác chiến lược do lãnh đạo hai nước vạch ra. Kể từ đó, quan hệ Nga - Việt Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ, mở rộng trên nhiều lĩnh vực hợp tác, từ chính trị, kinh tế, đến khoa học - công nghệ, an ninh - quốc phòng, văn hóa, giáo dục… Điều đó cũng thể hiện quyết tâm của lãnh đạo hai nước trong việc thực hiện có hiệu quả quan hệ *đối tác chiến lược*. Chủ tịch nước Việt Nam Trương Tấn Sang và Tổng thống Nga V. Putin khẳng định, *kể từ khi hai nước ký Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược năm 2001, quan hệ hợp tác giữa hai nước trên tất cả các lĩnh vực không ngừng được củng cố và tăng cường, kế thừa xứng đáng truyền thống hữu nghị và tương trợ giữa hai dân tộc. Hai bên nhất trí tiếp tục phát triển hơn nữa quan hệ Nga - Việt Nam trên tinh thần đối tác chiến lược toàn diện* [169].

Thực tế cho thấy, quan hệ hai nước đã có sự chuyển biến theo chiều hướng tích cực giữa hai thời kỳ. Các chuyến thăm cấp cao giữa hai nước từ năm 2012 - 2015 được triển khai với cường độ cao hơn, và nội dung đối thoại ngày càng sâu sắc, phong phú. Phạm vi hợp tác toàn diện trên mọi lĩnh vực và ngày càng đi vào cụ thể, thiết thực hơn. Các lĩnh vực như kinh tế, điện hạt nhân, khai thác dầu khí và kỹ thuật quân sự được ưu tiên trong quan hệ hợp tác giữa hai nước từ khi hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện.

Sau khi thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, trong các cuộc tiếp xúc giữa lãnh đạo cấp cao hai nước đã triển khai nhiều nội dung nhằm đưa quan hệ Nga - Việt Nam phát triển toàn diện về mọi mặt, đặc biệt là kinh tế. Trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Nga V. Putin (năm 2013), hai nước đã ký *Tuyên bố chung về tiếp tục tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Liên bang Nga - CHXHCN Việt Nam*, trong đó khẳng định *"tính đúng đắn của việc nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước lên mức toàn diện"* và *"nhất trí phấn đấu nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên 7 tỷ vào năm 2015 và 10 tỷ vào năm 2020",* đồng thời bày tỏ quyết tâm đẩy nhanh, kết thúc đàm phám thành công FTA giữa Việt Nam và các quốc gia thành viên Liên minh Hải quan [18, tr.4]. Sau khi thiết lập Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, hai nước đã đẩy nhanh việc tìm kiếm và cụ thể hóa các khả năng mới về chất nhằm thúc đẩy thương mại hai chiều, bao gồm thông qua biện pháp đa dạng hóa và tự do hóa thương mại. Thực tế qua 2 năm đàm phán với 8 phiên họp chính thức và nhiều phiên họp giữa kỳ kể từ khi khởi động vào tháng 3/2013, ngày 29/5/2015, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu đã được ký kết. Hiệp định này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam và Liên minh trong việc khai thác các ưu đãi thương mại, đầu tư mà hai bên dành cho nhau, góp phần tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và các nước thành viên Liên minh.

Hai nước cũng nhận thấy tiềm năng to lớn của hợp tác địa phương, đặc biệt giữa các vùng thuộc vùng Xibêri và Viễn Đông của Nga với các tỉnh và thành phố lớn của Việt Nam. Việc khai thác tiềm năng này sẽ góp phần tăng cường hợp tác thương mại - đầu tư và xã hội nhân văn giữa hai nước trên các hướng ưu tiên. Điều này đã được triển khai trong chuyến thăm chính thức Liên bang Nga vào tháng 11/2014 của Tổng Bí thư ĐCS Việt Nam Nguyễn Phú Trọng.

Thành tựu đạt được trên lĩnh vực kinh tế cũng cho thấy quan hệ Nga - Việt Nam không chỉ thể hiện trên các hình thức hợp tác mà thực tế giai đoạn quan hệ *đối tác chiến lược toàn diện* đã phát triển cao hơn giai đoạn *đối tác chiến lược*. Giá trị xuất nhập khẩu tăng lên qua các năm. Năm 2001 đạt 571,287 triệu USD, đến năm 2013 là gần 2,8 tỷ USD. Về đầu tư, Nga có 42 dự án đầu tư vào Việt Nam (năm 2005), tăng lên 106 dự án (năm 2015). Quy mô trung bình các dự án trước khi xác lập quan hệ đối tác toàn diện dao động từ 5,0 - 12,0 triệu USD/dự án, trong khi đó, sau khi hai nước ký *Tuyên bố chung* năm 2012, giao động từ 12,0 - 24,0 triệu USD/dự án. Chiều ngược lại,

Việt Nam đầu tư vào Nga cũng có chiều hướng gia tăng. Năm 2005, Việt Nam có 11 dự án đầu tư; Đến năm 2015, Việt Nam có 19 dự án [120]. Từ kết quả trên, chứng tỏ quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước ở hai thời kỳ có sự chuyển biến tích cực khá rõ, giai đoạn sau phát triển cao hơn giai đoạn trước.

Đánh giá về tổng thể lịch sử quan hệ Nga - Việt Nam, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã viết: *"Quan hệ giữa Việt Nam và Nga có bề dày lịch sử hơn 60 năm dựa trên nền tảng vững chắc là quan hệ hữu nghị truyền thống và tương trợ lẫn nhau. Với mục tiêu phát triển hợp tác trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ, an ninh - quốc phòng, văn hóa, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân hai nước, Việt Nam và Nga đã chính thức trở thành đối tác chiến lược của nhau năm 2001 và đối tác chiến lược toàn diện năm 2012. Trên nền tảng vững chắc đó, hợp tác song phương ngày càng phát triển toàn diện, được đẩy mạnh cả về chiều sâu và bề rộng. Quan hệ chính trị có độ tin cậy cao, hợp tác nhân văn không ngừng được mở rộng"* [111]. Còn Tổng thống V. Putin trong bài viết *Nga và Việt Nam cùng nhau đi tới những chân trời hợp tác mới* nhận định: "*Tình hữu nghị giữa Nga và Việt Nam đã vững vàng vượt qua được những thử thách từ nhiều sự kiện bi thương của thế kỷ XX cũng như những biến đổi kỳ vĩ trên thế giới và ở hai đất nước chúng ta. Nhưng có một điều còn tồn tại mãi mãi và không bao giờ thay đổi: Đó là quan hệ tôn trọng lẫn nhau, là truyền thống tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau. Là biết trân trọng sự giúp đỡ vô tư không vụ lợi của những đối tác không khi nào phản bội nhau*" [124].

Như vậy, quan hệ Liên Xô - Việt Nam trước đây là mối quan hệ mang tính chất đồng minh chiến lược trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, được đánh dấu với Hiệp định Hòa bình, Hữu nghị và hợp tác (1978). Đến năm 2001, quan hệ Nga - Việt Nam được nâng lên *quan hệ đối tác chiến lược*, và đến năm 2012 phát triển thành *đối tác chiến lược toàn diện*. Quá trình phát triển đó chính là sự thay đổi lớn về chất trong lịch sử quan hệ giữa hai nước Nga và Việt Nam. Đó cũng chính là sự thay đổi từ viện trợ là chính ở thời kỳ Liên Xô, sang mối quan hệ hợp tác toàn diện, trên cơ sở quan hệ truyền thống tin cậy, tôn trọng lẫn nhau.

Thứ ba, quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 dựa trên cơ sở tin cậy lẫn nhau, đôi bên cùng có lợi.

Khác với giai đoạn trước, nếu như quan hệ Liên Xô - Việt Nam dựa trên cơ sở ý thức hệ cộng sản thì quan hệ Nga - Việt Nam được thay thế bằng nguyên tắc tin cậy lẫn nhau và hai bên cùng có lợi. Nguyên Tổng thống và Thủ tướng Nga D. Medvedev đánh

giá: *"Nga và Việt Nam là những người bạn thân thiết và là đối tác chiến lược của nhau"*. Tiến sỹ Gregory Lokshin, nhà Việt Nam học, chuyên gia phân tích chính trị quốc tế người Nga nhận xét về tính chất của mối quan hệ Nga - Việt Nam hiện nay: *"Đó tuyệt nhiên không phải là liên minh quân sự. Đó là sự phối hợp hành động chung, thống nhất nỗ lực chung theo những mục tiêu xây dựng phát triển chung, tìm ra giải pháp cho những vấn đề chung, cùng đối phó với những thách thức chung của thời đại"* [164, tr.17].

Thực tế trong hai thập niên vừa qua chứng minh rõ điều này. Các cuộc gặp cấp cao của lãnh đạo hai nước đã thường xuyên diễn ra (từ năm 2001 đến nay, Tổng thống V. Putin đã thăm Việt Nam 3 lần, nguyên Tổng thống và nay là Thủ tướng Nga D. Medvedev đã thăm Việt Nam 2 lần, còn các nhà lãnh đạo ở các cấp khác nhau của cả hai nước thường xuyên gặp nhau để trao đổi về tình hình hợp tác và bàn những biện pháp nhằm đẩy nhanh sự hợp tác hơn nữa. Riêng hai Bộ Ngoại giao của hai nước có cơ chế gặp nhau thường xuyên hàng năm ở cấp Thứ trưởng Ngoại giao để trao đổi về những vấn đề chiến lược và phối hợp hoạt động trên trường quốc tế. Nga và Việt Nam luôn ủng hộ xu hướng phát triển tích cực trên thế giới nhằm xây dựng một trật tự thế giới dựa trên công lý, bình đẳng và hợp tác cùng có lợi giữa các quốc gia. Cả hai nước cùng ủng hộ xây dựng một thế giới đa cực, chống lại nỗ lực áp đặt, cách tiếp cận đơn phương về các vấn đề quốc tế. Việt Nam và Nga có sự thống nhất cao về sự cần thiết để thực hiện các nguyên tắc tập thể trong giải quyết mọi tình huống khủng hoảng và xung đột, lên án phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, khủng bố quốc tế, tội phạm có tổ chức, chủ nghĩa cực đoan chính trị và tôn giáo, buôn bán ma túy và vi phạm nhân quyền. Hai nước cũng hợp tác chặt chẽ trong các vấn đề về môi trường, hay các vấn đề nhân quyền, dân chủ. Hệ thống những Hiệp định và văn kiện được ký kết trong quan hệ hợp tác song phương Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến 2015 thông qua các chuyến thăm viếng cấp cao còn cho thấy quan hệ hai nước mang tính bình đẳng, cùng có lợi.

Quan hệ hợp tác lâu dài giữa hai nước tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các dự án quy mô lớn, các dự án chiến lược quan trọng, cho phép và khuyến khích hai bên mạnh dạn đầu tư các nguồn lực vật chất và tài chính cần thiết để duy trì tốc độ tăng trưởng cao, sự phát triển bền vững của toàn bộ các lĩnh vực quan hệ, nhất là quan hệ kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật và an ninh - quốc phòng. Cơ chế của quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước Nga và Việt Nam cũng được thay đổi một cách căn bản, từ cơ chế xin - cho, một chiều từ phía Liên Xô trước đây, thì nay là bình đẳng, cùng có lợi. Cơ chế này phù hợp với bối cảnh mới, mở ra triển vọng lớn, tạo điều

kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp của cả hai nước đầu tư vào nhau để hai bên cùng phát triển, cùng có lợi. Cơ chế này đã vận hành có hiệu quả, điển hình là trong lĩnh vực dầu khí, khi Việt Nam đã mạnh dạn đầu tư vào khai thác một số mỏ dầu ở vùng Siberia của Nga. Các doanh nghiệp và công ty liên doanh dầu khí hai nước đã hoạt động có hiệu quả, trong đó Liên doanh Vietsovpetro giữ vai trò đầu tàu trong hợp tác sản xuất. Nga và Việt Nam tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp và công ty liên doanh Nga - Việt Nam, như Liên doanh Rusvietpetro, Vietsovpetro, Gazpromviet và Vietgazprom, TNK- BP Management, Lukoil Overseas, mở rộng các khu vực thăm dò và khai thác dầu khí ở Việt Nam, Nga và các nước thứ ba. Hai bên tiếp tục tăng cường hợp tác trong lĩnh vực thăm dò khai thác dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế, trước hết là Công ước về Luật Biển năm 1982 [169].

Đối với Nga, nhận thấy tăng cường hợp tác nhiều mặt vơi Việt Nam sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Nga. Trước hết, với uy tín và vai trò ngày càng tăng của Việt Nam ở khu vực cũng như trên thế giới, Việt Nam sẽ trở thành "cầu nối" giúp Nga thực hiện hiệu quả chính sách CA - TBD. Đối với Việt Nam, củng cố và tăng cường quan hệ với Nga mang lại nhiều thuận lợi cho Việt Nam trên phương diện quốc tế cũng như với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước của Việt Nam. Ngoài đạt được lợi ích chính trị trong việc cân bằng quan hệ chiến lược với các nước lớn, đảm bảo an ninh chiến lược thì môi trường quốc tế còn tạo cơ hội thuận lợi cho Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chúng ta cũng nhận thấy rằng, sự tin cậy, bình đẳng, đôi bên cùng có lợi trong quan hệ hợp tác Nga - Việt Nam còn được thể hiện trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo. Liên Xô trước đây, và nước Nga hiện nay vẫn là đối tác đáng tin cậy nhất của chúng ta trong việc cung cấp những phương tiện cần thiết, kể cả tầu ngầm, để bảo đảm an ninh cho Việt Nam. Đồng thời, cũng chính nước Nga sẵn sàng hợp tác với Việt Nam trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ mới như xây dựng nhà máy điện nguyên tử đầu tiên ở Việt Nam, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học Việt Nam có trình độ cao để có thể tự quản lý, điều hành những cơ sở quan trọng tầm quốc gia và quốc tế này. Ngoài ra, lãnh đạo hai nước ghi nhận sự đóng góp to lớn của các công dân Việt Nam đang làm việc và học tập tại Nga và công dân Nga đang làm việc và học tập tại Việt Nam vào việc duy trì và tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện giữa hai nước, hai dân tộc. Cộng đồng này còn là cầu nối tự nhiên cho việc mở rộng không ngừng các mối quan hệ giữa hai dân tộc, là

những người tham gia tích cực vào việc thực hiện có hiệu quả các lĩnh vực hợp tác, trước hết là giao lưu văn hóa và hữu nghị giữa hai nước. Trong chuyến thăm Liên bang Nga, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng (11/2014) đã khẳng định sự tồn tại khách quan, bền chắc và hiệu quả của mối quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga được thực hiện từ đầu thế kỷ 21 đến nay, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu mới của sự hợp tác này cho các giai đoạn tiếp theo, trên cơ sở đó khắc phục những khó khăn, tồn tại, nhất là trong lĩnh vực hợp tác kinh tế nhằm thực hiện hiệu quả hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Nga. Đây là nhu cầu và đòi hỏi cấp thiết của thực tế ở mỗi nước, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

Như vậy, từ yêu cầu phát triển và lợi ích mỗi nước, Nga và Việt Nam đã gặp nhau tại một điểm, thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ toàn diện, hoạt động chủ yếu dựa trên các lợi ích quốc gia lâu dài của cả hai bên. Quan hệ hợp tác Nga - Việt Nam gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của hai nước, phục vụ mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam và công cuộc hiện đại hóa nước Nga; đồng thời, tăng cường khả năng quốc phòng cũng như vị thế quốc tế của mỗi nước.

Thứ tư, quan hệ chính trị ổn định, nhưng hiệu quả quan hệ kinh tế giữa Nga và Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng và tầm quan hệ đối tác chiến lược toàn diện của hai nước.

Từ năm 2001 đến nay, quan hệ Nga - Việt Nam được nâng tầm từ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện, ngày càng phát triển một cách toàn diện và thực chất, đi vào chiều sâu, đáp ứng nhu cầu của hai nước, phù hợp với xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển của thời đại ngày nay. Có được kết quả này là do nỗ lực của cả hai nước trong việc gìn giữ, vun đắp cho quan hệ ngày càng phát triển. Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy rằng, giữa hai nước thường xuyên diễn ra các cuộc thăm viếng, tiếp xúc, đối thoại cấp cao, trên cơ sở tin cậy lẫn nhau với nhiều văn bản, hiệp định được ký kết, song trên thực tế việc triển khai thực hiện ở các cấp, các ngành và các địa phương diễn ra với các mức độ khác nhau, cơ bản là các hiệp định, hợp đồng chậm được cụ thể hóa để thực hiện, nên hiệu quả còn hạn chế.

Trong chương trình nghị sự các cuộc trao đổi giữa lãnh đạo cấp cao hai nước, kinh tế luôn là nội dung chiếm vị trí ưu tiên hàng đầu, vì Nga và Việt Nam đang nỗ lực nhằm tăng cường phát triển quan hệ kinh tế. Trong *Tuyên bố chung Nga - Việt Nam* năm 2012 khẳng định: *"Hai bên nhất trí đẩy mạnh hợp tác toàn diện Việt - Nga trên cơ sở phát huy thế mạnh và khả năng của mỗi nước, chú trọng đặc biệt vấn đề phát*

triển hợp tác trong lĩnh vực kinh tế - thương mại… không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác… tìm phương thức giải quyết hiệu quả nhất cho những vấn đề còn tồn tại" [13]. Tuy nhiên, trên thực tế KNTM hai chiều chưa tương xứng với quy mô nền kinh tế và tiềm năng hiện có của hai bên. Trong khi đó, hợp tác trên lĩnh vực kinh tế ngày càng trở nên quan trọng, bởi nó vừa tạo nên sự đan xen lợi ích, vừa là cơ sở thúc đẩy quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực khác. Do vậy, nếu quan hệ kinh tế giữa Nga và Việt Nam phát triển tích cực hơn nữa thì tính chất của mối quan hệ *đối tác chiến lược toàn diện* sẽ thể hiện rõ ràng hơn trong quan hệ song phương và trong các tổ chức quốc tế mà hai nước là thành viên. Trong giai đoạn 2001 - 2015, năm 2013, KNTM hai chiều Nga - Việt Nam đạt gần 2,8 tỷ USD, năm 2014, đạt gần 2,6 tỷ USD. Những con số này được coi là tín hiệu đáng mừng trong quan hệ hợp tác thương mại giữa Nga và Việt Nam, nhưng là những con số rất nhỏ nếu so sánh với con số tương ứng KNTM hai chiều Nga - Mỹ là 29,1 tỷ USD, Nga - Trung Quốc là 100,0 tỷ USD, Nga - Hàn Quốc đạt 26,0 tỷ USD; hoặc có thể so sánh quan hệ thương mại Việt Nam - Mỹ đạt gần 35,0 tỷ USD; Việt Nam - Trung Quốc đạt 58,6 tỷ USD; Việt Nam - Hàn Quốc đạt 28,8 tỷ USD [125]. Qua đó thấy rằng giá trị thương mại giữa Nga và Việt Nam kém xa rất nhiều so với các đối tác khác của hai nước trong khu vực.

Mục tiêu hai nước đề ra phát triển KNTM hai chiều vào năm 2015 là 7,0 tỷ USD, nhưng trên thực tế còn thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu, chỉ mới đạt gần 2,2 tỷ USD, mới chiếm một phần nhỏ trong thương mại của Việt Nam với các đối tác thương mại khác như với Trung Quốc đạt hơn 66,0 tỷ USD, với Mĩ đạt 41,5 tỷ USD và với EU đạt 41,2 tỷ USD [180].

Về đầu tư của Nga vào Việt Nam năm 2014 mới chỉ đạt 97 dự án, số vốn đăng ký là 2,3 tỷ USD, trong khi đó, cũng là một đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam, Trung Quốc có 1.180 dự án với số vốn 8,5 tỷ USD đầu tư vào Việt Nam; Đầu tư của Mỹ vào Việt Nam 729 dự án, với số vốn đăng ký là 11,0 tỷ USD; Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn nhất trong tổng các nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam với 4.777 dự án, với số vốn đăng ký là 43, 64 tỷ USD [32].

Về phía Việt Nam, Nga tuy là thị trường đứng thứ hai trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài của Việt Nam, nhưng so với tổng vốn FDI của Nga, đầu tư của Việt Nam vào Nga hiện còn rất khiêm tốn, với 19 dự án với tổng số vốn là gần 2,5 tỷ USD [32].

Qua đó cho thấy, mặc dù quyết tâm chính trị là rất lớn (Nga là cường quốc đầu tiên xác định quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam vào tháng 3/2001) nhưng hiệu

quả hợp tác thực tế chưa đạt tầm với mục tiêu chính trị đề ra. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan từ hai phía, nhưng cơ bản nhất vẫn do sự điều chỉnh mục tiêu đối ngoại của mỗi nước với nhau. Như đã phân tích trên, Nga và Việt Nam do chưa thực sự coi nhau là đối tác ưu tiên hàng đầu, mà Nga ưu tiên phát triển quan hệ kinh tế với Mỹ, các nước tư bản phương Tây và các nền kinh tế lớn. Điều này làm giảm đáng kể mối quan tâm của Nga đối với phương Đông và các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Còn Việt Nam, cũng đang hướng về các thị trường tiềm năng ở Tây Âu, Mỹ và các quốc gia ĐNA, nên đã hạn chế cán cân thương mại Nga - Việt Nam. Đây chính là nguyên nhân quan trọng dẫn đến quan hệ kinh tế Nga - Việt Nam chưa xứng tầm với khuôn khổ quan hệ *đối tác chiến lược toàn diện* mà hai nước đã xác lập, chưa phát huy tính hiệu quả trong việc khai thác tiềm năng và lợi thế của hai bên, mà trước hết là lợi thế của mỗi quan hệ hữu nghị truyền thống Liên Xô - Việt Nam đã có trước đây.

4.3. Tác động của quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam

4.3.1. Đối với Nga

** Về chính trị:* Trong suốt gần một thập niên, dưới thời cầm quyền của Tổng thống B. Yeltsin, nước Nga hầu như không có liên kết với phương Đông. Sự vắng mặt của Nga trong các diễn đàn đa phương ở khu vực CA - TBD đã khiến ảnh hưởng của Nga với khu vực này hầu như không còn nữa. Vậy nên, các nỗ lực quay lại CA - TBD trong chiến lược cân bằng Đông - Tây trở nên cần thiết hơn bao giờ hết, nhất là trong bối cảnh Mỹ và Tây Âu đang triển khai mạnh mẽ sự có mặt của họ tại khu vực phát triển năng động này. Với vị thế quan trọng ở khu vực, Việt Nam rõ ràng là yếu tố cần thiết trong chính sách CA - TBD của Nga. Tư cách là đồng minh truyền thống với Việt Nam ở khu vực ĐNA thời kỳ 1950 - 1991, Nga có lợi thế nối lại quan hệ với Việt Nam, từ đây Nga có thể thâm nhập sâu hơn vào ĐNA và châu Á. Sự có mặt của Nga ở khu vực này không chỉ đảm bảo lợi ích kinh tế mà còn có ý nghĩa chiến lược trong việc củng cố an ninh chính trị tầm xa ở phần Đông Nam của Nga, đồng thời góp phần làm tăng vị thế của Nga ở CA - TBD và trên thế giới.

Bước sang thế kỷ XXI, ĐNA trở thành một trong những khu vực địa - chính trị, địa - quân sự, địa - kinh tế quan trọng của thế giới. Với sự gia tăng ảnh hưởng chính trị, cùng với vai trò hàng đầu trong sự liên kết lực lượng mới đang nổi lên, khiến ĐNA trở thành "vùng đệm" vô cùng quan trọng trong chiến lược kiềm chế lẫn nhau của các nước lớn. Do vậy, sự trở lại ĐNA của Nga là một chiến lược tất yếu, có tác động đa chiều và trực tiếp tới cục diện khu vực. Trong mục tiêu phát triển quan

hệ với ĐNA, Nga luôn xem trọng vai trò "cầu nối" của Việt Nam. Tuy chưa có thực lực kinh tế lớn, không phải là đối tác kinh tế ưu tiên hàng đầu của Nga tại khu vực CA - TBD, nhưng nếu xét tới các yếu tố chính trị, kinh tế và trong tính toán chiến lược của Nga đối với khu vực ĐNA, thì Việt Nam vẫn là một đối tác quan trọng có thể giúp Nga trở lại khu vực này một cách thuận lợi. Việt Nam nằm trên vị trí quan trọng ở ĐNA, từ Việt Nam có thể kiểm soát các tuyến đường hàng hải và hàng không huyết mạch đi qua khu vực Biển Đông. Mặc dù Biển Đông không tiếp giáp trực tiếp với Nga, nhưng do yêu cầu chiến lược nên Nga có sự ràng buộc về lợi ích quân sự, kinh tế, an ninh, chính trị tại đây [136, tr.57]. Vì thế, Nga nhận thấy trong chính sách chiến lược của mình trên con đường thực thi chính sách CA - TBD, Việt Nam có một số thế mạnh hơn các nước ĐNA khác mà Nga có thể tận dụng để phục hồi kinh tế và nâng cao vị thế tại khu vực. Nga coi Việt Nam là điểm xuất phát tốt nhất để từ đó Nga có thể vươn ra xa hơn ở khu vực, hợp tác sâu rộng hơn giữa lúc Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc cũng đang có ảnh hưởng đối với khu vực này. Ở khía cạnh cân bằng lợi ích với các cường quốc khác, Việt Nam đóng vai trò quan trọng do những đặc thù lịch sử mà không phải quốc gia nào cũng có. Việt Nam là láng giềng thân thiện của Trung Quốc, là đối tác của Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, EU và là thành viên của nhiều tổ chức sáng kiến khu vực. Do vậy, trong khi quan hệ với ASEAN còn hạn chế thì thông qua quan hệ với Việt Nam, Nga sẽ tiếp cận hiệu quả hơn với tổ chức này. Ngoài ra, mối quan hệ đặc thù với Trung Quốc và Mỹ của Việt Nam cũng sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với Nga.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh hợp tác với Việt Nam cũng mang lại cơ hội cho Nga trong việc gia tăng tiếp cận đối với các cơ chế hợp tác mở trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự ở khu vực CA - TBD và ĐNA. Mặt khác, Việt Nam là thành viên tích cực của ASEAN và là thành viên APEC, do đó sự gia tăng hợp tác với khu vực (thông qua Việt Nam) sẽ tạo ra cơ hội thuận lợi đối với sự phát triển quan hệ đa phương của Nga. Việt Nam giữ vai trò điều phối viên, nên Nga nhận được sự ủng hộ khi tham gia vào các diễn đàn ở khu vực CA - TBD như ASEM, diễn đàn Cấp cao Đông Á, cũng như thúc đẩy hơn nữa cơ chế đối thoại Nga - ASEAN.

Như vậy, rõ ràng việc thúc đẩy quan hệ với người bạn truyền thống Việt Nam là mục đích quan trọng trong chiến lược giành lại và phát huy vai trò cường quốc của Nga.

* *Về kinh tế:* Chính sách đối ngoại của Nga hiện nay phát triển theo hướng "cân bằng Đông - Tây", ưu tiên hợp tác với các nước trong khu vực CA - TBD, trong đó

chú ý đến các bạn bè truyền thống ở ĐNA, đặc biệt là Việt Nam. Trong bối cảnh có nhiều khó khăn trong quan hệ với các nước phương Tây vào đầu thế kỷ XXI thì việc đẩy mạnh và tăng cường phát triển hợp tác kinh tế với Việt Nam giúp Nga thúc đẩy và gia tăng lợi ích, tầm ảnh hưởng của mình trên tất cả các lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi trong việc hỗ trợ Nga hội nhập thực sự vào khu vực CA - TBD. Lợi ích kinh tế đóng vai trò thực chất thúc đẩy Nga triển khai hợp tác kinh tế với các nước CA - TBD. Với sự phát triển mạnh mẽ về nhu cầu năng lượng (chiếm 2/3 nhu cầu năng lượng thế giới), châu Á có tiềm năng trở thành bạn hàng lớn của Nga trong lĩnh vực nguyên liệu thô và năng lượng, đa dạng hoạt động của các tập đoàn dầu khí trong nước, giảm chi phí sản xuất.

Bên cạnh đó, Nga cũng có ưu thế trong lĩnh vực công nghệ cao, kỹ thuật hàng không vũ trụ và đóng tàu, nên Nga có ý định thông qua hợp tác đầu tư xuyên biên giới để thúc đẩy khả năng tạo dựng khung hành lang vận tải Á - Âu. Khu vực này tiếp giáp biên giới với Nga, do vậy nó vẫn là khu vực có lợi ích quan trọng đối với Nga trong tương lai gần. Trong xu hướng vận động đó thì Nga luôn coi trọng thúc đẩy và phát triển mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt với Việt Nam, đặc biệt là phát triển kinh tế là một trong những vấn đề then chốt. Nga coi Việt Nam là đối tác chiến lược trong khu vực ĐNA, chính phủ Nga cũng đã hoạch định những chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư giữa hai nước.

Nga và Việt Nam là hai thị trường có thể bổ sung các mặt hàng cho nhau. Việt Nam luôn là thị trường tiêu thụ các mặt hàng xuất khẩu của Nga, như nguyên, nhiên, vật liệu, bao gồm: phân bón, sắt thép, xăng dầu, máy móc thiết bị, dụng cụ và phụ tùng, than đá... Thêm vào đó, quá trình tiến hành công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, cùng với chính sách đối ngoại rộng mở của Việt Nam rất phù hợp với lợi ích của Nga. Việt Nam trở thành một thị trường tiêu thụ đầy tiềm năng đối với các sản phẩm của ngành công nghiệp nặng, công nghiệp quốc phòng và máy móc thiết bị của Nga. Hơn nữa, Việt Nam còn là thị trường cung cấp hàng tiêu dùng, thực phẩm rau quả nhiệt đới cho Nga và khu vực Viễn Đông, Siberia và có nhiều mối quan hệ với nhiều đối tác kinh tế trong vùng. Tăng cường quan hệ với Việt Nam hoàn toàn có lợi cho nhu cầu mở rộng quy mô mậu dịch của Nga, nhất là khi Nga phải đối mặt với tình trạng nhân công giá thành cao (chủ yếu do tình trạng già hóa dân số), khan hiếm hàng hóa tiểu - thủ công nghiệp giá rẻ, điều này Việt Nam hoàn toàn đủ khả năng cung cấp một cách hiệu quả cho Nga.

Mặt khác, hai nước có sự hợp tác nhiều mặt lâu dài và hiệu quả trong các lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí, điện năng, khoa học - công nghệ, kỹ thuật quân sự… Việc hợp tác trong các lĩnh vực này đem lại cho Nga lợi ích kinh tế không nhỏ. Việt Nam là nơi duy nhất mà ngành dầu khí của Nga có thể cạnh tranh mạnh được với các nước phương Tây và đưa lại nhiều hiệu quả. Hơn nữa, trong khi Nga vẫn chưa đủ khả năng để thâm nhập vào các thị trường mới, đặc biệt là các nước công nghiệp phát triển, thì Nga vẫn có vai trò khá quan trọng trong những ngành kinh tế then chốt ở Việt Nam. Việt Nam là một trong số ít những thị trường trên thế giới mà máy móc và công nghệ Nga còn duy trì được khả năng cạnh tranh, nhất là trong ngành thủy điện. Bề dày kinh nghiệm hợp tác của thời kỳ Liên Xô - Việt Nam là điều kiện tốt nhất để phát triển kinh tế Nga - Việt Nam trong thời kỳ mới. Đồng thời, Việt Nam cũng là nơi có hàng ngàn chuyên gia, kỹ thuật viên tay nghề cao, và các nhà quản lý nhà nước, kinh tế được đào tạo tại Nga trong thời kỳ Liên Xô tước đây. Đó là điều rất thuận lợi mà Nga không thể có được trong quan hệ với các nước ĐNA khác.

Như vậy, sự hợp tác có hiệu quả với Việt Nam mang lại nguồn lợi lớn về kinh tế đối với Nga, đó cũng chính là động lực để phát triển hợp tác toàn diện trên mọi lĩnh vực trong quan hệ Nga - Việt Nam trong bối cảnh mới.

** Về một số lĩnh vực khác:*

Ngoài vai trò "cầu nối" giúp Nga thâm nhập vào khu vực ĐNA, Việt Nam còn giữ thế mạnh trong vai trò "cầu nối văn hóa" giữa Nga với khu vực ĐNA. Việt Nam là một quốc gia có nền văn hóa phương Đông đặc thù, lại được thụ hưởng dấu ấn văn hóa Nga sâu sắc, nên hơn ai hết, Việt Nam có nhiều thuận lợi trong việc dẫn dắt Nga tiến gần hơn nữa văn hóa phương Đông. Ngược lại, Việt Nam cũng có thể phổ biến các giá trị văn hóa Nga ở ĐNA, làm cho các quốc gia ở ĐNA hiểu biết nhiều hơn về văn hóa Nga, tạo điều kiện thuận lợi để Nga tiếp cận với ĐNA. Điều này đồng nghĩa với sự gia tăng ưu thế vai trò "cầu nối" của Việt Nam. Mặt khác, tăng cường quan hệ chính trị, kinh tế giữa Nga - Việt Nam cũng tạo điều kiện cho văn hóa Nga được lan tỏa trong nhân dân Việt Nam, làm tăng cường sự hiểu biết về văn hóa xã hội giữa hai nước, thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai nước trên các lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, quan hệ hợp tác chính trị, kinh tế giữa hai nước Nga và Việt Nam đã để lại tác động không nhỏ tới hai nước trong việc hướng tới giáo dục thế hệ trẻ biết trân trọng và vun đắp cho mối quan hệ truyền thống, tốt đẹp giữa Nga và Việt Nam. Đây cũng chính là cơ hội mở ra cho thế hệ trẻ của hai nước tăng cường giao lưu, học hỏi, hiểu biết lẫn nhau.

Hơn nữa, quan hệ kinh tế giữa Nga và Việt Nam sẽ giải quyết được nguồn nhân công đang thiếu hụt tại nước Nga, với mức chi trả lương thấp, không chỉ thu lại nguồn lợi nhuận lớn hơn (do lợi thế trong thỏa thuận hợp tác) mà còn giải quyết được một khâu quan trọng về các mặt hàng thủ công dân dụng mà đến nay ở mức độ nào đó Nga không tiếp tục sản xuất được nữa [46, tr.27].

Ngoài những tác động tích cực nêu trên, cũng phải thấy rằng quan hệ Nga - Việt Nam cũng ảnh hưởng đến quan hệ giữa Nga với một số nước khác ở châu Á, nhất là với Trung Quốc. Đặc biệt trong vấn đề Biển Đông, phát triển quan hệ thân thiết với Việt Nam sẽ làm Nga khó xử trong việc thể hiện lập trường ủng hộ Trung Quốc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông. Mặc dù Trung Quốc đã và đang có những hành động làm thay đổi nguyên trạng ở Biển Đông, trực tiếp đe dọa đến chủ quyền, an ninh và lợi ích chính đáng của Việt Nam, nhưng vì cả Việt Nam và Trung Quốc đều là hai đối tác đang mang lại những lợi ích riêng đối với Nga. Nên khi đứng giữa hai mối quan hệ Nga - Trung Quốc và Nga - Việt Nam, thì Nga khó thể hiện thái độ rõ ràng ủng hộ ai. Thực tế đã cho thấy, Nga mới chỉ đề nghị các bên tranh chấp kiềm chế, không làm phức tạp hóa, quốc tế hóa "vấn đề Biển Đông" và phản đối sự tham gia của nước thứ ba không có tranh chấp trong việc giải quyết vấn đề này.

Mặt khác, Việt Nam đang là nước nghèo, kinh tế chưa phát triển, trình độ khoa học công nghệ còn thấp hơn so với các đối tác khác có quan hệ với Nga, vì thế phát triển quan hệ với Việt Nam không đem lại hiệu quả kinh tế lớn cho phía Nga.

4.3.2. Đối với Việt Nam

* *Về chính trị:* Chính sách đối ngoại của Việt Nam từ thập niên đầu của thế kỷ XXI là: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực... đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững [58, tr.235]. Với tinh thần đó, Việt Nam chủ trương không ngừng củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và sự hợp tác nhiều mặt với Nga, coi đó là một ưu tiên trong đường lối đối ngoại của Việt Nam. Bởi lẽ, quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ đòi hỏi phải có vốn và công nghệ cao, mà Nga là một trong những nước có thực lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, có

ảnh hưởng chính trị sâu rộng, tiềm năng phát triển về khoa học - công nghệ cao, có thể đáp ứng được những nhu cầu của Việt Nam được trong bối cảnh mới. Như vậy, đẩy mạnh quan hệ với Nga, Việt Nam tiếp tục có lợi ích lâu dài phục vụ cho các mục tiêu phát triển trong nước cũng như mục đích đối ngoại ở khu vực và trên trường quốc tế. Quan hệ song phương Nga - Việt Nam phát triển tốt sẽ thúc đẩy quan hệ hợp tác đa phương mà hai nước là thành viên và tăng cường xu thế liên kết ở khu vực.

Xét về mức độ, vị thế và thực lực sức mạnh trên các lĩnh vực của Việt Nam so với Nga còn chênh lệch khá lớn, nên củng cố và đẩy mạnh quan hệ song phương với Nga tạo cơ hội phát triển có lợi cho Việt Nam trên mọi phương diện. Trước hết, phát triển quan hệ tốt đẹp với Nga, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam trong cân bằng quan hệ với các nước lớn, từ đó làm gia tăng vị thế quốc tế của Việt Nam trong khu vực cũng như trên thế giới. Mặt khác, thúc đẩy quan hệ với Nga sẽ mở rộng thị trường thương mại và nâng cao khả năng hội nhập mọi mặt với thế giới của Việt Nam. Với tinh thần Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, Việt Nam luôn quan tâm và củng cố phát triển quan hệ hợp tác đối tác chiến lược với Nga [83, tr.65].

Kế thừa chính sách của Liên Xô, Nga ủng hộ việc thiết lập cơ chế an ninh và hợp tác CA - TBD. Để đảm bảo môi trường thuận lợi nhằm phát triển kinh tế ở phía Đông của Nga và an toàn trên tuyến đường hàng hải quốc tế nối hai đầu Đông - Tây nước Nga, Nga chủ trương ủng hộ việc giải quyết những tranh chấp, bất đồng ở khu vực CA - TBD (bán đảo Triều Tiên, vấn đề Đài Loan, Biển Đông) bằng biện pháp hòa bình, công bằng và hợp lý [136, tr.54]. Đặc biệt, trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI, vấn đề tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông đang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp tới an ninh, hòa bình, ổn định của Việt Nam. Trước đây Nga giữ thái độ thận trọng và trung lập trong vấn đề Biển Đông, song trong điều kiện 3 nước Nga - Mỹ - Trung đang cạnh tranh quyết liệt tại khu vực CA - TBD, gần đây Nga đã có sự thay đổi thái độ đối với vấn đề này. Ví dụ như sự kiện tháng 4/2012, Tập đoàn khí đốt của Nga là Gazprom và Vietsovpetro thỏa thuận về việc Gazprom sẽ tiến hành cùng khai thác khí đốt tại hai lô 5.2 và 5.3 ngoài khơi Việt Nam, mà khu vực này Trung Quốc cho là "nằm bên trong hải giới truyền thống" của mình. Một minh chứng khác cũng thể hiện lập trường của Nga đối với vấn đề Biển Đông, vào tháng 7/2012, tại cuộc gặp thượng đỉnh Việt - Nga, vấn đề Biển Đông được Nga đề cập đến với thái độ tương đối dứt khoát. Các tuyên bố của nước Nga rất rõ ràng, là cam kết có nguyên tắc của một

cường quốc đang từng bước tái can dự trở lại CA - TBD và ĐNA, có nội dung gần gũi với "Nguyên tắc 6 điểm về Biển Đông" mà ASEAN đạt được vào tháng 7/2012 [70, tr.96]. Chính vì vậy, Việt Nam cần tập trung những ảnh hưởng có được từ vai trò của Nga tại khu vực để tạo thêm thế và lực trong việc giải quyết những vấn đề liên quan đến Biển Đông. Đồng thời đẩy mạnh quan hệ với Nga giúp Việt Nam tạo được sự cân bằng trong quan hệ với các nước lớn khác.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, tạo ra nhiều cơ hội cho các mối quan hệ song phương và đa phương, nhưng cũng mang lại không ít thách thức. Điều đó buộc Việt Nam đẩy mạnh liên kết với Nga về an ninh kinh tế, an ninh chính trị, bình đẳng cùng có lợi ràng buộc song phương với Nga, đa phương với các nước và khối nước, nhằm hạn chế, loại trừ bớt khó khăn, thách thức, tranh thủ cơ hội, từng bước phát triển năng động, giữ vững chủ quyền quốc gia dân tộc.

Như vậy, quan hệ tốt đẹp giữa Nga và Việt Nam sẽ thúc đẩy sự phát triển nhiều mặt đối với Việt Nam, đặc biệt làm cho môi trường chính trị, an ninh ngày càng gia tăng ổn định, tạo cơ sở nền tảng cho sự phát triển cao ở Việt Nam. Bên cạnh đó, tăng cường quan hệ với Nga sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam cân bằng với các nước lớn, không chỉ với Trung Quốc, mà cả với Mỹ, Nga, Nhật Bản và Ấn Độ.

* *Về kinh tế:* Đối với Việt Nam, để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, rút ngắn dần khoảng cách với các nước phát triển, thì việc đẩy mạnh tiến trình hội nhập quốc tế toàn diện, trong đó bao gồm tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế, nhất là trong lĩnh vực năng lượng với Nga giữ một vị trí quan trọng, bởi giữa Nga và Việt Nam không những có một bề dày lịch sử quan hệ chặt chẽ mà còn đã có những bước đi cụ thể trong việc xây dựng cơ sở đường lối chính sách cho việc hợp tác trên thực tiễn.

Nga và Việt Nam đều là thị trường thân thuộc và gắn bó của nhau từ lâu, vì thế trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế từ đầu thế kỷ XXI đến nay, việc hợp tác trên lĩnh vực kinh tế luôn được cả hai nước đặc biệt chú trọng. Nga được đánh giá là thị trường đầy tiềm năng đối với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam như thủy hải sản, gạo, cà phê, chè, rau quả thực phẩm, sản phẩm đông lạnh, may mặc, cao su...[142] Trong khi đó, Việt Nam lại có nhu cầu lớn về nguyên, nhiên, vật liệu như: phân bón, sắt thép, xăng dầu, máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng, than đá... Đây chính là những mặt hàng có thế mạnh ở Nga. Do đó, Nga chính là thị trường đáp ứng nhu cầu xuất và nhập khẩu của Việt Nam trong thời kỳ mới.

Mặt khác, nhiều ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam do Liên Xô giúp xây dựng trước đây như khai thác dầu khí, năng lượng, kỹ thuật quân sự, khoa học - công nghệ, hiện vẫn đang thu hút được đầu tư có hiệu quả của Nga. Ví dụ như xí nghiệp liên doanh dầu khí Vietsovpetro khai thác hàng năm hơn 10,0 triệu tấn, chiếm 80% sản lượng dầu thô của Việt Nam… Vì thế, có thể nói, Việt Nam có lợi ích kinh tế to lớn trong việc đẩy mạnh quan hệ với Nga, góp phần tích cực trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế của Việt Nam.

Ngoài ra, trong chính sách đối ngoại của mình, Nga muốn biến vùng Viễn Đông thành một trung tâm chính để hội nhập có hiệu quả với khu vực CA - TBD. mà Viễn Đông là vùng ẩn chứa nguồn tài nguyên phong phú, chủ yếu tập trung vào ba nhóm: khoáng sản, rừng và thủy, hải sản. Ở tầm chiến lược, vùng Viễn Đông có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc đưa nước Nga trở thành một siêu cường về nhiều lĩnh vực. Vì thế, Việt Nam tăng cường hợp tác với Nga có thể đẩy mạnh phát triển buôn bán làm ăn, khai thác vùng Viễn Đông của Nga. Điều này không chỉ đem lại lợi ích về kinh tế mà còn có lợi về chính trị, an ninh, tạo cơ hội phát triển nhanh và đồng đều cho các vùng, miền của cả hai quốc gia.

Đồng thời, Nga là một trong những cường quốc thế giới, ngoài thực lực quân sự hùng mạnh, có ảnh hưởng chính trị sâu rộng, còn có thực lực và tiềm năng phát triển to lớn về khoa học - công nghệ, giáo dục, văn hóa - nghệ thuật, Nga còn là cường quốc thế giới trong lĩnh vực khoa học nghiên cứu chinh phục vũ trụ… Do vậy, quan hệ hợp tác với Nga sẽ mang lại nhiều cơ hội tiếp cận các thành tựu hiện đại cho Việt Nam. Trên thực tế, các dự án hợp tác kinh tế - thương mại của Nga đều sử dụng nguồn lao động tại chỗ của Việt Nam, vì vậy, Việt Nam sẽ được hưởng lợi về mặt này. Các dây chuyền công nghệ hiện đại mà Nga chuyển giao gồm các sản phẩm sản xuất từ Việt Nam rẻ hơn nhiều lần so với sản phẩm sản xuất tại Nga do giá nhân công và nguyên liệu tại chỗ của Nga cao [116, tr.343]. Để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Việt Nam cần trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại mà Nga có thể tiến hành sản xuất tại Việt Nam để đáp ứng với trình độ và giá cả phù hợp với Việt Nam.

* *Về một số lĩnh vực khác:* Đẩy mạnh quan hệ chính trị, kinh tế với Nga còn có điều kiện và cơ hội cho các hoạt động giao lưu, trao đổi giữa Nga và Việt Nam trên một số lĩnh vực khác như như an ninh - quốc phòng, văn hóa, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn học - xã hội… phát triển. Thông qua tổ chức các hoạt động

giao lưu, tiếp xúc, hai nước có điều kiện hiểu biết ngày càng sâu sắc về đất nước, con người, văn hóa của nhau, cơ hội được mở ra cho thế hệ trẻ hai nước hiểu thêm tình cảm truyền thống giữa Nga và Việt Nam đã được duy trì bền chặt qua nhiều thời kỳ. Từ đó tạo nên ảnh hưởng tích cực, lan tỏa về văn hóa - xã hội của Việt Nam vào xã hội Nga và ngược lại.

Hơn nữa, đẩy mạnh quan hệ chính trị và kinh tế với Nga, Việt Nam có cơ hội học tập công nghệ hiện đại, để nâng cao chất lượng của các sản phẩm, làm cho môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của Việt Nam gia tăng, tạo động lực cho sự phát triển lao động có trình độ cao của Việt Nam, góp phần hướng đến mục tiêu trở thành "nước công nghiệp theo hướng hiện đại", đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Bên cạnh đó, Nga là một nước có tiềm lực quân sự hùng mạnh, phát triển quan hệ chính trị, an ninh quốc phòng với Nga, sẽ giúp Việt Nam hiện đại hóa quân đội, giữ vững nền hòa bình, ổn định trong khu vực và thế giới, đặc biệt được Nga giúp đỡ trong kỹ thuật quân sự để nâng cao tiềm lực quốc phòng cho Việt Nam.

Thêm vào đó, Nga là nước có tiềm năng phát triển to lớn về văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, y tế… Do vậy, hợp tác quan hệ chính trị, kinh tế với Nga sẽ mang lại nhiều cơ hội tiếp cận các thành tựu hiện đại cho Việt Nam, đặc biệt là về kinh tế. Việt Nam được tiếp cận những thành tựu khoa học tiên tiến của Nga như trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân, dầu khí... Đồng thời, quan hệ tốt đẹp với Nga về chính trị, kinh tế, ở mức độ nào đó sẽ từng bước thu hẹp khoảng cách giữa Việt Nam cũng như các quốc gia đang phát triển ở ĐNA với các trung tâm phát triển khác của thế giới.

Hiện nay, cộng đồng người Việt Nam ở Nga có số lượng đông đảo, phần lớn trong số này là những công nhân sang làm việc theo các hiệp định hợp tác lao động được ký kết giữa Việt Nam và Liên Xô trước đây, ngoài ra là số sinh viên, thực tập sinh, nghiên cứu sinh khoa học. Đại đa số người Việt Nam ở Nga là những người làm ăn chân chính, tích cực lao động, có tình cảm hướng về Tổ quốc, trong số đó có những người làm ăn thành công ở Nga đã chuyển về đầu tư phát triển kinh tế ở trong nước. Vì vậy, Việt Nam cần thúc đẩy quan hệ chính trị và kinh tế với Nga, tăng cường trao đổi với Nga, nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm ăn một cách ổn định, hợp pháp. Khôi phục và tăng cường quan hệ chính trị Nga - Việt Nam, ngoài việc góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại giữa hai nước phát triển, còn bảo vệ được quyền lợi chính đáng cho cộng đồng người Việt Nam ở Nga.

Việt Nam cũng mong muốn thông qua việc thúc đẩy quan hệ với Nga để thể hiện sự tôn trọng, quý mến và mong muốn gìn giữ tình cảm thủy chung, son sắt với các nước bạn bè truyền thống, hướng tới "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". [59, tr.98]

Ngoài những tác động tích cực như đã nêu trên, quan hệ Nga - Việt Nam nói chung, trên lĩnh vực chính trị và kinh tế nói riêng cũng dẫn đến hạn chế đối với Việt Nam trong quan hệ với Mỹ. Mỹ là một đối tác tiềm năng, là thị trường xuất khẩu lớn đối với Việt Nam, đem lại lợi ích kinh tế lớn cho Việt Nam, đồng thời Mỹ có thế mạnh nhất định để kìm chế những hành động gây tình hình bất ổn của Trung Quốc ở Biển Đông, trực tiếp đe dọa chủ quyền biển đảo của Việt Nam. Đối với Nga, Mỹ đang thực hiện mọi biện pháp nhằm kiềm chế sự gia tăng vị thế và tầm ảnh hưởng của Nga trong khu vực ĐNA và CA - TBD thông qua "cầu nối" Việt Nam. Bởi vì cả Mỹ và Nga đều muốn sử dụng mối quan hệ với Việt Nam như một lợi thế để kiềm chế lẫn nhau và kiềm chế Trung Quốc. Như đã nói ở trên, quan hệ Mỹ - Nga hiện nay vừa hợp tác, vừa cạnh tranh gay gắt, nên cả hai không thể cùng chung một con đường. Thực chất, Mỹ còn theo đuổi vai trò lãnh đạo thế giới và chưa từ bỏ việc việc ngăn chặn sự trỗi dậy của Nga có thể đe dọa vị thế toàn cầu của họ. Do vậy, Mỹ duy trì quan hệ với Việt Nam (một đồng minh truyền thống và là đối tác chiến lược của Nga) là một mục tiêu quan trọng không chỉ để khẳng định ảnh hưởng tuyệt đối của Mỹ tại khu vực ĐNA mà còn để kiềm chế Nga. Vậy nên, Mỹ không muốn Việt Nam vượt ra "khuôn khổ hợp tác" với Mỹ. Để thực hiện ý đồ kiềm chế Nga, Mỹ không muốn quan hệ song phương Nga - Việt Nam phát triển tốt đẹp, bởi điều đó sẽ trở thành lực cản trong việc thực hiện mục đích kiềm chế Nga của Mỹ. Mỹ muốn kiềm chế Nga cũng có nghĩa là không muốn quan hệ giữa Nga với Việt Nam phát triển, và tất nhiên Mỹ cũng sẽ có nhiều toan tính trong quan hệ với Việt Nam. Như vậy, sự cạnh tranh quyền lực giữa Nga với Mỹ không chỉ ảnh hưởng đến quan hệ Nga - Việt Nam mà tất nhiên còn hạn chế đến quan hệ Mỹ - Việt Nam.

Mặt khác, Việt Nam là đối tác "không tương xứng" với một cường quốc như Nga, nên trong quan hệ song phương thường được ít quan tâm, vị trí của Việt Nam đôi khi cũng bị hạn chế trong chiến lược "*Hướng Đông*" của Nga.

4.3.3. Đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á

Với lợi thế về vị trí địa - chính trị, và văn hóa, Việt Nam đóng vai trò là "cầu nối" giúp Nga tiến sâu hơn vào thị trường ĐNA, góp phần tạo nên sự phát triển kinh tế

cũng như gia tăng vị thế của Nga ở khu vực này. Đồng thời, sự mở rộng phạm vi hoạt động và các lĩnh vực hợp tác của hai nước Nga và Việt Nam với những thành tựu lớn cũng sẽ góp phần làm tăng sức cạnh tranh và ảnh hưởng kinh tế của khu vực đối với thế giới, góp phần thúc đẩy nhanh hơn tiến trình liên kết kinh tế giữa Nga và các quốc gia trong khu vực ĐNA và CA - TBD.

Thông qua quan hệ với Việt Nam, vai trò ảnh hưởng của Nga ở khu vực ĐNA và CA - TBD dần được cải thiện, ngược lại, quan hệ giữa các nước trong khu vực với Nga cũng ngày càng được gia tăng. Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh kinh tế Á - Âu (Nga, Armenia, Belarus, Kazakhstan,Kyrgystan) và Việt Nam được ký kết vào ngày 29/5/2015. Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở ĐNA đã ký kết một hiệp định với Liên minh kinh tế Á - Âu, đặt cơ sở nền tảng cho việc tạo ra động lực thúc đẩy tiến trình đàm phán và triển khai thực hiện thị trường thương mại tự do giữa Nga nói riêng và Liên minh kinh tế Á - Âu nói chung với các nước trong khu vực ĐNA, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực này mở rộng quá trình hội nhập, trước hết là hội nhập kinh tế. Hiệp định này cũng thể hiện tầm nhìn chiến lược của Liên minh về phát triển hợp tác với khu vực CA - TBD năng động, một động lực của tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Nga và Việt Nam có quan điểm tương đồng trong các vấn đề quốc tế như trong việc tăng cường ổn định và an ninh trong khu vực CA - TBD, trong cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố và buôn lậu ma túy, với nạn nhập cư trái phép, buôn bán vũ khí và các vấn đề quan trọng khác. Trong bối cảnh đó, củng cố quan hệ hợp tác chính trị giữa hai nước Nga - Việt Nam sẽ là một đóng góp thiết thực trong việc hình thành một mô hình quan hệ quốc tế mới trong khu vực CA - TBD, dựa trên những nguyên tắc về hợp tác, chủ quyền và bình đẳng. Với những đặc điểm về kinh tế và chính trị riêng của khu vực CA - TBD, quan hệ tốt đẹp giữa Nga - Việt Nam có ý nghĩa trong việc thúc đẩy, củng cố đoàn kết nội bộ các tổ chức hợp tác đa phương mà hai nước là thành viên, góp phần duy trì hòa bình, phát triển kinh tế để thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các nước, tăng cường xu thế liên kết ở khu vực, ổn định và hợp tác cùng phát triển ở khu vực CA - TBD.

Trong 10 nước thành viên ASEAN, Việt Nam là thành viên duy nhất có quan hệ truyền thống hữu nghị hợp tác lâu dài với Nga. Phát triển quan hệ song phương Nga - Việt Nam sẽ đem lại tiềm năng to lớn, đóng góp cho sự phát triển quan hệ Nga và ASEAN. Đồng thời, sự gia tăng vai trò, vị thế của Việt Nam trong ASEAN sẽ khuyến khích tinh thần sáng tạo, đóng góp cho khu vực nhiều hơn từ Việt Nam. Những xung đột hiện nay trong khu vực không chỉ cần đến vai trò của từng thành viên ĐNA, thậm

chí các thành viên châu Á, mà còn cần đến vai trò của các cường quốc như Mỹ, Nga. Do vậy, quan hệ mật thiết giữa Nga và Việt Nam sẽ góp phần tạo nên hiểu biết lẫn nhau, làm cơ sở cho việc giải quyết bằng giải pháp thương lượng sự tranh chấp, xung đột và các vấn đề hạn chế khác mà toàn khu vực đang cần phải giải quyết.

Còn sự hợp tác với ĐNA của Nga, đối với khu vực mang lại cơ hội tiếp cận một đối tác lớn cho các quốc gia trong khu vực. Thêm một lựa chọn cho nhân lực, cho hàng hóa, cho công nghệ, an ninh,… từ Nga cho ĐNA. Sự hiện diện của Nga tại ĐNA sẽ góp phần quan trọng làm ổn định tình hình tại khu vực và cân bằng được ảnh hưởng của Mỹ.

Có thể thấy, quan hệ Nga - Việt Nam có tác động đa dạng, đa tầng, đối với khu vực, song tác động lớn nhất là làm gia tăng vai trò, vị thế của ĐNA trong khu vực châu Á nói chung, kìm hãm các bất ổn an ninh, nhất là xung đột đến từ chính sách quyết đoán của Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI, góp phần ổn định môi trường hòa bình ở khu vực cũng như gia tăng vai trò của CA - TBD trong trật tự thế giới mới. Không những vậy, quan hệ Nga - Việt Nam cũng tác động đến các mối quan hệ quốc tế, mang lại một môi trường chia sẻ, hợp tác cùng phát triển. Theo đối sách tăng cường hợp tác với các nước đang phát triển như Việt Nam, Nga đã góp phần thúc đẩy xu hướng hợp tác, đối thoại, đang là dòng chảy chung cho các mối quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

Quan hệ Nga - Việt Nam mang lại nhiều cơ hội cho các quốc gia ở khu vực trong việc tiếp cận công nghệ của Nga, gia tăng lợi ích kinh tế và vị thế chính trị của khu vực. Nhưng bên cạnh đó, sự hiện diện của cường quốc này ở khu vực cũng tạo ra một số thách thức đáng kể, nhất là đối với các quốc gia có trình độ phát triển thấp hơn. Nguy cơ bị đối xử bất bình đẳng, thậm chí lệ thuộc của các nước này sẽ gia tăng. Nếu các quốc gia này không phát triển thực lực và có chiến lược hội nhập hợp lý, nguy cơ bị bỏ rơi khỏi "cuộc chơi" quyền lực ở khu vực sẽ là hiện thực. Mặt khác, sự gia tăng ảnh hưởng của các nước lớn tại khu vực CA - TBD, dẫn đến xu thế cạnh tranh hơn là hợp tác từ mối quan hệ giữa các nước lớn ở khu vực này. Điều này dễ làm cho môi trường chính trị - an ninh ở khu vực CA - TBD rơi vào tình trạng bất ổn. Từ đó, các xung đột ở CA - TBD sẽ khó được giải quyết một cách nhanh chóng, hiệu quả, điển hình như vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, vấn đề Biển Đông, và các tranh chấp lãnh thổ.

KẾT LUẬN

Thông qua việc nghiên cứu về thực trạng quan hệ chính trị và kinh tế giữa Nga và Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Quan hệ chính trị và kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 được xây dựng dựa trên nền tảng căn bản về kinh tế, chính trị của mối quan hệ hữu nghị truyền thống Liên Xô - Việt Nam trước đây. Bên cạnh đó, hai nước luôn gần gũi và đồng thuận về quan điểm, lập trường trong nhiều vấn đề quốc tế, khu vực, phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhau trên các diễn đàn quốc tế. Hơn nữa, trong lịch sử cũng như hiện tại, quan hệ Liên Xô/Nga - Việt Nam không hề có xung đột, mâu thuẫn lớn. Điều đó đã tạo cơ sở thuận lợi, tạo thế nâng đỡ, hỗ trợ khá vững chắc, thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam tiếp tục phát triển lên tầm cao mới.

2. Quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam phát triển phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của nhân dân hai nước trong bối cảnh quốc tế và khu vực đang có nhiều biến động. Việt Nam là quốc gia vốn có quan hệ hữu nghị truyền thống với Nga và có vị trí ngày càng cao trong khu vực ĐNA. Để thực thi chính sách trở lại ĐNA và CA - TBD trong chiến lược "Hướng Đông", Nga coi Việt Nam là một "mắt xích" quan trọng, đáp ứng yêu cầu các lợi ích chiến lược về an ninh, kinh tế, hàng hải của Nga. Với vai trò "cầu nối", Việt Nam không những giúp Nga thâm nhập sâu vào khu vực ĐNA, mà còn làm gia tăng vị thế của Nga trong sự cạnh tranh của Mỹ và Trung Quốc tại khu vực này. Đồng thời, Nga luôn coi Việt Nam là một trong những đối tác chiến lược quan trọng nhằm thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa Nga với các nước ASEAN. Đây là một hướng đi quan trọng trong chiến lược củng cố và phát huy vai trò nước lớn của Nga. Về phía Việt Nam, trước những biến động của tình hình thế giới, khu vực, và hàng loạt những vấn đề đang đặt ra trong chiến lược phát triển đất nước... việc đặt nhiệm vụ thúc đẩy quan hệ hợp tác với Nga là một trong những chính sách đối ngoại quan trọng của Việt Nam. Bởi lẽ, tăng cường quan hệ tốt đẹp với Nga, không chỉ mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam trên lĩnh vực kinh tế, chính trị - an ninh, quân sự, khoa học - công nghệ… mà còn tạo thuận lợi cho Việt Nam trong việc cân bằng quan hệ với các nước lớn, đồng thời vị thế của Việt Nam sẽ được cải thiện trong khu vực và thế giới. Với những nhiệm vụ phát triển đất nước và phục vụ lợi ích quốc gia, cả hai nước đều mong muốn và đã có biện pháp thúc đẩy quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả. Quan hệ hai nước mang tính thực tế cao dựa trên sự nhận thức về vị trí,

vai trò của mỗi nước với tư cách là yếu tố tác động và bảo đảm hệ thống lợi ích của từng nước. Trên thực tế, hợp tác năng lượng và kỹ thuật quân sự giữa Nga và Việt Nam như một đảm bảo quan trọng cho sự phát triển bền vững của quan hệ song phương. Những lợi ích cơ bản nêu trên đối với mỗi nước, chính là cơ sở, là động lực quan trọng thúc đẩy quan hệ Nga - Việt Nam phát triển tương xứng với tầm vóc cần có của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, cũng như tương xứng với truyền thống tốt đẹp vốn có của mối quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

3. Quan hệ chính trị, kinh tế Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 là sự phát triển liên tục từ quan hệ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện. Ngày 2/3/2001, Nga và Việt Nam đã ký Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược. Nga và Việt Nam trở thành quan hệ đối tác chiến lược trên cơ sở tin cậy, bình đẳng, lâu dài, cùng có lợi. Năm 2012, nhằm đưa quan hệ Nga - Việt Nam phát triển thực chất hơn, hai nước đã ký Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện (27/7/2012). Có được kết quả này xuất phát từ ý chí quyết tâm chính trị và sự nỗ lực tích cực của cả hai nước nhằm thiết lập khuôn khổ pháp lý mới cho quan hệ song phương, đưa quan hệ Nga - Việt Nam phát triển ngày càng thực chất, hiệu quả, phục vụ lợi ích của mỗi bên.

4. Quan hệ chính trị Nga - Việt Nam có độ tin cậy cao và không ngừng được củng cố. Trao đổi đoàn cấp cao diễn ra thường xuyên, hai nước không ngừng nỗ lực tìm các biện pháp nhằm đưa quan hệ hợp tác song phương phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu, đồng thời bàn thảo nhiều vấn đề chính trị - an ninh quốc tế mà hai bên cùng quan tâm. Nhiều hiệp định, hiệp ước, văn bản được ký kết giữa hai nước đã tạo dựng cơ sở pháp lý, đồng thời tạo động lực mạnh mẽ cho việc phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước. Hợp tác kinh tế Nga - Việt Nam thời gian qua có bước phát triển rõ rệt, nhưng chưa tương xứng với quan hệ chính trị và tiềm năng hai nước. Nguyên nhân cơ bản nhất vẫn là cả Nga và Việt Nam chưa thực sự coi nhau là đối tác ưu tiên hàng đầu trong chiến lược đối ngoại của mình, vẫn chỉ dành cho nhau sự ưu tiên chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra. Đồng thời, chưa có tầm nhìn dài hạn, với những chương trình, kế hoạch cụ thể để phát triển quan hệ giữa hai nước. Bên cạnh đó, cơ chế hợp tác của hai nước đã có bước chuyển nhất định sang nguyên tắc kinh tế thị trường, song chưa hoàn chỉnh, còn nhiều bất cập, chưa phát huy tác dụng. Trong một thời gian dài, các doanh nghiệp Việt Nam chưa thực sự coi trọng thị trường Nga vì sợ rủi ro, do luật pháp chưa rõ ràng, môi trường kinh doanh chưa tốt…Mặt khác hàng hoá của Việt

Nam chất lượng chưa cao, chưa có thương hiệu, bị cạnh tranh của hàng Trung Quốc và các nước khác trên thị trường Nga. Về phía Nga cũng chưa thực sự coi trọng và chưa có cơ chế thích đáng trong hợp tác với Việt Nam, thủ tục thanh toán còn phức tạp, lãi suất cho vay tín dụng còn cao, hạn chế về công nghệ cao, thiếu nhạy bén, thiếu linh hoạt trong làm ăn, nên các doanh nghiệp hai bên còn dè chừng, chưa mạnh dạn. Đồng thời, Nga còn có một số chính sách tăng cường bảo hộ mậu dịch gây cản trở cho hàng xuất khẩu của Việt Nam, như hạn chế nhập khẩu gạo, tăng hàng rào kiểm tra an toàn thực phẩm hàng thuỷ sản, cấm người nước ngoài bán lẻ tại các chợ ảnh hưởng đến mạng lưới tiêu thụ tác động tiêu cực đến xuất nhập khẩu hàng từ Việt Nam. Thêm vào đó, cả hai bên, trong đó có các Bộ, ngành và doanh nghiệp chưa thật sự năng động để nhanh chóng khắc phục khó khăn, tìm hướng làm ăn mới thích hợp. Hoạt động của Uỷ ban Liên Chính phủ cũng chưa thật sự hiệu quả. Tất cả những nguyên nhân trên đã dẫn đến tính hiệu quả trong quan hệ hợp tác giữa hai nước chưa cao.

5. Trong tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp, đan xen vừa hợp tác vừa cạnh tranh, tạo ra nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít thách thức cho tất cả các nước trên thế giới. Việc củng cố và phát huy quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Nga - Việt Nam, phục vụ lợi ích chung và của mỗi nước, góp phần vào công cuộc duy trì hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực và trên thế giới có ý nghĩa hết sức quan trọng. Từ sự phân tích một cách khoa học, khách quan, những thành tựu, hạn chế về quan hệ chính trị, kinh tế của Nga và Việt Nam trong 15 năm đầu thế kỷ XXI, cùng với quyết tâm chính trị của lãnh đạo và mong muốn của nhân dân hai nước, chúng ta có đủ cơ sở khẳng định rằng, quan hệ Nga - Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2015 đã tạo ra nền tảng vững chắc để tiếp tục phát triển tốt đẹp trong tương lai.

Mặt khác cũng cần thấy rằng, từ sự phân tích nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế nêu trên, lãnh đạo và nhân dân hai nước cần có sự nỗ lực cao hơn trong việc đổi mới tư duy, tiếp cận cụ thể khuôn khổ hợp tác đã được xác lập và bằng hành động thiết thực để khắc phục những khó khăn, trở ngại, rào cản để đưa quan hệ Nga - Việt Nam phát triển tương xứng với tầm vóc của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, vun đắp quan hệ truyền thống hữu nghị tốt đẹp đã được tạo dựng trong quá khứ giữa hai nước Nga và Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt:

1. Quỳnh An (2015), "Nga củng cố vị thế cường quốc xuất khẩu vũ khí*", Tạp chí Cộng sản điện tử,* số ngày 7/11, http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2013/20353/Nga-cung-co-vi-the-cuong-quoc-xuat-khau-vu-khi.aspx, truy cập ngày 27/10/2017.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), "*Để quan hệ Việt - Nga thêm sâu sắc, hiệu quả và tin cậy",* ngày 12/7, http://www.tuyengiao.vn/dien-dan/de-quan-he-viet-nga-them-sau-sac-hieu-qua-va-tin-cay-21832, truy cập ngày 23/8/2016.
3. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2004), *Thế giới, khu vực và một số nước lớn bước vào năm 2004*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Báo An ninh thủ đô, trang quân sự (2016), *"Nước nào mua vũ khí Nga nhiều nhất"*, số ngày 26/05, https://anninhthudo.vn/quan-su/nuoc-nao-mua-vu-khi-Nga-nhieu-nhat/680962.antd, truy cập ngày 2/7/2017.
5. Báo Đầu tư điện tử (2015), *" Tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga",* số ngày 4/4, http://baodautu.vn/tang- cuong- quan- he- doi- tac-chien- luoc- toan- dien- viet- nga- d24466.html, truy cập ngày 25/5/2016.
6. Báo điện tử Đài truyền hình Việt Nam (2015), "*Nâng tầm hợp tác giáo dục Việt Nam - Liên bang Nga",* số ngày 11/4, https://vtv.vn/viet-nam-va-the-gioi/nang-tam-hop-tac-giao-duc-viet-nam-lb-nga-2015040814270837.htm, truy cập ngày 11/6/2016.
7. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *"Thủ tướng Liên bang Nga D. Medvedev thăm chính thức Việt Nam"*, số ngày 5/4, http://dangcongsan.vn/thoi-su/thu-tuong-lien-bang-nga-d-medvedev-tham-chinh-thuc-viet-nam-297472.html, truy cập ngày 5/12/2016.
8. Báo điện tử của Văn phòng Chính phủ (2015), "*Ký FTA giữa Việt Nam và các thành viên Liên minh kinh tế Á - Âu",* ngày 30/5, http://vpcp.chinhphu.vn/Home/Ky-FTA-giua-Viet-Nam-va-cac-thanh-vien-Lien-minh-kinh-te-AAu/20155/16073.vgp, truy cập ngày 30/12/2016.
9. Báo Kinh tế Vũng Tàu (2016), *"Nửa thế kỷ lớn mạnh của "những người tìm lửa"*, số ngày 26/11, http://baobariavungtau.com.vn/kinh- te/201611/ky- niem- 55-nam- ngay- truyen- thong- nganh- dau- khi- 27- 11- 1961- 27- 11- 2016- nua- the-ky- lon- manh- cua- nhung- nguoi- tim- lua- 710889/, ngày truy cập 20/8/2017.
10. Báo Nghệ An (2016), *"Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam thăm Liên bang Nga",* số ngày 26/4, https://baonghean.vn/bo-truong-quoc-phong-viet-nam-tham-lien-bang-nga-48030.html, truy cập ngày 15/5/2017.
11. Báo Nhân dân (1998), "*Trần Đức Lương: Trả lời phỏng vấn ITAR - TASS",* số ngày 15/8, tr.5
12. Báo Nhân dân (2000), "*Thủ tướng Phan Văn Khải đến chào Tổng thống Nga V. Putin"*, số ngày 13/9, tr. 1; 5

13. Báo Nhân Dân (2001), "*Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa nước CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga",* số ngày 2/3, tr. 7.

14. Báo Nhân dân (2001), "*Tổng thống Liên bang Nga V. Putin thăm chính thức nước ta",* số ngày 1/3, tr.1, 2.

15. Báo Nhân dân (2001), *"Phát triển quan hệ nhiều mặt với Việt Nam là một trong những hướng ưu tiên của Liên bang Nga"*, số ngày 28/2, tr.5.

16. Báo Nhân dân (2002), "*Thông cáo chung Việt Nam - Nga"*, ngày 14/10, tr.1 - 2

17. Báo Nhân dân (2006), "*Tuyên bố chung Việt Nam - Nga"*, ngày 21/11, tr.1.

18. Báo Nhân dân (2013), "*Tuyên bố chung về tiếp tục quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa nước CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga"*, số ngày 13/11, tr. 1,4.

19. Báo Nhân dân (2017), *"Nga - Hàn Quốc hợp tác trên nhiều lĩnh vực*" số ngày 23/6/2017, http://www.nhandan.com.vn/thegioi/item/36784302-nga-han-quoc-tang-cuong-hop-tac-tren-nhieu-linh-vuc.html, truy cập ngày 17/7/2018.

20. Báo Nhân dân điện tử (2015), "*Chúc mừng kỷ niệm 65 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nga",* trang Chính trị, số ngày 29/1, http://www.nhandan.org.vn/chinhtri/item/25477902-chuc-mung-ky-niem-65-nam-ngay-thiet-lap-quan-he-ngoai-giao-viet-nam-nga.html, truy cập ngày 20/12/2017.

21. Báo Nhân dân điện tử (2015), "*Việt - Nga hợp tác địa phương"*, số ngày 4/11, http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/38083102-viet-nga-tang-cuong-hop-tac-địa-phuong.html.

22. Báo Nhân dân điện tử (2015), "*Hợp tác kinh tế giữa Trung Quốc và Nga đi vào chiều sâu"*, số ngày 6/1/2015, http://www.nhandan.com.vn/thegioi/item/31769102-hop-tac-kinh-te-giua-trung-quoc-va-nga-di-vao-chieu-sau.html, truy cập ngày 2/3/2016

23. Báo Nhân dân điện tử (2016), *"Khu vực Đông Á - Thái Bình Dương duy trì tăng trưởng tốt"*, số ngày 11/04, http://nhandan.com.vn/thegioi/item/29276602-khu-vuc-dong-a-thai-binh-duong-duy-tri-tang-truong-tot.html, truy cập ngày 25/12/2017.

24. Báo Nhân dân điện tử, "*Đối thoại chiến lược Việt Nam - Liên bang Nga lần thứ 10",* http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/36966402-doi-thoai-chien-luoc-viet-nam-lb-nga-lan-thu-10.html, truy cập ngày 20/11/2017.

25. Báo Tài chính điện tử (2009), "*Đầu tư sang Nga 1,5 tỉ đô la sản xuất phân bón"*, số ngày 5/8, http://www.taichinhdientu.vn/tai-chinh-trong-nuoc/dau-tu-sang-nga-15-ti-usd-san-xuat-phan-bon-56332.html, cập nhật ngày 27/09/2015.

26. Báo Tiền phong (2014), *"Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng bắt đầu chuyến thăm Nga"*, số ra ngày 24/11, https://www.tienphong.vn/the-gioi/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-bat-dau-chuyen-tham-nga-786928.tpo, truy cập ngày 17/12/2016.

27. Báo Trí thức trẻ điện tử (2014), "*Việt - Nga tăng cường hợp tác quân sự",* số ngày 4/7, http://www.tinmoi.vn/viet-nga-tang-cuong-hop-tac-quan-su-01957984.html, truy cập ngày 24/8/2016.

28. Nguyễn Đình Bin (chủ biên) (2002), *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

29. Lê Hải Bình (2018), "Những chuyển động mới trong cục diện khu vực, thế giới và tác động đến Việt Nam", *Tạp chí Cộng sản*, số ngày 9/5/2018, http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Doi-ngoai-va-hoi-nhap/2018/50752/Nhung-chuyen-dong-moi-trong-cuc-dien-khu-vuc-the-gioi-va.aspx, truy cập ngày 25/8/2018.

30. Vũ Hà Thanh Bình (2011), *"*Vai trò của Việt Nam trong khu vực CA - TBD", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số ngày 17/2, < http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Viet-nam-tren-duong-doi-moi/2011/1552/Vai-tro-cua-Viet-Nam-trong-khu-vuc-chau-A-Thai.aspx>, truy cập ngày 27/5/2013.

31. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *"25 năm hình thành APEC: Thúc đẩy mạnh mẽ liên kết kinh tế khu vực"*, ngày 10/11/2014, http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=2376&idcm=68, truy cập ngày 25/8/2017.

32. Bộ Kế hoạch Đầu tư, Cục Đầu tư nước ngoài, "*Tình hình đầu tư của Nga tại Việt Nam",* ngày 30/12/2015.

33. Bộ Ngoại giao CHXHCN Việt Nam - Bộ Ngoại giao Liên bang CHXHCN Xô viết (1983), *Việt Nam - Liên Xô 30 năm quan hệ (1950 - 1980)*, Nxb Ngoại giao, Hà Nội.

34. Bộ Ngoại giao Việt Nam (1994), "Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ hữu nghị giữa CHXHCN Việt Nam và Nga ngày 16/06/1994"*, Tài liệu lưu trữ tại Bộ Ngoại giao Việt Nam*, Hà Nội, tr. 14.

35. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2004), "*Thông tin cơ bản về Liên bang Nga và quan hệ hợp tác hữu nghị Việt Nam - Nga",* cập nhật tháng 8/2004.

36. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2005), "*Quan hệ Việt - Nga: Tình hữu nghị bền chặt qua thời gian",* cập nhật ngày 10/10/2015, http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ns050203085156.

37. Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Hiệp định số 74/2005/LPQT về việc hợp tác trong lĩnh vực giáo dục giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo nước CHXHCN Việt Nam và Bộ Giáo dục và Khoa học Nga*, ngày 24/06/2005.

38. Bộ Ngoại giao Việt Nam, "*Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Thiện Nhân thăm và làm việc tại Nga (12- 17/03/2010)",* http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105001/ns100318163222, cập nhật ngày 22/10/2015.

39. Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Nga về việc công nhận và về sự tương đương của các văn bằng về giáo dục và học vị khoa học*, ngày 15/3/2010.

40. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2011), "*Tham vấn chính trị cấp Thứ trưởng Ngoại giao Việt Nam - Liên bang Nga* ghttp://www.mofa.gov.vn/vi/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ns110426081549, ngày 24-26/4/2011, truy cập ngày 20/11/2014.

41. Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Nga về đối tác chiến lược trong lĩnh vực giáo dục, khoa học và Công nghệ*, ký tại Sochi ngày 25/11/2014, 86/2014/TB- LPQT

42. Bộ Ngoại giao Việt Nam, *"Khái quát chung về Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và sự tham gia của Việt Nam"*, http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr091019080134/nr091019085342/nr091019085619/nr091028145119/ns140321053327, ngày truy cập 1/9/2017.

43. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, "*Thúc đẩy hợp tác du lịch giữa Việt Nam - Nga",* http://www.tapchithongtindoingoai.vn/hoi-nhap-quoc-te/thuc-day-hop-tac-van-hoa-the-thao-du-lich-giua-viet-nam-4351, truy cập ngày 30/10/2015.

44. Nguyễn Hữu Cát (chủ biên), Nguyễn Xuân Sơn (1997), *Về mối quan hệ giữa Việt Nam - Nga trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

45. Nguyễn Hữu Cát (2006), "Quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga trong chính sách đối ngoại của hai nước đầu thế kỷ XX", *Tạp chí nghiên cứu châu Âu,* số 6, tr. 60 - 66.

46. Danh Chân (2007), "Cơ hội thị trường cho hàng xuất khẩu Việt Nam", *Chuyên mục kinh tế Việt Nam và Thế giới, Thời báo Kinh tế Việt Nam,* ngày 11/11, tr.27.

47. Hồ Châu (1997), *Sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn đối với CA - TBD và vấn đề đặt ra đối với Việt Nam,* Luận án phó tiến sĩ khoa học Lịch sử, Hà Nội.

48. Trường Chinh (1983), *Tượng đài hùng vĩ của tình hữu nghị Việt - Xô*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

49. Cơ quan Đại diện tại Việt Nam (2002), "*Đưa các mục tiêu thiên niên kỷ đến với người dân"*, Hà Nội, tr. 1.

50. Cơ quan đại diện thương mại Nga tại Việt Nam (2013), "*Về thực trạng hợp tác kinh tế thương mại Nga - Việt",* tháng 9/2013.

51. Cổng thông tin điện tử Chính phủ (2014)*, "Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga phát triển tích cực"*, www.chinhphu.vn, ngày 16/4.

52. Nguyễn Sinh Cúc (2010), "Quan hệ kinh tế Việt Nam - Nga (2001 - 2010)"*, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 11, tr. 59 - 65.

53. Võ Kim Cương (2004), "Về mối quan hệ Việt Nam - Liên Xô và Việt Nam - Nga hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu ĐNA,* số 1, tr. 21- 26.

54. Lê Duẩn (1982), *Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc chiến lược và tình cảm của chúng ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

55. Lê Thùy Dương (biên dịch) (2012), "Sắc lệnh về Chính sách đối ngoại của Nga trong nhiệm kỳ mới của Tân Tổng thống V.Putin", *Tạp chí Cộng sản điện tử,* số ngày 14/5, http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2012/16065/Sac-lenh-ve-Chinh-sach-doi-ngoai-cua-Nga-trong-nhiemky.aspx, truy cập ngày 17/6/2015.

56. Đài Tiếng nói Việt Nam, Ban Đối ngoại (2015), "*Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga 65 năm - một chặng đường",* số ngày 30/1, http://vovworld.vn/vi-VN/binh-luan/quan-he-viet-namlien-bang-nga-65-nam-mot-chang-duong-307542.vov, truy cập ngày 15/1/2016.

57. ĐCS Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

58. ĐCS Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

59. ĐCS Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

60. Phạm Văn Đồng (1983), *Tình hữu nghị Việt - Xô mãi mãi xanh tươi đời đời bền vững,* Nxb Sự thật, Hà Nội.

61. Nguyễn Hoàng Giáp (2003), "Phong trào chống toàn cầu hóa: mục tiêu, nội dung và phương pháp đấu tranh", *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 4, tr. 66 - 68.

62. Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quế (2006), "Quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga trong những năm đầu thế kỷ XXI", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 9, tr. 68 - 78.

63. Nguyễn An Hà (2010), "Nhìn lại 10 năm chính sách đối ngoại của Nga và quan hệ Việt Nam - Nga những năm đầu thế kỷ XXI", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 3, tr. 13 - 21.

64. Nguyễn An Hà (2011), "Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam-Nga: tiềm năng và những bước phát triển mới", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 6, tr. 62-67.

65. Nguyễn An Hà (2015), "Hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam - Nga trong bối cảnh mới", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 4, trang 11- 12.

66. Lê Hiền (2016), "Hợp tác phát triển du lịch Việt Nam- Nga: Tiềm năng lớn", *Báo Tuổi trẻ,* số ngày 27/4, https://tuoitre.vn/nga-muon-hop-tac-phat-trien-du-lich-nong-nghiep-va-logistics-voi-viet-nam-20180410125257071.htm, truy cập ngày 20/6/2017.

67. Lê Hồng Hiệp (2014), "Đưa quan hệ Việt - Mỹ bước vào kỷ nguyên mới", *Nghiên cứu Quốc tế*, số ngày 28/11, http://nghiencuuquocte.org/2014/11/28/quan-he-viet-my-ky-nguyen-moi/, truy cập ngày 3/5/2016.

68. Trần Phương Hoa (2006), "Quan hệ Nga - ASEAN và vai trò của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế mới", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 2, tr. 44 - 52.

69. Nguyễn Hoa (2013), "Nước Nga: những thành tựu trong các nhiệm kỳ của Tổng thống V. Pu-tin", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số ngày 10/11, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2013/24466/Nuoc-Nga-nhung-thanh-tuu-trong-cac-nhiem-ky-cua-Tong-thong.aspx>, truy cập ngày 15/9/2015.

70. Nguyễn Thị Mai Hoa (2013), "Sự trở lại ĐNA của Nga và tác động đối với Việt Nam", *Tạp chí Lý luận chính trị,* số 4, tr. 96 - 100.

71. Nguyễn Thị Mai Hoa (2015), "Việt Nam - Nga, mối quan hệ gắn bó đặc biệt", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số ngày 29/1, http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2015/31712/Viet-Nam-Nga-Moi-quan-he-gan-bo-dac-biet.aspx, truy cập ngày 25/3/2017.

72. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2007), Kỷ yếu các chuyên đề *"Hợp tác chiến lược Việt - Nga: những quan điểm thực tiễn và triển vọng"*, Hà Nội, tr 194.

73. Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I (2010), "Quan hệ Việt Nam - Nga từ năm 2001 đến nay", Hà Nội, tr.28.

74. Vũ Đình Hòe, Nguyễn Hoàng Giáp (đồng chủ biên) (2008), *Hợp tác chiến lược Việt - Nga: những quan điểm, thực trạng và triển vọng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

75. Nguyễn Cảnh Huệ (2015), "Thiết lập các quan hệ đối tác chiến lược - một trong những thành tựu nổi bật của đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ đổi mới", *Tạp chí Khoa học ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh*, số 10, tr.2

76. Vương Đình Huệ (2016), "Nhìn lại 30 năm đổi mới, những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế", *Báo Nhân dân*, số ngày 4/1, tr.5.

77. Hà Mỹ Hương (2006), *Nước Nga trên trường quốc tế: Hôm qua, hôm nay và ngày mai*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

78. Hà Mỹ Hương (2008), "Tác động của các nhân tố truyền thống và lịch sử đến sự hình thành các chiến lược của Nga từ sau Chiến tranh lạnh", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 11, tr. 44 - 51.

79. Hà Mỹ Hương (2010), "Quan hệ Việt Nam - Nga qua 60 năm thăng trầm của lịch sử", *Tạp chí Cộng sản*, số 3, tr. 6

80. Hà Mỹ Hương (2010), "*Nước Nga hậu Xô Viết viết qua những biến thiên của lịch sử"*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

81. Hà Mỹ Hương (2011), "Những tiến triển mới trong quan hệ Việt Nam - Nga", *Tạp chí Cộng sản,* số 819, tr. 93 - 97.

82. Hà Mỹ Hương (2015), "Nhìn lại 65 năm quan hệ Việt Nam - Nga", *Tạp chí Cộng sản*, số 867, tr. 61 - 71.

83. Phạm Quỳnh Hương (2010), "Quan hệ thương mại song phương Việt - Nga: thực trạng và triển vọng", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số1, tr. 62 - 71.

84. Bùi Huy Khoát (chủ biên) (1995), *"Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga hiện trạng và triển vọng*", Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

85. Kokarew K.A (2014), "Hợp tác Nga - Việt Nam: thực trạng và các định hướng phát triển", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 10, tr. 69 - 72.

86. Nguyễn Văn Lạng, Đỗ Văn Bình (2007), "Hợp tác khoa học công nghệ Việt Nam - Nga trong lĩnh vực công nghệ cao", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 4, tr. 14 - 21.

87. Nguyễn Kim Lân (2006), "Quan hệ hợp tác quốc phòng Việt - Nga hiện nay và triển vọng", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 6, tr. 67 - 74.

88. Nguyễn Văn Lịch (2010), "Những thuận lợi, khó khăn và một số biện pháp thúc đẩy quan hệ kinh tế Việt Nam - Nga", *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế,* số 2, tr. 131 - 147.

89. Nhật Linh (2013), "Phân tích chính sách Châu Á - Thái Bình Dương của Nga", *Tạp chí Nghiên cứu vấn đề quốc tế*, số ngày 30/1, http://www.nghiencuubiendong.vn/quan-h-quc-t/3337-phan-tich-chinh-sach-chau-a-thai-binh-dng-ca-nga, truy cập ngày 25/12/2017

90. Phạm Văn Linh (Chủ biên) (2005), *Đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

91. Thái Văn Long (2015), "Thế chân vạc" địa chiến lược Mỹ - Trung - Nga trong thế kỷ XXI", *Tạp chí Lý luận chính trị*, số ngày 24/8, lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/1090-the-chan-vac-dia-chien-luoc-my-trung-nga-trong-the-ky-xxi.html, truy cập ngày 13/5/2017.

92. Valery Loxkin (2012), "Quan hệ đối tác chiến lược trong quan hệ quốc tế hiện nay", Phát biểu tại Hội nghị Việt Nam học tại Hà Nội, tr. 1

93. Nguyễn Văn Lợi (1996), *Năm mươi năm Ngoại giao Việt Nam 1945 - 1995* tập 1, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.

94. Võ Đại Lược, Lê Bộ Lĩnh (2005), *Quan hệ Việt - Nga trong bối cảnh quốc tế mới,* Nxb Thế giới, Hà Nội.

95. Lê Thế Mẫu, Nguyễn Anh (2017), "Thế giới 25 năm sau Chiến tranh lạnh: một số nét nổi bật", *Tạp chí Cộng sản* số ngày 4/1, http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2017/42862/The-gioi-25-nam-sau-Chien-tranh-lanh-Mot-so-net-noi.aspx, truy cập ngày 12/8/2017

96. Medvedev: *"Quan hệ với Việt Nam là ngoại lệ",* http://vneconomy.vn/thoi-su/thu-tuong-nga-viet-nam-la-mot-ngoai-le-20150406070844559.htm, cập nhật 7/11/2012.

97. Phạm Bình Minh (Chủ biên) (2011)*, Đường lối Chính sách Đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

98. Phạm Quang Minh (2012), *Chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam (1986-2010)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

99. Trình Mưu, Nguyễn Hoàng Giáp (2007), *Quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Việt Nam hiện nay*, Nxb Lý Luận chính trị, Hà Nội.

100. Nguyễn Thị Kim Ngân (2008), "Nỗ lực phấn đấu thực hiện có hiệu quả chính sách an sinh xã hội", *Tạp chí Cộng sản*, số 7, tr. 18.

101. Hoàng Xuân Nghĩa, Nguyễn Thành Công (2003), "Hợp tác kinh tế và đầu tư trực tiếp Việt Nam - Nga", *Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới*, số 292, tr. 37- 41.

102. Hoàng Xuân Nghĩa, Trần Thị Thanh Hương (2003), "Hợp tác văn hóa, khoa học - kỹ thuật và giáo dục, đào tạo Việt Nam - Nga", *Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới*, số 2, tr. 68- 73.

103. Cúc Nhi (2012), *Nhiều cơ hội đầu tư với Nga, Thế giới và Việt Nam*, Trang thông tin điện tử - Bộ Ngoại giao, ngày 26/7/2012.

104. Nguyễn Hồng Nhung (2004), "Triển vọng phát triển, quan hệ hợp tác Việt Nam - Nga: Những nhân tố tác động", *Tạp chí Nghiên cưu châu Âu,* số 3, tr.101.

105. Nguyễn Lệ Nhung, "Vài nét về quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Nga qua tài liệu lưu trữ" (2007), *Chuyên đề quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Nga qua tài liệu lưu trữ*, Hà Nội, tr. 1 - 7.

106. Aleksey Fenenko (2014), "Tình hình ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và chính sách của Nga trong khu vực này", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 4, tr. 74 - 77.

107. Võ Hồng Phúc (2008), "Tác động của khủng hoảng tài chính thế giới đến đầu tư nước ngoài và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong những năm tới", *Tạp chí Cộng sản*, số ngày 20/12/2008, http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Tieu-diem/2008/3293/Tac-dong-cua-khung-hoang-tai-chinh-the-gioi-den-dau-tu.aspx, truy cập ngày 25/6/2016.

108. V. Putin (2013), "Nga và Việt Nam, cùng nhau đi tới những chân trời hợp tác mới", *Báo Nhân dân*, số ngày 11/11, tr. 1,4.

109. Quan hệ hợp tác dầu khí Việt - Nga rộng mở và đạt hiệu quả cao, http://pvn.vn/Pages/detail.aspx?NewsID=0422f45c- b8e8- 4a5c- b7c6-81a828fd1b03, cập nhật 10/11/2013

110. Nguyễn Văn Rân (1999), "Sự chuyển hướng chính sách đối ngoại của Nga ở khu vực châu Á Thái Bình Dương nguyên nhân và tác động", *Luận án tiến sỹ lịch sử*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

111. Trương Tấn Sang, *Trả lời phỏng vấn hãng thông tấn Nga ITAR- TASS* ngày 11/11/2013.

112. Đặng Hùng Sơn (2012), *Chính sách thương mại quốc tế của Nga và khả năng phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Nga*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Hà Nội.

113. Tùng Sơn, Hoàng Phúc (2017), "Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro: Biểu tượng của tình hữu nghị Việt - Nga", *Tạp chí Quân đội nhân dân,* số ngày 6/11, http://www.qdnd.vn/100-nam-cach-mang-thang-muoi-nga-vi-dai/danh-gia-phan-tich/vietsovpetro-tinh-huu-nghi-viet-nga-522873, cập nhật ngày 18/11/2018.

114. Nguyễn Xuân Sơn, Nguyễn Văn Du (2006), *Chiến lược đối ngoại của các nước lớn và quan hệ với Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

115. Trần Viết Thái (2013), "Đối tác chiến lược, quan hệ đối ngoại thời toàn cầu hóa", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số ngày 20/09, http://tapchicongsan.org.vn/Home/doi-tac-chien-luoc-quan-he-doi-ngoai-thoi-toan-cau-hoa/c/11980964.epi, truy cập ngày 25/10/2016.

116. Bùi Thị Thảo (2016), *Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Mỹ và Nga đối với Việt Nam thời kỳ sau Chiến tranh lạnh* (Sách chuyên khảo), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

117. Nguyễn Chiến Thắng, Nguyễn Cảnh Toàn, Lã Văn Châu (2009), "Quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và vùng Viễn Đông, Cộng hòa Nga: hiện trạng và triển vọng", *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế,* số 4, tr. 31- 43.

118. Đức Thắng (2011), "Chiến lược của một số nước ở Châu Á - Thái Bình Dương và vấn đề an ninh khu vực (tổng hợp từ sách báo nước ngoài)", *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số ngày 24/11, http://tapchiqptd.vn/vi/an-pham-tap-chi-in/chien-luoc-cua-mot-so-nuoc-o-chau-a-thai-binh-duong-va-van-de-an-ninh-khu-vuc-tong-hop-tu-/2432.html, truy cập ngày 18/12/2015.

119. Nguyễn Hữu Thắng (2014), "Kinh tế Nga: Hiện trạng và triển vọng", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo,* số 12, tháng 6/2014.

120. Nguyễn Hữu Thắng (2014), "Hợp tác kinh tế Việt Nam - Liên bang Nga, thực trạng và triển vọng*", Tạp chí Tài Chính*, số ngày 23/12, http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/trao-doi-binh-luan/hop-tac-kinh-te-viet-nam-lien-bang-nga-thuc-trang-va-trien-vong-56872.html, truy cập ngày 12/4/2015.

121. Đào Trọng Thi (2010), "Tình cảm gắn bó giữa nhân dân hai nước Việt Nam và LB Nga", *Báo Nhân dân điện tử*, số ngày 17/9, http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/7013602.html, truy cập ngày 25/12/2016.

122. Lê Văn Thịnh (2013), "Nhìn lại quan hệ thương mại Việt Nam - Nga (1991-2010)", *Tạp chí Lịch sử Đảng,* số 5, tr. 61- 67.

123. Đồng Xuân Thọ (2016), "Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đối với khu vực CA - TBD", *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số ngày 19/10, http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2016/41547/Su-dieu-chinh-chien-luoc-cua-cac-nuoc-lon-doi-voi-khu.aspx, truy cập ngày 25/11/2017.

124. Thông điệp của Tổng thống Nga hàng năm 2000 - 2010, www.governmet.ru

125. Thống kê Hải quan, *Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Nga giai đoạn 2010- 2015*, https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/Print.aspx?ID=925, cập nhật ngày 22/03/2016.

126. Thời báo Kinh tế Việt Nam, ngày 2/3/2001, tr. 23.

127. Xuân Thu (1997), "Việt Nam - Liên bang Nga: Đối tác chiến lược lâu dài", *Tuần báo Quốc tế*, số 49 (ngày 3/12 đến 9/12/1997).

128. *Thúc đẩy hợp tác phát triển du lịch Việt - Nga* http://www.vietnamtourism.com/index.php/news/items/16658, Cập nhật: 17/04/2016

129. Nguyễn Quang Thuấn (2006), "Nga những năm đầu thế kỷ XX: thực trạng và triển vọng", *Tạp chí Thông tin đối ngoại,* số 5, tr.47 - 53.

130. Nguyễn Quang Thuấn (chủ biên) (2007), *Hướng tới quan hệ hợp tác toàn diện Nga - Asean trong những thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

131. Nguyễn Quang Thuấn (2012), "Quan hệ Việt Nam - Nga trong bối cảnh sự hiện diện của Mỹ tại khu vực CA - TBD", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 9, tr. 69 - 89.

132. Trịnh Thị Thanh Thủy (2005), "Phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Nga", *Tạp chí Cộng sản*, số 2, tr. 68 - 72.

133. Trịnh Thị Thanh Thủy (2007), *Quá trình phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Nga trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Hà Nội.

134. Trần Thị Thủy (2016), *Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga trong lĩnh vực chính trị và an ninh - quốc phòng giai đoạn 2001 - 2015*, Luận văn thạc sĩ Quốc tế học, Hà Nội.

135. Thanh Thúy (2016), "Dấu ấn đối ngoại Việt Nam trong năm 2015", *Tạp chí Cộng sản,* số ngày 3/3, http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Binh-luan/2016/37751/Dau-an-doi-ngoai-Viet-Nam-nam-2015.aspx, truy cập ngày 24/12/2017.

136. Nguyễn Cảnh Toàn (2012), "Sự điều chỉnh chiến lược của Nga ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 11, tr. 50 - 59.

137. Ngô Tất Tố (2001), "Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, *Báo Nhân dân*, ngày 28/2/2001, tr.5.

138. Tổng cục Du lịch - bộ Văn hóa Thể thao và du lịch Việt Nam http://www.vietnamtourism.com/index.php/news/items/13853

139. Tổng cục Thống kê (1996), *Tư liệu kinh tế 7 nước thành viên ASEAN*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr. 430.

140. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Viện Sử học (2001), *Thế giới những sự kiện lịch sử thế kỷ XX (1946-2000)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

141. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Viện đào tạo sau đại học, *Triển lãm hàng xuất khẩu Việt Nam tại Nga: Hơn 200 triệu USD được ký kết*, http://sdh.neu.edu.vn//trien- lam- hang- xuat- khau- viet- nam- tai- nga- hon- 200- trieu- usd- duoc- ky- ket__190284.html, truy cập ngày 25/9/2009.

142. TTXVN/Vietnamplus, *Nga đẩy mạnh xúc tiến thương mại và đầu tư ở Việt Nam,* http//www.vietnamplus.vn/lien- bang- nga- day- nam/260834.vnp

143. TTXVN (1997), "Quan hệ Nga - Việt", Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 275/TTX, ngày 26/11, tr. 2.

144. TTXVN (2006), Triển lãm "Nước Nga thế kỷ XX- Những trang sử", 24/11/2006

145. TTXVN (2007), *"*Liên bang Nga - Sự quay trở lại của một cường quốc thế giới", *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 15/8, tr. 19.

146. TTXVN (2007), *Tổng bí thư Nông Đức Mạnh thăm Liên bang Nga,* https://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/tong-bi-thu-nong-duc-manh-tham-lien-bang-nga-2007970.html, truy cập ngày 23/9/2016.

147. TTXVN (2008), "Nga tìm kiếm địa vị mới trên thế giới"*, Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 25/10, tr. 14.

148. TTXVN (2008), "Nước Nga và tám năm cầm quyền của Tổng thống Putin", *Tài liệu tham khảo đặc biệt,* số 439, tr.6.

149. TTXVN (2010), "*Thắt chặt quan hệ quốc phòng Việt Nam - Nga",* ngày 23/3, tr. 18.

150. TTXVN (2012), *Tin Đầu tư*, ngày 14/5/2012.

151. TTXVN (2012), *Tin Kinh tế Việt Nam,* ngày 23/7/2012.

152. TTXVN (2012), *"Chủ tịch nước Trương Tấn Sang hội đàm với Tổng thống V. Putin"*, ngày 27/7/2012.

153. TTXVN (2012), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 21/12/2012, tr. 14.

154. TTXVN, "*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam Phạm Vũ Luận và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Khoa học Nga Livanov Dmitryi Victorovich đã có cuộc hội đàm tại Hà Nội",* ngày 12/11/2013

155. TTXVN (2015), *Thúc đẩy hơn nữa quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga*, https://baomoi.com/thuc-day-hon-nua-quan-he-doi-tac-hop-tac-chien-luoc-toan-dien-viet-nam-lien-bang nga/c/12371163.epi, truy cập ngày 17/9/2015.

156. TTXVN, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (hàng ngày), số 339/TTX-ĐN, tr. 6,7.

157. TTXVN, *Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng tiếp Thủ tướng Liên bang Nga Dmitry Medvedev thăm chính thức Việt Nam,* http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Thoi_su/2015/32810/Tong-Bi-thu-Nguyen-Phu-Trong-Chu-tich-nuoc-Truong-Tan.aspx, truy cập ngày 25/11/2017.

158. Đinh Thanh Tú, Trần Hiệp (2008), "Hợp tác quân sự giữa Nga với một số nước ASEAN sau Chiến tranh lạnh", *Tạp chí Nghiên cứu ĐNA,* số 2, tr. 37-41.

159. Đinh Công Tuấn (2007), "Quan hệ kinh tế Việt - Nga trong bối cảnh quốc tế hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu ĐNA*, số 10, tr. 26 - 34.

160. Đinh Công Tuấn (2010), "Quan hệ đối tác chiến lược Nga - Việt Nam (từ tháng 3/2001 đến nay)", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 3, tr. 3 - 12.

161. Đinh Công Tuấn (2013), "Quan hệ đối tác chiến lược trong quan hệ quốc tế hiện nay: lý thuyết, thực tiễn thế giới và Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 10, tr 3-14

162. Trần Văn Tùng (2004), "Hợp tác khoa học công nghệ Việt Nam - Nga", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu*, số 6, tr. 68 - 75.

163. Nguyễn Vũ Tùng (chủ biên) (2007), *Khuôn khổ quan hệ đối tác của Việt Nam*, Học viện quan hệ quốc tế, tr. 147.

164. Lê Thanh Vạn (2014), "Quan hệ Việt - Nga: Chặng đường dài 65 năm", *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu,* số 12, tr. 61 - 68.

165. *Vietsovpetro - lực lượng chủ lực của ngành dầu khí*, http://www.diavatly.com/index.php/cachoatdong/58-tinvietso/131-vietsovpetro-lc-lng-ch-lc-ca-nganh-du-khi, cập nhật ngày 20/11/2016.

166. Vũ Duy Vĩnh (chủ biên) (2013), *Thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam - Nga trong điều kiện hai nước đều là thành viên WTO,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

167. Vụ châu Âu I, Bộ Ngoại giao (1998), "*Tuyên bố chung Việt Nam - Nga",* ngày 26/08/1998, Hà Nội.

168. Vụ Châu Âu - Bộ Ngoại giao (2010), "*Tài liệu cơ bản về Nga và quan hệ Việt - Nga"*,9/12/2010,http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cn_vakv/euro/nr040819111648/ns110920144416/.

169. Vụ châu Âu I, Bộ Ngoại giao Việt Nam (2012), "*Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa nước CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga",* ngày 27/07/2012*,* Hà Nội.

170. Vụ châu Âu - Bộ Ngoại giao (2015), "*Tài liệu cơ bản về Nga và quan hệ Việt - Nga"*, ngày 3/4/2015.

171. Vụ Liên Xô, Bộ Ngoại giao (1985), "*Về quan hệ Việt - Xô trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước"*, Hà Nội, tr. 59.

II. Tiếng Anh:

172. Charles E. Neu (2000), *After Vietnam - Legacies of the Lost*, The John Hopkins University Press, American.

173. David WP Elliott (2012), *Change the world: Vietnam's transition from the Cold War to Globalization*, New York: Oxford University Press.

174. Donaldson Robert H., Joseph L. Nogee (2009), "The Foreign Policy of Russia, Changing Systems, Enduring Interests", Publisher M. E. Sharpe.

175. Gaidyk Ilya (2003), "*Confronting Vietnam - Soviet Policy toward the Indochina Conflict, 1954- 1963"*, Stanford University Press.

176. Gorodetsky Gabriel (Editor) (2003), "*Russia Between East and West - Russian Foreign Policy on the Threshold of the Twenty First Century*", Frank Cass Publishers, London.

177. Gurtov Mel, Peter Van Ness (2005), *Confronting the Bush Doctrine Critical Views from the Asia - Pacific*, Routledge Curzon, Taylor & Francis Group, USA, pag.134.

178. Nguyen Huong, *Eurasian Economic Union - Vietnam FTA: "Creating engine for Vietnam - Russia trade development"*, Ven.vn, Vietnam Economic new, 28/06/2011

179. Kanet Roger E. (2010), "*Russian Foreign Policy in the 21st Century"*, Palgrave Macmillan, New York.

180. Doan Xuan Loc (2016), "Vietnam is Russian's bridge to ASEAN" *Asia Time online,* 5/2016, http://atime.com/2016/05/vietnam-i-russia-bridge-to-asean/

181. Mankoff Jeffrey (2009), "Russian Foreign Policy: The Return of Great Power Politics", Rowman & Littlefield, London.

182. Mazyrin Vladimir (2012), *"Russia - Vietnam: Building a strategic partnership"*, ASEAN - RUSSIA Foundations and Future Prospects, ISEAS, pag 173 - 183.

183. Mosyakov Dmitry (2014), "Russian - Vietnamese Relations: Position and Prospects", ASIA Times online.

184. Pike Douglas (1987), "*Vietnam and the Soviet Union: Anatomy of an Alliance*", Boulder: Westview Press.

185. V. Putin, *Speech at the Expanded Session of the Shanghai Cooperation Organisation (SCO) Council of Heads of State,* Bishkek, Kyrgyzstant, 16/8/2007. www.Kremlin.ru

186. Shimanovsky Rostislav (2003), "*Situation and solutions to promote direct investment of the Russian Federation into Vietnam"*, European Journal of Research, No. 2 (56).

187. Storey Ian (2015), *"What Russia's Turn to the East Means for Southeast Asia"*, Iseas - Yusof Ishak Institute 30 Heng Mui Keng Terrace Pasir Panjang, Singapore 3 Dexember 2015, pag. 1- 10.

188. Thakur Ramesh, Carlyle A. Thayer (1992), *"Soviet Relations with India and Vietnam"*, The Macmillan Press và New York: St. Martin's Press.

189. Tofani Roberto (2013), "*Russia rebuilds ties with Vietnam"*, ASIA Times Online, 20/11/2013.

190. Wilson Elana Rowe, Routledge, Taylor & Francis Group (2009), "*The Multilater Dimension in Russian Foreign Policy"*, London and NewYork.

III. Tiếng Nga:

191. А. Ауль (2005), *“Основные характеристики российско - вьетнамских отношений в начале XXI века”,* Материалы международной научной конференции “Стратегическое партнерство между Вьетнамом и Россией: проблемы и перспективы”, ИДВ РАН, Москва, 16 декабря 2005 г.
192. Фам Тхи Бинь (2009), *“Прямые инвестиции с социально- экономическим статусом и перспективами Вьетнама”*, Кандидатская диссертация по экономике, Saint Petersburg.
193. Ле Тхань Ван, Ле Куинь Нга (2014), *“Визит президента СРВ Чыонг Тан Шанга в Россию - важная веха в укреплении отношений стратегического партнерства”, Российско- вьетнамские отношения: современность и история. Взгляддвух сторон,* ИДВ РАН, Москва, стр. 104 - 115.
194. Воронин А. С. (2013), *Энергетическое сотрудничество: история, современность, перспективы,* Российско - вьетнамские отношения: современность и история Взгляд двух сторон, ИДВ РАН, стр.160 - 181
195. Доклад о социально- экономической ситуации России в 2000- 2006 гг., Минэкономразвития России, www.government.ru.
196. Исаев М.Р., А.С. Чернышев (1975), “*Советско-вьетнамские отношения”*, Издательство Мысль, Москва.
197. Тхак Кам, Ву Динь Нгуен (2002), “Взаимодействия между Вьетнамом и Россией в научно- технической области”, *Сборник трудов по итогам конференции “50 летняя история развития Вьетнамо- российских отношений - Вьетнам”,* МИД Вьетнама.
198. Кобелев Е. В (2014), “*Проблемы безопасности Вьетнама в свете современных российско-вьетнамских отношений”,* Пути укрепления безопасности и сотрудничества Восточной Азии, Материалы совместного российско-вьетнамского иследования, ИДВ РАН, Москва, стр.194 - 199.
199. Кобелев Е. В (2015), “*Российско-вьетнамские отношения: реальность и перспективы”,* Вьетнамские иследования, ИДВ РАН, Москва, стр. 21 - 43.
200. Кобелев Е. В (2016), “*Российско-вьетнамские отношения и проблемы региональной бзопасности в Юго-Восточной Азии*”, Новые вывозы и механизмы безопасности в Восточной Азии, ИД «ФОРУМ», Москва стр. 363 - 374.
201. Чан Кханъ (2014), *“Тенденции стратегии перебалансировки американских военных сил в Юго-Восточной Азии”,* Пути укрепления безопасности и сотрудничества Восточной Азии, Материалы совместного российско-вьетнамского иследования, ИДВ РАН, Москва, стр. 40 - 54.
202. Чан Кханъ (2015), *“Исторические и правовые основы определения и реализации вьетнамского суверенитета в Восточном море”,* Вьетнамские иследования, Выпуск 5., Москва, ИДВ РАН, стр. 119-137
203. Мазырин В.М. (2014), “*Новые формы экономической интеграции между РФ и СРВ”,* Пути укрепления безопасности исотрудничества Восточной Азии, Материалы совместного российско-вьетнамского иследования, ИДВ РАН, Москва, стр. 228 - 252.
204. Министерство иностранных дел Российской Федерации, Обзор внешней

политики Российской Федерации в начале XXI века, дата доступа 18/6/2017, <www.mid.ru>.

205. Министерство иностранных дел Российской Федерации**,** *Концепция внешней политики Российской Федерации*, 28/6/2000
206. Наумкин Виталий Вячеславович (2008), "*Восхождение России: Влияние Азиатско-Тихоокеанского региона*", Журнал Международных Исследований, №2, стр 73 - 80.
207. Независимая Россия (2012), *"Тихоокеанская альтернатива для России"* (Итоги президентства Дмитрия Медведева на восточном направлении россйиской политики), 13/6/2012.
208. Статистические данные о социально- экономическом развитии России в прошлом, www.government.ru.
209. Стрельцоь Владимир Васильевич (2014), "Развитие сотрдничества в сфере культурного турузма вконтесте стратеческого рартнерства Вьетнама и России", Электронный научный журнал 19/09/2014.
210. Зоан Тхи Тин (2014), *"Советская помощь и поддержка вьетнамскому народу в двух войнах сопротивления (1950 - 1975 гг.)"*, "Российско - вьетнамские отношения: современность и история Взгляд двух сторон", ИДВ РАН, стр. 386 - 395.
211. Нгуен Кань Тоан, Нгуен Тхань Хыонг (2014), *"Военно-политическое сотрудничество и меры по его укреплению в среднесрочной перспективе до 2020 г"*, Российско- вьетнамские отношения: современность и история Взгляд двух сторон, ИДВ РАН, Москва, стр. 116 - 136.
212. Тригубенз М.Е (2005), "*Российско- Вьетнамское экономическое сотрудничество в настоящий период: уровень, проблемы, масштабируемость и эффективность",* Материалы международной научной конференции "Стратегическое партнерство «Вьетнам-Россия: проблемы и перспективы"*,* Москва, 16/12/2005.
213. Нгуен Ле Тху (2009), *"Отношения между Вьетнамом и Российской Федерацией с 1991 по 2009 год"*, кандидатская диссертация, Москва
214. Нгуен Куанг Хай (2006), *"Взаимоотношения с торговлей Вьетнамом с Российской Федерацией",* кандидатская диссертация, Москва
215. Нгуен Тхань Хыонг (2014), *"Сотрудничество в области науки и техники, образования и профессиональной подготовки",* Российско - Вьетнамские отношения: современность и история Взгляд двух сторон, ИДВ РАН, стр. 200 - 211.
216. Федоровский А.Н (2005), "*Россиско - Вьетнамское отношение в Азиатско - Тихоокеанской политике*", Материалы международной научной конференции "Стратегическое партнерство «Вьетнам-Россия: проблемы и перспективы"*,* Москва, 16/12/2005.
217. Центр исследований вьетнамских и АСЕАН, Дальневосточный институт Российской академии наук (2014), *Российско- вьетнамские отношения: современность и история. Взгляддвух сторон,* ИДВ РАН, Москва.
218. Ротислав Шиматовский (2002), *"Новый шаг в развитии вьетнамо - российских* Тригубенз*отношений"*, Журнал Исследования международных

проблем, номер 36, стр. 11- 20.

219. Росислав Шиматовский (2005), *“Реальность и методы реализации для подвижения развития россиской непосредственной инвестиции во Вьетнам”*, Материалы международной научной конференции Стратегическое партнерство “Вьетнам-Россия: проблемы и перспективы”, Москва, 16/12/2005.
220. Фам Суан Шон (2014), *“Культура Вьетнама и культурные связи между Вьетнамом и Россией”*, Отношения между Россией и Вьетнамом: текущие и исторические - Взгляды с обеих сторон, ИДВ РАН, стр. 182-199.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phan Thị Cẩm Vân (2016), *Tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa Nghệ An (Việt Nam) và Ulyanovsk (Liên bang Nga)*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An, số 11, tr. 37 - 40.
2. Phan Thị Cẩm Vân (2017), *Việt Nam và Liên bang Nga tăng cường hợp tác về du lịch*, Tạp chí Việt Nam hội nhập, số 10/tháng 7, tr. 19 - 21.
3. Phan Thị Cẩm Vân (2017), "Nguyễn Ái Quốc đến với tư tưởng Cách mạng Tháng Mười Nga và cội nguồn quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga", *Kỷ yếu hội thảo khoa học Kỷ niệm 100 năm Cách mạng Tháng Mười Nga (1917 - 2017)*, tr. 351 - 363.
4. Nguyễn Thị Hà, Phan Thị Cẩm Vân (2018), *Hợp tác giáo dục Liên bang Nga - Việt Nam (2001 - 2015)*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, mã số XH03-2018, số tháng 5/2018. (Giấy nhận đăng)
5. Phan Thị Cẩm Vân (2018), *Về quan hệ hợp tác thương mại Liên bang Nga - Việt Nam (2001 - 2015)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4(504), tr.63 - 71.
6. Phan Thị Cẩm Vân (2018), *Quan hệ hợp tác đầu tư giữa Liên bang Nga và Việt Nam giai đoạn 2001 - 2015*, Tạp chí Nghiên cứu ĐNA, số 11, tr. 81 - 88.

PHỤ LỤC

1. PHỤ LỤC VĂN BẢN

PHỤ LỤC 1
TUYÊN BỐ CHUNG VỀ QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ LIÊN BANG NGA (2001)

Nhận lời mời của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương, Tổng thống Liên bang Nga V. Putin đã thăm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ ngày 28 tháng 2 đến ngày 2 tháng 3 năm 2001.

Hai vị Nguyên thủ đã xem xét toàn diện các mối quan hệ đó hoàn toàn phù hợp với những lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước. Trong hơn 50 năm qua, kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Nga đã góp phần tích cực vào sự phát triển và phồn vinh của hai nước, vì hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực và trên thế giới. Việt Nam và Liên bang Nga (dưới đây gọi tắt là Hai bên) khẳng định quyết tâm củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt trong thế kỷ XXI trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược đã được thiết lập giữa hai nước.

1. Hai bên cho rằng Hiệp ước về các cơ sở quan hệ hữu nghị giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga ký ngày 16 tháng 6 năm 1994. Tuyên bố chung Việt - Nga ký ngày 25 tháng 8 năm 1998 và các văn kiện song phương khác đã ký giữa Việt Nam và Liên bang Nga, là cơ sở vững chắc để phát triển mạnh mẽ quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào các công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

2. Hai bên sẽ tiếp tục duy trì tiếp xúc thường xuyên ở các cấp, kể cả cấp cao nhất, nhằm trao đổi ý kiến về các vấn đề quan trọng của quan hệ song phương cũng như tình hình khu vực và quốc tế.

3. Hai bên sẽ tăng cường quan hệ giữa các cơ quan chính quyền hai nước, mở rộng sự hợp tác và giao lưu giữa các tổ chức chính trị - xã hội, bao gồm cả hoạt động của Hội hữu nghị Việt - Nga và Nga - Việt.

4. Hai bên coi việc phát triển quan hệ kinh tế thương mại, khoa học kỹ thuật và đầu tư trên cơ sở phát huy toàn diện tiềm năng của hai nước và kinh nghiệm hợp tác được tích lũy trong mấy chục năm qua là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong việc thúc đẩy quan hệ Việt - Nga.

5. Hai bên cho rằng kết quả hợp tác nhiều năm qua giữa hai nước trong lĩnh vực dầu khí là cơ sở vững chắc để tiếp tục phát triển hơn nữa quan hệ kinh tế hai bên cùng có lợi. Hiệu quả cao của Xí nghiệp liên doanh "Vietsovpetro" về thăm dò và khai thác

dầu khí tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam là cơ sở để hai nước tiếp tục mở rộng quy mô hợp tác trong lĩnh vực này thông qua mở rộng vùng hoạt động của Xí nghiệp liên doanh, tiến hành qua mở rộng những mỏ dầu khí mới ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính phủ hai nước sẽ ưu tiên triển khai dự án mới trong lĩnh vực này, trước hết quan tâm thích đáng việc xây dựng và sớm đưa vào vận hành nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam ở Dung Quất.

6. Hai bên quyết tâm thúc đẩy sự hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng điện, dầu khí, hóa chất, cơ khí, luyện kim, điện tử, nông nghiệp, thông tin, khoa học và kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, đào tạo và những lĩnh vực hợp tác có nhiều triển vọng.

7. Hai bên cho rằng để mở rộng quan hệ thương mại, hai nước cần tìm ra các biện pháp đa dạng để đẩy mạnh trao đổi hàng hóa, tăng kim ngạch buôn bán lên mức độ mới phù hợp với tiềm năng vốn có. Cần tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp, thúc đẩy sự hợp tác về kinh tế, khoa học kỹ thuật và văn hóa giữa các tỉnh của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các chủ thể của Liên bang Nga với vai trò chỉ đạo các cơ quan chính trị đối ngoại trên cơ sở Hiệp định giữa hai Chính phủ ký ngày 11 tháng 9 năm 2000.

8. Hai bên sẽ tăng cường hợp tác về trang bị quốc phòng phù hợp với yêu cầu an ninh của Việt Nam và Liên bang Nga không nhằm chống lại nước thứ ba.

9. Hai bên nhất trí cho rằng cần tiếp tục hoàn thiện hoạt động của Ủy ban Liên Chính phủ về hợp tác kinh tế thương mại và khoa học kỹ thuật Việt - Nga, coi đó là một nhân tố quan trọng thúc đẩy toàn bộ các quan hệ hợp tác giữa hai nước trong giai đoạn mới.

10. Việt Nam và Liên bang Nga ủng hộ mạnh mẽ việc củng cố và tăng cường các xu hướng tích cực của tình hình thế giới, chủ trương góp phần xây dựng thế giới công bằng và bình đẳng giữa các quốc gia vì sự nghiệp hòa bình, ổn định và phát triển nhân loại, kiên quyết chống lại mọi hình thức áp đặt hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia có chủ quyền, lên án ý đồ đưa khái niệm "can thiệp nhân đạo" và "chủ quyền hạn chế" vào thực tiễn quan hệ quốc tế nhằm biện minh cho các hoạt động quân sự của một nước hay nhóm nước, vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản của Liên Hợp Quốc và Luật pháp quốc tế.

11. Hai bên khẳng định tuân thủ mục đích và nguyên tắc của Hiến Chương Liên Hợp Quốc, các quyết định của Hội đồng Bảo an trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ các nước, sẽ phối hợp trên tinh thần xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên Hợp Quốc trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu và phát triển hợp tác giữa tất cả các quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật, môi trường, nhân đạo và các lĩnh vực khác phù hợp với các quyết định của Hội nghị thượng đỉnh thiên niên kỷ và Tuyên bố thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc.

Hai bên ghi nhận tính chất hai mặt của quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới. Cùng với cơ hội mới để phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng giao lưu, quá trình toàn cầu hóa tạo ra những thách thức mới, nhất là đối với các quốc gia chập phát triển. Hai bên khẳng định sẽ tăng cường phối hợp góp phần giảm thiểu những hậu quả tiêu cực của quá trình này. Hai bên coi trọng việc hội nhập vào hệ thống quan hệ kinh tế thế giới, trước hết tham gia vào các tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới bình đẳng, công bằng.

12. Hai bên chủ trương tiếp tục góp phần củng cố hòa bình và ổn định ở khu vực và trên thế giới, duy trì và hoàn chỉnh hệ thống Điều ước quốc tế hiện hành trong lĩnh vực kiểm soát vũ khí và giải trừ quân bị, bảo đảm an ninh cho nhân loại.

Việt Nam ủng hộ các nỗ lực của Liên bang Nga nhằm duy trì và củng cố Hiệp ước giữa Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô - Viết và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về hạn chế các hệ thống phòng thủ chống tên lửa ký ngày 26 tháng 5 năm 1972, coi đó là cơ sở để tiếp tục cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược.

Việt Nam hoan nghênh sáng kiến nêu trong Tuyên bố ngày 13 tháng 11 năm 2000 của Tổng thống Liên bang Nga về chương trình chủ động củng cố sự ổn định chiến lược và giải trừ vũ khí hạt nhân.

Hai bên quyết tâm hợp tác trên cơ sở song phương cũng như đa phương nhằm chống lại chủ nghĩa khủng bố quốc tế, chủ nghĩa ly khai, chủ nghĩa tôn giáo cực đoan và tội phạm xuyên quốc gia hiện là nguy cơ nghiêm trọng đối với an ninh của các quốc gia có chủ quyền, đối với hòa bình và ổn định trên thế giới.

Hai bên khẳng định tầm quan trọng của vấn đề an toàn thông tin quốc tế, như đã nêu trong Nghị quyết 55/28 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc được thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2000.

13. Hai bên tin tưởng cần hợp tác chặt chẽ hơn nhằm bảo vệ môi trường toàn cầu, giữ gìn và khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, vì lợi ích của các thế hệ ngày nay và mai sau.

14. Hai bên hết sức coi trọng vấn đề bảo đảm an ninh và củng cố lòng tin của châu Á - Thái Bình Dương. Hai bên cho rằng việc triển khai các hệ thống phòng thủ chống tiên lửa chiến trường (TMD) khép kín ở châu Á - Thái Bình Dương có thể tác động tiêu cực đến an ninh và ổn định của khu vực và gây ra một cuộc chạy đua vũ trang mới.

Hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng và ủng hộ việc tiếp tục tham khảo ý kiến giữa Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và 5 cường quốc hạt nhân thông qua các kênh sẵn có để các nước này sớm tham gia ký Nghị định thư Hiệp ước về khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), giúp hình thành khu vực không có vũ khí hạt nhân ở Đông Nam Á, củng cố cơ chế của Hiệp ước không có vũ khí hạt nhân ký ở Giơ - ne - vơ ngày 1 tháng 7 năm 1968 và tiến tới một thế giới phi vũ khí hạt nhân.

Hai bên đánh giá cao vai trò của các diễn đàn khu vực Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); ASEAN, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Diễn đàn Thượng Hải trong việc tạo bầu không khí thuận lợi cho sự hợp tác nhiều bên và cùng có lợi ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Nga coi trọng quan hệ với ASEAN và quyết tâm phát triển quan hệ hợp tác toàn diện với ASEAN, trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, góp phần củng cố hòa bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á. Nga ủng hộ việc giải quyết các bất đồng và tranh chấp ở khu vực này bằng biện pháp hòa bình.

Nga hoàn toàn ủng hộ và sẵn sàng tham gia các dự án hợp tác trong khuôn khổ "Chương trình hành động Hà Nội" được thông qua tại các Hội nghị cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội tháng 12 năm 1998, nhất là các dự án trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, giao thông vận tải, năng lượng và khai thác dầu.

Tính tới vị thế Âu - Á của Liên bang Nga, Việt Nam ủng hộ nguyện vọng tham gia vào các hoạt động của Diễn đàn Á - Âu (ASEAM) và sẽ thúc đẩy việc gia nhập Tổ chức ASEAM.

15. Hai bên hoan nghênh kết quả của cuộc gặp thượng đỉnh liên Triều tháng 6 năm 2000 và những bước phát triển mới của tiến trình hòa giải giữa hai miền Triều Tiên. Việt Nam và Nga ủng hộ nguyện vọng hòa bình thống nhất của nhân dân trên bán đảo Triều Tiên, ủng hộ mọi cố gắng mang tính xây dựng nhằm duy trì hòa bình, ổn định ở bán đảo Triều Tiên, giải quyết các vấn đề bán đảo Triều Tiên một cách hòa bình, thông qua đối thoại.

16. Hai bên kiên trì ủng hộ các nỗ lực nhằm đạt được nền hòa bình toàn diện, bền vững và công bằng ở Trung Đông trên cơ sở các Nghị quyết 242 ngày 22 tháng 11 năm 1967 và Nghị quyết 338 ngày 22 tháng 10 năm 1973 của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, những nguyên tắc của Hội nghị Man - đrit, kể cả công thức "đổi đất lấy hòa bình".

17. Hai bên nhất trí cho rằng kết quả tốt đẹp của chuyến thăm Việt Nam đầu tiên của Tổng thống Liên bang Nga có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần đưa quan hệ Việt - Nga vào một giai đoạn phát triển mới trong thế kỷ 21, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Tổng thống Liên bang Nga V. Putin mới Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương thăm chính thức Liên bang Nga vào thời gian thích hợp. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã cảm ơn và nhận lời mời. Thời gian của chuyến thăm sẽ được thỏa thuận theo đường ngoại giao.

Việt Nam, ngày 02 tháng 03 năm 2001./.

Nguồn: Báo Nhân dân (Cơ quan trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam) (2001) "Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược nước CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga", số ngày 02/03/2001, tr.1 - 7.

PHỤ LỤC 2:

Số hiệu: 114/LPQTNgày ban hành: 14 tháng 01 năm 2003 Loại văn bản: Điều ước quốc tế Người ký: Khri- Xten- Cô, Vũ Khoan

NGHỊ ĐỊNH THƯ

SỐ 114/LPQT NGÀY 14 THÁNG 1 NĂM 2003 GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NGA VỀ MỞ RỘNG HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT VÀ KHAI THÁC DẦU KHÍ Ở THỀM LỤC ĐỊA CỦA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC HIỆP ĐỊNH GIỮA CHINH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NGA VỀ HỢP TÁC XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH NHÀ MÁY LỌC DẦU TRÊN LÃNH THỔ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM KÝ NGÀY 25 THÁNG 8 NĂM 1998

(Có hiệu lực từ ngày 25 tháng 12 năm 2002)

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nga, dưới đây gọi tắt là hai Bên,

Xuất phát từ mong muốn chung thực hiện hợp tác về kinh tế, khoa học và kỹ thuật trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi và phù hợp với luật pháp của nhà nước hai Bên;

Tuân theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nga về khuyến khích và bảo hộ đầu tư, ký ngày 16 tháng 6 năm 1994;

Tính đến sự cần thiết sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn tài chính huy động của hai Bên để thực hiện các dự án hợp tác song phương, đã nhất trí các nội dung sau:

Điều 1. Việc mở rộng vùng hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí "Vietsovpetro" ra các lô mới của thềm lục địa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được coi là một trong những hướng chủ yếu để đảm bảo mức khai thác dầu khí ổn định.

Điều 2. Đối với các mỏ dầu và khí được phát hiện tại các lô mới (04- 3, hoặc 17, hoặc các lô khác) của Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí "Vietsovpetro", sau khi tuyên bố phát hiện thương mại, trong vòng một năm hai Bên thoả thuận sẽ soạn thảo và ký kết Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nga về việc gia hạn hiệu lực của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết, ký ngày 16 tháng 7 năm 1991 về việc tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí trên thềm lục địa phía nam của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa VIệt Nam trong khuôn khổ hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí "Vietsovpetro" thêm thời hạn phù hợp

với giai đoạn khai thác có lãi các mỏ này, nhưng không quá 25 năm đối với các mỏ dầu, và không quá 30 năm đối với các mỏ khí.

Điều 3. Bên Nga, đại diện là Bộ Công sản Nga và Doanh nghiệp Nhà nước được uỷ quyền là Liên đoàn kinh tế đối ngoại Nga "Zarubezneft" chuyển giao cho Bên Việt Nam, đại diện là Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam, đại diện là Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam "Petrovietnam" phần tham gia của mình trong vốn pháp định của Công ty Liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt - Nga (sau đây gọi tắt là Công ty Liên doanh), được thành lập theo Hiệp định nêu trong Điều 5 của Nghị định thư này, và các quyền và nghĩa vụ của Bên tham gia liên doanh liên quan đến việc xây dựng và vận hành Nhà máy lọc dầu.

Bên Việt Nam sẽ chuyển cho Bên Nga số tiền liên quan đến sự tham gia của bên Nga vào Công ty Liên doanh.

Tại thời điểm ký Nghị định thư này hai Bên thoả thuận số tiền Bên Việt Nam sẽ chuyển là 235.120.000 đô la Mỹ.

Điều 4. Việc chuyển giao cho Bên Nga khoản tiền đã nêu trong Điều 3 của Nghị định thư này sẽ được thực hiện bằng cách chuyển tiền trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày ký Nghị định thư này bằng đô la Mỹ từ tài khoản của "Vietcombank" vào tài khoản của Bộ Tài chính Nga tại "Vnheseconombank". "Vnheseconombank" là ngân hàng được Bên Nga uỷ quyền để thực hiện các thanh toán trong khuôn khổ của Nghị định thư này.

Trong trường hợp, nếu không chuyển tiền (hoặc chuyển tiền không đủ) vào tài khoản của Bộ Tài chính Nga trong thời hạn nói trên, số tiền không được chuyển đến sẽ bị tính lãi cho khoảng thời gian kể từ ngày hết hạn như quy định tại khoản 1 của Điều này cho đến thời điểm toàn bộ số tiền được chuyển vào tài khoản của Bộ Tài chính Nga tại "Vnheseconombank". "Vnheseconombank" là ngân hàng được bên Nga uỷ quyền để thực hiện các thanh toán trong khuôn khổ của Nghị định thư này.

Trong trường hợp, nếu không chuyển tiền (hoặc chuyển tiền không đủ) vào tài khoản của Bộ Tài chính Nga trong thời hạn nói trên, số tiền không được chuyển đến sẽ bị tính lãi cho khoảng thời gian kể từ ngày hết hạn như quy định tại đoạn 1 của điều này cho đến thời điểm toàn bộ số tiền trên được chuyển vào tài khoản của Bộ Tài chính Nga tại "Vnheseconombank", với lãi suất LIBOR 6 tháng của hai ngày làm việc trước khi bắt đầu tính lãi cộng 2,5%. Tiền lãi sẽ được bên Việt Nam trả bằng đô la Mỹ. Trong đó, số tiền nhận được từ Bên Việt Nam trước tiên sẽ được dùng để thanh toán tiền lãi được tính theo quy định của Điều này.

Việc chuyển tiền do Bên Việt Nam thực hiện theo Điều này sẽ được tiến hành mà không áp dụng bất cứ một khoản khấu trừ, giữ lại hoặc trả thuế nào.

Điều 5. Hiệu lực của Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt

Nam và Chính phủ Nga về hợp tác xây dựng và vận hành nhà máy lọc dầu trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký ngày 25 tháng 8 năm 1998 sẽ được chấm dứt kể từ ngày ký Biên bản về việc Bên Nga chuyển giao cho Bên Việt Nam phần tham gia của phía Nga trong vốn pháp định của Công ty Liên doanh, cũng như quyền và nghĩa vụ phù hợp với Điều 3 của Nghị định thư này. Biên bản này sẽ được ký trong vòng (5) năm ngày làm việc kể từ ngày chuyển cho Bên Nga số tiền quy định trong Điều 3 của Nghị định thư này.

Điều 6. Kể từ thời điểm Nghị định thư này được ký kết, Hiệp định về cung cấp tín dụng giữa Chính phủ Nga và Công ty Liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt - Nga ký ngày 18 tháng 12 năm 2001 và Quy trình kỹ thuật nhận và hoàn trả khoản tín dụng do Chính phủ Nga cấp cho Công ty Liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt - Nga ký ngày 15 tháng 4 năm 2002 giữa "Vnheseconombank" và Công ty Liên doanh sẽ chấm dứt hiệu lực.

Điều 7. Bên Việt Nam bảo đảm tiếp tục công việc với nhà thầu Nga trong các gói thầu EPC số 2 và số 3, và nguồn vốn tương ứng theo điều kiện của các Hợp đồng đã ký trước đây (theo đó Nhà thầu phải bảo đảm chất lượng và thời hạn thực hiện công việc, cũng như việc gắn kết của các gói thầu này với các gói thầu khác của nhà máy lọc dầu), với các điều chỉnh cần thiết liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Công ty Liên doanh.

Điều 8. Việc sử dụng các chuyên gia Nga để xây dựng và vận hành nhà máy lọc dầu có thể được thực hiện trên cơ sở thoả thuận giữa Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam "Petrovietnam" và Liên đoàn kinh tế đối ngoại Nga "Zarubezneft".

Điều 9. Bên Việt Nam tiếp tục đào tạo các chuyên gia Việt Nam tại Nga theo các hợp đồng đã ký kết trước đây và trong tương lai sẽ xem xét các đề xuất về vấn đề này trên cơ sở cạnh tranh.

Điều 10. Các vấn đề tranh chấp có thể nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị định thư này sẽ được giải quyết thông qua hiệp thương và đàm phán.

Điều 11. Nghị định thư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Làm tại Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2002 thành hai bản, bằng tiếng Việt và tiếng Nga, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

Khri- Xten- Cô	**Vũ Khoan**
(Đã ký)	(Đã ký)

Nguồn: http://vanbanphapluat.com/nghi- dinh- thu- 114- lpqt- ve- mo- rong- hop- tac- trong- linh- vuc- tham- do- dia- chat- va- khai- thac- dau- khi- o- them- luc- dia- cua- chxhcn- viet- nam- va- cham- dut- hieu- luc- hiep- dinh- ve- hop- tac- xay- dung- va- van- hanh- nha- may- 34316.html

PHỤ LỤC 3

Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa nước CHXHCN Việt Nam và Nga

29/7/2012

Nhận lời mời của Tổng thống Nga Vla- đi- mia Vla- đi- mia- rô- vích Pu- tin, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trương Tấn Sang thăm chính thức Nga từ ngày 26 đến 30- 7- 2012.

Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trương Tấn Sang đã hội đàm với thành phần hẹp và mở rộng với Tổng thống Nga V.V.Pu- tin; hội kiến với Thủ tướng Chính phủ Nga Đ.A.Mét- vê- đép; quyền Chủ tịch Hội đồng Liên bang Quốc hội Nga Tô- rơ- sin; quyền Chủ tịch Đu- ma Quốc gia Quốc hội Nga I.I.Men- nhi- cốp.

Tại Mát- xcơ- va, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã đặt vòng hoa tại Đài tưởng niệm các Liệt sĩ vô danh, Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và Lăng V.I.Lê- nin; gặp gỡ các cựu chiến binh, chuyên gia Nga từng làm việc tại Việt Nam và đại diện Hội hữu nghị Nga - Việt; dự Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Nga và thăm một số cơ sở kinh tế, khoa học của Nga.

Trong khuôn khổ chuyến thăm, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đến thăm Khu tự trị Nhe- nhét và dự Lễ đón dòng dầu đầu tiên tại khu mỏ Tây Khô- xê- đa- út của Liên doanh dầu khí Việt - Nga Rusvietpetro.

Trong hội đàm và các cuộc gặp, hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình mỗi nước, trao đổi về thực trạng và triển vọng phát triển hơn nữa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Nga, chú trọng đến các lĩnh vực chính trị, thương mại - đầu tư, khoa học - công nghệ và nhân văn, trao đổi ý kiến về các vấn đề quốc tế cùng quan tâm. Kết quả trao đổi thể hiện sự gần gũi và tương đồng quan điểm giữa Việt Nam và Nga trên nhiều vấn đề toàn cầu và khu vực.

1. Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trương Tấn Sang và Tổng thống Nga V.V.Pu- tin khẳng định, kể từ khi hai nước ký Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược năm 2001, quan hệ hợp tác giữa hai nước trên tất cả các lĩnh vực không ngừng được củng cố và tăng cường, kế thừa xứng đáng truyền thống hữu nghị và tương trợ giữa hai dân tộc. Hai bên nhất trí tiếp tục phát triển hơn nữa quan hệ Việt Nam - Nga trên tinh thần đối tác chiến lược toàn diện.

Nguyên thủ hai nước chủ trương tăng cường đối thoại chính trị ở các cấp, đặc biệt ở cấp cao nhất, tiếp tục củng cố hơn nữa quan hệ giữa Quốc hội, chính đảng, các ngành và địa phương hai nước, đẩy mạnh Ngoại giao nhân dân, trong đó có mở rộng giao lưu giữa thanh, thiếu niên hai nước.

Tổng thống Nga V.V.Pu- tin đánh giá cao những thành tựu mà nhân dân Việt Nam đã đạt được trong công cuộc Đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, chúc mừng Việt Nam thành công trong việc nâng cao vị thế và uy tín trên trường quốc tế. Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trương Tấn Sang đánh giá cao những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của Nga, tuyên bố ủng hộ đường lối dài hạn của Lãnh đạo Nga nhằm hiện đại hóa toàn diện đất nước, tăng cường vai trò và ảnh hưởng của Nga tại khu vực và trên thế giới.

Nguyên thủ hai nước ủng hộ đẩy nhanh việc tìm kiếm và cụ thể hóa các khả năng mới về chất nhằm thúc đẩy thương mại hai chiều, bao gồm thông qua biện pháp đa dạng hóa và tự do hóa thương mại, thúc đẩy hợp tác giữa các tổ chức tài chính và ngân hàng hai nước, mở rộng hợp tác đầu tư và tín dụng, cũng như quy mô hợp tác trong các lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, chế tạo máy, nhiên liệu, năng lượng và các lĩnh vực khác. Hai bên khẳng định mục tiêu nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên 5 tỷ USD vào năm 2015. Nhằm đạt được mục tiêu trên, hai bên cho rằng cần tăng cường quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và các nước thành viên Liên minh thuế quan (Nga, Cộng hòa Bê- la- rút, Cộng hòa Ca- dắc- xtan). Hai bên khẳng định đẩy nhanh việc xây dựng hình thức hợp tác tối ưu, bảo đảm được lợi ích của tất cả các bên tham gia, trong đó có tính đến Báo cáo tổng kết của Nhóm nghiên cứu khả thi về ký kết Hiệp định mậu dịch tự do giữa Việt Nam và Liên minh thuế quan.

Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trương Tấn Sang và Tổng thống Nga V.V.Pu- tin đánh giá tích cực việc hai bên phát triển hợp tác trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân, trong đó có việc xây dựng tại Việt Nam Nhà máy điện hạt nhân đầu tiên và Trung tâm Khoa học và Công nghệ hạt nhân. Phía Nga cam kết thực hiện đúng tiến độ thi công và đưa Nhà máy điện hạt nhân vào vận hành an toàn, chất lượng và đúng thời gian quy định. Dự án năng lượng hạt nhân này sẽ tạo động lực cho hợp tác Việt - Nga trên nhiều lĩnh vực liên quan, thúc đẩy hợp tác vì hiện đại hóa, hứa hẹn sẽ trở thành biểu tượng hữu nghị và hợp tác cùng có lợi giữa Việt Nam và Nga trong thế kỷ XXI.

Hai bên đánh giá cao kết quả hoạt động của các doanh nghiệp và công ty liên doanh dầu khí hai nước, trong đó Liên doanh Vietsovpetro giữ vai trò đầu tàu trong hợp tác sản xuất; ghi nhận việc Công ty TNHH Công ty liên doanh Rusvietpetro đến tháng 2 năm 2012 đã khai thác được hai triệu tấn dầu tại mỏ Bắc Khô- xê- đa- út, Khu tự trị Nhe- nhét, Nga. Việt Nam và Nga khẳng định sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp và công ty liên doanh Việt - Nga, như Liên doanh Rusvietpetro, Vietsovpetro, Gazpromviet và Vietgazprom, TNK- BP Management, Lukoil Overseas, mở rộng các khu vực thăm dò và khai thác dầu khí ở Việt Nam, Nga và các nước thứ ba. Hai bên khẳng định sẽ tiếp tục tăng cường hợp tác trong lĩnh vực

thăm dò khai thác dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế, trước hết là Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982.

Hai bên ghi nhận rằng, hợp tác kỹ thuật quân sự và quan hệ đối tác trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh không ngừng phát triển, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và góp phần cùng nhau đối phó với các thách thức và nguy cơ an ninh mới, vì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương.

Hai bên khẳng định cần thiết mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, tính đến nhu cầu ngày càng lớn của Việt Nam về chuyên gia trình độ cao phục vụ cho các ngành công nghệ cao của nền kinh tế, trong đó có năng lượng hạt nhân. Trên tinh thần đó, hai bên chú trọng sớm thành lập Trường Đại học Công nghệ Việt - Nga tại Hà Nội, duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Khoa học công nghệ và Nghiên cứu nhiệt đới Việt - Nga.

Hai bên nhấn mạnh cần củng cố hơn nữa hợp tác trong lĩnh vực nhân văn nhằm tăng cường hiểu biết giữa nhân dân hai nước và mở rộng cơ sở xã hội cho quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Nga; quan tâm tổ chức thường xuyên Những ngày văn hóa hai nước, duy trì hoạt động của Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga và quỹ "Thế giới Nga" tại CHXHCN Việt Nam, thành lập Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Nga, phổ biến rộng rãi tiếng Nga tại Việt Nam và tiếng Việt tại Nga, xúc tiến du lịch, củng cố hợp tác trong các lĩnh vực y tế, phát thanh truyền hình, xuất bản, công nghệ thông tin và truyền thông đại chúng, thể thao, bảo tàng và lưu trữ.

Hai bên ghi nhận tiềm năng to lớn của hợp tác địa phương, đặc biệt giữa các địa phương thuộc vùng Xi- bê- ri và Viễn Đông của Nga với các tỉnh và thành phố lớn của Việt Nam. Việc khai thác tiềm năng này sẽ góp phần tăng cường hợp tác thương mại - đầu tư và nhân văn giữa hai nước trên các hướng ưu tiên. Hai bên nhất trí hỗ trợ các công ty và doanh nghiệp của hai nước nghiên cứu khả năng đầu tư tại các địa phương của CHXHCN Việt Nam và Nga trong khuôn khổ pháp luật hiện hành của mỗi bên.

Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam và Tổng thống Nga ghi nhận sự đóng góp to lớn của các công dân Việt Nam đang làm việc và học tập tại Nga và của công dân Nga đang làm việc và học tập tại Việt Nam trong việc duy trì và tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện giữa hai nước, hai dân tộc; thỏa thuận tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cộng đồng Việt Nam tại Nga và cộng đồng người Nga tại Việt Nam học tập, làm việc ở mỗi nước, phù hợp với luật pháp của mỗi nước và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga.

Sau hội đàm, hai bên đã ký các văn kiện sau:

- Bản ghi nhớ giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn CHXHCN Việt

Nam và Bộ Nông nghiệp Nga về tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Bản ghi nhớ về trao đổi các số liệu thống kê thương mại hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu song phương giữa Tổng cục Hải quan CHXHCN Việt Nam và Cơ quan Hải quan Nga;

- Kế hoạch hành động chung trong đấu tranh với các vi phạm hải quan giữa Tổng cục Hải quan CHXHCN Việt Nam và Cơ quan Hải quan Nga giai đoạn 2012 - 2013;

- Nghị định thư phê chuẩn Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Nga về tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự và Nghị định thư bổ sung Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Nga về tương trợ tư pháp và pháp lý các mối quan hệ pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự ngày 25 tháng 8 năm 1998;

- Chương trình hợp tác giữa Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch CHXHCN Việt Nam và Bộ Văn hóa Nga giai đoạn 2013- 2015 trong lĩnh vực văn hóa;

- Thỏa thuận về hợp tác khoa học giữa Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học Nga.

2. Hai bên ủng hộ việc hình thành một trật tự thế giới mới, công bằng và dân chủ hơn, đồng thời nhận thấy các nguy cơ và thách thức trong chính trị và kinh tế thế giới ngày càng gia tăng. Khủng hoảng toàn cầu vừa qua đã bộc lộ tính không hiệu quả của cấu trúc tài chính - kinh tế thế giới hiện nay, không phản ánh thực tế thế giới đa cực. Chỉ có kết hợp nguồn lực và cùng nhau nỗ lực, tính đến lợi ích chính đáng của tất cả các thành viên cộng đồng quốc tế, mới có thể đối phó được với các thách thức mới đó. Để đạt được mục tiêu này, cần xây dựng một trật tự thế giới mới, dựa trên các nguyên tắc đa phương, tính tối thượng của luật pháp quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc, bao gồm tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia.

Việt Nam và Nga cho rằng, an ninh quốc tế là toàn diện và không thể chia tách. Hai bên cho rằng không được phép bảo đảm an ninh của một quốc gia này bằng cách gây phương hại đến an ninh của một quốc gia khác, bao gồm việc mở rộng các liên minh quân sự - chính trị và thành lập các hệ thống phòng thủ chống tên lửa toàn cầu và khu vực. Hai bên coi trọng tăng cường phối hợp hành động trên trường quốc tế nhằm đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố dưới mọi hình thức.

Hai bên cho rằng, Liên Hợp Quốc có vai trò trung tâm trong việc điều phối các công việc quốc tế, bao gồm bảo đảm an ninh và phát triển bền vững. Hai bên nhất trí rằng, điều kiện tiên quyết để cải cách các cơ quan chủ chốt của Liên Hợp Quốc là sự đồng thuận tối đa về vấn đề này giữa các nước thành viên Liên Hợp Quốc.

Lãnh đạo hai nước nhấn mạnh, việc can thiệp vũ trang vào các cuộc xung đột

nội bộ của các quốc gia có chủ quyền, áp dụng trừng phạt đơn phương, không quan tâm thích đáng đến các đặc thù chính trị nội bộ, sắc tộc, tôn giáo, văn hóa và các đặc điểm khác, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định và làm gia tăng căng thẳng trong quan hệ quốc tế.

Việt Nam và Nga kiên quyết bác bỏ mọi mưu toan xét lại lịch sử Chiến tranh Thế giới thứ hai, nghi ngờ về vai trò quyết định của nhân dân Xô- viết trong Chiến thắng chủ nghĩa phát- xít và quân phiệt.

Hai bên ủng hộ các nỗ lực của "G20" về hoàn thiện quản lý kinh tế và tài chính toàn cầu nhằm tăng trưởng ổn định, bền vững và cân bằng, tái cơ cấu hệ thống tiền tệ - tài chính thế giới, chống chủ nghĩa bảo hộ và chú trọng hơn đến vấn đề phát triển. Việt Nam hoan nghênh Nga làm Chủ tịch Nhóm "G- 20" năm 2013 và tin tưởng Nga sẽ phát huy tốt vai trò này. Nga đánh giá cao đóng góp tích cực của Việt Nam tại Hội nghị Cấp cao G- 20 tại Xơ- un, Hàn Quốc tháng 11- 2010.

Việt Nam hoan nghênh Nga trở thành thành viên Tổ chức Thương mại thế giới, coi sự kiện này là nhân tố quan trọng góp phần củng cố hệ thống thương mại toàn cầu theo hướng toàn diện và công bằng hơn; đồng thời làm sâu sắc thêm quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước trong khuôn khổ song phương cũng như đa phương.

Tổng thống V.V.Pu- tin đánh giá cao vai trò tích cực của Việt Nam trong hoạt động của Hiệp hội các quốc gia ĐNA (ASEAN), các liên kết khu vực và quốc tế khác.

Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tuyên bố ủng hộ đường lối chiến lược của Lãnh đạo Nga nhằm không ngừng củng cố vị thế của Nga ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương, vì lợi ích hòa bình và phát triển bền vững ở khu vực này.

Hai bên ủng hộ việc thành lập ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương một cấu trúc an ninh mở, minh bạch, bình đẳng và hợp tác, được xây dựng trên các quy định của luật pháp quốc tế, nguyên tắc không liên minh và tính đến lợi ích hợp pháp của tất cả các nước. Chủ tịch nước Trương Tấn Sang và Tổng thống V.V.Pu- tin nhấn mạnh tầm quan trọng của việc mở rộng các tiến trình liên kết trên cơ sở cùng có lợi và không phân biệt đối xử, phù hợp với các nguyên tắc của chủ nghĩa khu vực mở.

Lãnh đạo hai nước hoan nghênh việc triển khai hợp tác thực chất giữa Nga và ASEAN. Phía Nga ủng hộ vai trò trung tâm của Hiệp hội trong các tiến trình tại khu vực và các nỗ lực nhằm xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột.

Việt Nam và Nga khẳng định quyết tâm tăng cường phối hợp nhằm đối phó với các thách thức, nguy cơ mới đe dọa an ninh và phát triển bền vững ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương, trước hết trong khuôn khổ Diễn đàn khu vực ASEAN và Hội nghị các Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN với các đối tác đối thoại.

Hai bên cho rằng các tranh chấp lãnh thổ và các tranh chấp khác tại không gian

châu Á- Thái Bình Dương cần được giải quyết chỉ bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, trên cơ sở luật pháp quốc tế hiện hành, nhất là Hiến chương Liên Hợp Quốc và Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982. Hai bên ủng hộ việc thực thi đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 và tiến tới sớm xây dựng Bộ quy tắc ứng xử của các bên tại Biển Đông.

Hai bên thống nhất tăng cường phối hợp hành động trong khuôn khổ Diễn đàn "Hợp tác kinh tế châu Á- Thái Bình Dương" (APEC), đặc biệt trong dịp Nga giữ chức Chủ tịch APEC. Việt Nam ủng hộ các ưu tiên hoạt động của APEC năm 2012 do Nga đề xuất.

Việt Nam và Nga khẳng định chủ trương mở rộng hợp tác trong khuôn khổ "Diễn đàn đối thoại Á- Âu", Hội nghị về phối hợp hành động và các biện pháp tin cậy ở châu Á (CICA) và Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS). Hai bên ủng hộ việc đưa những vấn đề mang tính nguyên tắc về an ninh khu vực vào chương trình nghị sự của Hội nghị Cấp cao Đông Á.

3. Các cuộc hội đàm của hai nhà Lãnh đạo Việt Nam và Nga đã diễn ra trong bầu không khí hữu nghị truyền thống và tin cậy lẫn nhau. Hai bên hài lòng nhận thấy rằng kết quả quan trọng của các cuộc gặp sẽ góp phần tiếp tục thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga.

Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trương Tấn Sang mời Tổng thống Nga thăm chính thức Việt Nam vào thời gian thuận tiện. Tổng thống Nga V.V.Pu- tin đã cảm ơn và nhận lời mời. Thời gian cụ thể chuyến thăm sẽ được thỏa thuận qua đường Ngoại giao.

Nga, ngày 27 tháng 7 năm 2012

Nguồn: http://dangcongsan.vn/tieu- diem/tuyen- bo- chung- ve- tang- cuong- quan- he- doi- tac- chien- luoc- toan- dien- giua- nuoc- cong- hoa- xa- hoi- chu- nghia- viet- nam- va- lien- bang- nga- 139052.html

2. PHỤ LỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Viện trợ quân sự của Liên Xô cho Việt Nam (1955 - 1975)

Đơn vị: triệu USD

NĂM	TỔNG SỐ	NĂM	TỔNG SỐ
1955	10- 15	1966	360- 455
1956	15- 25	1967	505- 650
1957	15- 25	1968	390- 440
1958	15- 25	1969	175- 195
1959	20- 30	1970	110- 205
1960	20- 30	1971	115- 165
1961	20- 35	1972	300- 375
1962	20- 35	1973	150- 180
1963	30- 40	1974	170- 245
1964	35- 50	1975	123- 150
1965	210- 270		

Nguồn: Bùi Thị Thảo (2016), *"Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Mỹ và Nga đối với Việt Nam thời kỳ sau Chiến tranh lạnh"*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.194

Bảng 2: Tỷ trọng và thứ hạng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giữa Việt Nam - Nga trong năm 2015 (sơ bộ)

Chỉ tiêu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất nhập khẩu
Tỷ trọng so với tổng kim ngạch của Việt Nam (%)	0,9	0,5	0,7
Thứ hạng trong tổng số các thị trường của Việt Nam	26	22	22
Thứ hạng trong tổng số các thị trường châu Âu của Việt Nam	9	2	3
Thứ hạng trong tổng số các thị trường APEC của Việt Nam	15	14	14

Nguồn: Thống kê Hải quan. *Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Nga giai đoạn 2010- 2015.*
https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/Print.aspx?ID=925,
cập nhật ngày 22/03/2016 10:00 AM

Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam (theo một số mặt hàng chính) sang Nga giai đoạn 2011- 2015

Mặt hàng	Năm 2011 (Triệu USD)	Năm 2012 (Triệu USD)	Năm 2013 (Triệu USD)	Năm 2014 (Triệu USD)	Năm 2015 (Triệu USD) (Sơ bộ)
Điện thoại & linh kiện	536,1	770,6	785,6	674,1	640,6
Hàng dệt, may	107,0	122,1	133,6	136,3	84,8
Hàng thủy sản	106,2	99,9	101,9	104,3	79,4
Giày dép các loại	62,0	68,6	99,5	87,2	77,2
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	58,1	99,3	190,9	124,3	123,7
Cao su	55,2	18,6	10,4	7,1	6,9
Hạt điều	54,5	54,4	58,2	56,7	23,3
Cà phê	54,1	82,6	93,3	122,3	104,0
Hàng rau quả	29,3	28,4	32,5	37,1	22,9
Chè	22,2	21,6	19,3	18,7	22,4
Hạt tiêu	21,7	20,4	25,4	27,0	28,8
Gạo	21,5	7,5	41,7	10,5	19,2
Hàng hóa khác	159,5	223,8	310,2	321,9	205,8
Tổng cộng	***1.287,3***	***1.617,9***	***1.902,6***	***1.727,6***	***1.439,2***

Nguồn: Thống kê Hải quan. *Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Nga giai đoạn 2010- 2015, cập nhật ngày 22/03/2016 10:00 AM, https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/Print.aspx?ID=925,*

Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam (theo một số mặt hàng chính) có xuất xứ từ Nga giai đoạn 2011- 2015

Mặt hàng	Năm 2011 (Triệu USD)	Năm 2012 (Triệu USD)	Năm 2013 (Triệu USD)	Năm 2014 (Triệu USD)	Năm 2015 (Triệu USD)
Xăng dầu các loại	194,5	180,1	287,0	302,2	61,8
Sắt thép các loại	150,2	224,1	72,7	14,4	7,4
Phân bón các loại	75,3	87,4	122,3	138,3	156,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	41,3	72,7	83,8	63,9	49,0
Quặng và khoáng sản khác	36,6	51,2	45,9	36,4	50,6
Cao su	27,3	29,0	25,7	21,0	19,0
Hàng thủy sản	24,7	23,5	25,7	32,5	36,3
Sản phẩm từ sắt thép	16,0	31,2	27,8	34,6	23,9
Giấy các loại	11,8	7,8	11,8	13,2	16,2
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	11,2	10,3	13,4	11,6	14,5
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	7,7	7,8	11,9	12,2	31,4
Hóa chất	6,3	5,2	6,9	9,6	4,3
Hàng hóa khác	91,0	100,4	120,4	130,2	274,5
Tổng cộng	***694,0***	***830,6***	***855,3***	***820,2***	***745,8***

Nguồn: Thống kê Hải quan. *Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Nga giai đoạn 2010- 2015*, cập nhật ngày *22/03/2016 10:00 AM* https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/Print.aspx?ID=925,

Bảng 5: Thống kê 20 quốc gia có GDP cao nhất thế giới năm 2014 - 2015

TT	Quốc gia	GDP năm 2014 (Tỷ USD)	GDP năm 2015 (Tỷ USD)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1	Hoa Kỳ	17.416	18.287	5,0
2	Trung Quốc	10.355	11.285	9,0
3	Nhật Bản	4.770	4.882	2,4
4	Đức	3.820	3.909	2,3
5	Anh	2.848	3.003	5,5
6	Pháp	2.902	2.935	1,1
7	Brazil	2.244	2.357	5,0
8	Ấn Độ	2.048	2.248	9,8
9	Italia	2.129	2.153	1,1
10	Nga	2.057	2.099	2,0
11	Canada	1.794	1.873	4,4
12	Hàn Quốc	1.449	1.561	7,7
13	Úc	1.483	1.535	3,5
14	Tây Ban Nha	1.400	1.422	1,5
15	Mexico	1.296	1.365	5,5
16	Indonesia	856	915	6,9
17	Hà Lan	880	892	1,3
18	Thổ Nhĩ Kỳ	813	861	5,9
19	Arab Saoudi	778	805	3,5
20	Thụy Sỹ	679	680	0,2

Nguồn: Bản tin tài chính quốc tế (2015), "Nước nào giàu nhất thế giới năm 2015", số ngày 23/6/2015, http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/, truy cập ngày 15/8/2017

Bảng 6: Khách quốc tế đến Việt Nam tháng 12 và 12 tháng năm 2014

Chỉ tiêu	Ước tính tháng 12/2014 (Lượt khách)	12 tháng năm 2014 (Lượt khách)	Tháng 12/2014 so với tháng trước (%)	Tháng 12/2014 so với tháng 12/2013 (%)	12 tháng năm 2014 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	***657.304***	***7.874.312***	***108,0***	***91,0***	***104,0***
Chia theo phương tiện đến					
Đường không	519.438	6.220.175	105,5	91,7	104,0
Đường biển	1.287	47.583	229,0	13,2	24,6
Đường bộ	136.579	1.606.554	117,9	93,3	114,8
Chia theo mục đích chuyến đi					
Du lịch, nghỉ ngơi	398.983	4.762.454	108,2	90,1	102,6
Đi công việc	110.959	1.321.888	109,0	91,8	104,3
Thăm thân nhân	109.895	1.347.081	106,3	91,5	106,9
Các mục đích khác	37.466	442.889	108,5	97,0	109,4
Chia theo một số thị trường					
Đức	12.838	142.345	80,9	106,4	145,7
Hồng Kông	1.032	14.601	164,6	56,8	142,7
Tây Ban Nha	2.720	40.716	71,1	124,5	122,7
Nga	34.524	364.873	67,8	100,8	122,4
Campuchia	37.422	404.159	116,5	116,2	118,1
Italy	2.836	36.427	79,6	118,8	113,3
Hàn Quốc	83.123	847.958	106,4	126,2	113,3
Lào	8.211	136.636	127,8	90,7	111,2
Anh	14.632	202.256	83,5	99,0	109,5
Bỉ	1.828	23.227	80,9	99,7	107,7
Na Uy	1.789	22.708	106,6	104,0	107,3
Nhật	56.293	647.956	100,8	111,5	107,3
Niuzilan	2.453	33.120	112,1	101,3	107,0
Đan Mạch	1.854	27.029	101,0	92,7	105,4
Thụy Sỹ	2.384	29.738	83,4	97,7	104,6
Hà Lan	3.982	49.120	96,6	103,4	103,6

Chỉ tiêu	Ước tính tháng 12/2014 (Lượt khách)	12 tháng năm 2014 (Lượt khách)	Tháng 12/2014 so với tháng trước (%)	Tháng 12/2014 so với tháng 12/2013 (%)	12 tháng năm 2014 so với cùng kỳ năm trước (%)
Singapore	26.220	202.436	139,6	105,5	103,4
Thụy Điển	3.805	32.466	147,3	106,0	103,1
Philippin	7.541	103.403	91,5	90,7	102,9
Mỹ	37.007	443.776	114,5	103,1	102,7
Trung Quốc	133.590	1.947.236	103,0	73,5	102,1
Pháp	16.296	213.745	83,0	98,0	101,8
Úc	29.479	321.089	146,6	99,8	100,5
Canada	9.100	104.291	106,4	94,8	99,4
Malaysia	39.910	332.994	138,2	92,8	98,1
Indonesia	4.956	68.628	94,5	95,2	97,5
Đài Loan	30.053	388.998	109,2	92,5	97,5
Phần Lan	1.744	13.831	187,9	114,0	94,3
Thái Lan	20.734	246.874	133,3	76,6	91,8
Các thị trường khác	28.948	431.676	266,6	45,5	81,9

Nguồn:: Tổng cục Thống kê, khách quốc tế đến Việt Nam tháng 12 và 12 tháng năm 2014. Số liệu cập nhật vào 31/12/2014, https://www.gso.gov.vn,

Biểu đồ 1: Cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang Nga năm 2015

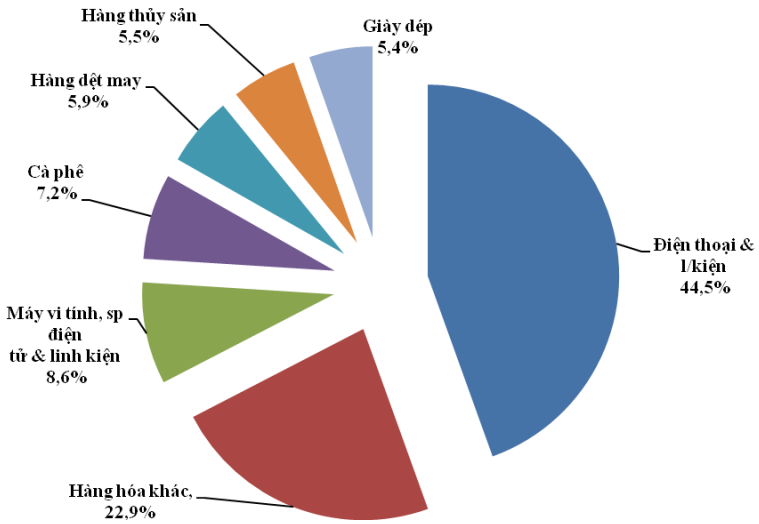

Nguồn: Thống kê Hải quan. *Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Nga giai đoạn 2010- 2015.* https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/Print.aspx?ID=925, cập nhật ngày *22/03/2016 10:00 AM*

Biểu đồ 2: Cơ cấu nhập khẩu các mặt hàng chủ lực của Việt Nam từ Nga năm 2015

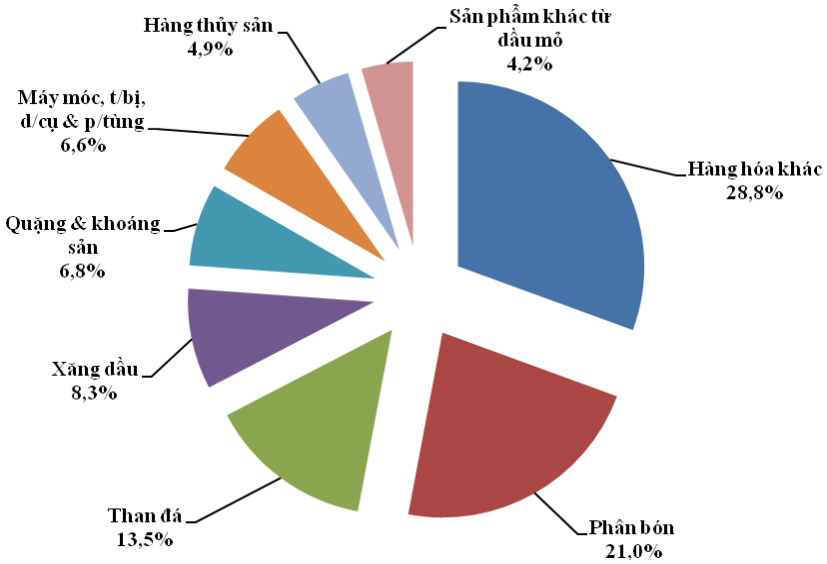

Nguồn: Thống kê Hải quan. *Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Nga giai đoạn 2010- 2015.* https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/Print.aspx?ID=925, cập nhật ngày *22/03/2016 10:00 AM*

3. PHỤ LỤC ẢNH

Tổng thống V. Putin và Chủ tịch nước Trần Đức Lương cùng duyệt đội danh dự, nhân chuyến thăm Việt Nam vào ngày 1/3/2001

Nguồn: http://www.mofa.gov.vn/vi/tong-thong-nga-putin-da-tham-viet-nam

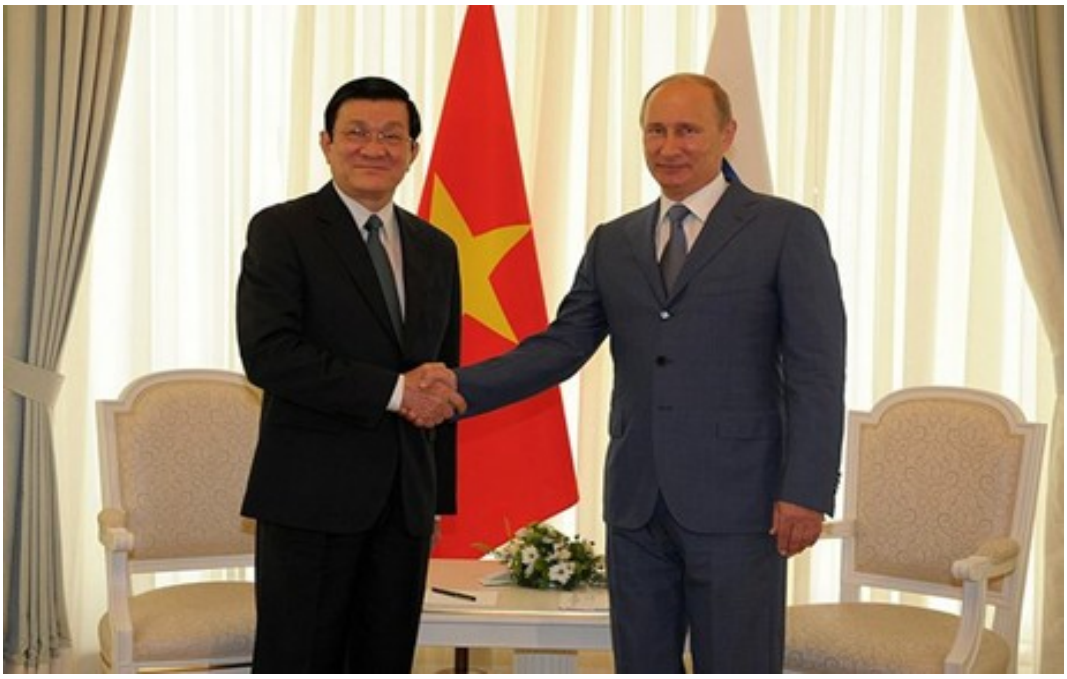

Chủ tịch Nước Trương Tấn Sang và Tổng thống Nga V. Putin trong chuyến thăm Nga vào 7/2012.

Nguồn:http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ns

Tổng thống Nga V. Putin và Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng
trong chuyến thăm Nga vào ngày 25/11/2014

Nguồn: https://laodong.vn/thoi-su/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tham-chinh-thuc-lien-bang-nga-628785.ldo

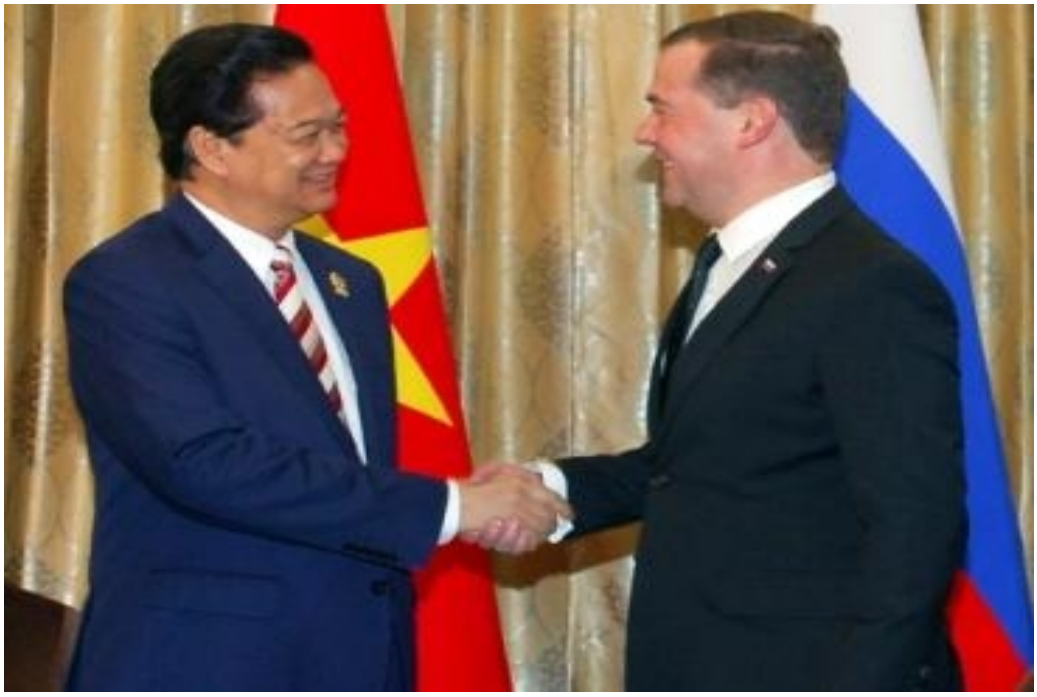

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Thủ tướng Nga Dmitry Medvedev trong chuyến thăm Việt Nam 4/2015.

Nguồn: http://baochinhphu.vn/Tieu-diem/Hoi-dam-hai-Thu-tuong-Viet-Nam-Lien-bang-Nga/224451.vgp

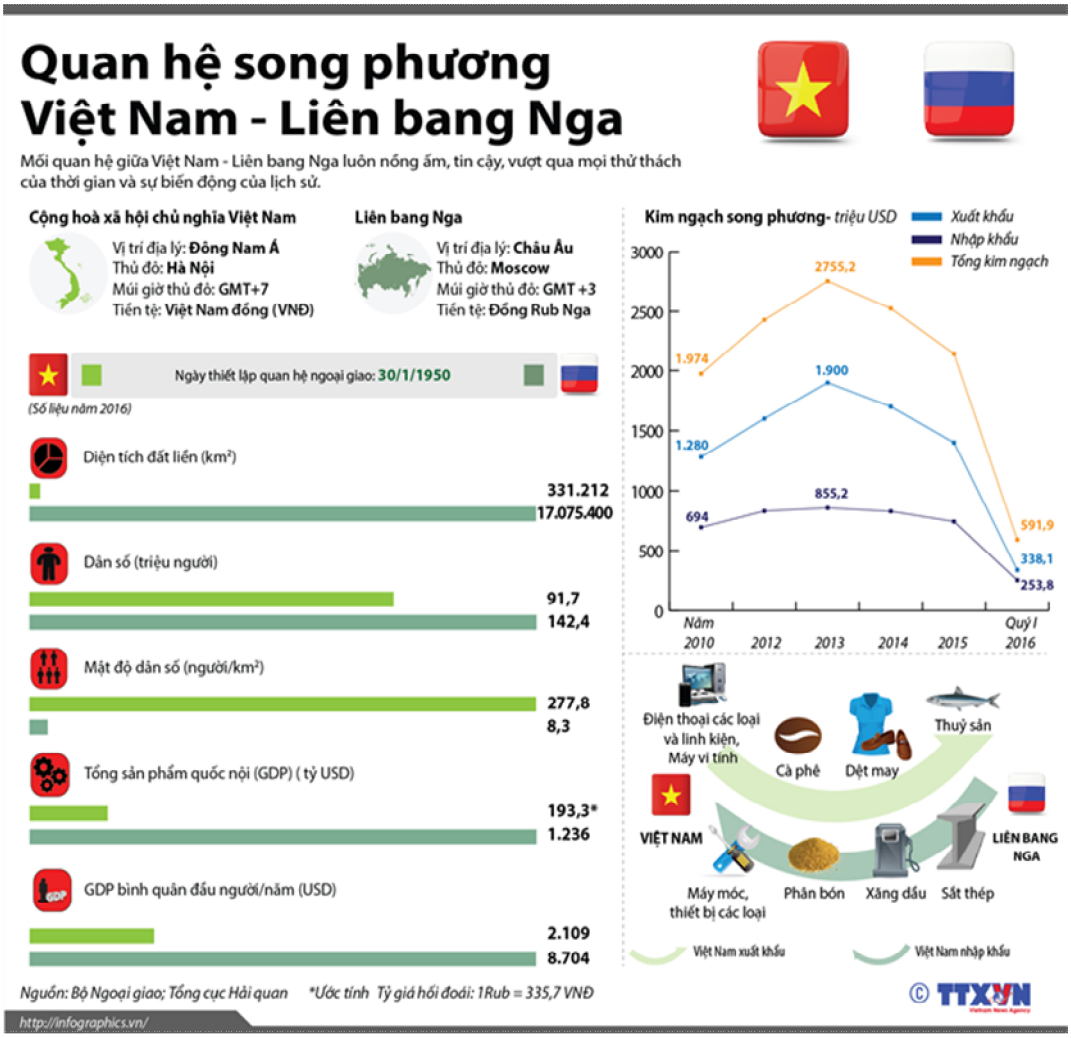

Nguồn: https://infographics.vn/- quan- he- song- phuong- viet- nam- lien- bang- nga/2744.vna

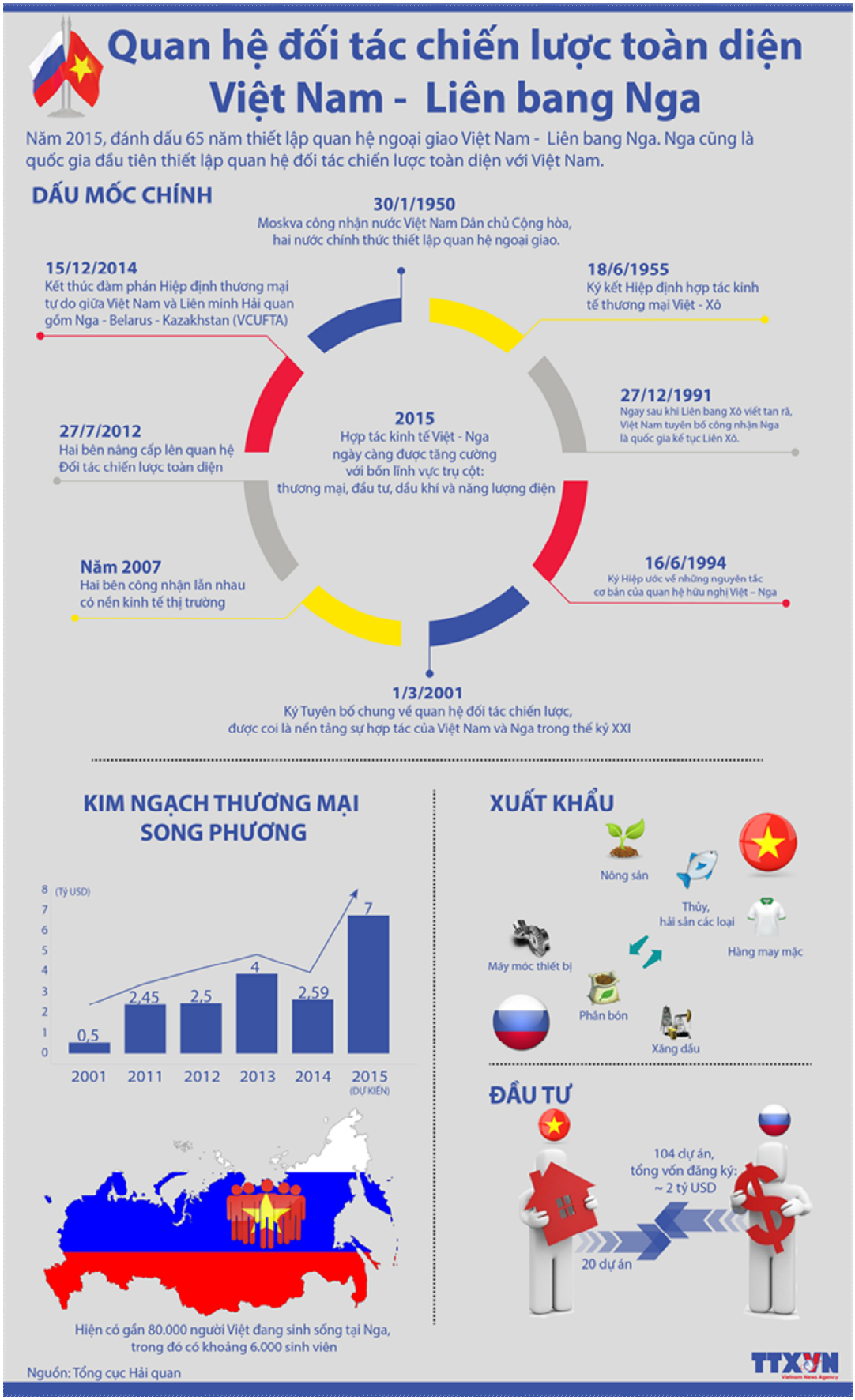

Nguồn: https://infographics.vn/quan- he- doi- tac- chien- luoc- toan- dien- viet- nam- lien- bang- nga/671.vna

Toàn cảnh Trung tâm Văn hóa, Thương mại và Khách sạn Hà Nội - Moskva.

Nguồn; http://incentra.com.vn/chu-dau-tu

Lễ thượng cờ tàu ngầm Kilo mang tên HQ 182 Hà Nội - Nga bàn giao cho Việt Nam

Nguồn: http://www.tapchigiaothong.vn/nga-chuan-bi-ban-giao-tau-ngam-kilo-thu-5-cho-viet-nam-d18895.html

Khách du lịch Nga tham quan động Phong Nha - Quảng Bình - Việt Nam

Nguồn: http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/14381,

cập nhật 15/5/2014, truy cập ngày 20/12/2017

Khách du lịch Nga đến Nha Trang - Khánh Hòa - Việt Nam

Nguồn: http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/14381,

cập nhật 15/5/2014, truy cập ngày 20/12/2017